**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**Giảng Kinh Vô Lượng Lần Thứ XI**

**Quyển 50/60**

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Mục Lục

[Tập 491 2](#_Toc421000910)

[Tập 492 22](#_Toc421000911)

[Tập 493 46](#_Toc421000912)

[Tập 494 67](#_Toc421000913)

[Tập 495 89](#_Toc421000914)

[Tập 496 107](#_Toc421000915)

[Tập 497 131](#_Toc421000916)

[Tập 498 151](#_Toc421000917)

[Tập 499 171](#_Toc421000918)

[Tập 500 191](#_Toc421000919)

#

# Tập 491

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Minh Tâm

Thời gian:12.07.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 609, hàng thứ hai, bắt đầu xem từ hàng thứ hai.

 “Hựu Đại Bi Kinh viết, nhất xưng Phật danh, dĩ thị thiện căn nhập niết bàn giới, bất khả cùng tận, cố tri thiện căn thị thân nhân. Tùng nhân đắc quả, quả cụ chủng tử. Phục tác thắng nhân, như thị triển chuyển, thiện căn vô tận. Thị cố Bồ Tát cụ túc như hạ chủng chủng diệu đức”.

 Mấy câu này trong Kinh Đại Bi ý nghĩa rất thâm sâu, sau khi hiểu rõ, chúng ta sẽ hoan hỷ trồng thiện căn, hoan hỷ làm việc thiện, nhất tâm xưng niệm danh hiệu Phật. Cuối cùng bây giờ chúng ta đã hiểu được, câu Phật hiệu này là thiện trong các điều thiện, là trung tâm điểm của tất cả các thiện pháp thế xuất thế gian. Câu Phật hiệu này chính là đầu mối trọng yếu của tất cả các điều thiện, tất cả thiện pháp của thế xuất thế gian đều không thể sánh với nó.

 Chúng ta đang học bộ Kinh Vô Lượng Thọ này, đại khái cũng được hơn một nửa mới hoát nhiên đại ngộ, như vậy chúng ta nên trồng thiện căn bằng cách nào? Trong kinh nói rất hay: Phát bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật. Bất cứ thiện căn nào trong thế xuất thế gian cũng trồng, nếu để thiện căn này sớm ngày nảy mầm, sanh trưởng, khai hoa, kết trái. Quý vị thật sự cần phải hiểu sơ về nghĩa thú đối với câu A Di Đà Phật này. Hiện tại chúng ta biết được không nhiều, chỉ biết đôi chút, nhưng lợi ích quả thật không thể nghĩ bàn. Bởi thế quý vị biết được càng nhiều càng tốt, càng rõ càng tốt, vì sao vậy? Vì sức mạnh càng lớn. Sức mạnh sanh ra từ đâu? Từ tâm tưởng, duy chỉ có quý vị thật sự thấu triệt rõ ràng, quý vị ức niệm, ức và niệm này mới có thể tương ưng, nhớ Phật và niệm Phật mới có thể tương ưng. Cũng như trong kinh này Đức Phật dạy chúng ta: “Pháp thân đại sĩ niệm niệm lưu nhập tát bà nhược hải”, có địa vị này tồn tại, đây là viên chứng cảnh giới tam bất thoái. Chúng ta đối với nó không hiểu lắm, không rõ ràng lắm. Có niệm là thiện căn, không sai, nhưng công đức không hiển lộ. Nếu có thể dứt trừ tạp niệm, chắc chắn có thể vãng sanh. Vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc đương nhiên không vấn đề gì, vì trí tuệ đã khai, quý vị hoàn toàn hiểu được, lúc này tự nhiên sanh ra tâm cảm ân vô tận.

 Bởi vậy kinh không thể không đọc, không thể không nghe. Niệm Phật nhất định phải vượt qua tạp niệm, trong 24 tiếng đồng hồ tạp niệm ít, niệm Phật nhiều, như vậy nắm chắc việc vãng sanh. Nhưng khi chúng ta không niệm Phật, tạp niệm liền khởi lên, đây là hiện tượng của tuyệt đại đa số người hiện nay. Dùng phương pháp gì để dứt trừ tạp niệm? Niệm Phật, nhất tâm niệm Phật, tạp niệm sẽ không còn.

 Bởi thế bên dưới nói: “Chiết phục tất cả ma quân”, là dùng phương pháp gì? Chính là niệm Phật. Ma quân là gì? Là tạp niệm. Phương pháp này tuyệt diệu, chúng ta phải giữ chặt nó.

 Bốn câu này trong Kinh Đại Bi, bên dưới Hoàng Niệm Tổ có chú giải đơn giản nhưng rất hay: “Nên biết thiện căn là thân nhân”. Nhất tâm xưng niệm danh hiệu Phật là thiện căn, thiện căn là thân nhân của thành Phật. “Từ nhân được quả”, trong quả lại có chủng tử, chủng tử đó là nhân của đời sau, nhân quả triển chuyển vô tận, mãi mãi không gián đoạn. Bởi thế Bồ Tát đầy đủ chủng chủng diệu đức, những điều bên dưới nói đều là diệu đức của Bồ Tát. Chỉ có công đức chân thật này mới có thể giải quyết tất cả mọi vấn đề.

 Câu đầu tiên nói: “Thôi phục nhất thiết ma quân”. Thôi phục là phá trừ, nghĩa là hàng phục. Ma chính là tạp niệm, là chướng ngại. Trong kinh luận thường nói đến bốn loại ma, trong bốn loại ma nghiêm trọng nhất là ma ngũ ấm. Sắc thọ tưởng hành thức là ngũ ấm. Sắc là nhục thể, có nhục thể, quý vị xem quý vị chăm sóc nó phiền phức biết bao, đây là đày đọa bản thân. Bởi thế hàng phàm phu cấp cao không cần thân thể, Lão tử chính là một ví dụ tốt, ông nói: “ngô hữu đại hoạn, vị ngô hữu thân”, nếu không có thân tốt biết bao, không có thân quá nhẹ nhàng. Thân này không có nhưng vẫn còn thọ tưởng hành thức. Vô sắc giới thiên không có thân, nhưng có thọ tưởng hành thức, chúng ta gọi nó là linh hồn, đó vẫn là đày đọa. Nếu thọ tưởng hành thức đều không có thì tốt biết bao, thọ tưởng hành thức có thể không có được chăng? Có thể, thành Phật sẽ không còn. Đem thọ tưởng hành thức hoàn nguyên, hoàn nguyên là gì? Là kiến văn giác tri, kiến văn giác tri là tánh đức, trong tự tánh vốn có, khi mê liền biến thành thọ tưởng hành thức. Thọ tưởng hành thức đem đến cho chúng ta sự giày vò, chúng ta thấy rất nhiều người sám hối, nội tâm rất đau khổ. Họ không phải từ nhục thể, không có ai đánh họ, không có ai đánh roi họ, nội tâm lại đau khổ như vậy, đây chính là gì? Đó là ma của thọ tưởng hành thức trong ngũ ấm, phiền não là ma, tử ma, còn có thiên ma. Thiên ma là tai nạn từ bên ngoài đến, ngày nay chúng ta nói là thảm họa tự nhiên, nhà Phật gọi là thiên ma.

 Dùng phương pháp gì để hàng phục bốn loại ma này? Một câu Di Đà thật sự có thể hàng phục, quả là vi diệu đến tột cùng. Bất luận là thảm họa về mặt tinh thần hay là về nhục thể, chỉ cần vừa tiếp xúc thì hoàn toàn buông bỏ được nó, niệm lên một câu Phật hiệu, thật sự có thể giải quyết được nó, vì sao vậy? Vì niệm câu Phật hiệu này, tự nhiên đạt được oai thần của Phật A Di Đà gia trì. Sức mạnh gia trì lớn bao nhiêu? Hoàn toàn dựa vào tâm chân thành của chúng ta.

 Như Tổ sư Ấn Quang nói: Một phần thành kính được một phần gia trì, mười phần thành kính được mười phần gia trì, trăm phần thành kính được trăm phần gia trì, hoàn toàn thành tỷ lệ với tâm thành kính. Niệm Phật mà không có tâm thành kính không đạt được gia trì, nhưng niệm vẫn tốt hơn không. Hiệu quả của gia trì, chính là không khởi vọng niệm đó là hiệu quả. Khi niệm Phật A Di Đà, bất luận là niệm thời gian dài bao nhiêu đều không có chút tạp niệm nào, đó là Phật lực gia trì.

 Trí Độ Luận nói: “Đoạt tuệ mạng, phá hoại đạo pháp công đức thiện bổn, nên gọi là ma. Loại quỷ thần này có đại thần lực, có thể đối đầu khó dể với người tu pháp xuất thế, quân chúng của ma”. Quân chúng ở đây chính là quần chúng, còn gọi là ma quân. Đây là giải thích chữ ma. Có ma, hoàn toàn không phải giả. Thông thường chúng ta nói yêu ma quỷ quái. Nó ở đâu? Ở ngay xung quanh chúng ta, chính là những nhân vật xung quanh mà chúng ta thường tiếp cận. Làm sao biết được? Quý vị thử nghĩ xem, trong kinh Đức Thế Tôn dạy về bốn loại duyên giữa con cái và cha mẹ. Quý vị thử nghĩ xem bốn loại duyên này là tính chất gì? Là báo ân, báo oán, đòi nợ hay là trả nợ, đặc biệt là thân tình khó đoạn. Điều đầu tiên của ma chướng là tình thân, quý vị không thể tự tại, không thể được tâm thanh tịnh. Quý vị thường nhớ nhung thấp thỏm, không nhớ gì đến Phật, đáng lý phải nhớ niệm Phật, phải nghĩ đến Phật, quý vị lại nhớ đến người nhà của mình là coi như xong. Nhớ nhung người nhà là trầm luân trong lục đạo, bị như thế nào? Đời đời kiếp kiếp oan oan tương báo. Báo ân, báo oán, đòi nợ, trả nợ chính là làm những điều này. Quý vị vô cùng thân thiết đối với họ, nhưng lại rất xa lạ với Phật A Di Đà, đó là người ngoài, không để trong lòng, nên quý vị không thể vãng sanh. Phật A Di Đà ngày ngày hy vọng quý vị đến thế giới Cực Lạc, quý vị cũng có ý này, nhưng quý vị đã đi sai. Quý vị chấp trước tình thân, tình thân là đại ma thứ nhất, vì nó chướng ngại chúng ta tu hành vãng sanh Tịnh độ. Nó đến làm khó, chống lại, nghĩa là không để quý vị vãng sanh. Tóm lại mà nói phải nhận thức, người chúng ta thích là ma, người chúng ta ghét cũng là ma, ghét là gì? Khiến quý vị sanh tâm sân hận, tâm sân hận khiến quý vị đọa địa ngục, quý vị xem họ kéo quý vị vào địa ngục đấy. Người quý vị yêu thích, khiến quý vị sanh tâm hoan hỷ, tâm tham luyến, họ kéo quý vị vào đường ngạ quỷ. Tham sân si là ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục, họ không lôi kéo quý vị vào nơi tốt đẹp, mà lôi kéo quý vị vào chỗ xấu xa nhất. Nên vấn đề này chỉ có người thật sự học Phật mới hiểu được, họ mới có cảnh giác cao độ. Ý niệm này khởi lên, cổ nhân nói: “không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm”, ý niệm vừa khởi lên lập tức đổi thành A Di Đà Phật. Hai câu này của cổ nhân rất hay: “Không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm”. Giác là gì? Luôn niệm câu Phật hiệu này chính là giác ngộ, nhớ niệm tham luyến ân oán đó tức là ma. Bất luận là ai cũng phải biết điều này.

 Tôi thường chỉ cho các bạn đồng học một phương pháp tốt, xem tất cả mọi người đều là Phật A Di Đà. Người thân là Phật A Di Đà, oan gia cũng là Phật A Di Đà, nhìn thấy đều là Phật A Di Đà, không sanh tham luyến, không sanh sân nhuế, phương pháp này rất hay. Nếu dùng phương pháp này thuần thục, phải như thế nào? Chỗ xa lạ chuyển thành quen thuộc, chỗ quen thuộc chuyển thành xa lạ, công phu sẽ đắc lực. Công phu đắc lực thì sanh tử tự tại. Thế gian này nhân quả báo ứng rất nhanh! Rất rõ ràng. Chỉ cần chúng ta bình tĩnh quan sát, đều thấy được, người nông nổi không thấy được, tâm địa thanh tịnh đều nhìn thấy, quả báo ở ngay trước mắt. Quả thật là thiện có thiện quả, ác có ác báo.

 “Thôi phục nhất thiết ma quân”. Vấn đề này ở trong khi giảng dạy chúng tôi đã nói rất nhiều. Nguyên tắc chung chính là thuận cảnh không khởi tham luyến, nghịch cảnh không sanh sân nhuế. Thuận cảnh khởi tham luyến, đọa vào đường ngạ quỷ, nếu quá đáng sẽ biến thành đường địa ngục. Trong nghịch cảnh sanh sân nhuế, điều này rất dễ, toàn bộ đều đọa vào địa ngục không biết lúc nào. Bởi vậy thuận cảnh chúng ta cảm ân, nghịch cảnh cũng cảm ân, vì sao vậy? Vì nó đến thử thách quý vị, xem công phu tu hành của quý vị đã đủ chưa, có nhẫn được chăng. Không nhẫn được thì xong rồi, đời này quý vị không thể thành tựu, phải đi về đâu thì quý vị sẽ đi về đó. Thật sự có công phu, ma sẽ bị đẩy lùi.

 Đức Thế Tôn đã làm tấm gương tốt nhất cho chúng ta, trong nhiều kiếp quá khứ ngài tu hành Bồ Tát đạo, tu hạnh nhục, gặp được vua Ca Lợi. Câu chuyện này trong Kinh Đại Niết Bàn ghi chép rất tường tận, Kinh Kim Cang chỉ nhắc đến một ít: “Vua Ca Lợi cắt bỏ thân thể”, đã nhắc đến câu này. Nói tỉ mỉ là trong Kinh Đại Niết Bàn. Điều này thông thường chúng ta nói là vô cùng nhục nhã. Tâm của nhẫn nhục tiên nhân tốt, tâm thiện hành thiện, vô duyên vô cớ chịu nhẫn nhục, lăng trì xử tử. Bất cứ ai cũng không thể chịu đựng được, không ngờ ngài hoàn toàn tiếp nhận, không hề có chút oán hận nào, cho đến khi ngài mạng chung. Sau cùng còn nói với Vua Ca Lợi, sau khi tôi thành Phật, người đầu tiên tôi độ là ông. Lời của ngài đã thực hiện. Đức Thế Tôn thành Phật, người đầu tiên được độ là tôn giả Kiều Trần Như. Tôn giả Kiều Trần Như chính là vua Ca Lợi năm đó, còn Đức Thế Tôn chính là Nhẫn Nhục Tiên Nhân. Chúng ta đạt được khai thị này, hiểu rõ chân tướng sự thật, người hủy báng tôi cám ơn họ, người hủy nhục tôi cám ơn họ. Người chiếm lợi ích của tôi, hại tôi, lừa gạt tôi, cảm kích họ, nghĩ rằng mình đang trả nợ. Người hãm hại tôi, dù hãm hại đến tột cùng tôi vẫn cảm kích.

 Ngày nay người chướng ngại quý vị, chướng ngại quý vị rõ ràng nhất là danh lợi. Tôi không cần danh, buông bỏ danh, họ không cách nào phá hoại được, đây gọi là hàng phục. Lợi, người xuất gia nhiều Phật tử, nhiều người khen ngợi cúng dường, nếu họ đặt chuyện sinh sự, sẽ đẩy tất cả những người này rời xa. Họ cho rằng thầy mình không phải là người tu hành chơn chánh, ông chỉ làm bộ làm dáng gạt chúng ta.

 Tôi không cần danh, tôi cũng không cần lợi, tôi cũng không cần khen ngợi, tôi cũng không cần người cúng dường, vậy thì ma hết cách. Chỉ cần có phân biệt chấp trước, ma liền có được cơ hội. Nếu buông bỏ tất cả phân biệt chấp trước, ma đối với quý vị không còn cách nào khác. Đến sau cùng sẽ sát hại, sát hại cũng cảm ân quý vị, giống như Nhẫn Nhục Tiên Nhân vậy, thì ma cũng đành chịu.

 Mềm mỏng khắc phục cang cường, đức lớn của nhu hòa nhẫn nhục có thể thành tựu vô lượng công đức, không nhẫn được là thất bại thể thảm.

 Trong xã hội hiện nay, thường nghĩ đến Nhẫn Nhục Tiên Nhân biểu diễn cho chúng ta thấy, chúng ta phải lãnh hội một cách sâu sắc, vì sao vậy? Vì trên đường đạo bồ đề chúng ta sẽ gặp một vài vấn đề, cũng có thể gặp rất nhiều lần, chư Phật Bồ Tát từ lâu đã dạy chúng ta ứng phó cách nào rồi. Không chướng ngại chúng ta tu hành, không chướng ngại chúng ta cầu sanh Tịnh độ, không chướng ngại chúng ta thân cận Phật A Di Đà, nên suốt đời phải nắm chắc việc niệm Phật này. Không cho ta niệm Phật, không cho ta mở miệng, vậy thì mặc niệm trong tâm. Họ có thể quản lý được bên ngoài của ta, nhưng không quản được nội tâm ta. Thảm họa càng nghiêm trọng, thành tựu càng thù thắng. Thảm họa càng bức bách, thành tựu càng nhanh chóng, thế nên mọi thứ ngăn trở trước mắt không phải là việc xấu. Đối với người tu hành chơn chánh mà nói, đó là một cơ duyên rất khó được, vì sao vậy? Vì nó khiến chúng ta nhanh chóng thành tựu. Đây là thử thách sau cùng, đề thi vô cùng nghiêm khắc. Không thông qua sẽ đọa lạc, thông qua cảnh giới liền nâng cao, đọa nhanh, lên cũng rất nhanh. Nhẫn được, hiểu lý lẽ, tâm địa thanh tịnh, tâm địa có trí tuệ chắc chắn vượt qua.

 Ở đây nói: “Hàng quỷ thần này có thần lực lớn”. Đây là sự thật, người học Phật chơn chánh đều khẳng định quỷ thần luôn tồn tại. Trong quá trình chúng ta học tập thường gặp, nhất định không phải giả. Tiểu thừa có hàng ma, đại thừa không có. Vì sao đại thừa không có hàng ma? Hàng đại thừa cho rằng Phật với ma là một không phải hai. Tôi dùng tâm thanh tịnh đối với họ, họ đều là Phật. Khi dùng tâm không thanh tịnh đối với họ thì họ đều là ma, Phật cũng là ma. Đại thừa đích thực làm được cảnh tùy tâm chuyển.

 Thế nên một người ở trong thế gian này, đặc biệt là trong thời loạn thế. Chỉ cần tâm thanh tịnh, hành vi đoan chánh, thân tâm được mạnh khỏe, sẽ sanh trí tuệ, mọi thứ đều có thể như pháp. Bởi thế tâm thanh tịnh quan trọng hơn bất cứ thứ gì, tâm niệm Phật A Di Đà quan trọng nhất. Lấy tâm thanh tịnh hướng đến vô lượng thọ, đây là độ mình, độ gia đình mình, độ khu vực này, độ địa cầu này, là diệu pháp duy nhất, chân thật không hư vọng.

 “Tôn trọng phụng sự Chư Phật. Bổn kinh đệ tứ thập nhất phẩm, vị vãng sanh biên địa giả. Ư liên hoa trung bất đắc xuất hiện, ư ngũ bách tuế trung bất kiến tam bảo, bất đắc cúng dường phụng sự Chư Phật. Cố tri bất khả dĩ thiểu thiện căn phước đức nhân duyên, kiến Phật dữ sự Phật dã”.

 Đoạn này dẫn chứng lời trong kinh Đức Phật nói. Thế giới Cực Lạc đích thực có biên địa, người vãng sanh đến biên địa, ở trong hoa sen, hoa sen không nở, nên họ không thấy được Phật. Ở đó có kỳ hạn, không phải vô thời hạn, dài nhất là 500 tuổi, 500 tuổi là tính tuổi của nhân gian chúng ta, ở thế giới Cực Lạc cũng không phải quá dài. Bởi thế tạm thời không thấy được Phật, không như nhập phẩm vãng sanh. Cõi phàm thánh đồng cư hạ hạ phẩm vãng sanh gọi là nhập phẩm vãng sanh, sanh đến đến thế giới Cực Lạc liền thấy được Phật .

 Vãng sanh biên địa, Phật có đến tiếp dẫn chăng? Chúng ta thử nghĩ xem, nếu Đức Phật không đến tiếp dẫn, nơi nào là thế giới Cực Lạc, họ có thể tìm được ư? Nên chúng ta tin rằng Phật A Di Đà từ bi, nhất định đến tiếp dẫn. Sau khi tiếp dẫn, họ ngồi trong đài liên hoa, liên hoa liền khép lại, không thấy được Phật, họ đến thế giới Cực Lạc. Khi nào hoa nở, họ sẽ thấy được Phật, thời gian dài nhất là 500 tuổi hoa nở. Trong vòng 500 tuổi không thấy được Tam bảo, không thấy Tam bảo đương nhiên họ không thể cúng dường phụng sự Chư Phật.

 “Tôn trọng phụng sự Chư Phật”, là tu phước báo. Thành Phật, chư vị nên biết, thành Phật gọi là Lưỡng Túc Tôn. Quý vị xem khi quy y Phật: “Quy y Phật nhị Túc Tôn”. Nhị là gì? Là phước báo và trí tuệ. Hai loại này đều đầy đủ, chính là viên mãn, Đức Phật đầy đủ hai loại phước và tuệ. Cho nên đến thế giới Cực Lạc vẫn phải tu phước, tu phước ở thế giới Cực Lạc dễ, mỗi ngày họ có năng lực phân thân đến cõi nước của mười phương Chư Phật để cúng dường, đi phụng sự chư Phật, tu phước. Cơ hội của họ quá thù thắng, cúng Phật đương nhiên nghe Phật thuyết pháp, mỗi ngày đều nghe mười vạn ức Phật thuyết pháp, đều cúng dường mười vạn ức Phật. Quý vị xem phước tuệ đó không tuyệt diệu sao? Cho nên đến thế giới tây phương Cực lạc, thành tựu phước tuệ cứu cánh viên mãn. Cơ duyên thù thắng, nên thành tựu rất nhanh, khi đầy đủ họ lập tức thành Phật. Từ đây chúng ta có thể lãnh hội được, vì sao thế giới tây phương Cực lạc thành Phật nhanh như vậy? Điều này cho chúng ta tin tức, chúng ta lãnh hội được sẽ hiểu, nó đương nhiên rất nhanh.

 Thế gian này của chúng ta không thấy được Phật, chỉ cúng dường được tượng tạc bằng đất, điêu khắc bằng gỗ và tranh ảnh Chư Phật Bồ Tát, không thấy được Phật thật. Người ở thế giới Cực Lạc không như vậy, mười phương thế giới vô lượng vô biên đều là Phật thật, họ có năng lực đến gặp Phật, cúng dường Phật, theo ngài học tập.

 Nên biết, câu này là trong Kinh Di Đà: “Không thể thiếu thiện căn phước đức nhân duyên, mà được sanh về nước này”. Thế nên muốn vãng sanh về thế giới tây phương Cực Lạc, nhất định phải nhiều thiện căn, nhiều phước đức, nhiều nhân duyên, mới có thể gặp Phật và cúng dường Phật, câu này hoàn toàn là nói đến thế giới tây phương Cực Lạc.

 “Các vị Bồ Tát có thể phụng sự Chư Phật, đều do có nhiều thiện căn phước đức nhân duyên”. Hiện nay chư vị Bồ Tát ở thế giới tây phương Cực Lạc đều có năng lực, đều có thần thông, đều có thể phân thân. Họ phân thân, không phải phân ra mấy trăm thân, mấy ngàn thân, họ có thể phân thành vô lượng vô biên thân, phụng sự vô lượng vô biên Chư Phật Như Lai. Vì vậy đều là nhiều thiện căn phước đức nhân duyên, ở đây chúng ta thấy được điều này.

 “Vi thế minh đăng”. Thế là thế gian, lục đạo mười pháp giới trong tất cả cõi nước của Chư Phật, đặc biệt là nói chúng sanh trong lục đạo, ở trong đây làm ngọn đèn sáng cho thế gian. Đây chính là làm thầy giáo hóa chúng sanh, khiến tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ, đây chính là “vi thế minh đăng”. Bên dưới có giải thích:

 “Ngọn đèn sáng ví như trí tuệ của Bồ Tát, chiếu soi phá trừ mê muội si ám cho chúng sanh, khiến chúng sanh hiểu rõ chánh đạo”. Đây là dạy học. Thế nên Phật sự\_sự nghiệp của Phật, Bồ Tát sự\_sự nghiệp của Bồ Tát, hoàn toàn là dạy học. Quan trọng nhất trong việc dạy học, cũng là chính là biểu diễn trọng nhất mà đức Phật coi trọng, là làm cho chúng sanh thấy.

 Mọi người rất quen thuộc đối với Kinh Kim Cang, văn tự không nhiều, chỉ có hơn 5000 chữ, trong đó có câu. Tôi tin rằng chỉ cần đọc một lần Kinh Kim Cang, ấn tượng của họ sâu sắc nhất chính là hai câu này: “Thọ trì đọc tụng, vi nhân thuyết pháp”. Hai câu này trong Kinh Kim Cang Đức Phật nói hơn 10 lần, lặp lại mười mấy lần, khi quý vị đọc ấn tượng sẽ vô cùng sâu sắc.

 Thọ là gì? Đức Phật dạy chúng ta, chúng ta tiếp nhận. Trì là duy trì, tiếp nhận không bị mất đi. Tôi đọc kinh này, nhìn vào kinh đọc, không nhìn vào kinh mà đọc gọi là thuộc, gọi là tụng thuộc lòng. Thọ trì đọc tụng là tự lợi. Câu sau vì người diễn thuyết\_diễn là biểu diễn. Chúng ta thực hành tất cả những gì Đức Phật dạy để người khác thấy, đây là diễn. Thực hành để người khác thấy, mọi người nhất định có vấn đề đến thỉnh giáo quý vị, quý vị mới nói cho họ nghe. Nên diễn thuyết là hai vấn đề khác nhau, diễn là thân hành, thuyết là ngôn giáo\_thân hành ngôn giáo. Đây là vì người diễn thuyết là lợi tha, đó chính là ngọn đèn sáng. Giúp tất cả chúng sanh thấu triệt chánh đạo. Họ đã minh bạch, đã giác ngộ, họ cũng thật sự y giáo phụng hành.

 Tịnh Ảnh Sớ vân: “Tự cụ trí tuệ, năng sanh vật giải, danh thế đăng minh”. Tịnh Ảnh Sớ là tác phẩm chú giải Kinh Vô Lượng Thọ của ngài Huệ Viễn thời Tùy Đường, chú giải này của ngài gọi là Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ, cuốn sách này lưu thông rất phổ biến ở Trung quốc. Trước đây chúng tôi học Kinh Vô Lượng Thọ là dùng chú giải này. Nhưng sao lại gọi là Tịnh Ảnh Sớ? Suốt đời ngài ở chùa Tịnh Ảnh, đây là người đời sau tôn xưng ngài, nên không gọi tên họ của ngài, mà gọi địa danh của ngài. Ở đây có một bậc thánh nhân, như vậy là cung kính nhất. Như đại sư Trí Giả, người ta tôn xưng ngài là Thiên Thai đại sư. Ngài Khuy Cơ không gọi tên của ngài, gọi là Từ Ân đại sư, vì ngài ở chùa Từ Ân, lấy tên chùa để gọi vị đại sư này. Người thế gian cũng vậy, quý vị xem người đời gọi Lý Hồng Chương cuối thời Mãn Thanh là gì? Gọi là Lý Hợp Phì, là gọi địa danh của ông, đây là cách xưng hô tôn kính nhất, Hợp Phì đã xuất hiện nhân vật lớn này. Nhà Phật cũng có cách xưng hô này, đây là tôn kính, bởi thế nên gọi là Tịnh Ảnh Sớ.

 “Tự cụ trí tuệ, năng sanh vật giải”. Quý vị thấy nó không phải năng sanh chúng giải. Chúng là chúng sanh, năng sanh nhân giải, không phải, nó dùng chữ vật. Vật là gì? Vật là bao hàm hết mười pháp giới, nếu đây là người, thì mười pháp giới chỉ có nhân đạo, thiên, chỉ có thiên đạo. Nếu là dùng chúng, chúng là chúng sanh, phạm vi này rất lớn. Nhưng dùng vật, vật bao gồm cả mười pháp giới, nên phạm vi của vật gần tương đồng với phạm vi của chúng, đều là nghĩa rộng. Phát triển rộng ra bên ngoài, nó bao gồm cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa, đều có thể bao hàm hết trong đó, chúng đều có thể lý giải. Những thiên địa vạn vật này, đối với trí tuệ của Phật Bồ Tát, giáo hóa của Phật Bồ Tát, đều có thể lý giải, đây gọi là ngọn đèn sáng, đăng minh nghĩa là ngọn đèn sáng.

 Chữ vật ở đây tức là chỉ chúng sanh. “ Bản thân đầy đủ trí tuệ, ánh sáng ngọn đèn này chiếu ra, có thể soi rõ tất cả vạn vật. Ví như khiến tất cả chúng sanh khai phát tín giải, nên gọi là ngọn đèn sáng của thế gian. Ý này nói một cách rõ ràng minh bạch, chúng ta tu hành, trí tuệ khai mở, đó chính là ánh sáng chiếu soi mười phương. Trong ánh sáng chiếu mười phương đó, quan trọng nhất là muốn chúng sanh năng giải, năng tri năng giải.

 Chiếu như thế nào? Trí tuệ chân thật, công đức chân thật, hoàn toàn thực hành trong giới luật, chính là thực hành trong cuộc sống hằng ngày. Cuộc sống hằng ngày gọi là giới luật, hay gọi là luật nghi, gọi luật nghi ý nghĩa càng hay, nghi là gì? Nghi là biểu hiện của quý vị, biểu hiện đi đứng ngồi nằm, biểu hiện trong cuộc sống, biểu hiện khi đối nhân tiếp vật. Nghi là biểu hiện ở bên ngoài cho mọi người thấy. Mọi người thấy được cảm thấy hay, điều này hay.

 Ở Trung quốc gọi là lễ, là lễ nghi. Phật pháp gọi là luật nghi, luật và lễ cùng một ý nghĩa. Nghi là nghi biểu, nhất định phải biểu hiện ra bên ngoài, nếu không làm sao người ta nhận ra được? Người ta nhận ra được, tức có thể học tập. Nhận ra được cảm thấy hoan hỷ, ngưỡng mộ, cảm thấy điều này hay liền học theo quý vị. Cho nên bất kỳ điều gì cũng phải thể hiện ra cho người khác thấy.

 Đức Thế Tôn đã thể hiện ra trong cuộc sống hằng ngày, thanh tịnh không ô nhiễm, đời sống vô cùng đơn giản. Ăn mặc cư trú đi đứng đều mạnh khỏe, không có ô nhiễm. Biểu hiện ở trong công việc, công việc là dạy học, dạy học đương nhiên thân hành ngôn giáo. Hành trì tất cả những giới luật Phật chế, không có điều nào không làm được. Trong Đệ Tử Quy tất cả có 113 điều, đều làm được hết, không phải cố tình làm, nó đã trở thành tự nhiên, chắc chắn không phải cố ý làm, đây là gì? Là đã thuần thục.

 Tâm là chân tâm, chân tâm hiển thị ra chính là giới luật, bởi thế luật nghi là kinh luận, biểu hiện ở hình dáng bên ngoài một cách cụ thể. Từ biểu hiện có thể lãnh hội được trí tuệ công đức trong kinh luận, vì sao? Vì biểu hiện và bên trong đều nhất như. Người có trí tuệ chân thật, từ biểu hiện thấy được bên trong, từ bên trong thấy được biểu hiện.

 Trong Hội Sớ nói: “Chiếu soi mê ám của thế gian, nên gọi là làm ngọn đèn sáng cho thế gian. Nên Bồ Tát có thế chiếu phá si mê và hôn ám của thế gian, cũng như ngọn minh đăng vậy”.

 Chúng ta thử nghỉ xem, chúng ta học Phật làm đệ tử ngài, có năng lực chiếu phá si mê và hôn ám của thế gian chăng? Chúng ta cũng có một chút trí tuệ, thấy tất cả chúng sanh trong xã hội hiện nay si mê hôn ám, chúng ta đã nhìn thấy, chúng ta thấy như thế nào? Đây là nhìn thấy ánh sáng, ánh sáng trí tuệ, nhưng ánh sáng của chúng ta không đủ. Chỉ có thể khiến bản thân nhìn thấy, không thể khiến họ nhìn thấy được. Ánh sáng của Bồ Tát rất tuyệt diệu, bản thân thấy được cũng khiến cho người khác đều thấy được, làm sao họ thấy được? Họ nhìn thấy Bồ Tát thật sự biểu hiện giác ngộ, chính là như vậy.

 Ngày nay chúng ta cũng đã nhìn thấy, nhưng bản thân chúng ta không làm được, chúng ta chưa thể hiện ra cái không si không mê. Cũng chính là chúng ta phải thật sự làm được, nội tâm không tham, không sân, không si, không mạn, không nghi, trong nội tâm phải làm được như vậy. Khi ánh sáng chiếu ra, chắc chắn là không sát, không đạo, không dâm, không vọng ngữ, không uống rượu, nhất định làm được, điều này biểu hiện bên ngoài cho mọi người thấy. Thêm nữa chính là nói về mặt biểu cảm: Không oán, không hận, không não, không nộ, không phiền. Bất luận ở đâu cũng thanh lương tự tại, mặt mày tươi tỉnh. Quý vị biểu hiện ôn lương cung kiệm nhường của Phu tử ra bên ngoài, đây gọi là quang chiếu, người ta cảm nhận được. Thấy quý vị thân tâm an ổn, pháp hỷ sung mãn, họ sẽ cảm động, đây là ánh sáng chiếu đến họ. Ngày nay chiếu đến được chính mình, nhưng không chiếu được người khác, ánh sáng này quá nhỏ, cũng tức là không thực hiện được nó. Thực hành chắc chắn chiếu đến người khác, sẽ ảnh hưởng đến gia đình, ảnh hưởng xã hội. Ảnh hưởng người, người trở thành tốt hơn, người xung quanh đều trở nên giống như chúng ta vậy. Đoàn thể này càng ngày càng lớn, sẽ ảnh hưởng đến toàn thể xã hội, ảnh hưởng đến toàn thể địa cầu. Bây giờ chúng ta hiểu, hoàn cảnh chúng ta cư trú chỉ là một điểm nhỏ, điểm nhỏ này rất quan trọng.

 Chúng ta đọc sách cổ thấy Vua Thuấn, vua Thuấn ở nơi thôn trang đó ba năm, người nơi thôn trang đó đều được giáo hóa, người người đều hiểu quy củ. Vua Thuấn không có ý giáo hóa, tự nhiên cảm hóa được. Quý vị là ngọn đèn này, thắp sáng suốt ba năm, khiến đen tối của người khác tự nhiên không còn, si mê của họ đều không còn, đây gọi là chân tu. Người thế gian còn như vậy, huống gì Chư Phật Bồ Tát? Học Phật như vậy là đúng, nếu vẫn si mê như người thế gian, đó chính là tội nhân của nhà Phật, vì sao vậy? Vì người thế gian nghĩ Phật chỉ là như vậy thôi, Phật như vậy họ cần để làm gì?

 Đa số đại chúng trong xã hội hiện đại đối với Phật giáo đã có nghi ngờ chất vấn, nếu không có ai đứng ra cứu vãn, Phật pháp sẽ tận diệt ngay trong thế gian này, vì đã mất đi quá nhiều rồi. Quanh Ấn Độ hoàn toàn không còn Phật pháp, đương thời đệ Tử Phật đi hoằng hóa khắp bốn phương, hai ba trăm năm đầu, bây giờ hoàn toàn biến mất. Tây Vực, Ba Tư, Afghanistan, dải đất này đều là đất nước Phật giáo thời xưa, cách Ấn độ không xa, những bậc cao tăng của Ấn độ đều đến đó hoằng hóa. Bởi thế từ Tây Vực tuyền đến Trung quốc. Đương thời Hán Minh Đế phái đặc sứ đến Tây Vực tìm cầu Phật pháp, chỉ đến Tân cương hiện nay, gặp được Ma Đằng và Trúc Pháp Lan, liền lễ thỉnh họ đến Trung quốc, hai vị này là cao tăng của Ấn độ.

 Chúng tôi đã đến Indonesia, Jogia tôi cũng đi được ba lần, mỗi lần đều đến ngôi tháp cổ ở bên đó, là di tích của thế kỷ thứ bảy công nguyên. Chứng minh trước công nguyên thế kỷ thứ bảy Phật giáo ở đó rất phát triển, hiện nay không còn nữa. Duy có Phật pháp đại thừa truyền đến Trung quốc\_nhánh của tiểu thừa truyền đến Nam Dương, Thái lan, Miến điện, Campuchia, những nơi này hiện nay vẫn còn. Nhưng ngày nay khoa học hưng thịnh, mọi người đều học sự hoài nghi, hôm nay đối với Phật pháp, đối với tôn giáo đưa ra chất vấn nghi ngờ: Tôn giáo có công hiến gì đối với xã hội, đối với nhân loại? có lợi ích gì? Lợi ích ở đâu?

 Nếu chúng ta muốn hiểu rõ, muốn giác ngộ, những lời dạy trong kinh điển chúng ta đều làm được, như vậy Phật pháp thật sự đã cống hiến cho xã hội. Chúng ta nhất định phải học Bồ Tát, Bồ Tát là gương tốt cho chúng ta, đây là đại thừa, học Tịnh tông.

 Trước đây chúng tôi tiếp thu giáo huấn của Hoàng Niệm Tổ, ông nói với tôi, Hạ Liên Cư hy vọng phát triển Tịnh tông học hội. Ở trong nước chưa làm được, chỉ nói đến danh xưng này, chưa làm, nên ông hy vọng tôi thực hiện ở hải ngoại trước. Tịnh tông học hội đầu tiên thành lập ở Canada, nghe nói Tịnh tông học hội Canada hiện nay vẫn còn. Học hội thứ hai là thành lập ở Mỹ, cư sĩ Dương Nhất Hoa phụ trách, hiện nay vẫn rất hưng thịnh, tại Sunnyvale Cựu Kim Sơn. Học hội thứ ba ở tại Los Angeles, cư sĩ Trần Cảnh Xướng đang thúc đẩy, hiện nay vẫn còn, cũng rất hưng thịnh. Ở Mỹ, ở Canada, lúc đó có hơn 30 học hội, hiện nay chắc có nhiều hội không còn tồn tại. Hội này đề xuất ra, người hưởng ứng rất đông, rất nhiều quốc gia bao gồm Âu châu, Nam dương. Malaysia có hơn 100 Tịnh tông học hội, có hơn 50 hội đã đăng ký, còn hơn 50 hội chưa đăng ký, nhưng đều hoạt động, hơn 100 Tịnh tông học hội. Ở Úc châu có khoảng mười mấy hội, hiện nay ở Nhật hình như có hai ba hội.

 Chuyên tu Tịnh độ, nương vào Kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ là bộ kinh trọng yếu nhất trong việc tu học ở Tịnh tông học hội, là y cứ căn bản của luận lý và phương pháp. Khi Tịnh tông học hội mới thành lập, chúng tôi đề xuất năm môn của hành môn, hy vọng mọi người chúng ta đều làm được, đều có thể thực hành.

 Thứ nhất là Tịnh Nghiệp Tam Phước. Đây là nguyên tắc chỉ đạo cao nhất, chúng ta phải đặc biệt chú ý. Điều thứ nhất trong Tịnh Nghiệp Tam Phước chính là ba nền móng căn bản của Nho Thích Đạo. Điều thứ nhất bốn câu: “Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng”, thực hành ở nơi Đệ Tử Quy. “Từ tâm bất sát”, thực hành nơi Cảm Ứng Thiên. Câu sau cùng là “tu Thập Thiện Nghiệp”. Thế nên trong câu đầu tiên là bao hàm ba nền móng căn bản của Nho Thích Đạo. Điều thứ hai: “Thọ trì tam quy, cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi”. Điều thứ ba: “Phát bồ đề tâm, thâm tín nhân quả, đọc tụng đại thừa, khuyên tấn hành giả”.

 Đây pháp pháp đại thừa, không chỉ là Tịnh tông, nguyên tắc chỉ đạo cao nhất của tất cả pháp môn đại thừa, không thể không tuân thủ.

 Trong Quán Kinh Đức Phật dạy chúng ta, ba điều này gọi là Tịnh nghiệp chánh nhân. Ở trên ngài còn nói rất tường tận: “Tịnh nghiệp chánh nhân của tam thế chư Phật”. Tam thế là chư Phật quá khứ, chư Phật hiện tại, chư Phật vị lai. Bồ Tát tu hành thành Phật, nhất định phải nương vào ba điều này, ba điều này là tịnh nghiệp chánh nhân thành Phật, quý vị xem quan trọng biết bao. Chúng ta lấy nó làm nguyên tắc chỉ đạo cao nhất. Bắt đầu thực hành từ đâu? Sau khi thực hành ba nền móng căn bản, phải thực hành lục hòa kính. Nên Tịnh Nghiệp Tam Phước là: Tam phước, Lục hòa, Tam học, Lục độ, mười nguyện Phổ Hiền. Rất đơn giản, mọi người đều dễ nhớ, nhất định phải làm được, không làm không được. Làm được thì quý vị chính là ngọn đèn của thế gian\_thế gian đăng, sẽ phóng quang. Thực hành ít, không đủ, ánh sáng này chỉ chiếu đến bản thân. Quý vị biết thế gian mê muội, quý vị thấy một cách rõ ràng, nhưng không cách nào giúp họ phá trừ si ám, không làm được. Nếu thực hành được năm khoa mục này, mới có năng lực giúp người khác phá mê trừ ám, đây gọi là chân học Phật.

 Chúng ta khởi tâm động niệm phải tương ưng với lục hòa, không hòa làm sao được? Họ có thể không hòa với tôi, nhưng tôi phải hòa với họ, mới có thể cảm động họ, quý vị cảm động được họ coi như đã độ được một người. Họ không hòa với ta, ta xa rời họ, không lui tới với họ, đây là vứt bỏ một người. Họ không bằng lòng hòa mới mình, như vậy phải đành chịu, nhưng tôi vẫn thờ bài vị của họ, ngày ngày hồi hướng cho họ. Ngay trong đời này họ không biết, nhưng sau khi chết rồi họ sẽ biết. Sau khi chết có năng lực lớn, mới biết rằng đời này tôi đang cung kính họ, như vậy đời sau nhất định hòa hợp.

 “Bồ Tát xưng nhân giả”. Xưng nhân giả là thông xưng của Bồ Tát trong nhà Phật, đó là cách xưng hô tôn kính. Bên dưới nhân giả là vô địch, địch chính là oan đối, đối địch. Vô dịch là không có, không có đối địch. Hay nói cách khác, Bồ Tát tuyệt đối không đối lập với người khác. Có tâm đối lập, ý niệm đối lập họ không phải là Bồ Tát, Bồ Tát tuyệt đối không có đối lập. Họ đối lập với tôi, vì họ là phàm phu nên họ không biết. Hiện nay ta không đối lập với người khác, là do chúng ta học Phật hiểu được, sao ta có thể đối lập với người khác? Tất cả sự đối lập đều sanh ra từ ngộ nhận, sao lại ngộ nhận? Bình thường không lui tới, không lui tới dễ sanh ra hiểu lầm. Thường lui tới, thường giao tiếp, hai bên hiểu nhau, làm bạn tốt của nhau, sao lại đối lập được? Không giao tiếp, càng đoán càng đi xa, càng đoán càng sai, sẽ tạo thành ngộ nhận rất sâu, ngộ nhận quá sâu do bên đó không phải do chúng ta bên này, bên tôi hoàn toàn không có. Nên tôi bên này cung kính họ, bên chúng ta ngày ngày đem công đức tu học hồi hướng cho họ, âm thầm bảo hộ họ, có hiệu quả! Thiên tai của họ lớn hóa thành thiên tai nhỏ, thiên tai nhỏ hóa thành không, quả thật có hiệu quả. Lúc nào họ sẽ cảm ân? Khi giác ngộ họ sẽ cảm ân, khi mê họ không biết, không biết, không thể không quan tâm, phải quan tâm đến cùng. Không quan tâm, họ có thiên tai, chúng ta nhẫn tâm để họ bị thiên tai ư? Không thể. Họ không lui tới, chúng ta ngày hai buổi tụng kinh đều hồi hướng cho họ, xưa nay chưa có ngày nào gián đoạn, chúng ta đã quan tâm được.

 Người đến giảng đường chúng ta tham quan, người đến phòng thu tham quan đều thấy được. Người trong thời hiện đại bất hiếu cha mẹ, không tôn trọng sư trưởng, chúng ta đem hình ảnh cha mẹ thầy tổ phóng lớn treo ở giảng đường, treo trong Phật đường, đây là gì? Đây là phóng quang. Phóng quang gì? Hiếu thân, tôn sư. Hy vọng khiến những người si ám giác ngộ. Phật pháp là sống, hoằng pháp phải khế lý khế cơ, phải biết chúng sanh bệnh gì. Đúng bệnh cho thuốc, thuốc đến bệnh trừ. Phật pháp đối với xã hội, đối với chúng sanh có ưu điểm thật sự, quả thật có lợi ích. Chúng ta học kinh này nhất định phải thấu hiểu những vấn đề này, muốn thấu triệt chúng ta phải y giáo phụng hành.

 Thế giới ngày nay động loạn như vậy, không nên trách họ, trách ta, trách ta chưa làm tốt. Người người đều có thể phản cầu chư kỷ, như vậy thế giới này được cứu, chúng sanh được cứu, thiên tai cũng được cứu. Không do người khác, toàn ở nơi mình. Đẩy trách nhiệm này cho người khác, như vậy thì hết cứu được. Chính mình trực tiếp gánh vác sẽ được cứu.

 Xem tiếp bên dưới: “Phước điền”, điền là điền địa, đây là ví dụ. “Lấy sanh trưởng làm nghĩa”, trong điền địa sẽ sanh trưởng năm loại lương thực để nuôi dưỡng người, nên lấy ý nghĩa này. “Người có đức tạo phước sẽ được phước báo, trồng phước được quả phước, gọi là trồng ruộng phước. Người ứng cúng, gọi là phước điền”. Chúng ta giới thiệu sơ lược về ý nghĩa này trước, nhà Phật gọi phước điền, phước điền nghĩa là gì? Chính là nơi trồng phước. Hạng người nào là phước? Những người ứng cúng, ứng cúng quả là vô lượng công đức. Phật có mười danh hiệu, trong đó có ứng cúng. Hay nói cách khác, người thật sự ứng cúng là Phật, ứng cúng là đức lớn của ngài, nên tiếp nhận cúng dường của tất cả chúng sanh, vì sao vậy? Vì người cúng dường có phước, đại phước điền! Quý vị cúng dường sẽ có phước. Bởi thế mới nói người đầy đủ đức tạo phước, đầy đủ đức ít nhất là A la hán, vì sao vậy? Vì tâm thanh tịnh, tâm Bồ Tát bình đẳng, tâm Phật đại triệt đại ngộ, đây là những bậc cụ đức, họ tạo phước, vì họ đã được phước.

 Đức Thế Tôn lại dạy chúng ta: Trồng phước quý vị được quả phước, đây gọi là trồng phước điền, chúng ta phải biết trồng phước điền. Người ứng cúng chính là phước điền, phải cúng dường, phải cúng dường Phật, phải cúng dường cha mẹ, phải cúng dường thầy tổ, phải cúng dường chúng sanh, gọi là phước điền. Cha mẹ là ân điền, thân mạng của chúng ta có được là nhờ cha mẹ, điều này ở sau hình như đều có, lật phía sau sẽ có.

 Trong Thám Huyền Ký nói: “Sanh ngã phước cố, danh phước điền”, phước của tôi, nó có thể sanh trưởng phước báo của tôi, đây chính là phước điền của tôi. “Lại trong Ưu Bà Tắc Giới Kinh, nói rõ ba loại phước điền”, vừa xong chúng tôi vừa mới nói.

 Thứ nhất: “Báo ấn phước điền, phụ mẫu sư trưởng giả”, cha mẹ là ân sanh chúng ta, sanh mạng được từ cha mẹ, tuệ mạng được từ thầy tổ. Cha mẹ và thầy tổ có ân đối với chúng ta, đây là ân điền. Bởi vậy cha mẹ là ứng cúng, thầy tổ cũng là ứng cúng, xứng đáng tiếp nhận chúng ta cúng dường, chúng ta nên cúng dường họ.

 Thứ hai: “Công đức phước điền”, đây là Tam bảo: Phật Pháp Tăng. Hiện nay có người nói: Tăng hiện nay họ không trì giới, thậm chí hành vi còn không bằng người tại gia, chỉ là hiện tướng người xuất gia, nên cúng dường họ chăng? Nên, vì sao vậy? Vì họ đã là hình tượng xuất gia này, chúng ta là cúng dường Tam bảo, họ hiện một trong ba tướng của Tam bảo. Bản thân họ phá giới không như pháp, đó là việc của họ, không phải việc của chúng ta. Chúng ta không thể vì vài người bại hoại Phật môn, mà buông bỏ toàn bộ Phật môn, đây là sai lầm. Trong 100 người xuất gia, có 99 người không như pháp, chỉ có một người thật sự như pháp đã là quá tuyệt vời rồi. Bởi thế trong Phổ Hiền Bồ Tát thập đại nguyện vương dạy chúng ta: “Lễ kính Chư Phật”, đó là không có phân biệt, công đức của ngài rất lớn! Ngài không phải thấy một vị tăng, ngài thấy người xuất gia đó là Phật, tất cả chúng sanh vốn là Phật, như vậy mà không tuyệt vời sao? Trong mắt họ là cúng Phật, bất luận họ là tăng thật hay tăng giả, trong lòng tôi là cúng tăng, như vậy sẽ được phước. Không được khởi phân biệt, không được khởi chấp trước, khởi phân biệt chấp trước, là chính mình phá hoại phước điền của mình, người khác không phá hoại được, phải hiểu đạo lý này.

 Các bậc đại thánh hiền, Chư Phật Bồ Tát đều dạy chúng ta: “mọi người là người tốt, mọi việc là việc lành”. Tuy là tỳ kheo phá giới, tất cả đều không như pháp, nhưng bản chất của họ là Phật, bản tánh của họ là thiện. Thế nên nhìn từ bản tánh họ là Phật, họ là thiện, chúng ta nên cúng dường họ. Bởi vậy “quảng tu cúng dường” trong mười đại nguyện không có tâm phân biệt, đều cúng dường bình đẳng, đều xem chúng sanh như Phật, nên họ có thể thành Phật. Trong mắt Phật thấy tất cả chúng sanh đều là Phật, phàm phu thấy Chư Phật Như Lai đều là phàm phu, đây là gì? Là cảnh tùy tâm chuyển. Thế nên vấn đề tâm chúng ta là gì, bên ngoài là cảnh giới gì. Tâm chúng ta là tâm Phật, nên cảnh giới đều là Phật. Chúng ta là tâm Bồ Tát, nên tất cả chúng sanh đều là Bồ Tát. Quý vị thấy là một tỳ kheo phá giới, đó là cách nhìn của quý vị. Phá giới thật hay phá giới giả đều không liên quan đến chúng ta, phải xem chúng ta dùng tâm như thế nào mới là quan trọng. Hy vọng từ nay về sau chúng ta không dùng tâm luân hồi nữa. Dùng tâm luân hồi, quý vị thấy, quý vị nghĩ, quý vị nói, quý vị tạo ra tất cả đều gọi là nghiệp luân hồi. Về sau tiếp tục trôi lăn trong luân hồi không gián đoạn, chính là làm những điều này. Chúng ta nên vứt bỏ tâm luân hồi.

 Tịnh tông là đại thừa, đại thừa là Bồ Tát, ít nhất chúng ta phải dùng tâm Bồ Tát, dùng tâm Bồ Tát nào? Dùng tâm Phổ Hiền Bồ Tát, vì sao vậy? Phẩm thứ hai trong bộ kinh này nói đến: “đức tôn Phổ Hiền”, nên Tịnh tông là hạnh Phổ Hiền, Tịnh tông đều là Bồ Tát Phổ Hiền. Từ đó cho thấy, tu học của Tịnh tông là lấy mười nguyện Phổ Hiền làm chủ. Chúng ta dùng Tam phước, Lục hòa, Tam học, Lục độ hổ trợ, thập đại nguyện vương là chính khoa. Đây là môn học hổ trợ, môn học tuyển chọn tu tập của chúng ta, còn thập đại nguyện vương là môn tu chính. Chúng ta có bốn loại trước, sẽ giúp chúng ta tu viên mãn thập đại nguyện vương, đây gọi là chân tu. Nếu không hiểu đạo lý này, không tu tập như vậy, là không phải đệ tử Phật Di Đà. Đệ tử Phật Di Đà khắp biến pháp giới hư không giới, phổ biến nhận được tôn trọng của tất cả chư Phật Như Lai, nhận được hoan hỷ khen ngợi của tất cả Bồ Tát, chúng ta dựa vào điều gì? Phải hiểu đạo lý này, dựa vào năm môn học này là đúng, năm môn học này có khách chủ.

 Bồ Tát Phổ Hiền là tâm bình đẳng, không phân biệt, không chấp trước. Có phân biệt có chấp trước không phải Bồ Tát Phổ Hiền. Nên trong kinh điển đại thừa Đức Phật nói: Bồ Tát không tu hạnh Phổ Hiền không thể viên thành Phật đạo. Nguyên nhân là gì? Nguyên nhân chính là Bồ Tát Phổ Hiền không có phân biệt chấp trước, chư vị Bồ Tát khác vẫn còn phân biệt chấp trước, ít nhất vẫn còn tập khí của phân biệt chấp trước, Bồ Tát Phổ Hiền không còn.

Khi thành lập Tịnh tông học hội, chúng tôi đặt ra năm môn học của hành môn, khuyến khích mỗi vị đồng học phải tự động tự phát thực hành nó. Nên phước điền này nói đến báo ân phước điền, nói đến công đức phước điền, thành tựu vô lượng vô biên công đức, huống gì Phật lại là thầy chúng ta. Là thầy, vậy Phật cũng là ân điền của chúng ta.

 Thứ ba: “Bần cùng phước điền”. Người bần cùng khốn khổ, chúng ta phải cúng dường họ, phải bố thí cho họ. Quý vị xem Bồ Tát bố thí, Bồ Tát Phổ Hiền cúng dường không gọi là bố thí, công đức không giống nhau. Ngài đối với chúng sanh tôn trọng biết bao, xem chúng sanh như Phật. Nên thế giới Cực lạc thành Phật nhanh, đạo lý chính là đây, khi chưa thành Phật, đã xem tất cả chúng sanh như Phật, cúng dường bình đẳng.

 “Ba loại cúng dường ở trên, đều có thể sanh phước, nên đều gọi là phước điền”. Vậy quý vị muốn hỏi phước cúng dường nào lớn? Phước nào ít hơn? Không ở đối phương, mà do mình dụng tâm, nếu tâm càng chân thành thì được phước càng lớn. Nếu trong lòng mang theo hoài nghi, mang theo ngạo mạn, mang theo sự miễn cưỡng thì phước sẽ ít, chính là đạo lý này. Còn như dùng tâm thanh tịnh bình đẳng giác bố thí người bần cùng, phước báo đó giống như phước cúng dường Phật. Vì sao vậy? Vì Phật thanh tịnh bình đẳng giác. Nên nếu dùng tâm thanh tịnh bình đẳng giác tu cúng dường, phước báo khó mà tính kể được! Phước báo đạt được sẽ là viên mãn. Từ đó cho thấy, mỗi người đều có thể tu phước báo cứu cánh viên mãn mọi lúc mọi nơi. Chỉ là chúng ta không nhận thức được cơ hội ngay trước mắt, chúng ta không biết, quý vị vẫn dùng tâm xót xa đáng thương, thôi cho họ một chút vậy! Như vậy cũng có phước nhưng ít. Lành dữ họa phước hoàn toàn là do tâm mình, tâm địa thật thiện, thật tịnh, thật từ bi, tai họa đều tiêu trừ hết, phước đức liền hiện tiền tất cả.

 Kinh này nói: “tối thắng phước điền, biểu chư Bồ tát ư chủng chủng phước điền trung vi thù thắng”. Phước điền tối thắng là ai? Chúng ta xem từ trong ý nghĩa của câu này, thì phước điền tối thắng là người niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, họ chính là phước điền tối thắng. Vì sao vậy? Vì tuy hiện tại họ chưa đi, nhưng nhất định họ đến thế giới Cực lạc, Bồ Tát đến thế giới Cực lạc là thù thắng nhất trong các loại phước điền. Vấn đề này, nếu không phải kinh văn để trước mắt chúng ta, có mấy người biết được? Được mấy người tin? Quý vị thử nghĩ xem, có đạo lý chăng? Trong thời đại này, tám vạn bốn ngàn pháp môn, chỉ có niệm Phật vãng sanh có thể được độ, ngoài ra là chỉ trồng chút thiện căn mà thôi, đời này vẫn trôi lăn trong luân hồi lục đạo, không thoát ra được! Vì sao vậy? Vì không đoạn được phiền não. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, không có pháp môn nào đới nghiệp vãng sanh, không có, không mang theo nghiệp, nhất định phải đoạn, đoạn quá khó. Chỉ có pháp môn này cho phép đới nghiệp vãng sanh, nên chỉ có pháp môn này có thể giúp chúng ta liễu sanh tử xuất tam giới, có thể giúp chúng ta thành tựu viên mãn Phật đạo ngay trong đời này. Đây chính là thù thắng nhất trong các loại phước điền của Bồ Tát. Vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc quý vị là Bồ Tát, hiện nay chưa vãng sanh vẫn là Bồ Tát chuẩn. Bồ Tát chuẩn trong các loại phước điền vẫn là thù thắng nhất, không ai biết điều này.

 Chúng ta cầu sanh Tịnh độ, thân cận Phật Di Đà, niềm tin này nhất định không được dao động, nhất định không được thay đổi, như vậy quý vị thật sự là Bồ Tát chuẩn. Đây là đại phước điền trong phước điền, không phải là tiểu phước điền.

 Tịnh Ảnh Sớ vân: “Năng sanh vật thiện, danh thắng phước điền”. Vật là tất cả chúng sanh, có thể giúp tất cả chúng sanh sanh thiện, đây chính là phước điền thù thắng. Có thể khiến tất cả chúng sanh sanh khởi thiện căn, gọi là phước điền thù thắng.

 “Nhân tùng thiện căn phục khả sanh trưởng, vô lương chư phước chi quả dữ thiện nhân dã”. Những lời này đều là thật, chỉ có chúng ta như những gì vừa mới nói, tức là thực hành năm môn học: Tam phước, Lục hòa, Tam học, Lục độ, Thập nguyện, vô cùng đơn giản.

 Hơn 20 năm trước, khi tôi còn ở Mỹ chúng tôi đã đề xuất, pháp sư Ấn Hải ở Los Angeles nhìn thấy rất tán thán. Ông nói năm môn này rất dễ nhớ, chính là năm điều, đơn giản rõ ràng, quá nhiều quá tạp nhớ không hết, biến thành hình thức cũng vô dụng. Không nên tạp loạn, yêu cầu hiệu quả thật sự. Nhưng hiệu quả thật, nhất định phải bắt đầu từ ba nền móng căn bản của Nho Thích Đạo, về sau mới được thuận lợi. Nếu không thực hành ba nền móng căn bản ở trước, coi nhẹ nó, năm môn học này biến thành khẩu hiệu, vì sao vậy? Vì chắc chắn quý vị không làm được, nên phải cắm vững gốc rễ!

 Cho rằng Đệ Tử Quy là để dạy các em nhỏ, nên mọi người đều xem nhẹ nó. Học giả, chuyên gia, tiến sĩ, giáo thọ, có mấy người coi trọng Đệ Tử Quy? Mấy người chú trọng Đệ Tử Quy? Khen ngợi Đệ Tử Quy? Không có, nên họ không phải Bồ Tát. Họ không cứu được chúng sanh, không cứu được xã hội. Nếu thật sự hiểu được, sẽ đạt được lợi ích từ Đệ Tử Quy, người này có thể cứu xã hội, có thể cứu đất nước, có thể cứu thế giới. Họ chính là đại phước điền, phước điền thế gian.

 Chúng ta thấy rất nhiều buổi tọa đàm về truyền thống văn hóa, nghe báo cáo của họ. Thậm chí rất nhiều người học tập Đệ Tử Quy, họ chia sẻ tâm đắc, thật sự thay đổi được bản thân. Đó là phước điền, là thật không phải giả. Từ đó cho thấy, nhận thức rất quan trọng, nếu không nhận thức được nó, làm sao có thể thành tựu nó? Quay đầu nhìn lại, hiện nay người nhận thức về đạo Phật rất ít.

 Thời xưa, 150 năm về trước, thời đại thịnh nhất hình như là trước thời Gia Khánh, trong xã hội vô cùng tôn trọng Nho Thích Đạo. Bởi thế xã hội an định, quốc thái dân an, nhân dân hạnh phúc, rất coi trọng lễ tiết. Thịnh thế của truyền thống văn hóa, trong lịch sử có ghi chép. Hiện nay đã suy, suy đến tận cùng, vì sao vậy? Vì không ai tin nó, đối với nó đặt rất nhiều dấu hỏi, hiện tượng này quả thật đáng sợ. Sinh ra quả báo gì? Thiên tai, xã hội động loạn, thảm họa địa cầu. Chúng ta không thể không biết những điều này. Chúng ta sanh trong thời kỳ này, được coi là vô cùng may mắn, gặp được thiện tri thức thật sự. Trải qua nhiều năm học tập, dần dần minh bạch được, thật không dễ! Hiểu được, tin tưởng và khẳng định giáo huấn của thánh hiền, hiện nay thứ còn thiếu là nổ lực thực hành. Nếu như siêng năng hành trì sẽ biến thành như ở đây nói: Phước điền tối thắng. Chúng ta có cần chăng? Phước đức, trí tuệ\_phước đức và trí tuệ viên mãn sẽ thành Phật. Bồ Tát đầy đủ phước điền tối thắng, nhưng chưa viên mãn. Thành Phật là viên mãn, viên mãn sẽ thành Phật.

 Ở đây Hoàng Niệm Tổ nhắc nhở chúng ta, ông nói: đối với hai câu: “vi thế minh đăng, tối thắng phước điền”, ứng với kinh văn bên dưới: “thù thắng kiết tường, kham thọ cúng dường”, đọc một mạch, rất hay. Bốn câu này đọc suốt một mạch: “Vi thế minh đăng, tối thắng phước điền, thù thắng kiết tường, kham thọ cúng dường”. Đặc biệt nhắc nhở chúng ta, quá hay!

 “Kỳ nghĩa tự kiến”, không cần giải thích ý nghĩa quý vị đã hiểu. “Thù thắng kiết tường” chính là thánh hiệu của Bồ Tát Văn Thù\_Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi là dịch âm tiếng Phạn, ý nghĩa trong này tức là thù thắng kiết tường, nên Văn Thù cũng gọi là Diệu Kiết Tường.

 Bên dưới nói Văn Thù- tức Văn Thù Sư Lợi, Văn thù có thể dịch là thắng, diệu, đệ nhất. Sư Lợi có thể dịch là đức, kiết tường. Văn thù Sư Lợi là dịch âm tiếng phạn, ngài là thầy của bảy vị Phật, bảy vị Phật từng là đệ tử của ngài. Ngài đã thành Phật chăng? Đã thành Phật, nhưng lấy thân Bồ Tát xuất hiện trong thế giới này của chúng ta, đây đều là cổ Phật tái sanh.

 “Kinh Đại Nhật gọi ngài Văn Thù là Diệu Kiết Tường. Văn Thù tượng trưng căn bản trí và là thầy của bảy vị Phật, nên gọi là thù thắng kiết tường. Ngày nay Chư Bồ Tát ở thế giới Cực Lạc, đầy đủ trí đức của Văn Thù đại sĩ, thấy được tự tánh rõ ràng phân minh, nên gọi là tối thắng phước điền, có thể nhận sự cúng dường của tất cả trời người”.

 Bồ Tát Phổ Hiền, Bồ Tát Phổ Hiền là hoàn toàn dịch thành nghĩa chữ hán. Phổ là phổ biến, tâm lượng rộng lớn! Tất cả chúng sanh trong biến pháp giới hư không giới đều là thánh hiền, đây gọi là Phổ Hiền.

 Văn Thù tượng trưng căn bản trí, Phổ Hiền tượng trưng hậu đắc trí. Văn Thù chủ trí, Phổ Hiền chủ hành, cũng chính là nói trí tuệ của Văn Thù cần sự hành trì của Phổ Hiền nó mới hoàn toàn biểu hiện ra, thực hành gọi là Phổ Hiền. Bồ Tát Phổ Hiền phóng quang! Trí của Văn Thù là gì? Không phải chính là mười nguyện của Phổ Hiền sao?

 “Lễ kính chư Phật”, ánh sáng rực rỡ của trí tuệ ngài Văn Thù. “Xưng tán Như Lai, quảng tu cúng dường, sám hối nghiệp chướng, tùy hỷ công đức, thỉnh chuyển pháp luân, thỉnh Phật trú thế”, đây là bảy nguyện, ba nguyện sau là hồi hướng.Trong mười nguyện, bảy điều trước là nguyện, đều là hậu đắc trí của Bồ Tát Phổ Hiền, Văn Thù Bồ Tát là căn bản trí. Không có căn bản trí, làm gì có hậu đắc trí?

 Ba hồi hướng là: hồi hướng bồ đề, hồi hướng chúng sanh, hồi hướng thực tế. Đây là những gì Bồ Tát tu, mục đích là gì? Mục đích là cầu vô thượng bồ đề, mục đích là cầu lợi ích chúng sanh, cho nên “hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức”.

 Sau cùng là “Phổ giai hồi hướng”, đây là hồi hướng thực tế, chính là trở về tự tánh. Chúng ta mới thật sự có thể làm được, gọi là làm một cách hoan hỷ. Dùng phương pháp gì để thực hành thập nguyện? Chính là ở trước nói: Lục hòa, Tam học, Lục độ, dùng những phương pháp này để thực hiện.

 Dùng tâm, Tam phước là có chủ tâm. Về mặt sự tướng, chung sống hài hòa với tất cả chúng sanh, phải giữ vững lục hòa. Lục hòa tôi cũng nói rất nhiều, không bắt người khác hòa với mình, mà bắt tôi hòa với họ, như vậy là đúng. Bắt người khác hòa với mình, suốt đời này cũng không làm được. Bắt ta hòa với họ, lúc nào cũng có thể làm được, đây rốt cuộc là nguyên nhân gì? Chúng ta không phải đã chịu thiệt rồi sao? Không phải đã mắc lừa rồi sao?

 Cổ nhân có câu rất hay: “thiệt thòi là phước”. Ai sợ thiệt thòi? Người thế tục sợ chịu thiệt. Ai không sợ thiệt thòi? Người giác ngộ không sợ chịu thiệt. Đề xuất chịu thiệt thòi là phước, đây là thật hay là giả? Là thật. Không tranh với người là thiện, là đức, lúc nào cũng có thể nhường. Người khác thích nói thì mình nghe, cung kính nghe. Nói mệt rồi chẳng phải họ sẽ nghỉ sao?

 Khi tôi đi học ở trường, kháng chiến thắng lợi tôi ở Nam Kinh, học trung học năm thứ ba. Tuổi nhỏ, không thiết thực, tập khí ngạo mạn rất nặng, thích nói xấu người, không có đức. Trong lớp tôi có một bạn, công phu nhẫn nhục quả thật rất tốt, tôi luôn coi thường anh ta. Trước mặt nói xấu anh ta, sau lưng cũng phê bình anh ta. Nhưng người bạn này gặp mặt tôi đều rất ngoan, nói gì cũng nghe, bất luận phê bình như thế nào anh ta không hề nói lại. Anh ta ở sau lưng thì sao? Tôi nghe người khác nói anh ta đều khen tôi, không hề nói xấu tôi câu nào, một năm sau tôi đến xin lỗi anh ta và học tập theo, một chút công phu nhẫn nhục này của tôi là học ở anh ta. Người bạn này họ Bạch, Bạch Chấn Hoàn, bây giờ không biết anh ta ở đâu? Nhiều năm nay không có liên lạc. Tôi rất cám ơn, anh ta đã dùng thân dạy tôi, cảm hóa tôi. Tôi học được cách nhẫn nhục ở anh ta. Anh ta khiến tôi thay đổi tập khí xấu lúc nhỏ, sự chân thành của anh ta khiến tôi cảm động.

 Con người đích thực đều là người tốt, chúng ta thường hay thấy sai. Có nhiều người tốt như vậy nhắc nhở chúng ta, khiến chúng ta giác ngộ, sao có thể không cảm ân được? Cho nên bố thí là phước điền, cúng dường là phước điền, nhẫn nhục cũng là phước điền. Suy nghĩ tường tận những gì Chư Phật Bồ Tát dạy, điều gì không phải là phước điền? Phải lãnh hội tường tận, quan sát tỉ mỉ, nổ lực học tập.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

**Hết tập 491**

# Tập 492

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian:12.07.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 610, hàng thứ bảy từ dưới đếm lên, bắt đầu xem từ câu thứ hai.

 “Kim Cực Lạc chư Bồ Tát, cụ Văn Thù đại sĩ chi trí đức, liễu liễu kiến tự tánh, cố vi tối thắng phước điền. Kham thọ nhất thiết nhân thiên chi cúng dường”.

 Đoạn kinh văn này nói đến phước điền, con người sống trên thế gian này, không thể không có phước báo, phước báo từ đâu mà có? Do tu mà có, vì sao do tu mà có? Vì nhân của nó là tánh đức, nó vốn có trong tự tánh, mê thất tự tánh nó sẽ mất đi. Thế nên phải giác ngộ, giác ngộ là tìm lại được tánh đức, chính là như vậy.

 Con người không thể không có trí tuệ, trí tuệ và phước đức đều là sẵn có trong tự tánh, các bậc tổ tông biết được từ rất lâu. Nên trong Luận Ngữ ghi chép, tôi tin rằng không phải Khổng tử nói. Khổng tử là thánh nhân, tuyệt đối không vọng ngữ, ông nói thái độ học vấn trong đời này của mình là: “Thuật mà bất tác, tín nhi háo cổ”. Hai câu này nói rất hay, thánh nhân làm gương cho chúng ta. Thuật nhi bất tác là nói rõ, trong đời này của ông không có sáng tạo, không có phát minh, là một người rất bình thường. Những gì ông học được, tu được, dạy người và truyền cho hậu thế, toàn là giáo huấn của cổ thánh tiên hiền, ông chỉ thuật lại mà thôi, tức là không có sáng tác phát minh. Đối với cổ nhân “tín nhi háo cổ”, những gì thánh hiền truyền lại ông đều tin không chút hoài nghi, y giáo phụng hành, mà còn vô cùng hoan hỷ. Đây là đức lớn để trở thành thánh nhân trong đời của Phu tử.

 Con người bây giờ đều thích sáng tạo cái mới, có thể sáng tạo ra cái mới chăng? Được, sáng tạo những thứ gì? Những điều kỳ lạ cổ quái trái với tánh đức. Kết quả của nó là khiến thế giới động loạn, khiến địa cầu trở thành như vậy. Phải chăng trí tuệ năng lực của thánh nhân không bằng chúng ta? Không phải, họ rất thông minh.

 30 năm gần đây, không dài, các nhà khoa học cận đại, đặc biệt là các nhà khoa học nghiên cứu lượng tử, nghiên cứu vũ trụ. Chúng ta đọc luận văn của họ, những gì họ phát hiện được người xưa hoàn toàn hiểu, cũng từng nói đến, trong kinh Phật nói càng tường tận. Chúng ta phải nghĩ vì sao họ biết? Sẽ không thể không thừa nhận họ có trí tuệ, trí tuệ từ đâu mà có?

 Trong Luận Ngữ Khổng tử nói: “Nhân tánh bổn thiện”, thiện này không phải thiện của thiện ác, mà là gì? Tánh của con người nó đầy đủ tất cả, trong nhân tánh có trí tuệ viên mãn, có đức năng viên mãn, có đức hạnh, có năng lực, có tướng hảo viên mãn. Người bây giờ gọi tướng hảo là phước đức, họ đều có. Phật thừa nhận, đạo cũng thừa nhận, cả tam giáo Nho Thích Đạo đối với vấn đề này, đều có thái độ khẳng định tuyệt đối.

 Đức Phật dạy rằng: Tất cả chúng sanh vốn là Phật. Chúng ta nên biết trí tuệ của Phật, công đức của Phật, tướng hảo của Phật đều đạt đến cứu cánh viên mãn, không ai vượt qua được. Đó là tánh đức của tự tánh, nó vốn viên mãn. Thế nên Đức Thế Tôn nói: “Tất cả chúng ta vốn là Phật”, vì sao bây giờ trở thành như vậy? Là một niệm bất giác, trong tự tánh xuất hiện vô minh, tự tánh hiện ra vô minh không phải thật, là giả, đây chính là một niệm mê tình. Đáng tiếc họ không quay đầu, không quay đầu biến thành hiện tượng gì? Càng mê càng sâu, ngạn ngữ nói: “Tích trọng nan phản”, trở thành không quay đầu được, mê từ khi nào? Nói thật cho quý vị biết, chính là ngay tại đây, vì sao vậy? Vì thời gian là giả, không có quá khứ, vị lai. Không gian cũng là giả, không có khoảng cách xa gần, hiện nay khoa học đã chứng minh. Đức Thế Tôn nói cách đây 3000 năm trước, có thể chứng minh chăng? Được, nhà Phật coi trọng nhất chính là phải chứng minh, đây là gì? Tinh thần của khoa học, khoa học là phải có chứng cứ.

 Phật pháp cũng cần chứng cứ, quý vị xem điều đầu tiên Phật pháp dạy quý vị tin, sau đó mới dạy quý vị lý giải, hiểu rõ ràng minh bạch, thêm bước nữa là dạy quý vị y giáo phụng hành. Cứ thực hành theo tuần tự như vậy, ở sau sẽ là chứng quả. Chúng ta hành mà chưa chứng, Phật không thừa nhận, có thành tựu nhưng Đức Phật không thừa nhận thành tựu đó, nhất định phải chứng. Chứng là gì? Chứng kiến giải nhất định phải tương đồng với ngài, vì sao vậy? Vì đó là chân lý, vĩnh hằng bất biến, coi trọng nhất là chứng. Chứng cũng có tầng lớp, có sâu có cạn. Cạn nhất là A la hán, A la hán chứng minh lục đạo là thật, thật sự có điều này. Nhưng điều này là hư huyễn, giống như nằm mộng vậy, mộng tỉnh thì không còn. A la hán như thế nào? Họ đã tỉnh mộng, đây là chứng được tầng thứ nhất, tầng lớp thấp nhất, lục đạo là giả. Nhưng nếu không biết, khi nằm mộng không biết là mình đang trong mộng. Mộng thấy con cọp muốn ăn thịt quý vị, sợ đến tỉnh ngũ, mồ hôi lạnh ướt đẫm toàn thân. Khi giật mình tỉnh dậy, thì mộng là giả không phải thật. Nếu khi ở trong mộng biết đây là giả, xả thân cho hổ ăn thì tốt biết mấy, không cần phải sợ hãi như vậy, do không biết đây là giả. Đây là A la hán.

 Bồ Tát chứng được cao hơn, cao hơn A la hán, trong tứ thánh pháp giới có bốn giai cấp: Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, Phật. Thanh văn và Duyên giác là giai cấp tiểu thừa, chính là sơ cấp, tầng lớp thứ nhất. Tầng lớp thứ hai là Bồ Tát và Phật trong mười pháp giới, tầng cao nhất thì sao? Là bên ngoài mười pháp giới, không ở trong mười pháp giới, thoát ly mười pháp giới, là cõi thật báo trang nghiêm của Chư Phật Như Lai.

 Chúng ta đã học rất nhiều, bây giờ rốt cuộc đã rõ ràng, minh bạch cõi thật báo trang nghiêm nương vào điều gì để thành tựu rồi? Vũ trụ này từ đâu mà có? Dựa vào điều gì mà có? Tập khí vô thỉ vô minh, nếu đoạn tận tập khí vô thỉ vô minh, cõi thật báo cũng không còn. Phù hợp với trong kinh đại thừa Đức Phật thường nói: “phàm sở hữu tướng giải thị hư vọng”, đức Phật không nói cõi thật báo trang nghiêm của Chư Phật Như Lai là ngoại lệ, không nói như vậy.

 Vấn đề này hiện nay Max Planck người Đức đã chứng minh, đây là nhà vật lý học cận đại, suốt đời chuyên nghiên cứu lượng tử, ông là thầy của Einstein, học sinh cũng có một nhân tài kiệt xuất như vậy. Ông nói rằng: Thế giới này căn bản là không có cái gọi là vật chất tồn tại. Đức Phật nói sao? Không phải ở thế giới này, mà toàn thể vũ trụ, biến pháp giới hư không giới có vật chất tồn tại chăng? Không có, Max Planck phát hiện được điều này, ông chuyên môn nghiên cứu vật chất rốt cuộc là gì, nghiên cứu đến sau cùng ông đã phát hiện. Khoa học phát hiện được điều này, quả là đáng nể. Theo dõi, theo dấu vết đến sau cùng, thì ra vật chất là huyễn giác do tinh thần phát sinh ra. Nên cơ sở vật chất là ý niệm, chính là ý niệm của chúng ta, ý niệm biến thành hiện tượng vật chất. Vấn đề này trong kinh Đức Phật nói còn tường tận hơn. Ông nói rất giống với những gì Phật dạy, nhưng ông không nói con số ra, Đức Phật nói ra chữ số. Hiện tượng này sinh ra như thế nào? Như chúng ta xem ti vi, xem phim, ti vi quá tinh tế tỉ mỉ không dể lãnh hội, điện ảnh dể hơn. Điện ảnh trước đây, đây là âm bản của điện ảnh, đại khái đoạn này có 24 tấm phim đèn chiếu, một giây trong máy chiếu phim, một giây quý vị xem ống kính mở ra là một tấm phim chiếu lên màn hình. Nó là đoạn phim bất động, nhưng nó rất nhanh, lập tức thụt vào đóng lại và tấm thứ hai xuất hiện. Vì tốc độ nó quá nhanh, một giây 24 tấm. Trong một giây nhìn thấy trên màn hình, cảm giác giống như là thật, thật sự có điều này, quý vị không cách nào phân biệt từng tấm một. Thật ra mỗi tấm đều không giống nhau, không có tấm nào tương đồng. Quý vị thấy được hình ảnh, hình như là có thật, hiện tượng vật chất thực sự tồn tại. Bây giờ chúng ta quay đầu nhìn lại, thế giới hiện thực này của chúng ta, những hiện tượng vật chất này rốt cuộc là sao? Hoàn toàn tương đồng với nguyên lý này, tốc độ rất nhanh, điện ảnh một giây phát ra 24 tấm. Nhưng một giây hiện tại ông không nói, chỉ nói là tốc độ cực nhanh. Ông không nói ra con số, nhưng trong Kinh Phật có nói, trong kinh Phật nói một giây có bao nhiêu lần? 1600 triệu, còn Max Planck chỉ nói tốc độ cực nhanh.

 Ý niệm này có thể thấy được ý niệm của chúng ta, đức Phật nói ý niệm vi tế mình không biết được, tất cả mọi hiện tượng đều là: “đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận”. Cũng chính là tại đây sanh ra, và tại đây diệt tận, giống như màn hình điện ảnh vậy. Quý vị xem ống kính vừa mở là lập tức sinh ra, vừa đóng lại là lập tức diệt tận. Thời gian không gian đều là huyễn tướng, toàn là ý niệm tạo thành, như trong kinh Phật thường nói: “Nhất thiết pháp tùng tâm tưởng sanh”. Khái niệm này vô cùng quan trọng, quả thật rất quan trọng.

 Ý niệm từ đâu mà có? Max Planck cũng đang truy cứu, nhưng ông cũng đành chịu. Ông nói ý niệm từ đâu mà có? Ý niệm là từ không sanh ra có. Chúng ta nghe hiểu, vì trong kinh đại thừa Đức Phật đã nói, từ đâu mà có? Chính là đến từ tánh bổn thiện, bởi thế thiện này không phải là thiện của thiện ác, thiện ở đây là gì? Tất cả đều đầy đủ, trong tự tánh đều đầy đủ. Chỉ cần có ý niệm nó liền xuất hiện, đây là triết học cao cấp, khoa học cao cấp.

 Bởi thế những thành tựu của khoa học, chúng ta có lý do tin rằng hai ba mươi năm sau, kinh Phật không phải Tôn giáo, mà đã biến thành khoa học, trở thành khoa học cao cấp. Những gì các nhà khoa học không thể chứng minh, trong kinh Phật có. Những gì khoa học không nói rõ ràng, Phật nói rõ ràng hơn, quá tuyệt diệu!

 Ý niệm là gì? Ý niệm chính là nhất niệm, tất cả pháp từ tâm tưởng sanh. Tâm tưởng cũng không phải thật, nó sinh ra từ trong một niệm bất giác, một niệm giác nó sẽ không còn. Khi không còn, thế giới của Chư Phật Bồ Tát cũng không còn, cũng không phải thật. Nhưng nó tồn tại thời gian rất lâu, thời gian tồn tại là ba A tăng kỳ kiếp, chúng ta thường nói là vô lượng thọ, thế giới của họ vĩnh hằng bất hiến. Vì sao bất biến? Vì người ở đó không có phân biệt, không có chấp trước, nên thế giới mãi mãi tốt đẹp. Người ở thế giới chúng ta mỗi niệm đều có phân biệt chấp trước, nên khiến nó hư hoại. Hiểu được đạo lý này, ngày nay những thảm họa trên địa cầu giải quyết dễ chăng? Rất dễ.

 Như Bladen, nhà khoa học của Mỹ nói\_đây là năm ngoái giới khoa học khai hội ở Sydney, thảo luận chuyên đề về lời dự ngôn của Maya trong năm 2012, tức là sang năm. Tôi xem kết quả báo cáo, có một nửa thừa nhận rất có thể xảy ra, một nửa khác cho rằng có thiên tai, nhưng không nghiêm trọng. Hai trường hợp này hầu như là 50/50, chúng ta lý giải về kết luận này. Bladen người Mỹ nói rất hay, làm sao để đối phó? Ông nói: Hy vọng cư dân trên địa cầu đều có thể bỏ ác dương thiện, cải tà quy chánh, đoan chánh tâm niệm. Như vậy không những thiên tai được hóa giải, mà còn đưa xã hội đi đến một tương lai tốt đẹp hơn. Chúng ta đồng ý cách nói này, vì sao vậy? Vì kinh Phật cũng nói như vậy. Phật dạy chúng ta đoạn ác tu thiện, còn ông ta nói bỏ ác dương thiện. Hai câu cải tà quy chánh, đoan chánh tâm niệm rất giống với Đức Phật nói.

 Ý niệm của con người có thể thay đổi thế giới, khoa học không thể, vì sao không thể? Vì cốt yếu nghiên cứu của khoa học là vật lý, họ không biết vật này từ đâu mà có, xưa nay chưa có nhà khoa học nào nói: Vật chất do ý niệm biến hiện ra. Chưa có ai nói như vậy, Max Planck là người đầu tiên, ông ta đã phát hiện. Vật lý phát hiện được vấn đề, nhưng không giải quyết được vấn đề, ý niệm có thể giải quyết vấn đề.

 Tiến sĩ Giang Bổn Thắng người Nhật làm thí nghiệm nước, chứng minh vấn đề này là thật, ông làm một thử nghiệm ở hồ Tỳ Bà. Hồ Tỳ Bà của Nhật lớn giống như biển vậy, ở nơi một eo biển, nước nơi eo biển này không lưu thông, hơn 20 năm nay rất dơ bẩn, vô cùng hôi hám. Ông tập trung 350 người và mời một vị hòa thượng hơn 90 tuổi, lãnh đạo mọi người cầu nguyện bên hồ này, thời gian một tiếng. Cầu nguyện vô cùng đơn giản, 350 người và vị hòa thượng này, trong một tiếng đồng hồ đó hy vọng mọi người buông bỏ tất cả mọi ý niệm. Chỉ nghĩ một câu: Nước hồ sạch sẽ. Chỉ khởi ý niệm như vậy, ở sau thêm vào ba chữ: “Tôi yêu bạn”. Khởi lên ý niệm với hồ nước: “Nước hồ rất sạch sẽ, tôi yêu bạn”. Trong lòng nghĩ như vậy và miệng đọc một câu này. 350 người đọc như vậy một tiếng, đến ngày thứ ba hồ nước quả thật sạch sẽ! Mùi hôi và dơ bẩn trước đây không còn, hồ nước rất trong, gió yên bể lặng, giống như một tấm kính vậy, cảnh tượng bên ngoài đều soi vào trong hồ. Báo chí đến lấy tin tức, báo chí, tuyền hình đều đưa tin này, rất đáng để mọi người kinh ngạc. Hồ nước duy trì được sáu tháng, một lần cầu nguyện hiệu quả duy trì được sáu tháng. Tôi nói với tiến sĩ Giang Bổn Thắng, ông nên cầu nguyện hai tháng một lần, hồ nước đó không phải sẽ trong sạch hoài sao? Đây là ý niệm có thể thay đổi hoàn cảnh vật chất bên ngoài. Hiểu được đạo lý này, thì ngày nay thiên tai trên địa cầu nhiều như vậy, chúng ta dùng ý niệm tốt. Chẳng hạn như động đất, dùng ý niệm tập thể của chúng ta cầu nguyện: động đất không còn, động đất không còn, quả thật là không còn động đất. Sóng thần không còn, song thần không còn, sóng thần thật sự không còn nữa. Ý niệm tập thể có thể thay đổi tất cả, đạo lý này trong kinh Phật nói rất thấu triệt. Vì vật chất là ý niệm biến hiện ra, nên trong kinh Đức Phật thường hay nói: “Cảnh tùy tâm chuyển, tướng tùy tâm chuyển”. Tướng là đối với một người, tướng mạo của mỗi chúng ta, trạng thái thân thể mạnh khỏe, ai làm chủ? Ý niệm làm chủ. Chỉ cần ý niệm thanh tịnh sẽ mạnh khỏe sống lâu, thuốc nào, đồ bổ nào cũng không cần, cơm canh đạm bạc là đủ.

 Trước đây thầy Lý nói với tôi: Thọ mạng bình thường của con người là 200 tuổi, vậy tại sao con người lại không sống đến 200 tuổi? Tự mình đã chà đạp bản thân, không biết bảo dưỡng. Bởi thế người giống như một bộ máy, thọ mạng bình thường, đáng lẽ có thể sử dụng 200 năm, do quý vị không biết nên tự chà đạp mình, chà đạp chính mình.

 Tôi viết một đoạn văn rất ngắn gọn đơn giản, bây giờ tôi thêm vào một câu. Bài viết này lần trước quý vị đã xem qua, tôi thêm vào một câu đặt ở đầu tiên: “Sát đạo dâm vọng tửu là tất cả ác nghiệp”, quý vị tạo nghiệp sát đạo dâm vọng tửu. Vì sao tạo nghiệp này? Vì có tất cả nhân của bệnh là: Tham sân si mạn nghi, và tất cả nguồn gốc của bệnh là: Oán hận não nộ phiền. Quý vị có những thứ này, tức là đang tự chà đạp bản thân. Nếu không tạo sát đạo dâm vọng tửu sẽ không có những thứ này, trong tâm không có tham sân si mạn nghi, trong biểu cảm không có oán hận não nộ phiền, quý vị sẽ mạnh khỏe trường thọ. Có những thứ này, tạng phủ không điều hòa, tức là chúng ta sinh bệnh. “Thiên địa biến dị”, hiện nay địa cầu phát sinh biến hóa, đây là tất cả bệnh quả. “Tật khổ đoản mạng, tự nhiên tai họa”, đây là tất cả báo bệnh\_nhân duyên quả báo, làm sao cứu được? Nhân lễ nghĩa trí tín là lương dược của tất cả mọi căn bệnh, nếu thực hành được nhân lễ nghĩa trí tín, nó chính là ngũ giới. Nhân là không sát sanh, nghĩa là không trộm cắp, lễ là không tà dâm, trí là không uống rượu, tín là không vọng ngữ, tức là ngũ giới.

 Quý vị xem, các bậc cổ đức nói về ngũ thường, nhà Phật nói về năm giới, như vậy là được! Ép bản thân thực hành nó một cách nghiêm khắc, quý vị sẽ được mạnh khỏe trường thọ. Không những mạnh khỏe sống lâu, mà còn có thể xuay chuyển tất cả bệnh tật, chữa lành tất cả, nơi cư trú cũng không có thiên tai. Quả là tuyệt vời, các bậc tổ tông thông minh hơn chúng ta, tuyệt vời hơn chúng ta, không được khinh mạn.

 Thế nên hiểu Phật pháp không có gì khác, Phật pháp nói gì? Chân tướng của nhân sinh vũ trụ, hiểu rõ ràng minh bạch chân tướng. Cũng may khoa học hiện nay đem những gì trong Phật pháp nói, những chỗ then chốt, những chỗ khó hiểu nhất, dùng phương pháp khoa học chứng minh, đây là việc tốt! Rất đáng để chúng ta cổ vũ. Chúng ta khẳng định trí tuệ của Đức Phật, trí tuệ của Bồ Tát, hẳng định đức hạnh của họ, khẳng định những trí tuệ đức hạnh này có thể hóa giải thiên tai, có thể giải trừ bệnh khổ cho chúng ta, có thể giúp chúng ta đạt được phước báo đáng đạt được.

 Phước báo đầu tiên là thọ mạng, 200 tuổi là thọ mạng bình thường, quý vị đáng đạt được. Đây là cơ khí có thể rất hữu ích, nhưng trong cơ khí này có linh tánh. Điều này khoa học gia cũng phát hiện, đó chính là linh tánh trong vật chất. Một hạt cát, các nhà khoa học nói còn nhỏ hơn hạt cát. Nguyên tử, hạt căn bản, hạt vi lượng, lượng tử càng phân càng nhỏ.

 Hoàng Niệm Tổ học khoa học, trong kinh này ông nói, cũng là gần đây các nhà khoa học phát minh trung vi tử, cũng chính là lượng tử, nhỏ đến mức độ nào? Nguyên tử chúng ta biết rất nhỏ, mắt thịt không nhìn thấy được. Trong nguyên tử là một hạt nhân nguyên tử, bao quanh hạt nhân nguyên tử là điện tử, điện tử rất nhỏ. Ông nói so sánh trung vi tử và nguyên tử là một phần trăm ức của nguyên tử. Hay nói cách khác, một trăm ức trung vi tử mới tổ hợp thành một điện tử, năng lượng của trung vi tử vô cùng lớn, có thể xuyên qua\_ở sau có một ghi chép đơn giản\_ông nói có xuyên qua mười ức cây số. Nên nhớ, mười ức cây số không phải chỉ một địa cầu.

 Địa cầu chúng ta từ Trung quốc bay đến Mỹ là một vạn cây số, Trung quốc qua bên kia Thái Bình Dương là một vạn cây số. Vậy mười ức cây số là bao nhiêu địa cầu? Trung vi tử có thể xuyên qua nhẹ nhàng.

 Vật nhỏ như vậy, nó là vật chất, vật chất nhỏ nhất, không thể phân thêm nữa. Trong vật chất này có tinh thần, chính là thọ tưởng hành thức, nó có những thứ này. Bởi thế hiện nay các nhà khoa học biết toàn thể vũ trụ là có cơ thể, không có vật chết, toàn là sống, vật nhỏ như vậy là sống. Vì nó là sống, nên nó thấy được, nghe được, hiểu được ý người. Chúng ta khiến nó thấy được sự tốt đẹp, nghe được điều tốt đẹp. Chúng ta cho nó tin tức tốt, nhân lễ nghĩa trí tín là tốt nhất. Nó hồi báo chính là biến ra ngày càng đẹp, thế giới này sẽ rất tốt đẹp.

 Thế giới Cực Lạc không khác gì thế giới của chúng ta, giống nhau, nhưng vì sao thế giới đó lại tốt đẹp như thế, còn thế giới của chúng ta lại biến thành như vậy? Cư dân ở thế giới đó tâm tốt, ý niệm tốt, hành vi tốt, không có gì không tốt, nên chiêu cảm sơn hà đại địa, được con người xưng là thế giới Cực Lạc, đạo lý chính là ở đây.

 Ngày nay chúng ta phạm khuyết điểm, giống như những gì ở đây nói: Sát đạo dâm vọng, đây là hành vi của quý vị, tham sân si mạn nghi là tâm của quý vị, oán hận não nộ phiền là biểu cảm của quý vị, đều là bất thiện! Thế nên đã khiến thế giới trở thành như vậy, điều này không thể trách người khác. Trong Phật pháp thường nói tự làm tự chịu, nhất định đừng trách người khác, người khác hoàn toàn không liên quan gì đến quý vị, tất cả đều là chính mình làm.

 Hiện nay chúng ta nói tu hành, tu gì? Chính là đoạn tận 15 chữ này, đây gọi là tu hành. Thân, nhất định không làm sát đạo dâm vọng tửu, tâm chắc chắn không có tham sân si mạn nghi, biểu cảm tuyệt đối không có oán hận não nộ phiền. Nếu có thể xóa được 15 chữ này, bảo đảm quý vị mạnh khỏe trường thọ.

 Mười mấy năm gần đây, tôi thường tham gia những hoạt động về hội nghị hòa bình trên quốc tế. Nhân viên dự hội không gì khác, vừa gặp mặt hầu như mỗi người đều hỏi: Thầy à, thầy bảo dưỡng bằng cách nào vậy? Thầy dùng phương pháp bảo dưỡng gì? Tôi không dùng gì cả, ăn uống sinh hoạt rất bình thường. Nói thật chính là những thứ này còn ít hơn người khác nữa, đây là thật không phải giả, tôi không dùng bất cứ thứ bổ dưỡng nào. Người ta hỏi, mỗi ngày thầy uống thuốc bổ gì? Tôi nói uống nước lọc, không có những thứ này, thân tâm rất an vui! Đoạn tận tham sân si mạn, xả bỏ danh văn lợi dưỡng, không theo duổi những thứ này. Nên nhớ, sống trên thế gian này, đối với người không tranh, đối với thế gian vô cầu, không có xung đột thiệt hại với bất cứ ai, an vui biết bao! Người ta làm bạn với chúng ta, họ không cần phòng bị gì cả, vì sao? Người này là người tốt, tuyệt đối không có ý niệm hại người, tuyệt đối không có hành vi hại người. Người khác tổn thương chúng ta, chúng ta tiếp nhận, cũng không để nó trong lòng, rất an lạc. Còn như để trong lòng, không phải đã có oán hận não nộ phiền rồi ư? Không để trong lòng, vì sao không để trong lòng? Là giả không phải thật, hà tất coi là thật? “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, vì sao họ có hành vi này? Ngộ nhận, khó tránh người ngộ nhận, vĩnh viễn dùng tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng đối nhân tiếp vật, thành tựu công đức cho chính mình, thành tựu trí tuệ cho chính mình. Như Bồ Tát của thế giới Cực Lạc, đều đầy đủ trí đức thông tuệ như Bồ Tát Văn Thù, nên họ thành tựu phước điền thù thắng nhất. Người khác cúng dường họ nhất định được phước báo.

 Hách dịch, hách có nghĩa là minh, dịch có nghĩa là thạnh. “Hùng mãnh”, trong Phẩm Thọ Ký Kinh Pháp Hoa nói: “Đại hùng mãnh Thế Tôn”. Hai chữ hùng mãnh này là khen ngợi Đức Thế Tôn, vì sao vậy? Vì đức Thế Tôn đoạn tận tất cả phiền não, gọi là hùng. Chữ hùng này là anh hùng, định nghĩa của anh hùng là việc người khác không làm được nhưng quý vị có thể làm được, đây là anh hùng.

 Đại hùng bảo điện trong chùa, đó là ai? Đức Thế Tôn, gọi Đức Thế Tôn là đại anh hùng, người khác không làm được. Chính là người khác không đoạn được phiền não, nhưng Thế Tôn đoạn được, đoạn tận kiến tư phiền não, đoạn tận trần sa phiền não, đoạn tận vô minh phiền não, ngài đã thành Phật.

 Trong Phật pháp nói, đoạn tận kiến tư phiền não là chứng được A la hán. Đoạn tận trần sa phiền não sẽ thành Bồ Tát. Đoạn tận vô minh phiền não là thành Phật. Ba loại phiền não lớn này, ba loại lớn này ngài đều đoạn một cách sạch sẽ, xưng ngài là đại hùng, dõng mãnh tinh tấn, nên gọi là hùng mãnh.

 Mãnh là tiến lên. Tịnh Ảnh Sớ nói: “Phật ở thế gian, là bậc hùng mãnh nhất”, cũng là ý này. “Vô úy ư đại chúng trung, thuyết pháp vô sở úy cụ chi đức”. Vì trí tuệ đức hạnh của ngài viên mãn, đối với tất cả pháp thế xuất thế gian thông đạt vô ngại. Ngài lên bục diễn giảng trước đại chúng không hề luống cuống, đây là đức thuyết pháp vô úy.

 Trong Đại Thừa Nghĩa Chương lại nói rất hay: “Hóa tâm bất khiếp, danh vi vô úy”. Giáo là giáo hóa, tâm giáo hóa chúng sanh không hề sợ hãi, người thường không làm được. Chúng ta trong lúc dạy học thường nơm nớp lo sợ.

 Tôi nhớ mười năm trước, tôi đã giảng kinh dạy học 43 năm, gặp hiệu trưởng của trường đại học Cách Lý Phi Tư, hiệu trưởng của đại học Côn Sĩ Lan, họ hỏi tôi một câu. Họ nói: Thầy à, trong suốt 43 năm dạy học, thầy có gặp học sinh nào đưa ra câu hỏi mà thầy không giải đáp được? Tôi suy nghĩ, hình như không có! Nhưng chúng tôi rất hồi hộp, không giám nói tôi có thể trả lời quý vị, không trả lời được tôi liền nói không được, hình như chưa gặp trường hợp này. Hiệu trưởng trường đại học Cách Lý Phi Tư nói, thầy quả thật là một hiệu trưởng giỏi! Tôi không ngờ rằng ông ta quyết định tặng tôi học vị tiến sĩ, tôi bảo vệ đạt được học vị tiến sĩ chính là câu nói này. Sau khi tặng tôi học vị này, hình như là hai năm sau, đại học Nam Côn tặng tôi thêm một học vị nữa, đại học Hồi Giáo của Indonesia tặng tôi một học vị. Nhưng chúng tôi không giám, thật sự không giám, luôn dè dặt cẩn thận.

 Phu tử nói rất hay: “Biết thì nói biết, không biết thì nói không biết”, chúng ta tuyệt đối không miễn cưỡng chính mình. Có gì chúng tôi đều nói trước, chúng ta chưa thành Phật, chưa khai ngộ. Những gì tôi biết tôi sẽ trả lời, còn như tôi không biết quý vị đừng trách tôi. Nhưng thật sự chưa gặp trường hợp không thể giải đáp những câu hỏi khó. Bởi thế giáo hóa chúng sanh tâm không khiếp sợ, Chư Phật Bồ Tát làm được, chúng ta không làm được, mà luôn hồi hộp lo sợ.

 “Ư hóa độ chúng sanh, vô hữu khiếp nhu chi tâm, danh vi vô úy. Tướng hảo tức 32 tướng, 80 vẽ đẹp, đích thực tướng tùy tâm chuyển. Quý vị nổ lực tu tâm, tâm địa lương thiện tướng mạo sẽ biến thành tốt đẹp. Hiểu được đạo lý này thì đừng đi thẩm mỹ viện, thẩm mỹ rất dễ chết người, là phá hoại hiện tượng tự nhiên của quý vị.

 Ở Úc Châu có một người làm công quả, tuổi tác không lớn, khoảng hơn 40, tôi thường thấy bà vô cùng đau khổ. Tôi nói, bà làm gì thế, có bệnh gì sao? Lúc trẻ bà thích đẹp nên đi sửa sắc đẹp, 20 năm sau khuyết điểm bắt đầu phát tác. Tôi nói bà tự làm tự chịu, cha mẹ sanh bà ra khuôn mặt đó là tự nhiên, nếu muốn thay đổi nó thì nên tu đức. Trong kinh Đức Phật thường nói: “Tướng tùy tâm chuyển”, chúng ta nói tùy tâm chuyển. Quý vị xem, khi hoan hỷ, khuôn mặt chúng ta rất dể nhìn, còn khi phiền não, khuôn mặt rất khó nhìn. Đây không phải chính là thường thường có biến hóa chăng? Cùng một đạo lý, nếu thường sanh tâm hoan hỷ, khuôn mặt chúng ta ngày càng đẹp. Tâm địa thanh tịnh, tâm địa bình đẳng, tâm địa an vui, khởi tâm động niệm tương ưng với nhân lễ nghĩa trí tín, như vậy là được.

 Trong suốt ngàn vạn năm, các bậc tổ sư dạy chúng ta, cương lĩnh chung chỉ có bốn câu, chúng ta gọi nó là tứ khoa, bốn khoa mục. Thứ nhất là Ngũ luân, ngũ luân là nói mối quan hệ. Mối liên quan này không phải có ai sáng tạo, không phải người nào đó nghĩ ra, không phải, là tự nhiên, đây gọi là tánh đức. Cha con là tự nhiên, vợ chồng cũng là tự nhiên. Quân thần là lãnh đạo và bị lãnh đạo, đều là tự nhiên. Lớn nhỏ, bạn bè tất cả đều thuộc về tự nhiên. Thế nên Tổ tông dạy chúng ta, nên dùng tâm thái nào để xử lý những mối quan hệ tự nhiên này? Phụ tử hữu thân\_thân ái, thân ái là thiên tánh, không có ai dạy. Quý vị thấy trẻ em lúc bốn năm tháng, cha mẹ đối đãi với đứa bé này, đứa bé tuy không biết nói, nhưng xem nhãn thần của nó, biểu hiện của nó, nó có thể nhận ra được tình yêu thương đó của cha mẹ. Nên phụ tử hữu thân vào thời đó rất rõ ràng, không hề giả dối! Chư vị tổ tông biết, nền giáo dục phát sinh từ đây, vì sao vậy? Họ hy vọng tình thân này, thân ái của thiên tánh, làm sao để giữ gìn nó mãi mãi đừng để mất đi. Bởi thế mục đích đầu tiên của nền giáo dục xưa chính là đây, quá sức vĩ đại. Mục đích giáo dục thứ hai là hy vọng phát triển rộng rãi tình thân này. Không những yêu thương cha mẹ mình, yêu thương anh em chị em mình, yêu thương ông bà mình, yêu thương chú bác mình, chính là yêu thương gia tộc của mình. Lớn hơn nữa là yêu thương giúp đỡ người trong làng, và thôn dân lân cận. Mở rộng thêm nữa là yêu thương bảo hộ xã hội, yêu thương hộ trì quốc gia, yêu thương bảo hộ dân tộc. Đến sau cùng: “Phàm là người đều phải yêu”, yêu thương bảo hộ thiên hạ, đây là nền giáo dục truyền thống xưa. Nền giáo dục truyền thống xưa là nền giáo dục thương yêu, trong thương yêu này có đức hạnh. Từ nền giáo dục này, trong mối quan hệ này. Làm sao để đem toàn bộ mối quan hệ này, xử lý một cách hài hòa dung hợp. Nên mới đưa ra ngũ thường, chính là nhân lễ nghĩa trí tín.

 Thường là gì? Là vĩnh viễn không thể thay đổi. Bất luận lúc nào, thái bình thịnh thế hay là thế gian nguy loạn đều không thể thay đổi. Mọi lúc mọi nơi phải giữ vững: “Nhân giả ái nhân”, thứ mình không thích, đừng đem cho người khác, đây là nhân.

 Nghĩa là hợp lý, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác như lý, như pháp, hợp tình, chu đáo mọi mặt\_hợp tình, hợp lý, hợp pháp. Lễ là lễ tiết, rất quan trọng, nhất định không thể bỏ qua, đặc biệt là đối với người thân. Ngày xưa phu thê có lễ, cha con anh em đều có lễ tiết, không thể nói ngày ngày ở trong nhà hà tất phải như vậy? Giữ lễ tiết có mối quan hệ rất lớn, có nó trong gia đình quý vị mới ngăn nắp. Nếu phế bỏ sẽ có vọng niệm khởi lên, dần dần đến sau cùng trở thành cha không ra cha, con không ra con, đó là người mất nhà tan. Lễ có thể duy trì bảo hộ thân tâm con người mạnh khỏe, tiếp theo là duy trì gia đình, duy trì bảo hộ những người xung quanh, duy trì xã hội, duy trì quốc gia, duy trì thế giới. Tác dụng của lễ rất lớn! Qủa thật rất lớn, sao có thể không chú trọng?

 Ngày xưa từ thời Hán Vũ Đế áp dụng học thuyết Nho giáo để trị quốc, để giáo dục quốc dân trên toàn quốc cho đến thời Mãn Thanh. Bao nhiêu lần thay đổi triều đại, nhưng lý niệm này không thay đổi, hoàn toàn là lấy lễ trị thiên hạ, người xưa nói đây là chân lý. Nếu không nói đến lễ, xã hội sẽ loạn.

 Thế giới ngày nay là thế giới động loạn, không có thứ gì không loạn, do nguyên nhân gì? Do không có lễ. Họ không có, tôi phải có, họ loạn, tôi không loạn. Họ loạn, cuộc sống hằng ngày rất đau khổ. Tôi giữ vững, tôi sống những ngày tháng rất an vui.

 Ngày nay chúng tôi thờ hình ảnh cha mẹ, thầy tổ tại giảng đường, nghĩa là sao? Để đề xướng hiếu thuận cha mẹ, tôn sư trọng đạo, dụng ý là như vậy. Mỗi lần vào học chúng tôi đều cúi đầu kính lễ thầy, đều thăm hỏi cha mẹ, “niệm niệm bất vong, dân đức quy hậu”. Làm sao để đào tạo ra thật thà trung hậu? Chính là bồi dưỡng bằng cách đó. Người trung hậu thật thà có phước báo, chịu thiệt không sao. Các bậc tổ tông dạy chúng ta: “Chịu thiệt là phước”, người chịu thiệt thòi được nhất định có phước báo, có phước về sau. Hay nói cách khác, người chiếm lợi ích không có phước báo tốt, lúc nào cũng muốn chiếm lợi ích, tương lai rất phiền phức, nên cần phải hiểu đạo lý nhân quả.

 Tướng hảo, có 32 tướng tốt, 80 vẽ đẹp, nên chúng ta đều thích tướng hảo. “Hách dịch” nghĩa là quang minh thù thắng, mỗi người chúng ta đều hy vọng được tươi cười rạng rở. Đây đều là nội tâm tu dưỡng biểu hiện ra bên ngoài, gọi là: “Tồn chư tâm nhi hình ư ngoại”, chính là đạo lý này.

 “Hoan hỷ, nội tâm tự tại, hình dung hòa duyệt”. Hình là thân thể, dung là dung mạo, hòa duyệt là hoan hỷ, hòa ái. “Hùng mãnh vô úy” là tượng trưng thật đức của Bồ Tát, dõng mãnh tinh tấn, thuyết pháp vô úy. Quý vị thật sự có trình độ, có đức hạnh, lại có lòng yêu thương muốn giúp đỡ người khác. Giúp người khác có phương tiện thiện xảo, việc của quý vị làm một cách rất viên mãn.

 “Phục hiển nghi dung, oai thần vô tỷ, đại hùng bất khiếp. Chí ư tướng hảo, tắc chuyên chỉ thân sắc”. Thân thể chúng ta mạnh khỏe, tuy tuổi già nhưng không suy yếu! Không cần bảo dưỡng, chỉ cần tâm địa thanh tịnh lương thiện, quý vị sẽ làm được. Nói thật mọi phương pháp bảo dưỡng đều có tác dụng phụ, y theo truyền thống sẽ rất tốt. Những phương pháp tổ tông truyền lại, rất ít có tác dụng phụ, còn đồ bổ hiện nay không đáng tin, chúng ta không dám đụng đến. Thân thể mạnh khỏe dựa vào những thứ này, rất dễ sanh bệnh. Cổ nhân nói: “Bệnh tùng khẩu nhập, họa tùng khẩu xuất”, tốt nhất là ít dùng, quan trọng nhất là dưỡng tâm. Tâm phải lương thiện, tâm phải thanh tịnh.

 Bên dưới nói: “Công đức biện tài”, biểu trưng Bồ Tát đầy đủ chủng chủng công đức và chủng chủng biện tài vô ngại. Công là công phu tu học, nếu tinh tấn tu hành sẽ đạt được, biểu hiện ở đâu? Biểu hiện trên mặt biện tài, nên đây là biện tài vô ngại. “Cụ túc trang nghiêm”, trang nghiêm chính là chúng ta nói chân thiện, tốt đẹp.

 Tổng kết những lời khen ngợi ở trên, Như Lai lấy trí tuệ phước đức trang nghiêm thân mình. Không dùng những thứ khác, những thứ này không liên quan gì đến của cải và địa vị. Chư vị thánh hiền đầy đủ đức lớn, họ biết con người khi ở thế gian này cần phải có đức, phải có số mạng. Trong số mạng không có địa vị cao, không có của cải nhiều, không cầu những thứ đó.

 Đức Khổng tử đã làm tấm gương cho chúng ta, bậc cổ đức họ hiểu được vận mạng, nên phải có đức, có mạng. Có đức không có mạng cũng không sao, chỉ cần trong đời này sống an lạc, hạnh phúc mỹ mãn. Nếu có đức lại có mạng, phải biết phục vụ quốc gia, phục vụ nhân dân, phục vụ chúng sanh, cúc cung tận tụy đến chết mới thôi. Như vậy là sao? Đó là có mạng.

 Đây chính là nói một người ở trên thế gian này, thật sự có trí tuệ, có đức hạnh, họ không vọng cầu, họ không phan duyên. Đức Phật dạy chúng ta tùy duyên mà không phan duyên, vĩnh viễn hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, thế mới đúng. Như vậy tự tại biết bao, ưu nhàn biết bao.

 “Thử chư Bồ Tát cụ túc trí tuệ chi trang nghiêm, siêu du nhất thiết thế gian. Thử nãi cực tán Bồ Tát chi chân thật công đức chí vi hy hữu dã”. Những lời này là tán thán thế giới Cực Lạc, Bồ Tát của thế giới này là ai? Phàm những ai sanh đến thế giới Cực Lạc đều là Bồ Tát.

 Trong kinh này nói rất rõ ràng: Sanh đến thế giới Cực Lạc đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát, không phải Bồ Tát bình thường, là đại Bồ Tát, đây là gì? Là Phật A Di Đà đào tạo nên. Phật A Di Đà làm gì ở thế giới tây phương? Tây phương không phải là một quốc gia, chúng ta nói thế giới Cực Lạc nó không phải là một quốc gia. Quý vị xem Đức Thế Tôn giới thiệu cho chúng ta nhiều như vậy, nhưng chưa từng nói đến thế giới Cực Lạc có quốc vương, có tổng thống, không nghe nói đến, Đức Phật chưa từng nói. Cũng không nói thế giới Cực Lạc có chính phủ, không nói thế giới Cực Lạc có sĩ nông công thương, ngài nói những gì? Bây giờ chúng ta tổng kết: Thế giới Cực Lạc là một ngôi trường, chỉ có thầy giáo và học sinh. Phật A Di Đà là thầy giáo, chư vị Bồ Tát là học sinh. Học sinh có tiểu học, trung học, đại học, nghiên cứu sở. Cõi phàm thánh đồng cư là tiểu học, cõi phương tiện hữu dư là trung học, cõi thật báo trang nghiêm là đại học, Đẳng giác là lớp tiến sĩ. Đức Phật đã giới thiệu như vậy.

 Là do Chư Phật Như Lai, Phật A Di Đà phát tâm thành lập một trường đại học Phật giáo ở đó, hoan nghênh chúng ta đến học. Người vãng sanh là đi học, đến đó thành tựu điều gì? Tốt nghiệp chính là Phật, tức đã thành Phật, đến thế giới Cực Lạc là đi cầu học. Cũng chính là nhất định phải đạt được trí tuệ viên mãn, phước đức viên mãn. Đây mới gọi là thế giới Cực Lạc, đây là công đức chân thật, nên mới siêu việt tất cả.

 Chúng ta xem tiếp đoạn kinh văn sau: “Thương vi chư Phật, sở cộng xưng tán, cứu cánh Bồ Tát, chư ba la mật, nhi thường an trú, bất sanh bất diệt, chư tam ma địa, hành biến đạo tràng, viễn nhị thừa cảnh. A nan! Ngã kim lược thuyết, bỉ cực lạc giới, sở sanh Bồ Tát, chân thật công đức, tất giai như thị. Nhược quảng thuyết giả, bách thiên vạn kiếp, bất năng cùng tận”.

 Ở đây Đức Phật tổng kết, đây là đoạn lớn thứ ba trong phẩm kinh này.

 “Chư Phật cộng tán”, không phải chỉ mình Đức Thế Tôn khen ngợi, nói quý vị tốt. “Biểu Chư Phật vi tác chứng minh, đồng thanh xưng tán, chánh hiển đại sĩ đức thâm”. Từ chỗ này hiển thị ra vấn đề gì? Phật A Di Đà là thầy giáo giỏi, ngài biết cách dạy, dạy tốt cho tất cả học sinh, mỗi người đều có thành tựu, quả là đáng nể. Ở thế gian chúng ta, đến đâu để tìm một người thầy như thế? Mười phương thế giới muốn tìm được thầy giáo giỏi như vậy cũng khó khăn. Bởi thế trong nhiều kinh điển đại thừa chúng ta thấy được, hầu như mỗi vị Phật đều đưa học sinh của mình đến thế giới Cực Lạc tu học.

 Trong kinh này Đức Phật khuyên chúng ta niệm Phật vãng sanh Tịnh độ, đây không phải chính là đưa chúng ta đến du học ở thế giới Cực Lạc ư? Mà còn nói với chúng ta, việc này không phải chỉ mình ngài làm như vậy, mà tất cả chư Phật trong mười phương cõi nước hầu như đều dùng phương pháp này. Chứng tỏ thế giới Cực Lạc là thật, quả thật rất tốt đẹp! Mỗi vị Phật đều đưa học sinh của mình đến đó học.

 Bởi thế câu thứ nhất của kinh văn: “Thường vi chư Phật sở cộng xưng tán”, không có vị Phật nào không tán thán thế giới Cực Lạc, không có vị Phật nào không ca ngợi Phật A Di Đà.

 Bên dưới là nói đến tình hình thực tế: “Cứu cánh Bồ Tát chư ba la mật”. Ba la mật là tiếng Phạn, dịch thành tiếng hoa nghĩa là cứu cánh viên mãn. Quý vị ở thế giới tây phương Cực Lạc, những gì tu được đều đạt đến cứu cánh viên mãn, đều lấy được học vị cứu cánh, học vị cứu cánh gọi là Như Lai. Bởi vậy Như Lai, Bồ Tát, A la hán là danh xưng học vị của nền giáo dục Phật giáo, giống như trong đại học chúng ta hiện nay có: Học sĩ, thạc sĩ, tiến sĩ. Nhất định phải hiểu vấn đề này. Bằng đại học của thế gian giống như A la hán trong Phật giáo, thạc sĩ ngang bằng với Bồ Tát, Tiến sĩ ngang với Phật, học vị cao nhất, là danh xưng của ba học vị này.

 Hiện nay rất nhiều người không nghiên cứu kinh Phật, không biết chân tướng sự thật, tưởng rằng là mê tín. Mà học vị trong Phật pháp là bình đẳng, mỗi người đều đạt được, bởi thế Đức Phật nói: “Tất cả chúng sanh vốn là Phật”, sao quý vị có thể không đạt được!

 Hiện nay chúng ta biết, chúng ta học nhiều năm nay đã rõ ràng minh bạch. Đức Phật dạy chúng ta buông bỏ kiến tư phiền não liền chứng được A la hán, đạt được học vị đầu tiên. Buông bỏ phân biệt, không dùng tâm phân biệt đối với tất cả pháp, đạt được học vị Bồ Tát. Cao nhất là không khởi tâm, không động niệm là đạt được học vị Phật. Nói thì rất dễ làm mới khó, không dễ làm được, nhưng thật sự có người làm được.

 Ở Ấn độ Đức Thế Tôn biểu hiện cho chúng ta thấy, 19 tuổi ngài rời gia đình đi cầu học. Ngài hoàn toàn là biểu trưng cho phần tử tri thức mà hiện tại nói. Đức Thế Tôn là phần tử tri thức, thông minh hiếu học, quảng học đa văn. 19 tuổi từ bỏ vương vị, phụ thân ngài là quốc vương, từ bỏ cuộc sống giàu sang trong cung đình, ra đi cầu học làm khổ hạnh tăng, ngài ra đi suốt 12 năm.

 Ấn độ đương thời trong lịch sử gọi là đất nước Tôn giáo, đất nước của triết học. Tất cả các Tôn giáo đương thời ngài đều tham học, tất cả các học phái của triết học cũng đều học qua, ngài học suốt 12 năm. Năm 30 tuổi nhập định dưới cội bồ đề, ngài buông bỏ sở học 12 năm của mình. Ấn độ tu thiền định rất phổ biến, mỗi Tôn giáo đều tu thiền định, mỗi học phái cũng tu thiền định, trong thiền định không có tầng không gian. Thế nên tứ thiền bát định của Bà la môn\_đây chính là nói công phu thiền định chia thành tám giai cấp, cao nhất là đệ bát định. Trong cảnh giới này thấy thấu suốt mọi việc trong lục đạo, ở trên lục đạo đến Trời phi tưởng phi phi tưởng xứ\_trời có 28 tầng, dưới đến địa ngục A tỳ. Phạm vi này lớn bao nhiêu? Dùng cách nói như hiện nay là 10 ức hệ ngân hà, họ biết tất cả tình hình trong mười ức hệ ngân hà đó, đây là A la hán. Đương nhiên trí tuệ của Phật cao hơn. Nên ngài buông bỏ sở học 12 năm, buông bỏ sở học về Tôn giáo của 12 năm, cũng buông bỏ những sở học về triết học. Như vậy mới lập tức minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, ngài đạt được học vị cao nhất. Sau khi đạt được học vị này, ngài bắt đầu dạy học. Đức Thế Tôn 30 tuổi bắt đầu sự nghiệp dạy học, 79 tuổi diệt độ, ngài dạy học được 49 năm. Trong kinh điển không nói ngài có nghỉ ngày nào, vị thầy này quả là hiếm có, dạy học suốt 49 năm mà không hề nghỉ ngày nào. Đối với việc giáo dục không hề thấy mệt mỏi, vô cùng an vui, một người cũng dạy, mười người cũng dạy, mấy trăm mấy ngàn người cũng dạy, xưa nay chưa hề cự tuyệt. Chỉ cần có người đến tìm, ngài nhất định dạy, không phân biệt quốc tịch, không phân biệt chủng tộc, không phân biệt tín ngưỡng Tôn giáo, không phân biệt văn hóa, nam nữ già trẻ, chỉ cần đến là ngài dạy. Nói như cách nói ngày nay thì ngài là nhà giáo dục xã hội văn hóa đa nguyên. Thân phận của ngài là người tình nguyện làm công tác giáo dục xã hội văn hóa đa nguyên, ngài không cần học phí, không thu học phí, quá vĩ đại! Ngài đã làm tấm gương tốt cho chúng ta. Bởi thế chúng ta khẳng định Đức Phật là nhà giáo dục, không liên quan đến Tôn giáo. Ngài biết có thiên thần, có quỷ thần, đó đều là phàm phu, đều là đối tượng để ngài dạy. Không chỉ dạy người, ngài còn dạy cả quỷ, dạy trời, ở đâu muốn học ngài liền đến đó dạy, không có gì sợ hãi. Quả thật là trí tuệ viên mãn, đức năng viên mãn, chư vị Bồ Tát học trò của ngài, mỗi người đều như vậy!

 Hiện nay Đức Phật không còn tại thế, kinh điển lưu lại thế gian, chúng ta nương vào lý luận, phương pháp, cảnh giới trong kinh điển tu tập, có thể đạt được chăng? Được, ở đây quan trọng nhất là buông bỏ.

 Tôi gặp Chương Gia đại sư, ngày đầu tiên đại sư dạy tôi: “Nhìn thấu, buông bỏ”. Lúc đó đối với hai câu này tôi hình như hiểu nhìn như không hiểu. Hình như hiểu, nhưng trên thực tế thì không hiểu. Trải qua nhiều năm rèn luyện cũng hiểu được. Chúng ta vừa mới nói buông bỏ tham sân si mạn nghi, buông bỏ oán hận não nộ phiền, buông bỏ sát đạo dâm vọng tửu, đây là trình độ nào? Học vị A la hán, trình độ thấp nhất, không cao. Nhưng trình độ này cao hơn thiên nhân, thiên nhân không sánh được. Nên nếu có thể tu học được như vậy, cho dù ở trong lục đạo, chắc chắn không đọa vào ba đường ác. Nếu tiến thêm một bước, như những điều Đức Phật dạy trong kinh điển: đoạn tận kiến tư phiền não, liền ra khỏi luân hồi lục đạo. Chúng ta tu học như vậy, đoạn tham sân si mạn nghi, đoạn oán hận não nộ phiền, đoạn sát đạo dâm vọng tửu, đây là cơ sở rất tốt. Có sơ sở tốt đẹp này, nâng cao cảnh giới là điều đơn giản, cũng chính là quý vị đã đầy đủ điều kiện để đạt được những học vị trong Phật học. Không có điều kiện này không đạt được học vị.

 “Cứu cánh Bồ Tát chư ba la mật”. Ba la mật có nghĩa là cứu cánh viên mãn, mỗi khoa mục đều thể hiện một cách tốt đẹp, đều viên mãn. “Nhi thường an trú bất sanh bất diệt chư tam ma địa”. Tam ma địa là thiền định. Có rất nhiều phương pháp đạt được thiền định, nên gọi là “chư tam ma địa”. Hiện nay chúng ta dùng phương pháp gì? Dùng phương pháp trì danh niệm Phật, chư vị nên biết, đây là tu tam ma địa, tu như thế nào? Khi gặp thuận cảnh hay gặp thiện duyên, thuận cảnh chính là hoàn cảnh tốt, vô cùng tốt đẹp. Thiện duyên là gì? Quý vị gặp người khác đều hoan hỷ, đều là người rất tốt với quý vị, ở đây rất dễ sanh tham ái, nếu sanh tham ái rất phiền phức, vì sao vậy? Vì tham ái là phiền não, tham sân si mạn nghi là phiền não, không phải việc tốt. Ở trong hoàn cảnh này phải có trí tuệ, không sanh tham ái, sanh ra điều gì? Sanh cảm ân, nhất định không có tham ái. Nếu là nghịch duyên, hoàn cảnh không tốt, luôn luôn có chướng ngại, nhân sự không tốt là ác duyên. Đều là đến tìm phiền phức, đến hủy báng, đố kỵ, thậm chí là hãm hại. Trong hoàn cảnh này không sanh oán hận, vừa sanh oán hận lại khởi phiền não, đây gọi là công phu tu hành thật sự. Luôn dùng tâm thanh tịnh bình đẳng để đối đãi mọi hoàn cảnh, mọi nhân sự. Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, như vậy là đúng.

 Khi sống trong hoàn cảnh mà thực tế không thể nhẫn được, tập khí rất nặng phải làm sao? Tất cả đều trở về với một câu Phật hiệu, đây là biết niệm Phật. Khi tham tâm khởi lên, đổi thành A Di Đà Phật, Phật A Di Đà không có tham tâm. Tâm oán hận sanh khởi liền A Di Đà Phật, tâm oán hận không còn. Dùng câu niệm Phật này tu tam ma địa, gọi là niệm Phật tam ma địa, đây gọi là thật sự biết niệm!

 Người niệm Phật nhiều, người biết niệm Phật không nhiều. Người biết niệm Phật sẽ đoạn tận tất cả tập khí phiền não, như vậy là thành công. Ngày ngày niệm Phật mà không đoạn được tập khí phiền não, vậy là không có hiệu quả. Tuy không thể nói họ không uổng công niệm Phật, nhưng họ niệm chỉ là đang trồng một hạt giống Phật A Di Đà trong A lại da thức, ngay trong đời này không được thọ dụng. Quý vị xem đến khi nào mới được thọ dụng? Khi nào quý vị có thể dùng phương pháp này chế phục được tập khí phiền não. Chế phục trước, sau đó mới đoạn tận, như vậy là thành công, đó gọi là biết niệm. Niệm Phật như thế không khác gì tu thiền, còn tiện lợi hơn tu thiền, dễ dàng hơn tu thiền, vì mọi lúc mọi nơi họ đều có thể duy trì công phu không gián đoạn, quả thật rất thù thắng!

 “Bất sanh bất diệt”, đây là trong Kinh Niết Bàn nói. Niết bàn là tiếng Phạn, niết dịch thành tiếng hoa nghĩa là bất sanh, bàn dịch thành tiếng hoa nghĩa là bất diệt. Không sanh không diệt gọi là đại niết bàn. Trong Kinh Duy Ma lại nói: “Pháp bổn bất sanh, kim tắc vô diệt”, cảnh giới niết bàn này là thật. A la hán thấy được biên duyên gọi là thiên chân niết bàn, chưa cứu cánh, Phật mới cứu cánh. Đến học vị cao nhất mới hoàn toàn minh bạch.

 Chúng ta thấy, tiến sĩ Max Planck người Đức, ông ta tiếp cận biên duyên này, ông đã nhìn thấy. Ông đã thấy được chân tướng của vật chất, thấy được chân tướng của ý niệm, nhưng ông ta không biết chân tướng này từ đâu mà có. Trong báo cáo chỉ nói, ý niệm là từ không sanh ra có. Hiện tượng này trong Phật pháp gọi là niết bàn, ông ta không hiểu được vấn đề này. Sau cùng ý niệm này từ đâu đến, ông ta có biết được chăng? Không biết.

 Trong kinh Đức Phật nói, dùng đệ lục ý thức, đệ lục ý thức là gì? Chính là tư tưởng, tư duy của chúng ta, năng lực này rất lớn. Ý niệm, niệm có thể sanh ra tất cả vạn pháp, căn bản của ý niệm là tự tánh, người đông phương chúng ta gọi là tánh, bản tánh. Ông ta không thấy được bản tánh, vì sao vậy? Vì bản tánh không có hiện tượng, khoa học và triết học nghiên cứu đều phải có đối tượng. Hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần hoặc là hiện tượng tự nhiên, nhưng nhất định phải có hiện tượng. Bản tánh không có hiện tượng, nó không phải hiện tượng vật chất, nó cũng không phải hiện tượng tự nhiên, cũng không phải hiện tượng tinh thần, nó đều không có. Bởi thế khoa học và triết học không đạt được nó, nên Đức Phật nói: “Chỉ có chứng mới biết được”. Như thế nào mới có thể thấy được? Quý vị không dùng tư duy, không dùng tư tưởng, chính là không dùng tâm này, quý vị sẽ thấy được. Vì tâm này là vọng tâm, khởi tâm động niệm là vọng tâm, vọng chỉ có thể nhìn thấy vọng, không nhìn thấy chân. Chân phải dùng chân tâm, chân tâm không có ý niệm, nhà Phật nói: “chân tâm ly niệm”. Quý vị có ý niệm tức không phải chân tâm. Nên lục căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần bên ngoài, không khởi tâm, không động niệm liền kiến tánh, tức minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Nên các nhà khoa học chỉ kém một chút, họ đã đến biên duyên, chúng ta không thể không khâm phục. Họ có thể phát hiện A lại da, thật sự không dễ.

 Ba loại hiện tượng đều là A lại da sanh ra, nghiệp tướng của A lại da là hiện tượng tự nhiên, hiện nay khoa học gọi là năng lượng. Chuyển tướng của A lại da chính là hiện tượng tinh thần, khoa học gọi là tin tức. Cảnh giới tướng của A lại da, khoa học gọi là vật chất. Max Planck đã quan sát được A lại da, trong Phật giáo đại thừa gọi đây là cực hạn. Dùng tư duy tưởng tượng của đệ lục ý thức đạt đến cực hạn này, cao hơn nữa thì không còn cách nào. Hơn nữa phải buông bỏ điều này, ta không dùng ý niệm tư duy, không có gì cả, tâm thanh tịnh là thấy được. Bởi vậy không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước sẽ kiến tánh, như vậy tức thành Phật. Nên các nhà khoa học cách Phật rất gần, chỉ cần họ buông bỏ những thứ này lập tức kiến tánh, kiến tánh tức hoát nhiên đại ngộ. Bây giờ đã hiểu rõ ý niệm này từ đâu đến, và năng lượng từ đâu đến, đây gọi là gì? Gọi là Phật tri Phật kiến. Cách nhìn và kiến giải của quý vị hoàn toàn tương đồng với những gì Phật thấy được.

 “Tiểu thừa y hữu dư y niết bàn chi lý nhi quán bất sanh bất diệt, xu ư thiên không”. Hàng tiểu thừa chưa thấy thấu triệt về bất sanh bất diệt.

 “Đại thừa tắc tùng không nhập giả, ư hữu vi chi sự tướng thượng, hiển bất sanh bất diệt chi lý. Đương tướng tức đạo, tức sự nhi chân, cố năng chung nhật độ sanh, chung nhật vô độ, nhật thiệp vạn duyên, nhất tâm không tịch. Nãi năng ư bố thí nhẫn nhục đẳng lục độ tất giai cứu cánh, nhi nhưng an trú ư bất sanh bất diệt, chư tam muội trung, bất thất định ý”. Đây chính là chổ khác nhau giữa đại thừa và tiểu thừa.

 “Tiểu thừa nhập ư bất sanh bất diệt”, họ không làm gì cả, đại thừa không như vậy. Đại thừa biết sanh diệt và không sanh diệt là một không phải hai, là một vấn đề. Sự tướng có thể tùy sanh diệt, nhưng tâm không sanh không diệt, đây mới thật sự gọi là không sanh không diệt.

 Từ mấy câu này mà nói: “Đương tướng tức đạo, tức sự nhi chân, chung nhật độ sanh, chung nhật vô độ, nhật thiệp vạn duyên, nhất tâm không tịch”, chúng ta đọc đến đây. Chúng ta hỏi, lúc Đức Thế Tôn còn tại thế, ngài giảng kinh thuyết pháp suốt 49 năm, có khởi tâm động niệm chăng? Không có, nếu khởi tâm động niệm, khi gặp vấn đề ngài không thể giải đáp, vì sao vậy? Vì ngài khởi tâm động niệm, dùng gì để khởi tâm động niệm? Dùng tri thức, không khởi tâm không động niệm thì sao? Là dùng trí tuệ. Trí tuệ có thể giải quyết mọi vấn đề, không dùng tư duy, có thể tin được chăng? Tin được, vì sao vậy? Vì có chứng cứ.

 Quý vị xem Lục Tổ Đàn Kinh, ngài Huệ Năng thời nhà Đường, ngài không biết chữ, không được học hành, đốn củi mưu sinh, là một tiều phu. Tiều phu, hiện nay một số người không biết tiều phu là gì? Hiện nay trên thế gian không có nghề này. Trong thời kỳ chiến tranh, đại hậu phương của Trung quốc vẫn sống cuộc sống của xã hội ngày xưa, trong thành phố không có điện đèn, không có nước máy cũng không có ga. Cuộc sống của người trong thành phố phải mua củi, mua nước, nên có nghề này, ra ngoài thành gánh nước vào thành bán, một gánh nước mấy đồng tiền. Đốn củi, lên núi đốn củi về bán, nhà nào cũng nấu lò, chúng ta sống cuộc sống như vậy. Bởi thế chúng tôi rất rõ ràng, nghề này rất gian khổ, đều là khổ lực. Sáng sớm lên núi đốn cũi, đem đến thành phố bán, tiền bán cũi mua một ít rau, mua một ít gạo về nhà để sống. Một ngày không làm là một ngày không có cơm ăn. Rất khổ, khổ mua nước cũng là như vậy. Trước đây nước rất sạch, nước hồ gần thành đều có thể uống, đến bên hồ gánh nước. Hiện nay có ga, có điện, nghề này không còn. Ngài Huệ Năng làm nghề này, đến 24 tuổi gặp được Phật pháp. Ngài bán củi, bán xong củi lấy tiền, rời khách điếm, hiện nay chính là khách sạn. Trong khách điếm có người đọc Kinh Kim Cang, ngài nghe xong cảm thấy có đạo lý, nên dừng lại bên cửa đợi họ đọc xong. Sau khi đọc xong ngài liền đi vào hỏi: ông mới đọc gì vậy? Ngài nghe xong thấy rất có ý nghĩa, liền đem cảm nhận của mình nói cho ông ta nghe, người này vô cùng kinh ngạc: Anh đốn củi không biết chữ, sao lại có trí tuệ như vậy? Anh có thể nghe hiểu, quả là tuyệt vời. Người này quả là hiếm có, nghe xong lập tức thành tựu cho anh ta, nên đã giới thiệu ngài Huệ Năng đến tham học với Ngũ tổ Hoằng Nhẫn. Nhưng vì Huệ Năng còn phải nuôi mẹ già, nên ông ta tặng cho Huệ Năng 10 lượng, vào thời đó 10 lượng rất lớn, đây là phí để lo cho mẹ, lại tìm vài người Phật tử để chăm sóc mẹ Huệ Năng. Chúng ta nghĩ mẹ ngài cũng không lớn lắm, Huệ Năng 24 tuổi, mẹ ngài nhiều nhất khoảng hơn 50 tuổi, nhưng lúc đó người nông thôn 50 tuổi xem ra rất già. Mẹ già có người chăm sóc, ngài liền an tâm đi tham học, ở trên Hoàng Mai tám tháng, tám tháng đó ngài làm gì? Trong chùa có giảng đường nhưng ngài chưa từng đến, chùa có thiền đường ngài cũng chưa ngồi được cây hương nào. Công việc ngũ tổ phân cho ngài vẫn là nghề cũ, là đến nhà bếp chẻ củi giả gạo, làm khổ công suốt tám tháng như vậy. Vậy mà ngũ tổ truyền y bát\_vị trí tổ sư cho ngài, quả là không tưởng tượng được. Ngũ tổ cũng thử thách ngài, lần thử thách đó là nữa đêm canh ba, là tránh không để người khác thấy, vì sao vậy? Vì sợ người khác hoài nghi, đố kỵ.

 Ngũ tổ có một người đệ tử thông minh là Thần tú, theo học với ngũ tổ mười mấy hai mươi năm. Mọi người đều cho rằng nhất định Ngũ tổ truyền y bát cho Thần tú, sao lại truyền cho người khác? Người này lại không biết chữ, từ phương nam đến, rất quê mùa, mọi người đều xem thường. Ngài có định công, biểu hiện bên ngoài rất khiêm tốn, lúc nào cũng lễ nhường. Nữa đêm canh ba Ngũ tổ gọi ngài lên gặp, giảng cho ngài nghe đại ý Kinh Kim Cang, chắc chắn không có sách vì ngài không biết chữ, có sách cũng vô dụng, ngài chỉ nghe. Giảng đến câu: “ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, khoảng 1 phần 3, ngài liền đại triệt đại ngộ, và đưa ra báo cáo với ngũ tổ. Ngài nói ra năm câu: “Đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh”, nói như hiện nay nào ngờ tức là không ai ngờ rằng tự tánh vốn là thanh tịnh. Xưa nay chưa từng bị nhiễm ô, hiện nay cũng không nhiễm ô, bản tánh này đã kiến tánh. “Đâu ngờ tự tánh vốn không sanh diệt”, không có sanh diệt. “Đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”, đầy đủ trí tuệ đức tướng, đức năng tướng hảo đều đầy đủ, không thiếu thứ gì. “Đâu ngờ tự tánh vốn không dao động”, ngày nay chúng ta dao động là vọng niệm. Vọng tâm động, chân tâm bất động. Câu sau cùng: “Đâu ngờ tự tánh năng sanh vạn pháp”, biến pháp giới hư không giới đều do tự tánh biến hiện ra.

 Ngũ tổ nghe đến câu này nói: Được rồi, không cần nói nữa, liền truyền y bát cho ngài và dạy ngài lập tức ra đi. Ngài đi trốn nạn đến ngày thứ hai thì mọi người biết, tất cả mọi người trong chùa đều chia nhau đi tìm, muốn đoạt lại y bát: Anh ta có tư cách gì mà làm tổ đời thứ sáu? Người giỏi hơn anh ta trong thiên hạ thiếu gì. Họ không phục. Không phải ngày thứ hai, sau hai ba ngày, vì Ngũ tổ không ra ngoài, mọi người tưởng rằng ngài không khỏe, để Huệ Năng đi xa một chút, khiến mọi người không tìm được. Trong lúc lánh nạn, gặp được một vị tỳ kheo ni đọc Kinh Niết Bàn, kinh này phân lượng rất lớn, có hai bản dịch. Một bản dịch có 40 quyển, bản dịch khác có 36 quyển, phân lượng rất lớn. Vị tỳ kheo này đọc kinh, ngài ở bên cạnh nghe, đợi cô ta đọc xong ngài liền đem ý của đoạn kinh đó giảng cho cô ta nghe. Tỳ kheo ni vô cùng kinh ngạc, ông học từ đâu vậy? Liền đưa kinh đến thỉnh giáo ngài, ngài nói tôi không biết chữ. Ông không biết chữ, sao lại có thể nói được như thế? Ngài nói, vấn đề này không liên quan đến biết chữ hay không, đây là gì? Kiến tánh là thông đạt tất cả, tự nhiên thông đạt. Quý vị biết chữ, vừa xem liền thấu hiểu, vừa nghe đã hiểu, vừa tiếp xúc liền hiểu, tất cả pháp thế xuất thế gian không có gì không thông.

 Bởi thế mục tiêu sau cùng của Phật pháp đại thừa là kiến tánh, kiến tánh là thông tất cả, nếu không kiến tánh những gì quý vị đạt được là tri thức, tri thức là có giới hạn. Quý vị biết được rất ít, không thể biết hết tất cả, vì sao vậy? Vì tất cả pháp đều từ trong tự tánh biến hiện ra, quý vị tìm ra nguồn gốc không phải đã tìm được tất cả rồi ư? Giống như một trái cầu, quý vị đạt được điểm trung tâm, mọi điểm đều hướng đến điểm trung tâm, đạt được điểm trung tâm thì tất cả đều được giải quyết. Nên Đức Phật nói tất cả trí tuệ không phải học được từ bên ngoài, mà chúng ta vốn có.

 Đức hạnh, năng lực toàn là vốn có, không liên quan gì đến bên ngoài, đây là thứ thật, không phải giả. Có hiểu khoa học kỹ thuật chăng? Hiểu, không có gì không hiểu, vì sao không phát triển khoa học kỹ thuật? Nếu phát triển khoa học kỹ thuật sớm, thì địa cầu sớm hủy diệt, điều này bây giờ chúng ta mới hiểu, đây là nếm mật đầu mũi dao. Chúng ta nếm được vị ngọt rất ít, nhưng giá phải trả thì quá đắt, nên những người đó sẽ không làm những việc này. Khi thiên tai giáng xuống, họ thật sự có cách giúp chúng ta giải quyết, họ hoàn toàn dùng ý niệm để giải quyết vấn đề. Cũng may trong thời đại này, các nhà khoa học đã phát hiện, cũng có không ít người đều đồng ý với cách nói này. Hóa giải vấn đề xã hội cần có luân lý đạo đức, cần đến giáo dục nhân quả. Hóa giải những thiên tai thảm họa tự nhiên trên địa cầu, phải dùng ý niệm, đặc biệt là ý niệm tập thể. Giống như thí nghiệm của tiến sĩ Giang Bổn Thắng.

 Thế kỷ 16, nhà dự ngôn Nhược Tra Đơn Mã Tư người Pháp đích thực có nói rất rõ ràng trong cuốn Chư Thế Kỷ: Năm 1999 là tận thế. Nói 400 năm trước, lưu truyền trên toàn thế giới, không ai không biết. Năm 1999, năm này tất cả các tín đồ của các Tôn giáo trên toàn thế giới đều cầu nguyện cho việc này, sức mạnh này quá lớn, nên thiên tai không xảy ra. Năm đó tôi ở Singapore, viện trưởng viện thần học Thiên chúa giáo Singapore, chất vấn nghi ngờ đối với vấn đề này: Rõ ràng có thiên tai, vì sao lại không có? Năm này qua đi rất bình an. Tín đồ ông ta đem lời này nói với tôi, hỏi tôi. Tôi nói với họ không phải không có, là do người trên toàn thế giới đều cầu nguyện, năng lượng ý thức tập thể này quá lớn, đã hóa giải được thiên tai này. Nhưng chúng ta nên nhớ rằng, đây là trị ngọn không trị gốc, nếu chúng ta quên việc này đi, thiên tai không có nên quên mất. Nếu phát sinh phản tác dụng, đây là giả không phải thật, tiếp tục tạo ác nữa thì phiền phức lại đến. Những thiên tai thảm họa hiện nay chính là của năm 1999, nó đã trở lại, sự thật chính là như vậy. Bây giờ chúng ta cầu nguyện tiếp, có hữu dụng chăng? Có hiệu quả, không phải không hiểu quả, hiệu quả.

 Phương pháp thật sự giải quyết được vấn đề, đó chính là như ông Bladen nói, đó là cách giải quyết căn bản, đó là gì? Là dựa vào giáo dục. Bởi thế mỗi Tôn giáo đều phải khôi phục lại nền giáo dục, giáo dục trị cả gốc lẫn ngọn. Không có giáo dục, chỉ dựa vào cầu nguyện là trị ngọn không trị gốc, mà thời gian lại quá ngắn, nên giáo dục Tôn giáo quan trọng hơn bất cứ điều gì, nó trị cả gốc lẫn ngọn.

 Vấn đề này tôi cũng có kiến nghị với giáo hoàng Thiên chúa giáo, chúng ta phải khôi phục nền giáo dục. Phải dạy con người giác ngộ, phải dạy con người thấu triệt, thật sự triệt để sám hối sửa đổi, quay đầu là bờ. Trong mỗi Tôn giáo đều có giới luật, giới luật đều rất hay, phải siêng năng tu học, tuyệt đối không được xem nó là vật của quá khứ, như vậy chúng ta rất thiệt thòi. Nó là chân lý, là trí tuệ chân thật.

 Trong kinh này Đức Phật nói đến ba loại chân thật: Chân thật chi tế, đó là nói bản tánh, bản tánh vốn thiện, bản tánh là Phật. Thứ hai là trí tuệ chân thật, thứ ba là lợi ích chân thật. Nên lúc Đức Phật còn tại thế, không những chỉ có ngài, mà ở Trung quốc, các bậc tổ sư, bao gồm ngài Huệ Năng. Họ suốt ngày dạy học độ chúng sanh, không có ngày này không độ.

 Dạy học là gì? Là thân khẩu đang dạy quý vị, không khởi ý niệm, không khởi tâm không động niệm. Cả một đời Đức Phật giảng kinh thuyết pháp, không hề khởi tâm động niệm, nên những văn tự ngôn ngữ này đều là trong tự tánh tự nhiên hiển lộ. Tuy hằng ngày tiếp xúc vạn duyên, nhưng nhất tâm không tịch, đây là chân tướng của họ.

 “Nãi năng ư bố thí, nhẫn nhục lục ba la mật”, chúng ta nói lục độ vạn hạnh, mười nguyện Phổ Hiền, họ thật sự làm được, có khởi tâm động niệm chăng? Không có. Nên mới nói: “Tất giai cứu cánh”, không có gì họ không viên mãn, không có gì họ không cứu cánh. Vì vậy mà an trú bất sanh bất diệt, trong các tam muội, không mất định ý. Họ ở đâu? Họ ở trong thiền định, xưa nay họ chưa từng khởi tâm động niệm, bên ngoài giống như chúng ta, nhưng nội tâm không giống nhau. Nội tâm chúng ta rất loạn, vọng niệm quá nhiều, họ hoàn toàn thanh tịnh.

 “Hành biến đạo tràng, ư đạo tràng chánh hành, vô sở khuyết thiểu”. Đạo tràng là gì? Là nơi dạy học, không có cố định. Một người đến thỉnh giáo cũng dạy, hai người đến thỉnh giáo cũng dạy, bất luận khi nào và bất luận ở đâu, đều gọi là đạo tràng.

 “Viễn nhị thừa cảnh”, nhị thừa là A la hán, Bích Chi Phật. Vì sao nói viễn ly cảnh giới của họ? Họ có đối tượng, họ thích quý vị, dạy quý vị. Họ không thích quý vị họ sẽ không dạy. Quý vị hỏi họ sẽ dạy, còn như không hỏi họ không dạy. Phật Bồ Tát không như vậy, không hỏi cũng dạy. Nhà Phật nói: “Phật không độ người vô duyên”, như thế nào gọi là vô duyên? Quý vị không tin, các ngài nói quý vị không hiểu, đây gọi là vô duyên, Phật không dạy hạng người này. Nếu tin và có thể nghe hiểu, ngài nhất định sẽ dạy, dù không hỏi ngài cũng dạy. Đây gọi là đại từ đại bi, gọi là đại thừa, từ bi đến tột cùng.

 “Duy y nhất thừa pháp, cứu cánh bỉ ngạn”. Nhất thừa pháp là gì? Nhất định giúp quý vị thành Phật, nhất định giúp quý vị khôi phục tự tánh. Cũng chính là nói giúp quý vị minh tâm kiến tánh, minh tâm kiến tánh là điều đáng được. Đây là mục tiêu dạy học sau cùng của Phật pháp, là một mục tiêu cao nhất.

 Thập Trú Tỳ Bà Sa Luận lại nói: “Nếu đọa vào Thanh văn địa và Bích Chi Phật địa, gọi là Bồ Tát chết, tức mất hết tất cả lợi ích”. Bồ Tát sao lại chết, đây là ví dụ không phải chết thật, là Bồ Tát bị thoái chuyển. Giống như A la hán, thích thì tôi dạy quý vị, không thích thì không dạy. Đây là A la hán, Bồ Tát không như vậy, thích cũng dạy, không thích cũng dạy. Hay nói cách khác Bồ Tát không có phân biệt, không có gì là thích hay không thích. A la hán có phân biệt, Bồ Tát không có phân biệt. A la hán không có chấp trước, nhưng có phân biệt, đại Bồ Tát đến phân biệt cũng không có. Nên nếu Bồ Tát còn phân biệt, họ liền bị đọa. Chúng ta nói đi học mà bị đuổi xuống lớp dưới, không phải ở lại lớp, bị đuổi xuống lớp dưới. Hạ xuống một bậc, gọi là Bồ Tát chết, tức mất đi tất cả lợi ích, công đức lợi ích đều mất hết.

 “Nhược đọa ư địa ngục, bất sanh như thị úy. Nhược đọa nhị thừa địa, tắc vi đại bố úy”. Đây là ví dụ, nếu đọa vào địa ngục cũng đừng sợ, trong địa ngục Bồ Tát cũng giáo hóa chúng sanh, ngài đến đó giáo hóa. Bồ Tát Địa Tạng thường ở trong địa ngục: “địa ngục vị không thệ bất thành Phật”, đây là đại từ đại bi, đại nguyện. Nhưng không thể đọa nhị thừa, nhị thừa chính là Thanh văn và Bích chi Phật. Nếu đọa vào nhị thừa, đó là điều đáng sợ nhất, vì sao vậy? Vì không thể thực hiện nguyện hóa độ chúng sanh.

 Học Phật, quý vị xem từ sơ phát tâm, thầy đã dạy chúng ta phát tứ hoằng thệ nguyện. Nguyện đầu tiên: “Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”, phải phát nguyện này. Không có nói quý vị thích thì độ, không thích thì thôi, không nói như vậy. Phải sanh tâm bình đẳng, phải sanh tâm thanh tịnh. Đặc biệt là thấy chúng sanh tạo nghiệp, tạo nghiệp sẽ có quả báo, nên phải ngăn họ, khuyên họ để họ đừng tạo nghiệp.

 Phương pháp hóa độ rất nhiều, quý vị phải học nhiều, phải quảng học đa văn. Nhà Phật nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, có rất nhiều phương pháp khác nhau để giúp người giác ngộ, giúp người khác quay đầu không tạo nghiệp ác. “Nên Bồ Tát phải xa rời cảnh giới nhị thừa”, ý nghĩa chính là chỗ này.

Tổng kết sau cùng chính là từ câu: A nan. Kinh văn: “A nan, ngã kim lược thuyết, bỉ Cực Lạc giới sở sanh Bồ Tát, chân thật công đức tất giai như thị. Nhược quảng thuyết giả, bách thiên vạn kiếp bất năng cùng tận”, là câu này.

 Đây là Đức Thế Tôn tổng kết về công đức chân thật của Bồ Tát ở thế giới Cực Lạc, nói không cùng tận, nói không hết. Nghĩa là gì? Khuyên chúng ta nhất định phải phát tâm cầu sanh thế giới Cực Lạc, đến thế giới Cực Lạc học tập, công đức lợi ích này quả thật vô cùng lớn lao. Không những là Đức Thế Tôn nói không cùng tận, mà tất cả chư Phật cùng nói đều nói không cùng tận.

 Trong đời này chúng ta có được nhân duyên thù thắng này, rất khó được! Duyên, hiện nay gọi là cơ hội, cơ hội này chúng ta không dễ đạt được: Trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được. Cư sĩ Bành Tế Thanh nói: Vô lượng kiếp đến nay mới có một ngày hy hữu khó gặp, sao chúng ta lại gặp được? Gặp được điều gì? Gặp được bộ kinh này. Bây giờ tôi đặc biệt giới thiệu với mọi người là gặp được bộ chú giải này. Bộ kinh này rất hy hữu, cư sĩ Hạ Liên Cư đã đem năm loại bản dịch khác nhau\_Kinh Vô Lượng Thọ ở Trung quốc rất có duyên, từ thời nhà Hán đến thời Nam Tống là 800 năm, tất cả có 12 lần phiên dịch, nên kinh này được phiên dịch nhiều nhất. Nhưng những bản này đã thất truyền, lưu lại đến nay chỉ còn năm bản dịch, bị thất truyền bảy bản. Xem nội dung năm bản này có sai biệt rất lớn, nên các bậc cổ đức nói: Khi Đức Phật tại thế, ngài tuyên thuyết kinh này nhiều lần, không phải một lần. Một lần, một nguyên bản, bất luận dịch như thế nào đều có khác biệt, nhưng khác biệt không nhiều lắm. Nhưng nếu khác biệt nhiều, tức không phải giảng một lần, còn thất truyền bảy bản. Nếu bảy bản đó còn, có thể còn khác biệt lớn hơn nữa. Đức Phật rất từ bi, ngài tuyên giảng kinh này nhiều lần, ngài giảng kinh chỉ giảng một lần, không giảng lần thứ hai, duy chỉ bộ kinh này ngài giảng nhiều lần.

 Hiện nay căn cứ năm loại nguyên bản dịch này, ít nhất ngài giảng ba lần, đây chính là điểm rất đặc biệt. Hạ Liên Cư đem năm bản này hội tập thành một bản, chúng ta đọc bản này là đồng nghĩa với đọc tất cả năm bản dịch, nên bộ chú giải của Hoàng Niệm Tổ rất hiếm có. Tập kinh luận chú giải Kinh Vô Lượng Thọ, còn tập tinh yếu chú giải Kinh Vô Lượng Thọ của chư vị tổ sư xưa nay ở trong nước cũng như nước ngoài. Nên bản chú giải này là tập chú, tập chú của Hoàng Niệm Tổ, mục lục để ở sau, tổng cộng sách tham khảo có 193 loại kinh luận chú sớ, nên nó là tập đại thành. Chúng ta đọc chú giải này, coi như đọc được 193 loại chú sớ, rất khó được, quả thật rất khó có được.

 Nên chú giải này của Hoàng Niệm Tổ phải là tập giải\_Tập đại thành kinh luận cổ chú giải thích. Chúng ta gặp được một bản như thế này, quả thật gọi là hy hữu khó gặp, bản này rất đáng quý. Nên chúng ta phải tuân thủ giáo huấn của chư vị tổ sư: Nhất môn thâm nhập trường thời huân tu. Đời này chúng ta học đại thừa, một bản này là đủ, trong bản này là tất cả Tông môn, Giáo môn, Hiển giáo, Mật giáo, đại thừa, tiểu thừa, giáo nghĩa mà Đức Thế Tôn thuyết giảng suốt 49 năm, tất cả đều có trong bộ kinh này. Bộ kinh ngày đồng nghĩa với tiểu tạng kinh, nó không khiếm khuyết, quý vị xem khó được biết bao! Từ trong bộ kinh này nhận ra được: Một tức tất cả, tất cả tức một.

 Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

**Hết tập 492**

# Tập 493

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian:13.07.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 612, hàng thứ tư từ dưới đếm lên: “Thọ lạc vô cực đệ tam thập nhị”.

 Hoàng Niệm Tổ giới thiệu cho chúng ta: “phẩm này nói rõ về thọ mạng và niềm vui vô cùng ở thế giới Cực Lạc, đầu tiên là nói rõ về sự thù thắng của hội chúng ở cõi nước này. Khuyên dụ kế tục ánh sáng vi diệu của cõi nước, khuyên dụ vãng sanh”.

 Đây là đại ý phẩm kinh này, phẩm kinh này chia thành hai đoạn lớn. Đoạn thứ nhất là giới thiệu về sự thù thắng của hội chúng ở thế giới Cực Lạc, chính là đại chúng khắp mười phương vãng sanh về, khuyên chúng ta cần phải thân cận họ. Đoạn sau là nói về sự vi diệu của cõi nước, hoàn cảnh cư trú, hoàn cảnh sinh hoạt và hoàn cảnh học tập, đều là vi diệu tột cùng. Khuyên chúng ta nhất định phải cầu vãng sanh. Bây giờ chúng ta xem kinh văn:

 “Phật cáo Di Lặc Bồ Tát, chư thiên nhân đẳng, vô lượng thọ quốc, Thanh văn Bồ Tát, công đức trí tuệ, bất khả xưng thuyết. Hựu kỳ quốc độ, vi diệu an lạc, thanh tịnh nhược thử, hà bất lực vi thiện, niệm đạo chi tự nhiên”.

 Trong đoạn mở đầu của phẩm kinh này, Đức Phật giới thiệu cho chúng ta về thế giới Cực Lạc y chánh trang nghiêm. Kinh văn ở sau là quảng thuyết, tức là nói rõ ràng tường tận, đây là một cương lĩnh.

 Chúng ta xem “chư thiên nhân đẳng” ở thế giới Cực Lạc, ý nghĩa này rất thâm sâu, hoàn toàn là nói đến cõi phàm thánh đồng cư. Hay nói cách khác, chúng ta niệm Phật vãng sanh là sah vào cõi này. Nên đặc biệt giới thiệu về nơi này, và cũng giới thiệu vô cùng tường tận. Chúng ta đến thế giới Cực Lạc là thân phận của thiên nhân, thân phận này bây giờ chúng ta có thể tranh thủ. Thân phận người là sao? Chúng ta có thể cắm chặt ba nền móng căn bản, chính là thân phận của người. Thật sự y giáo phung hành theo Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp, nếu không vãng sanh thế giới Cực Lạc, tương lai cũng không mất thân người, sẽ không đọa trong ba đường ác, đây là thân phận của con người.

 Nếu thân phận của trời thì cao hơn đây một bậc. Trong Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo dạy chúng ta rằng: Thượng phẩm thập thiện là nhân để sanh thiên, trung phẩm thập thiện là nhân đạo, hạ phẩm thập thiện là A tu la và La sát, những người này niệm Phật vãng sanh, đều sanh vào cõi phàm thánh đồng cư. Bởi thế đặc biệt dùng thiên nhân, không phải nói Thanh văn và Duyên giác, Thanh văn và Duyên giác là vãng sanh vào cõi phương tiện hữu dư.

 Nhưng sanh đến thế giới Cực Lạc, chúng ta sẽ ngang bằng với “Thanh văn Bồ Tát”, đây là lên hai tầng. Cõi phương tiện hữu dư là Thanh văn và Duyên giác, cõi thật báo trang nghiêm là pháp thân Bồ Tát. “Công đức trí tuệ không thể xưng kể”, “Chư thiên nhân đẳng” đến thế giới Cực Lạc đều làm Bồ Tát A Duy Việt Trí, đây chắc chắn là nguyện thứ 20 trong 48 nguyện của Phật A Di Đà. Nên ở đây chuyên môn giới thiệu cho chúng ta về công đức trí tuệ của Thanh văn Bồ Tát, trong này bao gồm chư thiên nhân.

 “Hựu kỳ quốc độ vi diệu an lạc”, lúc nãy chúng ta nói đến hoàn cảnh cư trú, hoàn cảnh sinh hoạt, hoàn cảnh học tập. Có thể nói thật sự đều đạt đến tận thiện tận mỹ, không tìm thấy chút khiếm khuyết nào. Ở đây nói “thanh tịnh nhược thử”, chính là thanh tịnh như vậy.

 Hai câu dưới là khuyến khích chúng ta: “Hà bất lực vi thiện, niệm đạo chi tự nhiên”. Vì sao chúng ta không nỗ lực tu thiện? Thiện này chính là vãng sanh thế giới Cực Lạc, đây mới gọi là chân thiện. Nếu không vãng sanh thế giới Cực Lạc, vậy nhất định chúng ta phải biết, ngay đời này nhất định là tùy nghiệp lưu chuyển, không có người nào có thể tránh khỏi. Cũng chính là nói, quý vị nhất định trôi lăn trong luân hồi lục đạo, luân hồi lục đạo quá đau khổ, kinh văn ở sau sẽ nói đến.

 Đồng học Tịnh tông chúng ta, khi mới thành lập học hội, lúc đó tôi ở Mỹ đã viết một bài duyên khởi, trong duyên khởi cũng ấn định luôn thời khóa tụng niệm của chúng ta, nên thời khóa tụng niệm của Tịnh Tông ấn định mới, chúng ta không có Chú đại bi, thập chú, Lăng nghiêm chú, không có những phần này. Khóa tụng buổi sáng chúng ta dùng 48 nguyện trong phẩm thứ sáu, khóa buổi tối là từ phẩm 32 đến phẩm 37. Phẩm thứ sáu của kinh này là khóa tụng sáng tối chúng ta nhất định phải đọc, đây là bộ phận quan trọng nhất trong bộ kinh này\_48 nguyện, chúng ta hy vọng tâm chúng ta đồng với tâm Phật, nguyện như nguyện Phật.

 Từ phẩm kinh thứ 32 đến phẩm 37 trong kinh này là hành kinh. Kinh mà đại sư Thanh Lương nói có bốn loại, có giáo, văn tự là giáo, dạy học, bổn kinh, kinh này gọi là giáo kinh, trong này có đạo lý, đạo gọi là lý kinh. Trong này dạy chúng ta nên làm như thế nào, đó là muốn chúng ta hành, gọi là hành kinh. Sau khi hành rồi phải chứng, chứng như thế nào? Trong lúc hành chứng minh đạo lý và phương pháp trong kinh nói, quý vị đem nó chứng minh ra, gọi là bốn loại kinh giáo, lý, hành, quả. Mỗi bộ kinh đều đầy đủ bốn phần này, giáo lý hành quả- bốn bộ phận. Cho nên phải hành, giáo là phải tin, lý là phải lý giải, hiểu được nghĩa lý của nó, thật hành, thật sự hành trì mới có thể chứng quả. Chứng quả của Tịnh độ tông chính là vãng sanh, quả này vô cùng thù thắng, vì sao vậy? Vì sau khi vãng sanh nhất định một đời thành Phật, chứng được cứu cánh viên mãn. Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn đều không có, chỉ có ở pháp môn này. Khi chúng ta hiểu rõ vấn đề này phải đặc biệt coi trọng.

 Chúng ta nhất định phải nổ lực hành thiện, hành thiện chính là phải đoạn ác, đoạn trừ tất cả những khuyết điểm tập khí của chúng ta. Chúng ta không thể không biết điều kiện vãng sanh thật sự, điều kiện thật sự không phải là hình thức, Đức Phật nói một cách rõ ràng: “Tâm tịnh tức cõi Phật tịnh”.

 Trong Kinh Vô Lượng Thọ đã đưa ra điều kiện này, có ba bậc: Tâm thanh tịnh sanh vào cõi phàm thánh đồng cư. Tâm bình đẳng sanh vào cõi phương tiện hữu dư. Sau cùng là giác, tức đại triệt đại ngộ, sanh vào cõi thật báo trang nghiêm. Quý vị xem điều kiện vãng sanh đều nói rõ ràng trên đề kinh. Hai điều kiện sau chúng ta không đạt được, nhưng phải đạt được điều kiện đầu tiên, tức là nhất định phải có tâm thanh tịnh. Phương pháp tu tâm thanh tịnh chúng tôi cũng có nói rất nhiều lần, thanh tịnh nhất là gì? A Di Đà Phật thanh tịnh nhất. Câu danh hiệu A Di Đà Phật này trong lục đạo không có, trong mười pháp giới cũng không có, trong cõi nước của ba đời mười phương Chư Phật cũng không có, ở đâu có? Thế giới tây phương Cực Lạc có, nơi Phật A Di Đà có. Bởi thế niệm câu A Di Đà Phật này chính là tương ưng với thế giới tây phương Cực Lạc. Thế giới tây phương là Tịnh độ, là Tịnh độ thù thắng nhất trong Tịnh độ của tất cả chư Phật. Niệm câu A Di Đà Phật này là tu Tịnh độ thù thắng nhất.

 Hiện nay chúng ta tu Tịnh độ có vấn đề, vấn đề ở đâu? Tạp niệm quá nhiều. Bởi vậy chúng ta nên tính bài toán này, một ngày 24 tiếng, chúng ta niệm A Di Đà Phật bao nhiêu tiếng, và bao nhiêu tiếng là tạp niệm. Nếu chúng ta niệm Phật nhiều hơn tạp niệm là đang hướng về Tịnh độ, còn như tạp niệm nhiều hơn niệm Phật, thì trong đời này vãng sanh có vấn đề, không chắc chắn được vãng sanh. Một ngày 24 tiếng, chúng ta niệm Phật trên 12 tiếng, không nhất định phải niệm bằng miệng, trong lòng có niệm là được.

 Trong kinh nói rất rõ ràng: Nhớ Phật niệm Phật, hiện tại đương lai nhất định thấy Phật. Nhớ Phật là trong tâm ta có Phật, luôn nhớ nghĩ đến Phật, trong tâm có Phật. Tuy miệng không niệm, nhưng trong tâm luôn có Phật, như vậy gọi là niệm Phật, niệm Phật là trong tâm có Phật. Trong lòng không có Phật, chỉ niệm bằng miệng không được, vô ích.

 Trong Hệ Niệm Phật Sự thiền sư Trung Phong đã nói hai câu, hai câu này nói hay quá! Ngài nói rằng: “Tâm tôi tức là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà tức là tâm tôi. Ở đây tức là Tịnh độ, Tịnh độ tức là ở đây”. Hai câu này đã nói một cách rốt ráo về Phật A Di Đà và thế giới Cực Lạc, thế giới Cực Lạc không có biên giới, rộng lớn không có biến tế, có bao gồm thế giới chúng ta chăng? Có, vì sao chúng ta không nhìn thấy? Do khác tầng không gian. Sau khi hiểu rõ, Phật Di Đà ở đâu? “Đương xứ xuất sanh”, ở ngay trước mắt, “tùy xứ diệt tận”, không có khoảng cách, không có trước sau. Không có trước sau tức không có thời gian, không có khoảng cách tức không có không gian, đó là gì? Thì ra Phật A Di Đà và thế giới Cực Lạc và ta là nhất thể, nhất thể mới không có không gian, không có thời gian. Thật là một thể, không sai chút nào. Thế nên Đức Thế Tôn nói: Tất cả chúng sanh vốn là Phật\_nhất thể. Là Phật gì vậy? Chúng ta niệm Phật A Di Đà chính là Phật A Di Đà, niệm Phật Tỳ Lô Giá Na chính là Tỳ Lô Giá Na, vì sao vậy? Vì tất cả pháp duy tâm sở hiện, duy thức sở biến, điều này mọi người đều biết. Ở đây Đức Phật không chú giải rằng: Phật A Di Đà và thế giới hoa tạng là ngoại lệ, không có chú giải thêm như vậy. Không chú giải thêm, chính là nói thế giới Cực Lạc cũng là tâm hiện thức biến, thế giới Hoa Tạng vẫn là tâm hiện thức biến. Cho đến Phật A Di Đà, Tỳ Lô Giá Na đều là tâm hiện thức biến. Lời nói này là thật, không phải giả, đây là sự thật.

 Trong kinh điển có câu: “Nhược nhân thức đắc tâm, đại địa vô thốn thổ”. Quý vị thật sự minh tâm kiến tánh, mọi vấn đề đều được giải quyết, không còn vấn đề. Chưa kiến tánh vấn đề rất nhiều, khi kiến tánh rồi tất cả vấn đề đều không còn, đức của thanh tịnh tịch diệt hiện tiền. Đây đều là chúng ta vốn có, mỗi người đều giống nhau, không có người nào khác với người nào, không có, thật là thanh tịnh bình đẳng giác.

 Chúng ta nên nổ lực hành thiện, quyết tâm ngay trong đời này vãng sanh thế giới Cực Lạc, ngoài ra đều là chuyện nhỏ, không đáng nhắc đến, không đáng để trong lòng, chỉ để thế giới Cực Lạc và Phật A Di Đà trong lòng, như vậy trong đời này chúng ta sẽ thành tựu viên mãn.

 Bây giờ chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Tổ: “Hựu đoạn song tiêu, bỉ quốc thánh chúng cập sát độ, khuyên dụ vãng sanh”. Đây là tôn chỉ của đoạn kinh văn ở trước, ngôn ngữ rất đơn giản, mục đích là khuyên chúng ta vãng sanh, nỗ lực hành thiện.

 “Phật nói với ngài Di Lặc, bắt đầu từ phẩm này, Bồ Tát Di Lặc là người đương cơ thứ nhất, A nan thứ hai”. Trong kinh có hai người đương cơ, nửa bộ trước chính là 32 phẩm trước, Tôn giả A nan là đương cơ, từ phẩm 32 về sau Bồ Tát Di Lặc là đương cơ. Nên ở đây Đức Phật không phải gọi A nan, mà là “Phật cáo Di Lặc Bồ Tát”, ở trước chúng ta thấy là “Phật cáo A nan”, còn ở đây thấy là “Phật cáo Di Lặc”.

 “Phẩm thứ 46”, đây là ở sau. “Phật nói với Di Lặc” là dẫn chứng. Quý vị thấy từ đây cho đến phẩm 46, đều là Bồ Tát Di Lặc làm đương cơ, đều là Phật nói với ngài Di Lặc.

 “Ngày nay ta như lý tuyên nói, pháp môn vi diệu rộng lớn thế này”. Đây chính là trong bộ kinh này, Đức Phật vì chúng ta mà giới thiệu thế giới tây phương Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc giống như một trường học, Phật A Di Đà là hiệu trưởng. Đức Phật giới thiệu về ngôi trường này, giới thiệu đến vị hiệu trưởng này, hy vọng chúng ta đến đó nhập học, đến đó tiếp thu nền giáo dục của Phật A Di Đà. Tốt nghiệp ở trường học này tức đã thành Phật, mà bảo đảm quý vị tốt nghiệp. Chính quý vị cũng phải có tín tâm nhất định sẽ tốt nghiệp, không bị ở lại lớp, cũng không bị đuổi học. Hoàn cảnh tu học ở đó quả thật quá lý tưởng, chúng ta không thể tưởng tượng được, đây là ân đức của Phật A Di Đà đối với chúng ta. Thiết bị trường học tốt, Phật A Di Đà làm đại thí chủ, không cần chúng ta nộp học phí, chỉ cần đến đó học. Tất cả mọi thứ vật chất hưởng thụ đều đầy đủ hết, chính Phật A Di Đà giảng kinh thuyết pháp.

 Người ở thế giới Cực Lạc khác với thế gian chúng ta, chúng ta ở đây là thân máu thịt, tướng phần của A lại da, còn thân thể của người ở thế giới tây phương là thân pháp tánh, hoàn cảnh cư trú là cõi pháp tánh, hoàn toàn khác với chúng ta ở đây. Thân chúng ta ở đây là A lại da biến hiện, cõi cũng là A lại da biến hiện, cõi là tướng phần của A lại da. Tâm, bộ phận tinh thần này là kiến phần của A lại da, không phải thật. Nên ở đó gọi là nhất chân pháp giới, nó là thật, không phải giả. Giả là vô thường, niệm niệm sanh diệt không giữ được. Còn chân, chân là vĩnh cữu, vĩnh hằng bất biến. Ở thế giới Cực lạc sống đến một vạn tuổi, vẫn trẻ mãi như vậy, hình như không hề thay đổi. Tướng hiện ra ở đó, đại khái thông thường chúng ta nói là khoảng mười mấy hai mươi tuổi, tướng trẻ mãi như vậy. Ở thế giới Cực Lạc sống được bao nhiêu năm? Chúng ta y theo Kinh Hoa Nghiêm để nói: Ít nhất là ba A tăng kỳ kiếp, gọi là vô lượng thọ. A tăng kỳ kiếp là trẻ mãi không già, không nhìn thấy già yếu, điều này rất tốt! Vì thân pháp tánh không cần dinh dưỡng, không cần ăn cơm, cũng không cần uống nước, và cũng không cần ngủ nghỉ, quý vị xem ở đó tốt biết bao. Nên việc học tập của họ không hề gián đoạn, học mãi. Thầy giáo là Phật A Di Đà giảng kinh không chán, học sinh nghe giảng không biết mệt, càng nghe càng thích, càng nghe càng có tinh thần, pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ. Trường học như thế quý vị không đến, vậy thì đến đâu, chắc chắn không tìm được trường thứ hai như vậy. Chúng ta cảm ân Đức Thế Tôn, đều nhờ ngài giới thiệu, không có ngài chúng ta làm sao biết được? Bởi thế bộ kinh này, chẳng những là tiểu biểu đầu tiên trong tất cả kinh điển mà Đức Phật nói, mà bộ kinh này chính là tất cả kinh, tinh hoa của tất cả kinh điển đều nằm trong bộ kinh này, chính là trong bộ chú giải này.

 Do vậy, tôi học tập bao nhiêu năm, nay xem bộ chú giải này, và đã giảng bộ chú giải này được ba phần tư, tôi vô cùng hoan hỷ. Tôi phát hiện tập đại thành của Khổng lão phu tử: Đại thánh chí thánh tiên sư. Ông không có trước tác, không có phát minh, những gì ông học được, tu được, dạy được, và truyền đạt đều là giáo huấn của chư vị thánh hiền.

 Chúng ta nhìn lại hai vị này: Tập đại thành của Hạ Liên Cư, tập đại thành của Hoàng Niệm Tổ. Hạ Liên Cư là tập đại thành Kinh Vô Lượng Thọ, hội tập năm loại nguyên bản dịch. Hoàng Niệm Tổ là tập đại thành chú giải, trong bộ chú giải của ông tổng cộng trích dẫn 193 loại kinh luận, và tập đại thành chú sớ của chư vị cổ đức xưa nay trong và ngoài nước. Điều này rất hiếm có, thật hiếm có!

Quần Thư Trị Yếu đã in xong, rất nhiều đồng học đều thấy rồi. Đó là 2000 đầu tiên của Trung quốc, từ Hoàng đế, tam hoàng ngũ đế đến cận đại, khoảng 2500 năm, tập đại thành kinh, sử, tử. Bộ sách này tổng cộng dùng 65 bộ sách, quý vị đều đọc được những điều quan trọng nhất.

 Chúng ta đọc chú giải này, quan trọng nhất là Hoàng Niệm Tổ trích dẫn 193 loại kinh luận chú sớ, chúng ta đều được đọc. Bộ chú giải này đối với người trong thời đại này mà nói thì không có gì khế cơ hơn. Chúng ta không có thời gian để đọc được nhiều như vậy, bộ sách này có thể đại diện cho tất cả. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Nhất tức thị đa, đa tức thị nhất”, đọc bộ kinh này là coi như đọc được toàn bộ, còn bộ sách giáo khoa nào tốt hơn chăng?

 Lúc Hoàng Niệm Tổ hội tập, tôi đến nhà ông ở Bắc Kinh phỏng vấn ông, thấy sách tham khảo ông sắp thành một đống lớn, gần đầy phòng. Tôi nói tôi tặng ông bột bộ Đại Tạng Kinh, ông nói: thầy xem tôi không có chỗ để, quả thật không có chỗ để. Những sách tham khảo này rất khó tìm, vậy mà ông ta tìm được nhiều đến thế. Tôi cũng là người rất thích sưu tầm sách, nhưng không tìm được nhiều như ông.

 Tôi học kinh giáo với thầy Lý, những tài liệu tham khảo liên quan đến việc học, đích thực tìm được hơn 20 loại liên quan đến Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Lăng Nghiêm cũng có hơn 20 loại, coi như là rất khả quan rồi, vậy mà ông có thể tìm đến 193 loại, điều này không thể không khâm phục! Từ đâu mà có vậy? Chúng ta có lý do tin tưởng không hoài nghi rằng, là do Phật A Di Đà gia trì mà có, Phật A Di Đà tìm thay ông, Phật A Di Đà tặng cho ông, bằng không làm sao có thể trong thời gian hai ba năm, mà chú giải thành công bộ sách này. Quả thật không thể nghĩ bàn, đúng là cảm ứng đạo giao.

 Tôi ở Đài Trung học kinh giáo, hầu như muốn sách gì đều tìm được, đều có người đem đến tặng, nhưng không sánh được với Hoàng Niệm Tổ, ông hơn tôi rất nhiều. Nên chú giải là tập đại thành, quả là rất tuyệt vời, là việc chỉ có thánh nhân mới làm được.

 Ngày nay chúng ta có duyên gặp được, và cầm trên tay bộ sách này, đây thật là trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được. Chúng ta không thể không trân trọng, không thể không nổ lực học tập.

 Ở đây Đức Phật dạy rằng: “Hà bất lực vi thiện, niệm đạo chi tự nhiên”, ở sau có giảng giải tường tận, nên nổ lực hành thiện. Việc thiện lớn nhất trong các điều thiện không gì bằng niệm Phật, vì Phật hiệu là thiện trong các điều thiện, tất cả điều thiện thế xuất thế gian đều ở trong một câu Phật hiệu này. Niệm một câu Phật hiệu là niệm hết tất cả điều thiện của thế xuất thế gian, là niệm viên mãn. Niệm điều gì khác là sai, đừng niệm gì khác, những thứ khác chỉ là bộ phận, còn câu Phật hiệu là toàn thể. Nắm chặt câu Phật hiệu tuyệt đối không buông, đời này sẽ viên mãn thành tựu, nên mới nói là như lý.

 “Ngã” là Đức Phật Thích Ca tự xưng. “Ngã kim như lý lai tuyên thuyết”. Lý ở đây chính là thật tướng, là chân tướng, chân tướng như thế nào ta sẽ nói đúng như vậy, không thêm chút nào cũng không bớt chút nào, đây gọi là như lý, mỗi câu đều là thật.

Tịnh tông là pháp môn rộng lớn vi diệu. “Tất cả chư Phật chi sở xưng tán”, câu này là chứng minh, nghĩa là không phải chỉ mình Đức Phật xưng tán nó là pháp môn rộng lớn vi diệu, mà tất cả chư Phật đều xưng tán như vậy. Chư Phật đều thừa nhận, chư Phật đều khẳng định, nó là pháp môn rộng lớn vi diệu đệ nhất.

 “Phó chúc nhữ đẳng tác đại thủ hộ”. Đức Thế Tôn giao việc đại sự này cho Bồ Tát Di Lặc, trọng trách này chính là truyền bá pháp môn này, hoằng dương pháp môn này. Đại sự này giao cho Bồ Tát Di Lặc. “Tác đại thủ hộ”, thủ hộ chánh pháp, khiến chánh pháp thường trú thế gian. Đoạn văn này đều ở sau, trong phẩm 46.

 Ở đây Hoàng Niệm Tổ dẫn chứng: “Nên biết Bồ Tát Di Lặc đương lai hạ sanh, vâng theo lời phó chúc của Phật để tuyên thuyết bộ kinh này”. Dẫn chứng đoạn kinh có nghĩa như vậy. Chúng ta từ chỗ Thế Tôn phó chúc để xem việc này. Tương lai Bồ Tát Di Lặc hạ sanh ở thế gian này và thị hiện thành Phật, nhất định là để giảng bộ kinh này, giới thiệu pháp môn này.

 “Vi diệu an lạc thanh tịnh”, đây là nói đến hoàn cảnh ở thế giới tây phương Cực Lạc, dùng ba câu này: Vi diệu, an lạc, thanh tịnh. Hội Sớ nói: “Trang nghiêm siêu tuyệt, gọi là vi diệu”. Trong kinh nói về trang nghiêm, người thế gian chúng ta thường gọi là chân thiện tốt đẹp, chính là trang nghiêm. Chân thiện tốt đẹp đến tột cùng, không tìm thấy khiếm khuyết, nếu ở trong đó hưởng thụ, nhất định không có chút tác dụng phụ nào, đây gọi là vi diệu.

 “Không có khổ não, nên gọi là an lạc”. Chẳng những không có điều khổ não, trong kinh Đức Phật nói, đến danh tự của tất cả khổ não cũng đều không có. Ở đây chúng ta có oán có hận, ở thế giới Cực Lạc nói với họ về những điều oán hận họ không hiểu, không biết như thế nào gọi là oán hận, ở đó không có những điều này, nên không có những danh xưng đó. Nói với họ về sanh lão bệnh tử họ cũng không hiểu, vì ở đó chưa từng thấy đến sanh lão bệnh tử, nên những danh xưng này ở thế giới Cực Lạc không có. Không riêng gì ba đường ác, ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục hoàn toàn không có. Nên ở đây rất an lạc.

 “Vô lậu tướng, thật tướng tướng cố, nên nói là thanh tịnh”. Vô lậu, trong Phật pháp lậu là đại danh từ của phiền não, vô lậu là đã đoạn tận phiền não. Trong này bao gồm ba loại lớn: kiến tư phiền não, trần sa phiền não và vô minh phiền não, đều đã đoạn tận.

 Trong Kinh Hoa Nghiêm dùng một danh từ khác, là dùng vọng tưởng phân biệt chấp trước. Vọng tưởng là vô minh phiền não, phân biệt là trần sa phiền não, chấp trước là kiến tư phiền não, tất cả đều đã xa lìa không còn nữa. Phiền não đều không còn mới gọi là thanh tịnh, nên cảnh giới của họ là thật tướng. Thật là chân thật, tướng là hiện tượng, những hiện tượng này là chân thật. Thế nào gọi là chân thật? Là vĩnh viễn không có biến hóa, nếu có biến hóa thì tướng này là giả. Trong Phật pháp định nghĩa về giới hạn giữa chân và vọng là như vậy.

 Ở thế gian chúng ta người và động vật có sanh lão bệnh tử, đây chính là giả tướng, không phải thật tướng. Thực vật có sanh trụ dị diệt, sơn hà đại địa có thành trụ hoại không. Cho nên thế gian này Đức Phật đã nói: Vạn pháp vô thường, biến hóa trong từng sát na. Chúng ta không biết được chân tướng của nó.

 Bồ Tát Di Lặc nói với chúng ta rằng: Một khảy móng tay có 32 ức 100 ngàn niệm, niệm niệm thành hình, hình đều có thức, đây là nói một cách tường tận cái giả tướng của thế giới Ta Bà. Tất cả hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, hiện tượng tự nhiên trên thế gian này đều là giả, không có thứ nào là thật. Nó từ đâu mà có? Từ ý niệm mà có.

 Trong kinh điển đại thừa thường nói đến, chúng ta cũng đọc rất quen thuộc, nhưng không hiểu được ý nghĩa thật sự của nó. Đức Phật thường nói: “Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”, chúng ta cứ thế đọc qua, mà không biết tâm tưởng sanh này rốt cuộc là ý gì.

 Tôi cũng mãi đến hai ba năm gần đây, các bạn đồng học đem đến cho tôi xem một số báo cáo của khoa học, trong đó có bài báo cáo của Max Planck người Đức. Tôi xem xong vô cùng kinh ngạc, mới thật sự thấu triệt câu “nhất thiết pháp từ tâm tưởng sanh” của Đức Phật nói, thì ra tất cả đều do tần suất sanh ra.

 Hình như còn có một bài báo cáo, mà nhiều năm trước tôi từng xem, khoảng năm sáu năm trước khi tôi ở Úc Châu. Một bài báo cáo rất dài về định luật huyền, giữa vũ trụ giống như sợi giây đàn vậy, chấn động là do định luật này sản sanh. Ví dụ này rất hay, chứng minh hiện tượng của toàn thể vũ trụ đều không phải thật. Trong này hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, hiện tượng tự nhiên đều không phải thật, đều thuộc về hiện tượng dao động. Tần suất dao động này rất cao, tốc độ vô cùng nhanh, nhanh đến mức chúng ta không thể tưởng tượng được. Các nhà khoa học đã nói ra, nhưng không nói rõ con số. Bồ Tát Di Lặc nói ra con số: Một khảy móng ta có 32 ức 100 ngàn niệm, ngài đã đưa ra con số. Khoa học hiện đại dùng đơn vị là giây. Bồ Tát Di Lặc nói khảy móng tay. Một giây chúng ta có thể khảy được bao nhiêu lần? Tôi tin rằng khảy thật nhanh, nhất định nhanh hơn tôi, tôi có thể khảy bốn lần, và tin rằng có người khảy được năm lần. Nếu khảy được năm lần, vậy 5 x 32 ức 100 ngàn niệm = 1600 triệu. Một giây chấn động bao nhiêu lần? 1600 triệu lần, đây là sinh ra đại thiên thế giới, đại thiên thế giới được sanh ra như vậy.

 Nếu bất động đại thiên thế giới sẽ không còn, nên Đức Phật nói vạn pháp giai không, cả thế giới Hoa Tạng và thế giới Cực Lạc, cũng không ngoại lệ. Đức Phật không nói, thế giới Cực Lạc ngoại lệ, không có nói như vậy, thế giới Cực Lạc cũng là không. Nhưng nếu thế giới chúng ta sánh với thế giới Cực Lạc, chẳng khác nào con phù du, sáng sanh chiều chết, rất nhanh. Ví dụ nói người ở thế giới Cực lạc thọ 100 tuổi, còn sinh mạng con phù du trong nước chỉ có mấy tiếng đồng hồ. Sanh mạng mấy tiếng đồng hồ nhìn thấy người 100 tuổi, như vậy không gọi là vô lượng thọ, không gọi là thần tiên sống ư? Nghĩa chính là như vậy.

 Chúng ta so với thế giới Cực Lạc, thì chúng ta giống như con phù du, sáng sanh chiều chết. Còn người ở thế giới Cực Lạc chính là trường thọ thiên. Trường thọ có lợi ích chăng? Lợi ích rất nhiều. Lợi ích lớn nhất chính là họ có thời gian dài để tu thành Phật đạo, thành Phật rồi đúng là vô lượng thọ, đó không phải là vô lượng của hữu lượng. Nói cách khác trường thọ trong cõi thật báo trang nghiêm ở thế giới Cực Lạc là vô lượng của hữu lượng, nhưng chúng ta có thể gọi họ là vô lượng của vô lượng, vì sao vậy? Vì vô lượng của hữu lượng, là trực tiếp thông đến vô lượng của vô lượng. Họ có thể chứng được vô lượng, sau cùng chứng đến quả vị diệu giác, chính là vô lượng, thật sự vô lượng. Diệu giác không ở trong cõi thật báo, họ ở thường tịch quang, ở thường tịch quang nên không tìm thấy họ, vì sao vậy? Vì thường tịch quang không có ba loại hiện tượng. Thường tịch quang không có hiện tượng vật chất, không có hiện tượng tinh thần, cũng không có cái gọi là hiện tượng tự nhiên, hoàn toàn không có. Thường tịch quang ở đâu? Nó tồn tại mọi lúc mọi nơi, nên chúng ta không thấy được, vì sao không thấy được? Vì nó không có ba loại hiện tượng. Mắt tai mũi lưỡi thân của chúng ta có thể thấy được hiện tượng vật chất, mắt có thể thấy được nó, tai có thể nghe được nó, tay có thể sờ được nó, đây là hiện tượng vật chất. Đệ lục ý thức là tư tưởng, có thể duyên đến hiện tượng tinh thần, cho đến hiện tượng tự nhiên. Nếu ba loại hiện tượng này đều không có, tác dụng của tám thức tâm vương đều không duyên được, không có cách nào. Đây chính là điều Đức Phật thường nói: Tám thức 51 tâm sở không duyên được tự tánh. Các nhà khoa học dùng sáu thức mắt tai mũi lưỡi thân ý để nghiên cứu triết học và khoa học. Nhưng Đức Phật nói dùng những thứ này có thể duyên đến ranh giới của vũ trụ\_ hồng quan vũ trụ, có thể duyên đến A lại da, A lại da ngày nay gọi là lượng tử lực học. Nhưng họ không duyên được tự tánh, cũng không duyên được bản tánh chân như. Như lúc nãy vừa mới nói, tự tánh chân như không có ba loại hiện tượng, vậy làm sao mới có thể minh tâm kiến tánh? Đức Phật nói: Chỉ có chứng mới biết được. Làm sao chứng được? Buông bỏ là chứng được. Đức Phật dạy chúng ta buông bỏ chấp trước, nhất định không chấp trước đối với tất cả pháp thế xuất thế gian. Chính là đã đoạn tận kiến tư phiền não, chứng được quả A la hán, nhưng chưa kiến tánh, chỉ tiến thêm bước lớn đối với việc minh tâm kiến tánh. Tiếp tục nổ lực, buông bỏ phân biệt, phân biệt là trần sa phiền não, sau khi buông bỏ liền chứng được quả vị Bồ Tát. Có thể nói là đến ranh giới của kiến tánh, nhưng chưa kiến tánh, so với A la hán thì tiến thêm bước lớn. Sau cùng là buông bỏ khởi tâm động niệm, sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần như mắt thấy, tai nghe, như thế nào? Không khởi tâm, không động niệm. Chúc mừng, quý vị đã thành Phật, đã siêu việt mười pháp giới, đến nhất chân pháp giới rồi. Ở đó 41 vị pháp thân đại sĩ, vì sao vẫn còn 41 giai cấp? Vì chỉ mới đoạn phiền não mà chưa đoạn tập khí phiền não, đích thực không khởi tâm không động niệm, tập khí khởi tâm động niệm vô cùng vi tế, không cách nào đoạn được. Chỉ có một cách là bỏ mặc nó, đừng quan tâm đến, thời gian lâu ngày tự nhiên biến mất. Cần bao nhiêu thời gian? Trong Kinh Hoa Nghiêm nói: Ba a tăng kỳ kiếp, thời gian dài như vậy tự nhiên nó sẽ không còn. Thế nên biết rằng, thì ra cõi thật báo trang nghiêm của Chư Phật là do tập khí vô minh biến hiện ra. Tập khí vô minh không còn, cõi thật báo trang nghiêm tự nhiên không còn, “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Sau cùng chỉ có một cái là chân thật, tường tịch quang là thật, cõi này bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh.

 Ngài Huệ Năng khai ngộ kiến tánh, ngài đưa ra báo cáo có năm câu, 20 chữ, nói cho chúng ta biết tự tánh là như thế nào? “Vốn tự thanh tịnh”, xưa nay chưa từng ô nhiễm, tự tánh chúng ta bây giờ không có ô nhiễm. Mặc dù tạo tội nghiệp đọa vào địa ngục, biến thành súc sanh, ngạ quỷ cũng không nhiễm. Ngài Huệ Năng nhìn thấy nó “vốn không sanh diệt”, nó không có sanh diệt. Đến cõi thật báo trang nghiêm đều có sanh diệt, chúng ta không khởi tâm không động niệm, cõi thật báo trang nghiêm liền hiện tiền, còn như đoạn sạch tập khí khởi tâm động niệm nó tự nhiên biến mất. Cõi thật báo không còn, thường tịch quang liền hiện tiền. Quý vị xem đây là chân tướng sự thật. Mục tiêu sau cùng của việc học Phật là giúp chúng ta trở về thường tịch quang, trở về tự tánh, đó gọi là công đức viên mãn. Trong Kinh Hoa Nghiêm gọi là Diệu Giác Như Lai, cao hơn Đẳng giác. Thường tịch quang chỉ có một vị trí, tất cả đều là Diệu Giác Như Lai, không như cõi thật báo, cõi này có 41 vị thứ. Đây gọi là thật tướng, thanh tịnh.

 “Cái vị Cực Lạc nhất thiết sự tướng, giai thị vô lậu chi diệu tướng”. Đối với những điều nói ở trên, chúng ta có thể lãnh hội được một ít, ở đây cũng có thể lãnh hội được một phần diệu tướng của vô lậu. Vô lậu là gì? Là tự tánh, tự tánh hiện, trong này không có thức. Phật nói hiện tượng này là: “Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”. Thế giới tây phương Cực Lạc chỉ có duy tâm sở hiện, không có duy thức sở biến, nên nó không phải là vô thường. Mười pháp giới là vô thường, vì nó có duy thức, duy thức sẽ sản sanh biến hóa, nếu không có thức sẽ không có biến hóa. Nó không có phân biệt, không có chấp trước, thì không có biến hóa.

 Chúng ta hiểu đạo lý này, thấu triệt chân tướng sự thật này, nếu cư dân trên địa cầu này, đều giống như trong Kinh Lăng Nghiêm nói: “Xả thức dùng căn”. Thức là gì vậy? Là phân biệt chấp trước, chúng ta buông bỏ hết phân biệt chấp trước, chỉ dùng căn. Căn chính là tự tánh, không có phân biệt, không có chấp trước, cũng không khởi tâm không động niệm, nhưng họ còn tập khí khởi tâm động niệm. Tập khí cũng không sao, sẽ hiện cõi thật báo trang nghiêm, giống như thế giới Cực Lạc vậy. Bất luận là đối với sự hay lý, địa cầu và thế giới tây phương không có gì khác nhau, khác nhau ở chỗ tâm chúng ta không giống nhau, mới biến thành sai khác. Người ở thế giới Cực Lạc không có phân biệt, không có chấp trước, cũng không khởi tâm động niệm.

 Thế giới Cực Lạc có ba cõi, tất cả những gì nói đây, trong ba cõi chỉ có thật báo trang nghiêm mới có hiện tượng này. Vì sao vậy? Vì cõi đồng cư chưa đoạn thức, cõi phương tiện cũng vẫn dùng thức, chưa đoạn nó sẽ biến, như vậy có giống chúng ta ở đây chăng? Không giống, không giống đây là gì? Là oai thần bổn nguyện của Phật A Di Đà gia trì, ngài đã quản chặt nó. Cũng chính là năng lượng của Phật A Di Đà quá lớn, tất cả nghiệp lực của chúng sanh ngài đều có thể hàng phục hết, điều này quả thật không thể nghĩ bàn! Thanh văn, Duyên giác không hiểu, đến quyền giáo Bồ Tát cũng không hiểu, sao lại có được sức mạnh lớn đến thế. Thực tế mà nói, sức mạnh này Đức Phật cũng thường hay nói: “Chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện”. Như vậy chúng ta mới biết, công phu chế tâm một chỗ của Phật A Di Đà đã đạt đến đỉnh điểm, nên sinh là nguồn năng lượng lớn đến thế.

 Ánh sáng mà các nhà khoa học phát hiện, ánh sáng ngọn đèn chiếu phân tán ra tám phương bốn hướng, cách một trang giấy cũng không xuyên qua được, đều chướng ngại được nó, vì sao vậy? Vì nó bị phân tán. Nếu như tập trung ánh sáng này lại một nơi, khiến nó biến thành một đường thẳng, sức mạnh đó sẽ vô cùng lớn, đến tấm thép nó cũng xuyên thấu được, hiện nay gọi là tia laser, tia laser chính là tập trung ánh sáng lại một nơi. Nếu tập trung nó lại một nơi, nó sẽ có sức mạnh như thế đó, phân tán sẽ không có sức mạnh.

 Đức Phật dạy: Sức mạnh lớn nhất là ý niệm, ý niệm phải tập trung vào một chỗ, quý vị thấy có thể kiến tạo thế giới Cực Lạc, quả là vi diệu! Chúng ta hiểu được đạo lý này, ngày nay trên địa cầu nhiều thiên tai như vậy, quý vị có sợ hãi chăng? Không sợ. Vì sao vậy? Vì chúng ta có thể khống chế nó, có thể khiến núi lửa không bộc phát, có thế khiến sóng thần bình lặng, tập trung ý niệm một chỗ thật sự làm được như vậy. Tâm tập trung một chỗ chính là thiền định, có thể chấn động đến thái không, có thể khống chế tất cả mọi tinh cầu, không phải không làm được, đây không phải là mộng tưởng. Ai có thể làm được? Chúng ta học tập kinh điển nhiều năm nay, có thể khẳng định: Bát địa Bồ Tát làm được, công phu của họ đủ thâm sâu. Bát địa Bồ Tát thấy được A lại da, không cần dùng máy móc, mắt họ nhìn thấy được, họ có thể tiếp xúc và nghe được sóng âm thanh, cực kỳ vi tế. Bát địa Bồ Tát trở lên: Bát địa, cửu địa, thập địa, Đẳng giác, Diệu giác, năm địa vị này thấy được tất cả. Tất cả pháp trong vũ trụ đều là do ý niệm biến hiện ra, bao gồm thế giới Cực Lạc và thế giới Hoa Tạng, cũng bao gồm cả thế giới chúng ta, tất cả đều là ý niệm. Ý niệm của ai? Là ý niệm của chính mình. Đây hoàn toàn là sự thật. Ý niệm của chúng ta có thể thay đổi thân mình, có thể thay đổi thân mạng. Hoàn toàn là thiện niệm, chúng ta nhất định được mạnh khỏe trường thọ. Ác niệm sẽ đem đến bệnh tật, có ác niệm chúng ta sẽ tạo nghiệp, nghiệp cũng từ ý niệm sanh ra.

 Hôm qua ở đây tôi có nói với chư vị đồng học: Sát đạo dâm vọng tửu là ác nghiệp, là tạo ác nghiệp. Tham sân si mạn nghi là nhân của tất cả bệnh tật. Oán hận não nộ phiền là duyên của bệnh. Lục phủ ngũ tạng không điều hòa, trời đất biến dị, đây là quả của bệnh hiện tiền. Thống khổ, đoản mạng, thiên tai tự nhiên, đây là báo ứng.

 Ngũ giới thập thiện, và cổ nhân nói ngũ thường: Nhân lễ nghĩa trí tín là thuốc. Chỉ cần trở về với luân thường, trở về với Ngũ giới thập thiện, thì tất cả bệnh trong thân thể chúng ta đều được khôi phục, không cần trị liệu, vì sao vậy? Vì “tất cả pháp tùng tâm tưởng sanh”. Nếu như hiểu rõ và thấu triệt, không những có thể chuyển nghiệp của bản thân mình, đến sơn hà đại địa nơi chúng ta ở cũng không có thiên tai, đều chuyển được. Người ở đây tu hành càng đông thì sức mạnh này càng lớn, ý thức tập thể đích thực thay đổi được sơn hà đại địa.

 Hiện nay chư vị đều biết, khoa học kỹ thuật phát triển, gây ra sự ô nhiễm nghiêm trọng cho địa cầu. Đất đai nhiễm ô đem đến cho chúng ta thảm họa lớn lao, vì sao vậy? Vì thực vật không sanh trưởng, lương thực ngũ cốc không có, con người đều đói mà chết. Trong đất đai có độc của thuốc sâu và phân bón, nước trong hồ cũng có độc, điều này quả là phiền phức. Có cách gì thay đổi chăng? Theo nguyên lý nguyên tắc trong kinh Đức Phật dạy thì đều thay đổi được, chỉ cần ý niệm chánh, tâm địa đạt đến thanh tịnh bình đẳng giác, tất cả độc tố hoàn toàn được hóa giải. Không cần dùng đến y dược, ý niệm có thể hóa giải được nó, khiến mỗi tế bào, mỗi hạt căn bản đều khôi phục bình thường. Điều này về mặt lý luận có thể nói như thế.

 Ở thế giới tây phương Cực Lạc, nhất định quý vị tìm không thấy tế bào vi khuẩn đó, chắc chắn tìm không thấy độc bệnh, vì sao vậy? Vì Phật A Di Đà không có những tạp niệm này. Người vãng sanh Cực Lạc, ngày ngày tiếp thu giáo huấn của Phật A Di Đà, đều ở đó học tập kinh điển, không có tạp niệm, ác niệm tiêu diệt, chỉ thuần túy là chánh niệm, là thiện niệm, là Phật niệm, đạo lý chính là như vậy. Do đó chúng ta lại thấu hiểu thêm một vấn đề, muốn cho con người ở thế gian này sống mạnh khỏe, hạnh phúc, an vui, phương pháp gì có thể thực hiện được? Là dạy học. Cổ nhân rất thông minh: “Kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên”. Dạy điều gì? Dạy luân thường, dạy đạo đức, dạy nhân quả, dạy giáo huấn của thánh hiền, chắc chắn thực hiện được. Trong này có nguyên lý nguyên tắc chung, chính là ý niệm thay đổi được tất cả, không phải ở bên ngoài mà chính ngay trong bản thân mình. Chúng ta hiểu được đạo lý này, nhất định phải làm chủ bản thân, bất cứ lúc nào nơi nào cũng không để mình khởi lên một ác niệm. Vì sao vậy? Vì ta muốn mạnh khỏe, muốn hạnh phúc và ta muốn được an vui, không phải tìm đâu bên ngoài, mà tìm ngay trong bản thân mình. Tâm tốt không có gì không tốt, còn như tâm không tốt, không có phương pháp nào điều hòa được nó. Vì sao vậy? Vì tâm đã hư hỏng, nên phải xuay chuyển tâm này.

 Học Phật không có mục đích gì khác, trước đây thầy Lý dạy chúng tôi học Phật là gì? Là sửa tâm! Sửa đổi tâm bất thiện thành thuần tịnh thuần thiện, đây gọi là học Phật. Nó đem đến cho chúng ta hạnh phúc an lạc cứu cánh viên mãn. Nên tất cả sự tướng ở thế giới Cực Lạc đều là diệu tướng vô lậu.

 “Hựu thật tướng vô tướng vô bất tướng”. Trong Kinh Bát Nhã thường nói như vậy. Vô tướng là gì? Vô tướng là thể, chính là thường tịch quang. Vô bất tướng là gì? Vô bất tướng chính là ba cõi ở trước: cõi thật báo, cõi phương tiện, cõi đồng cư, ba cõi này có tướng. Nhưng quý vị nên biết tướng tức vô tướng. Quý vị có thể thấy được điều này, đây gọi là trung đạo đệ nhất nghĩa đế. Tướng là gì? Là giả tướng, không phải chân tướng, sát na sanh diệt, giống như chúng ta xem điện ảnh vậy. Ở đây tôi có âm bản của cuộn phim, một giây chiếu ra 24 tấm, phát ra từ máy chiếu phim là một giây có 24 tấm phim đèn chiếu. Mỗi tấm đều khác nhau, đều độc lập, những thứ chúng ta xem trên màn hình là nó đang gạt chúng ta, khiến chúng ta tưởng đó là thật. Từng tấm từng tấm phim đèn chiếu, cứ một lần mở ống kính ra là một tấm, rồi đóng lại, chiếu tấm thứ hai. Nó thay đổi quá nhanh, mắt chúng ta không kịp nhận ra nên mới mắc lừa, một giây có đến 24 tấm. Đạo lý này đến nay chúng ta mới hiểu.

 Bồ Tát Di Lặc dạy rằng, thế giới hiện thực này cũng giống như chúng ta xem phim trên màn hình vậy. Tốc độ nó di động còn nhanh hơn điện ảnh, một giây có bao nhiêu tấm? 1600 triệu, không phải 1600 trăm tấm, mà là 1600 triệu trong một giây. Còn điện ảnh phát trên màn hình một giây có 24 tấm, đây là chân tướng.

 Khi đang xem phim, cũng biết nó là từng tấm từng tấm phim đèn chiếu, nó không phải thật, không có tướng của hai tấm nào hoàn toàn tương đồng, vì sao không tương đồng? Vì ý niệm không tương đồng, không thể có hai ý niệm hoàn toàn tương đồng, không thể, đây gọi là thật tướng. Quí vị hiểu rõ điều này đây là vạn pháp giai không, không có gì là chân thật cả. Hiện tượng này đang diễn ra trước mắt, từng phút từng giây hiện ra trước mắt, chúng ta xem cả đời cũng không giác ngộ, đến chết vẫn còn mơ hồ.

 Người thông minh, thấu hiểu được sự thật này, nên nhìn thấu, đây gọi là nhìn được thấu, khi nhìn thấu rồi là tâm thái gì? Là buông bỏ, không làm những chuyện hồ đồ nữa. Thế nào gọi là chuyện hồ đồ? Để nó trong lòng gọi là chuyện hồ đồ, như vậy là sai. Việc tốt hay xấu đều không để trong lòng, toàn là giả, không có gì là thật cả, như vậy mới được tự tại, mới được giải thoát. Việc tốt nhất định không tham luyến, việc xấu cũng không oán hận, vì sao vậy? Vì tất cả đều là giả, lập tức đều là không, niệm niệm bất trú, niệm niệm vô thường, nó có nghĩa là như vậy, thế mới nhận ra chân tướng. Cho thể là không tịch, tướng cũng là không, cũng không phải thật. Đây gọi là thấy được trung đạo. Trung đạo chính là thấy được thật tướng cứu cánh.

 “Những gì hiện ra tất cả đều là thật tướng”. Bồ Tát thấy được, Bồ Tát nào? Pháp thân Bồ Tát. Vì tướng ở thế giới Cực Lạc hiện ra là tướng vô lậu, tướng thật tướng, nên gọi là thanh tịnh. Hai câu sau cùng này trong Tịnh Ảnh Sớ nói: “Hà bất lực lợi vi thiện cầu sanh, danh lực vi thiện”, đây là giải thích câu sau cùng này.

 Tịnh Ảnh là ngài Huệ Viễn thời nhà Tùy trước tác, đệ nhất tổ sư Tịnh độ tông cũng gọi là Huệ Viễn, tên hai người hoàn toàn giống nhau. Một người vào thời Đông Tấn, một người sống vào thời nhà Tùy. Nên ngài Huệ Viễn này trong nhà Phật chúng ta xưng ngài là tiểu Huệ Viễn, chính là ngài Huệ Viễn thời nhà Tùy. Ngài có chú giải Kinh Vô Lượng Thọ, gọi là Nghĩa Sớ, Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ do ngài trước tác, gọi là Tịnh Ảnh Sớ.

 Trong này giải thích: “Hà bất lực lợi, nổ lực, miễn lợi, vi thiện cầu sanh”. Nghĩa là phải nên cố gắng hành thiện, cầu sanh thế giới Cực Lạc, đây là ý nghĩa của lực vi thiện. “Niệm đạo chi tự nhiên, niệm đạo chi giả, tự nhiên vãng sanh, danh niệm tự nhiên dã”. Vãng sanh không có chút miễn cưỡng nào, bản thân công phu thuần thục thì tự nhiên vãng sanh, Phật A Di Đà tự nhiên đến tiếp dẫn. Quan trọng nhất là công phu chúng ta phải tự nhiên thành tựu.

 Trong Hội Sớ lại nói: Hai chữ “hà bất” này là từ kích phát khuyến khích, tức thông hai nghĩa. Thiện có hai loại, thứ nhất: Xưng danh niệm Phật gọi là bản thiện, căn bản của thiện. Thứ hai: rộng làm các điều thiện, hồi hướng để được vãng sanh Tịnh độ. Một cái là gốc của thiện, một cái là trợ lực của thiện, giúp quý vị. Đức Phật dạy chúng ta: “Tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên”. Trong mười nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền dạy chúng ta: “Tùy hỷ công đức”, công đức nghĩa là bất biến, không nên phan duyên. Có cơ hội, gặp được cơ hội làm việc tốt, nên toàn tâm toàn lực làm, lấy công đức này hồi hướng cầu sanh Tịnh độ, đây là việc tốt. Nếu như tìm việc thiện để làm là không tốt, tuyệt đối không nên không có việc đi tìm việc, đó gọi là phan duyên. Tâm phan duyên không tốt, dùng tâm phan duyên đó để niệm Phật sẽ tốt hơn, khi không có việc thì niệm Phật. Có duyên giúp người khác là việc tốt.

 Trong thời đại ngày nay, chánh pháp suy yếu đến tận cùng. Truyền thống văn hóa là thứ có thể cứu quốc gia dân tộc, có thể cứu thế giới, có thể cứu chánh pháp, vì nó là nền tảng của chánh pháp. Nếu như truyền thống văn hóa bị hủy diệt, Phật pháp chắc chắn sẽ diệt vong, vì sao vậy? Vì nền tảng của nó không còn. Bởi thế truyền thống văn hóa rất quan trọng, có cơ duyên sao có thể không làm được? Mọi lúc mọi nơi có duyên đều phải làm.

 Ngày nay quan trọng nhất là truyền thừa chánh pháp, truyền thừa có hai vấn đề. Thứ nhất là tư liệu, chính là kinh sách, làm sao để bảo tồn nó.

 Lần này tôi đến Nhật Bản giảng kinh, trong nước có vị đồng tu đến nghe kinh, nói với tôi ông ta muốn phát tâm khắc kinh trên đá, khắc Đại Tạng Kinh lên đá, cất giữ ở các danh sơn, hy vọng Đại Tạng Kinh không bị tổn thất. Tôi nói với ông ta, nếu xảy ra một trận động đất không phải là mất hết ư? Vì ông chỉ có một bộ kinh, nếu ở đó phát sinh động đất là coi như xong. Ông ta nói vậy phải làm sao? Tôi nói thời xưa, con người ngày xưa nhân tâm nhân hậu, nên ít động đất, động đất là gì? Động đất là do ngạo mạn chiêu cảm. Người bây giờ ngạo mạn nhiều, người ngày xưa thường khiêm tốn, ít ngạo mạn, nên động đất cũng rất ít. Dùng phương pháp này cũng được, như Thạch Kinh ở Phòng Sơn Bắc Kinh, tôi có đến tham quan. Người bây giờ nhiều ngạo mạn, nên động đất cũng nhiều, không an toàn. Phương pháp an toàn nhất là in ấn số lượng lớn, chúng ta in Đại Tạng Kinh ra một vạn bộ, 10 vạn bộ, phân ra khắp nơi trên toàn thế giới, như vậy thiên tai không thể hủy diệt tất cả, nhất định còn nhiều nơi giữ lại được, đây là phương pháp hay nhất, phải in Đại Tạng Kinh ra thật nhiều. Hiện nay kỹ thuật in ấn phát triển, in vừa đẹp lại vừa rẻ, nên nhất định phải nghĩ đến điều này.

 Tôi khuyến khích ông ta nên dùng phương pháp này để bảo tồn được khắp nơi, nơi nào tiếp nhận thì đưa đến đó, đưa đến khắp nơi, đây là việc tốt. Đặc biệt, những giáo huấn của thánh hiền có quỷ thần thủ hộ. Trong nhà Phật thường nói: Nơi nào có kinh điển ở đó có Phật, sẽ có thần hộ pháp ủng hộ.

 Chắc ông ta thay đổi chủ ý nên nói với tôi: Ông ta có tiền, cũng không nhiều lắm, khoảng hơn một ức, có thể đem in Đại Tạng Kinh. Tôi nói tốt lắm\_ thật sự phát tâm làm việc tốt lớn lao này, như vậy là tư liệu được bảo tồn. Nhưng nếu như không có người học, tu, hoằng dương, tài liệu này không khởi tác dụng. Vậy thì phải động viên lớp trẻ, bồi dưỡng lớp trẻ, quan tâm đến lớp trẻ và thành tựu cho lớp trẻ, đây là công đức lớn, việc tốt lớn, việc này chúng ta cần phải làm. Thật sự phát tâm từ việc nghiên cứu tu học và hoằng dương kinh giáo, hạng người này là quốc bảo. Chúng ta phải hộ trì những người này, phải giúp những người này, phải thành tựu những người này. Như vậy chánh pháp mới có thể cửu trú, chánh pháp mới có thể phát triển rộng rãi, mới có thể lợi ích chúng sanh, đây là việc quan trọng hàng đầu.

 Chúng tôi cũng nghĩ đến mấy mươi năm nay, nhưng đều không có duyên, có duyên chúng tôi đã làm từ lâu rồi. Không có duyên, bất đắc dĩ, chúng tôi cũng coi như không tệ, chúng tôi có mạng internet, có ti vi, dùng cách này để cùng với chúng sanh có duyên trên toàn thế giới học tập. Có duyên gì? Họ mở kênh này ra là có duyên, chúng ta cùng nhau chia sẻ, cùng nhau học tập. Nếu nhân duyên thù thắng, chúng ta có thể thành lập thư viện, trường học, xây dựng một giảng đường để mọi người cùng nhau học tập.

 Nếu đồng thời chúng ta có mạng internet, ti vi, có truyền hình vệ tinh, hiệu quả lại càng rộng lớn hơn, đây là việc tốt hàng đầu cho trái đất hiện nay. Nhiều người có tiền nhưng họ không có trí tuệ này, họ không có phước phần này, người có phước báo lớn mới làm được điều này. Có tiền mà không có phước họ không nghĩ ra. Cho nên có tiền là phước báo, dùng tiền là trí tuệ. Có phước báo không có trí tuệ, dùng tiền không đúng chỗ, như vậy phải đọa vào tam đồ, quý vị xem có phiền hay không! Nên trí tuệ quan trọng hơn tiền bạc nhiều, trí tuệ không bị đọa vào tam đồ. Đây là nói thiện có hai loại, rộng hành trì các điều thiện, để hồi hướng cầu sanh Tịnh độ.

 Niệm thông hai loại, niệm là năng niệm, đạo là sở niệm. Đạo cũng có hai loại. Thứ nhất: bổn nguyện của Phật Di Đà, gọi là tha lực đại nguyện, không mượn tự lực tu thiện, mà siêu việt trực nhập, nên gọi là tự nhiên”. Đến thế giới tây phương Cực Lạc là nhờ nguyện lực của Phật A Di Đà, đây không phải sức mạnh của chính mình, là sức mạnh của Phật, sức mạnh của Phật quá lớn. Sanh đến thế giới Cực Lạc tức là siêu việt. Siêu việt ai? Siêu việt Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát. Về mặt sự mà nói, thì siêu việt lục đạo, siêu việt mười pháp giới, siêu việt chư thiên trong lục đạo, siêu việt 28 tầng trời. Vượt qua Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát là Phật trong mười pháp giới, quý vị đến cõi thật báo.

 Sanh đến thế giới Cực Lạc là siêu việt, siêu việt này không phải năng lực của quý vị, mà là nguyện lực của Phật A Di Đà gia trì. Trong nguyện thứ 12 nói: Sanh đến thế giới Cực Lạc, đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát, nguyện này ngài đã thực hiện. Thế nên sanh đến thế giới Cực Lạc, tuy ở trong cõi phàm thánh đồng cư, mọi sự đãi ngộ trong cõi phàm thánh đồng cư không có gì khác với cõi thật báo. Chính là nói hưởng thụ đãi ngộ giống như Bồ Tát trong cõi thật báo vậy, quả là không thể nghĩ bàn. Đây là đại ân đại đức của Phật A Di Đà, không phải ân đức của Phật thì bất cứ ai cũng không làm được. Ngài phát 48 nguyện, tu hành năm kiếp chính là chuyên tu điều này, tức là chuyên tu phước báo này. Như vậy, công đức này thành tựu thế giới Cực Lạc. Cho nên ý nghĩa của chữ tự nhiên này rất thâm sâu.

 “Thứ hai, đạo mà tam thừa chứng, là vô vi tự nhiên, tánh không tạo tác, nên cũng gọi là tự nhiên”. Tam thừa là Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, đạo mà họ chứng được là vô vi tự nhiên.

 Chúng ta học Bách Pháp Minh Môn Luận, ở sau có sáu pháp vô vi. Sáu pháp vô vi này, ngoài chân như vô vi ra, vô vi mà tam thừa chứng được chính là vô vi tự nhiên mà ở đây nói. Tánh của nó không thuộc về tạo tác, không có dấu vết tạo tác. Vô vi thật sự chỉ có một, là chân như vô vi. Trong Tịnh tông chính là thường tịch quang, trong thường tịch quang đích thực là vô vi tự nhiên.

 “Tuy hổ nhị nghĩa, chánh tại sơ nghĩa”. Tuy nói với quý vị về hai loại, nhưng ý nghĩa thật sự vẫn là tự nhiên mà bổn nguyện của Phật A Di Đà gia trì. Quý vị đến thế giới Cực Lạc đừng lo lắng gì, tất cả hưởng thụ hoàn toàn là tự nhiên, Phật lo cho quý vị rất chu đáo. Những gì chúng ta không nghĩ đến, Đức Phật đều nghĩ đến cho chúng ta. Đến thế giới Cực Lạc lòng cảm ân tự nhiên sanh khởi, Phật quá tốt đối với chúng ta, chu đáo quá. Chúng ta nghĩ đến ngài đều đã nghĩ đến, chúng ta không nghĩ đến ngài cũng đều nghĩ đến, chúng ta không giám nghĩ ngài đều nghĩ cho chúng ta.

Chúng ta xem tiếp đoạn sau: “Tịnh Ảnh Sớ dĩ vi thiện cầu sanh”, lấy vi thiện cầu sanh để giải thích “lực vi thiện”. “Dĩ tự nhiên vãng sanh, vi niệm tự nhiên. Kỳ ngôn giản yếu, kỳ ý dĩ hành thiện công đức hồi hướng Tịnh độ, lực cầu vãng sanh, danh vi lực vi thiện, thử thuyết thậm hảo”. Câu này chính là Hoàng Niệm Tổ nói.

 Thế nên lực ở đây, bình thường chúng ta gọi là nổ lực, nổ lực hành thiện. Nhưng hành thiện không cầu gì khác, mà hoàn toàn hồi hướng cầu sanh Tịnh độ, làm tư lương vãng sanh cho chúng ta, điều này tương ưng với ý nghĩa trong Tịnh Ảnh Sớ. Tự nhiên vãng sanh, đây là niệm tự nhiên.

 Ở thế gian hiện tại này của chúng ta, bất luận làm việc tốt, việc thiện gì, dù việc thiện lớn hay việc thiện nhỏ, đều phải hồi hướng Tịnh độ. Chúng ta là vì điều này mà hành thiện. Niệm niệm cầu sanh Tịnh độ, ý niệm này rất tốt, vì tất cả pháp tùng tâm tưởng sanh, chúng ta không có ý niệm thứ hai. Ở thế gian này, nhất định không cầu danh văn lợi dưỡng, không ham hưởng thụ ngũ dục lục trần, chúng ta chỉ có một nguyện vọng duy nhất chính là cầu sanh tây phương Tịnh độ, thân cận Phật Di Đà, như vậy là đúng.

 Bên dưới nói: “Tự nhiên vãng sanh, vi niệm đạo chi tự nhiên, tắc sở ngôn quá giản”, nói một cách quá đơn giản. “Hội Sớ thắng chi”, Hội Sớ nói rất tường tận. “Trực chỉ xưng danh niệm Phật vi thiện chi căn bản thị nãi chánh hành dã. Quảng hành chúng thiện, hồi hướng đắc sanh, diệc thị vi thiện, thị nãi trợ hành dã”. Điều này quá hay, chánh và trợ rất rõ ràng, rất phân minh. Hành thiện là trợ hành, niệm Phật là chánh hành.

 “Chánh trợ tịnh cử, chủ thứ phân minh, thị Hội Sớ chi trường dã”, Hội Sớ là do chư vị tổ sư Tịnh tông ngày xưa của Nhật Bản trước tác. Kinh Vô Lượng Thọ có duyên rất sâu dày với Nhật Bản. Vì Trung quốc từ xưa đến nay, người dùng Kinh Vô Lượng Thọ không nhiều, đây là do nguyên nhân gì? Cư sĩ Mai Quang Hy nói rất hay, là vì Kinh Vô Lượng Thọ không có bản hay, nên mọi người từ chối học, đa phần đều học Kinh A Di Đà.

 Vì Kinh Vô Lượng Thọ có năm loại bản dịch, trong đó nói không giống nhau, rốt cuộc phải y theo bản nào, nếu học cả năm loại thì quá phiền phức, nên mọi người đã từ chối học nó. Đây chính là vì sao phải hội tập.

 Lần hội tập thứ nhất là vào thời nhà Tống, do cư sĩ Vương Long Thư hội tập, nhưng hội tập không được hoàn chỉnh, vì ông ta chỉ có bốn loại bản dịch. Còn phần Vô Lượng Thọ Hội trong Kinh Đại Bảo Tích thời nhà Đường, ông không có, nên bản hội tập của ông chỉ có bốn bản. Bản dịch thời nhà Đường có rất nhiều chỗ quan trọng, mà các bản khác không có, ví dụ nói liên hoa hóa sanh chỉ có trong bản dịch thời nhà Đường, các bản khác không có, điều này rất quan trọng.

 Nên từ chối Kinh Vô Lượng Thọ, áp dụng Kinh Di Đà là có đạo lý. Kinh Di Đà ở Trung quốc chú giải rất nhiều, Kinh Vô Lượng Thọ chú giải chỉ có hai loại. Nhưng Nhật Bản lại đặc biệt có nhân duyên với kinh này, những vị pháp sư Nhật bản hầu như đều là học trò của ngài Thiện Đạo, đây là vào thời nhà Đường. Ngài Thiện Đạo là tổ sư đời thứ hai của Tịnh tông, người Nhật bản rất coi trọng thầy, nên quý vị đến Nhật bản mới thấy, tượng của tổ sư ở trong Phật đường lớn hơn tượng Phật. Tượng Phật chỉ nhỏ nhỏ thôi, nhưng tượng tổ sư rất lớn, họ tôn trọng tổ sư hơn cả Phật. Đây là đạo lý gì? Giống như trẻ em của Trung quốc, tôn trọng cha mẹ, nhưng đối với ông bà thì kém hơn một chút, đối với ông bà cố lại càng kém hơn. Càng cách xa thì lòng tôn trọng càng kém, càng gần họ càng tôn trọng, vì sao vậy? Vì trực tiếp truyền đạo, Phật pháp của tôi là học với thầy. Cho nên Nhật bản đối với thầy rất tôn trọng. Ở Nhật bản có rất nhiều chùa Thiện Đạo, dùng tên thầy đặt tên chùa, quý vị nhìn thấy Chùa Thiện Đạo đó là của Tịnh độ tông. Nên tượng của đại sư Thiện Đạo điêu khắc bằng gổ, điêu khắc bằng đá, nặn bằng thạch cao...rất nhiều\_tượng của Thiện Đạo đại sư, tượng của Trí Giả đại sư cũng rất nhiều, nhiều người học Tông thiên thai. Điện của tổ sư đều rất lớn, còn lớn hơn điện Phật, đến Nhật sẽ thấy được điều này.

 Ở Trung quốc đại điện đều là thờ Phật, điện thờ tổ ở một gian nhỏ ở bên cạnh, còn ở Nhật không phải vậy. Nên Nhật bản chú giải Kinh Vô Lượng Thọ, hiện nay có thể tìm được hơn ba bốn mươi loại, quý vị mới biết họ tập trung công phu vào bộ kinh này biết bao nhiêu.

 Lần này tôi đến Nhật giảng bộ kinh này, tôi nói với pháp sư Khai Lâm, thầy ở đây cố gắng làm một việc, là hợp tác với pháp sư Nhật bản, sưu tập những chú giải Kinh Vô Lượng Thọ của các bậc cổ đức từ trong Tạng Kinh, sau đó in thành một bộ chuyên tập về Kinh Vô Lượng Thọ. Hình như có hơn 30 loại, tất cả đều là chú giải Kinh Vô Lượng Thọ. Điều này giúp ích rất lớn cho Tịnh độ Tông Nhật bản. Hy vọng mọi người cố gắng nghiên cứu bộ kinh này, học tập bộ kinh này, sau đó tất cả nghiên cứu đều quy về bản này, bản hội tập này.

 Chú giải này của Hoàng Niệm Tổ cũng là hội tập, 193 loại tư liệu hội tập thành, chúng ta đọc bộ chú giải này đồng nghĩa với đọc 193 loại sách khác nhau. Trong bộ chú giải này có chín loại trước tác của người Nhật bản và Hàn Quốc, pháp sư Nguyên Hiểu là người Hàn quốc.

 “Hội Sớ trực chỉ xưng danh niệm Phật, vi thiện chi căn bản”. Câu này rất quan trọng, hoàn toàn tương ưng với nghĩa trong kinh. Trong Hội Sớ lại đưa ra hai nghĩa. Thứ nhất: “Dĩ tha lực trực siêu vi tự nhiên”. Thứ hai: “Dĩ vô vi vô tác vi tự nhiên. Nhi dĩ sơ nghĩa vi chủ thử thuyết cực hảo”. Đây là lời của Hoàng Niệm Tổ đề xuất cho chúng ta. “Nhi dĩ sơ nghĩa vi chủ” hình như là nguyên văn, “thử thuyết cực hảo” là Hoàng Niệm Tổ tán thán nó, là sự vi diệu của Tịnh tông. Đúng như Yếu Giải nói: Từ sự trì đạt được lý trì, nhưng phải thật thà niệm, tức vô vi vô tác...tự nhiên ở trong đó”. Mấy câu này nói rất hay, mà còn có người chứng, điều này quả thật hiếm có.

 Chúng ta biết cư sĩ Lưu Tố Vân ở Đông bắc, bà chuyên tu Kinh Vô Lượng Thọ suốt mười năm. Đây là một người hiện thân thuyết pháp, vì chúng ta làm tác chứng chuyển. Khi bà đang tu học không có ai biết, chúng tôi cũng không quen bà, sau 10 năm tu học thành tựu chúng tôi mới nghe có một người như vậy. Chúng tôi đã tìm đến gặp bà, và bà nói với tôi về nhân duyên bà học Phật, cũng là từ các người bạn của bà mà có được một bộ đĩa giảng Kinh Vô Lượng Thọ. Không biết là đĩa hay là băng ghi hình, có thể là băng ghi hình, băng ghi hình đó là mười mấy năm trước, là tôi giảng ở thư viện Hoa Tạng Mỹ Cảnh, Đài Loan. Bà nói với tôi là bộ đĩa tôi giảng ở thư viện Hoa Tạng. Mỗi ngày bà nghe một đĩa, một đĩa là một tiếng đồng hồ, bà nghe một đĩa mười lần. Bài tập của bà chính là mỗi ngày nghe một đĩa mười lần, tức mười tiếng đồng hồ. Trên thực tế bà nghe một đĩa lặp đi lặp lại 10 lần, huân tu lâu dài, chính là nghe như vậy, sau khi nghe xong một bộ là nghe lại từ đầu. Dùng phương pháp này nghe suốt mười năm như vậy, ngoài việc nghe kinh xong là niệm Phật, không hề tạp loạn, đúng gọi là chuyên tâm. Bà nói con chỉ hiểu được một câu, đó là: “nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”, bà y giáo phụng hành. Chuyên tu mười năm dĩ nhiên chắc chắn được tam muội, niệm Phật tam muội. Thật sự được niệm Phật tam muội, nhất định có chút thần thông, nhất định có chỗ ngộ. Đây đều là thật, không phải giả, đã bị chúng ta phát hiện. Chúng tôi nói về bà trong những buổi giảng nên bà rất nổi tiếng, rất nhiều người mời bà đến khai thị, mời bà đi giảng kinh. Đặc biệt là khi đối diện đại chúng để giải đáp vấn đề, không khiếp sợ, không ai làm khó được bà. Điều này nếu như không có chỗ ngộ sẽ không làm được. Mời bà giảng Kinh Địa Tạng, giảng các kinh khác, bà giảng rất trôi chảy. Bà chưa học cũng giảng được, nhất kinh thông nhất thiết kinh thông. Có người hỏi, bà học như thế nào mà thành tựu? Bà trả lời rất đơn giản, chỉ sáu chữ: chân thật, nghe lời, hành trì. Nghe lời ai? Nghe theo những lời trong kinh Phật dạy.

 Kinh là Phật Bồ Tát nói, chú giải là chư vị tổ sư nói, nghe hiểu và hành trì nên bà đã thành công, thành công này không phải bình phàm. Quý vị hỏi khi nào ba vãng sanh? Ba có thể vãng sanh bất cứ lúc nào, đây là sự thật, muốn đi là đi, vậy tại sao bà chưa vãng sanh? Vẫn còn một vài người có duyên cần bà giúp họ được độ, lưu lại thế gian là giúp những người có duyên. Nếu quý vị hỏi bà, ngày nay trên thế giới thiên tai có liên quan gì đến bà chăng? Không có liên quan. Một người có thể vãng sanh bất kỳ lúc nào, thì còn có thiên tai gì nữa? Không còn, đây là làm tấm gương tốt nhất cho chúng ta noi theo. Vô vi vô tác là tự nhiên ở trong đó.

 Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

**Hết tập 493**

# Tập 494

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Minh Tâm

Thời gian:13.07.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 614, hàng thứ sáu từ dưới đếm lên.

 “Dĩ thượng nhị sớ chi thuyết quân chuyên tựu Ngụy Dịch, niệm đạo chi tự nhiên dĩ tiền chi văn cú độc kiến Ngụy Dịch. Đản Hán Ngộ lưỡng dịch ư thử hạ cánh hữu đại đoạn kinh văn, quảng thuật bỉ độ Bồ Tát công đức, dữ sát độ chi tự nhiên tối thắng, bản kinh thái nhập, hội thành thử phẩm. Ư thị bổn phẩm kinh trung, ư niệm đạo chi tự nhiên hạ, bát kiến tự nhiên nhị tự, như tự nhiên nghiêm chỉnh, tự nhiên vô vi, tự nhiên bảo thủ, tự nhiên trung tự nhiên tướng, tự nhiên chi hữu căn bản, tự nhiên quang sắc tham hồi, tự nhiên sở khiên tùy, khả chứng tự nhiên nhị tự, thật cụ yếu nghĩa. Thử tự nhiên nhị tự, phi ngoại đạo sở vị vô nhân chi tự nhiên, cái pháp nhĩ như thị, danh vi tự nhiên dã”.

 Chúng ta xem đoạn này, ở trước Hoàng Niệm Tổ dẫn chứng Tịnh Ảnh Sớ và Hội Sớ, trong đó nói đều là của Ngụy Dịch trong năm loại bản dịch này, chính là bản dịch của Khương Tăng Khải.

 “Văn cú ở trước niệm đạo chi tự nhiên chỉ thấy trong Ngụy Dịch”, nhưng hai bản của Hán Dịch và Ngô Dịch ở sau niệm đạo chi tự nhiên vẫn còn, văn tự nói rất nhiều, rộng nói về Bồ Tát của cõi nước này, chính là công đức và cõi nước của chư Bồ Tát ở thế giới Cực Lạc. Cõi nước là hoàn cảnh cư trú, chính là thế giới Cực Lạc, nói đến sự tự nhiên tối thắng. Cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập bản này đã áp dụng nó. Trong Ngụy Dịch không có, nhưng hai bản dịch của Hán Ngô có, đem nó hội tập lại một nơi.

 Nên sau phẩm: Niệm đạo chi tự nhiên, còn có bát kiến tự nhiên, chứng minh hai chữ tự nhiên này có ý nghĩa rất quan trọng. Điều này bên dưới có giải thích.

 Hai chữ tự nhiên này không phải là tự nhiên của ngoại đạo thời Ấn Độ cổ nói, ngoại đạo cho rằng vô nhân mới gọi là tự nhiên. Nhưng trong Phật pháp ý nghĩa tự nhiên này rất thâm sâu, cũng chính là trong kinh luận thường nói: “pháp vốn như vậy”, đây gọi là tự nhiên. Ý này nghĩa là gì? Là trong tự tánh vốn có, đây không phải người làm, nó vốn có, nó gặp duyên thì tự nhiên hiện hành, ý nghĩa này rất thâm sâu. Ví dụ nói tự tánh không có gì cả, nhưng vì sao người kiến tánh họ lại biết? Người chưa kiến tánh không biết. Ngài Huệ Năng kiến tánh, nên đã nói ra cho chúng ta nghe về những gì ngài thấy được. Đầu tiên ngài thấy được thanh tịnh, vĩnh viễn không có ô nhiễm, đây là chân tâm của mỗi người. Chân tâm chỉ có một, cũng gọi là chân như, cũng gọi là bản tánh, xưa nay chưa từng nhiễm trước. Thứ hai là không sanh không diệt. Thứ ba là vốn tự đầy đủ, vốn đầy đủ viên mãn, đầy đủ điều gì? Đầy đủ y chánh trang nghiêm khắp biến pháp giới hư không giới, nó vốn đầy đủ, không dễ hiểu! Đối với câu này tôi cũng mất rất nhiều thời gian, sau cùng nghĩ đến ống vạn hoa đồ chơi lúc nhỏ, nghĩ đến vật này. Quý vị mở ống vạn hoa ra xem, trong đó là mấy tấm giấy vụn màu sắc khác nhau, nếu ta xuay ống vạn hoa này sẽ thấy được sự biến hóa trong đó là vô lượng vô biên. Vô lượng vô biên này từ đâu mà có? Vốn đầy đủ, nó vốn đầy đủ. Khi quý vị không động nó sẽ không có, vừa động trong đó liền thiên biến vạn hóa, động này là gì? Chính là toàn thể vũ trụ, trong tự tánh vốn đầy đủ, nhưng trong tự tánh cũng rất đơn thuần, giống như ông vạn hoa này vậy, vô cùng đơn thuần. Là thật, không giả chút nào. Trong tự tánh vốn đơn thuần, là thứ gì? Là kiến văn giác tri, đây là tánh đức, trong tự tánh có. Khi mê kiến văn giác tri biến thành gì? Biến thành thọ tưởng hành thức, biến thành A lại da, đã biến chất. Hiện nay chúng ta biết, điều này đã được các nhà lượng tử lực học phát hiện. Lượng tử nhỏ như vậy, nhục nhãn chắc chắn không nhìn thấy được, phải là kính hiển vi cao độ mới phát hiện được vật này.

 Hiện tượng vật chất nhỏ như vậy, Hoàng Niệm Tổ đã trích dẫn một câu nói trong kinh văn này. Trong kinh Phật thường nói nhất mao nhất trần, mao là mũi nhọn, trần là vi trần, ông nói như thế nào? Là vi điểm của mao trần, còn nhỏ hơn cả mao trần\_vi điểm của mao trần. Vi điểm này cũng có thể chính là lượng tử mà hiện nay các nhà vật lý đã phát hiện, nó có năm uẩn: sắc thọ tưởng hành thức, năm uẩn này đều đầy đủ. Ngũ uẩn là pháp nhĩ như thị, đây gọi là tự nhiên, nó không phải do người làm, nó vốn là như vậy. Hiện nay các nhà khoa học gọi nó là tin tức, sắc gọi là vật chất, thọ tưởng hành thức là tin tức. Năng lực của nó, vi tính cũng không sánh bằng, chắc chắn không sánh được. Trong một thứ nhỏ như vậy, dung nạp tin tức khắp pháp giới hư không giới, toàn bộ đều ở trong đó.

 Bởi thế Đức Phật dạy, trong vi trần có vũ trụ, trong vũ trụ đó lại có vi trần, trong vi trần đó lại có vũ trụ, trùng trùng vô tận. Người xưa có hai câu nói rằng: “lớn không gì lớn hơn, nhỏ không gì nhỏ bằng”. Sao lại nói ra hai câu này? Nếu họ không thấy được những sự thật này, chưa chứng được cảnh giới này, làm sao nói ra được hai câu nói đó? Lớn, như thế nào gọi là lớn? Không có bên ngoài chính là lớn, có bên ngoài tức không lớn. Như thế nào gọi là nhỏ? Có bên trong tức không coi là nhỏ, không có bên trong mới gọi là nhỏ, làm sao để giải thích nhỏ mà không có bên trong này? Đó là Hoa Nghiêm nói đến pháp giới trùng trùng vô tận. Hiền Thủ quốc sư từng làm một việc, đại khái là lúc đó Hoàng đế nghe Kinh Pháp Hoa, nghe đến đây có nghi hoặc, không thể lý giải. Quốc sư Hiền Thủ rất thông minh, xin hoàng đế xây một tiểu đình trước đại điện, tiểu đình lập tức xây dựng xong, là đình bát giác. Vì có tám mặt, nên mỗi mặt đặt một tấm kính, hai tấm kính đối chiếu nhau, ở trên cũng có một tấm kính, ở dưới đặt một tấm kính, mời Hoàng đế vào đứng giữa xem. Ông ta vừa xem, bốn phương tám hướng đều là chính mình, trùng trùng vô tận, ông đã hiểu được, đây là pháp nhĩ thư thị.

 Đối diện trước tấm kính quý vị nhìn thấy hình tướng của mình trùng trùng vô tận, đây không phải nhân tạo, đây cũng không phải là vô nhân. Bởi thế Phật pháp dùng pháp nhĩ như thị để thay thế tự nhiên mà ngoại đạo nói, nên tự nhiên ở đây chính là pháp nhĩ như thị. Tự là tự nhiên, nhiên là bản nhiên thanh tịnh, nó không sanh không diệt là bản nhiên, nó vốn đầy đủ là bản nhiên, nó như như bất động cũng là bản nhiên, nó năng sanh vạn pháp vẫn là bản nhiên. Do đó chúng ta từ năm câu nói của đại sư Huệ Năng khi kiến tánh, năm câu báo cáo này đều hiển thị pháp nhĩ như thị. Đây là tự nhiên mà trong kinh này nói, nên mới thật sự tìm lại chính mình.

 Chúng ta thường nói mê thất tự tánh, nên biến thành phàm phu, trôi lăn trong luân hồi lục đạo, lục đạo quả thật đáng thương, đời đời kiếp kiếp không ra khỏi được. Trong này điều phiền phức nhất, không ai có thể tránh khỏi, đó là oan oan tương báo, vậy mà vẫn đang liều mạng tạo, tạo điều gì? Là tạo ra ân oán, báo ân báo oán, đòi nợ trả nợ, đều đang làm những việc này, xưa nay chưa hề dừng nghỉ. Kiểu vướng mắc này, tích lũy năm này qua năm khác cũng không sao hóa giải, chỉ có đời này phức tạp hơn đời trước.

 Trong thời cận đại, chúng ta thấy thuật thôi miên của người nước ngoài, hiện nay Trung quốc cũng có. Từ thôi miên hé lộ ra không ít thông tin, biết được trong đời quá khứ của một người. Chúng ta thấy rất nhiều người thôi miên, đời trước đều là thân người. Quý vị quan sát tường tận người này, họ đều là những người bình thường, không có đại thiện, cũng không có đại ác, nên đời đời kiếp kiếp họ đều duy trì được thân người. Nếu đại thiện đại ác sẽ thay đổi, đại thiện đi lên thiên đường, không phải nhân đạo. Đại ác vào trong tam đồ, cũng không phải nhân đạo. Đại thiện đại ác đều phát sanh biến hóa lớn, còn như không có đại thiện đại ác gì, thì vẫn duy trì tại nhân gian.

 Chúng ta xem báo cáo của Ngụy Tư người Mỹ, đây là một vị đại sư về thuật thôi miên rất nổi tiếng trên thế giới, ông từng thôi miên một người. Hình như có thể trở về tám mươi mấy đời trước, trở về hơn 3000 năm trước, lúc đó còn ở hang núi. Họ có thể nói ra những sự trải của bản thân từ đời này qua đời khác, đây tuyệt đối không phải là câu chuyện biên soạn, tuyệt đối không phải gạt người, chứng minh điều gì? Chứng minh đích thực có luân hồi, những vấn đề này nói rõ ràng nhất, thấu triệt nhất vẫn là kinh Phật.

 Mấy năm trước tôi ở Úc Châu, tôi nhờ ba người đồng học tra trong Đại Tạng Kinh, hai tuần sau sưu tập ra trong Đại Tạng Kinh những vấn đề liên quan đến hiện tượng luân hồi trong địa ngục. Tra những đoạn kinh văn này ra sau đó in thành một cuốn, tôi đặt tên cho cuốn sách này là Chư Kinh Phật Thuyết Địa Ngục Tập Yếu. Trong đó có tất cả hơn 20 loại kinh luận, nói còn hay hơn Đạo giáo.

 Đạo giáo nói về những vấn đề địa ngục, họ nói nhiều về quả báo, còn nói về nhân rất ít. Nhưng trong Phật pháp đều nói rất rõ về nhân, gây nhân nào thì chịu quả báo đó, điều này rất khó được. Bởi thế những hình vẽ trong Địa Ngục Biến Tướng Đồ, đều không tham khảo trong kinh Phật, vì nó nằm rải rác trong rất nhiều kinh khác nhau. Không như Đạo giáo, một cuốn Ngọc Lịch Bảo Sao là đủ. Bởi thế thầy Giang Dật Tử vẽ Địa Ngục Biến Tướng Đồ là căn cứ Ngọc Lịch Bảo Sao. Trong Phật giáo chỉ có Kinh Địa Tạng, kinh này mọi người thường hay thấy, hiện nay chúng ta có một bản như vậy. Tương lai nếu có người vẽ Địa Ngục Biến Tướng Đồ, có thể căn cứ trên kinh Phật, tập yếu các kinh Phật nói về địa ngục. Những thứ này không có vấn đề nào không phải là pháp nhĩ như thị, ở đây gọi là tự nhiên.

 Chúng ta quan sát sâu thêm nữa, mặc dù vấn đề hằng ngày phát sanh, quý vị quan sát lãnh hội tường tận, cũng là pháp nhĩ như thị. Trong này có tướng tạo tác, có nhân tạo tác, có duyên tạo tác, có quả tạo tác, có báo tạo tác. Nếu thâm nhập vào A lại da, quý vị sẽ biết toàn là pháp nhĩ như thị. Pháp nhĩ như thị sẽ hiện ra cảnh giới gì? Là cảnh giới thanh tịnh bình đẳng, trong Kinh Lăng Nghiêm gọi là thanh tịnh bản nhiên. “Có thể thấy tự nhiên thực sự bao hàm nghĩa của tự tánh bản nhiên”. Điều này quý vị phải thâm nhập quan sát, sẽ biết được tự tánh vốn chính là như vậy. Giác, cảnh giới Chư Phật vốn là như vậy, mê là mười pháp giới, tam đồ lục đạo vốn cũng là như vậy. Mê như vậy, cũng giống như ống vạn hoa, xuay chuyển thấy những hình ảnh trong đó. Hoặc là thí nghiệm nước của tiến sĩ Giang Bổn Thắng, sẽ càng rõ hơn. Quý vị xem những đồ án nước kết tinh, toàn là biến hóa từ trên mặt tâm lý, chính là phản ứng của ý niệm trong tâm chúng ta. Niệm thiện sẽ kết tinh rất đẹp, ác niệm kết tinh rất khó coi. Đây là pháp nhĩ như thị. Không có người thiết kế, cũng không có người thi công, không có, đều là tự nhiên, mà tự nhiên này thiên biến vạn hóa, vì sao vậy? Vì là do ý niệm quý vị đang thay đổi. Nên tiến sĩ Giang bổn Thắng nói với tôi, ông thí nghiệm mười mấy năm, chưa thấy hai đồ án nào hoàn toàn tương đồng. Tôi nói đúng vậy, vĩnh viễn không có hai hiện tượng tương đồng. Ông hỏi tôi vì sao vậy? Tôi nói ý niệm không giống nhau, niệm trước không giống niệm sau, đồng thời thương yêu, nhưng mức độ thương yêu khác nhau, ông ta dần dần hiểu được đạo lý này. Vì vậy không có gì không phải là tự nhiên, tuy nhiên không có gì không phải là sát na sanh diệt, quả thật là “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”.

 Trong Kinh Đại Bát Nhã nói: “Nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”, như vậy không phải là bình đẳng rồi sao? Dù có phức tạp đến đâu, vào trong cảnh giới này thì vạn pháp giai không, thanh tịnh tịch diệt, chứng như thế nào? Lập tức chứng được, không phải nói tướng không có mới chứng được, tướng ngay trước mặt cũng chứng được.

 Thật ra vấn đề này không khó hiểu, mỗi ngày chúng ta xem ti vi, hình ảnh trên ti vi không phải chính là như vậy sao? Rõ ràng ở ngay trước mắt chúng ta, tần suất của ti vi cao hơn điện ảnh biết bao nhiêu lần. Điện ảnh một giây có 24 lần ống kính đóng mở, ti vi không chỉ như vậy. Nguyên lý này hiện nay mọi người đều biết, nên chúng ta xen ti vi chân thật hơn nhiều so với xem phim băng nhựa. Vì băng phim đó nó còn chấn động, vẫn nhìn thấy được tướng chấn động, ti vi không nhìn thấy.

 Trở về trong cảnh giới hiện thực của chúng ta, Bồ Tát Di Lặc nói rằng, một giây chúng ta có bao nhiêu tần suất? Là 1600 triệu, như vậy làm sao biết được nó là giả, ai nhận ra được tần suất này? Trong kinh điển đại thừa nói: Bát địa trở lên. 51 cấp bậc của Bồ Tát giống như đi học vậy: Lớp một, lớp hai, 51 cấp bậc là 51 lớp. Năm cấp bậc cao nhất: Bát địa, cửu địa, thập địa, Đẳng giác, Diệu giác, người của năm vị thứ này thấy được một cách rõ ràng, dù tốc độ nhanh đến mấy họ cũng thấy rõ ràng, vật vi tế đến mấy họ cũng biết, đây là gì? Đây là tự tánh pháp nhĩ như thị.

 Trong cảnh giới này tất cả pháp là bất khả đắc, bất luận là nhiễm tịnh, thiện ác hay là họa phước đều bất khả đắc. Nếu chúng ta khế nhập được cảnh giới của Chư Phật Bồ Tát, đây là mục đích sau cùng mà người học Phật muốn đạt đến. Quý vị hoàn toàn thấu triệt, thông đạt vô ngại đối với chân tướng sự thật của toàn thể vũ trụ, người này gọi là thành Phật. Viên giáo sơ trú Bồ Tát đã khế nhập vào được trong cảnh giới này, khế nhập nhưng như thế nào? Cảnh giới mơ hồ, không rõ ràng, mới nhập vào cạn, chưa đủ sâu. Đến bát địa Bồ Tát mới rõ ràng, càng lên cao càng rõ ràng. Tuy sơ trú Bồ Tát mơ hồ không rõ ràng, nhưng nhận thức của họ là thật, không phải giả, nên gọi là pháp thân Bồ Tát. Người này đích thực lục căn ở trong cảnh giới lục trần\_giống như chúng ta hiện nay mắt thấy sắc, tai nghe âm thanh, mũi ngửi mùi hương, lưỡi nếm vị, họ không khởi tâm không động niệm, đây gọi là pháp thân Bồ Tát, điều này rất khó! Không những không có phân biệt chấp trước, đến khởi tâm động niệm cũng không có. Trong Phật pháp gọi hạng người này là chân nhân, Nho và Đạo gọi là Thánh nhân, chí nhân, tức họ không phải là phàm phu. Trong Phật pháp gọi họ là Bồ Tát, pháp thân Bồ Tát, tất cả đều là pháp nhĩ như thị, có quan hệ rất mật thiết với chúng ta, vì chúng ta vốn là như vậy.

 Bởi thế học Phật phải khẳng định chắc chắn, không được có chút hoài nghi nào, những lời Phật nói là thật: Tất cả chúng sanh vốn là Phật. Tôi vốn là Phật, quý vị vốn là Phật, họ vốn là Phật, đều là Phật, chỉ là sao? Chỉ vì mê, mê nên gọi là phàm phu, khi nào buông bỏ được mê, quý vị sẽ giác ngộ. Mê là gì vậy? Mê là chấp trước, chấp trước là mê, phân biệt là mê, khởi tâm động niệm là mê. Mê liền xuất hiện huyễn tướng. Cảnh giới luân hồi lục đạo của chúng ta biến ra như thế nào? Do chấp trước biến thành, chấp trước là thô nhất, rõ ràng nhất, chúng ta có chấp trước. Trong kinh điển đại thừa gọi chấp trước là kiến tư phiền não, chính là đối với tất cả mọi hiện tượng chúng ta thấy sai, nghĩ sai. Sao lại thấy sai? Quý vị cho rằng nó đều là có thật, như vậy là thấy sai, thấy sai nghĩ sai, nên đem cảnh giới này biến thành hiện tượng luân hồi. Nếu cách nhìn của chúng ta đúng đắn, nhưng tư tưởng vẫn có thiên lệch, vẫn còn sai lầm, nhưng vì cách nhìn không sai nên ba đường ác không còn. Tiểu thừa Tu đà hoàn là chánh kiến, ở trước chúng ta đã học Bát chánh đạo, điều đầu tiên trong Bát chánh đạo là chánh kiến, thứ hai là chánh tư duy, đó chính là tư tưởng thuần chánh, hai điều này là tiểu thừa chứng. Như thế nào gọi là chánh kiến? Biết thân không phải là tôi, buông bỏ thân kiến và biên kiến, kiến thủ kiến, giới thủ kiến, người xưa nói là buông bỏ thành kiến. Tất cả những kiến giải không chính xác đều buông bỏ hết, gọi là buông bỏ tà kiến.

 Trong giáo lý đại thừa nói rất rõ ràng, tổng cộng có 88 phẩm kiến hoặc, nếu đoạn hết tất cả, quý vị chứng được quả Tu đà hoàn\_lớp một tiểu học. Trong đại thừa Kinh Hoa Nghiêm là Bồ Tát sơ tín vị của thập tín, đã nhập môn, chưa ra khỏi lục đạo, nhưng thời gian họ ở trong lục đạo là có nhất định. Tức là bảy lần trở lại cõi trời cõi người, họ liền ra khỏi luân hồi lục đạo, họ có kỳ hạn. Chúng ta hiện nay ở trong lục đạo không có kỳ hạn, đó chính là do chúng ta chưa chuyển đổi được kiến giải sai lầm.

 Tu đà hoàn thay đổi được kiến giải dần dần nâng cao cảnh giới, chuyển đổi những tư tưởng sai lầm. Không có tư tưởng sai lầm, lục đạo không còn, nó biến mất, giống như tỉnh lại sau giấc mộng vậy. Khi nào không còn phân biệt, không còn khởi tâm động niệm, mười pháp giới liền biến mất, lần thứ hai tỉnh mộng. Lần đầu tiên là tỉnh mộng từ trong lục đạo, lần thứ hai tỉnh giấc mộng là từ trong mười pháp giới, mười pháp giới không còn. Lần thứ ba, đây là lần sau cùng, Đẳng giác đến Diệu giác. Đẳng giác Bồ Tát vẫn còn một phẩm là tập khí sanh tướng vô minh, đoạn được nó rồi thì nhất chân pháp giới cũng không còn. Chúng ta nói nhất chân pháp giới, nhất chân pháp giới tự nhiên biến mất, nó đi về đâu? Nó trở về thường tịch quang, trở về tự tánh.

 Trở về tự tánh, nếu chúng ta hỏi lục đạo, 10 pháp giới, nhất chân pháp giới còn tồn tại chăng? Trong tự tánh có còn chăng? Còn, nó vốn tự đầy đủ, nên nó gặp duyên có thể sanh ra vạn pháp, nó có thể trở lại. Vì sao nó trở lại? Vì chúng sanh trong mười pháp giới có cảm, ý niệm đó vừa động, giống như sóng điện từ, Diệu Giác Như Lai trong nhất chân pháp giới liền nhận được tin tức, nhận được tin tức bèn ứng ngay. Dù quý vị ở bất cứ đường nào, họ đều hiện thân, đều đến giúp quý vị, đây gọi là ứng hóa. Cho thấy khi họ biến hóa ứng hiện hoàn toàn tương đồng với cảnh giới của chúng ta, khác nhau đó là gì? Đó chính là họ thị hiện nhất định không có khởi tâm động niệm. Không những không có khởi tâm động niệm, đến tập khí khởi tâm động niệm đều không có, họ có thể ứng bất cứ nơi nào. Chúng sanh có duyên với chúng ta rất nhiều, không phải chỉ đời này, mà đời đời kiếp kiếp, vô lượng vô biên trong mười phương pháp giới, ứng thân, tùy loại ứng thân.

 Trong Kinh Lăng Nghiêm nói: “Tùy chúng sanh tâm ưng sở tri lượng”, tự mình đích thực không có khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm còn không có, làm gì có phân biệt chấp trước? Vì thế bất luận họ hiện thân gì, cho dù hiện thân ở địa ngục để hóa độ chúng sanh, như Bồ Tát Địa Tạng, cũng là thanh tịnh bản nhiên. Chúng sanh thấy Bồ Tát cũng giống như họ vậy, cũng chịu khổ chịu nạn, nhưng Bồ Tát thanh tịnh bản nhiên, không khởi tâm động niệm. Chúng ta vừa nói, Bồ Tát đến tập khí khởi tâm động niệm cũng không có. Pháp thân Bồ Tát cũng làm được như vậy, như 41 vị pháp thân Bồ Tát ở thế giới Cực Lạc, nhưng khi họ ứng hóa không có khởi tâm động niệm, mang theo tập khí khởi tâm động niệm. Trong Diệu giác quả vị không mang theo tập khí vô minh, không mang.

 Như Đức Thế Tôn, người như vậy quá nhiều, ngài không phải mới thành Phật 3000 năm trước, Phật A Di Đà cũng như vậy, đã thành Phật từ vô lượng kiếp. Các ngài là đến biểu diễn, là đến ứng hóa, đến thế gian chúng ta biểu diễn, giống như bát tướng thành đạo. Đó là hát kịch, biểu diễn trên vũ đài, không phải thật, là bát tướng thành đạo. Nếu chúng ta muốn hỏi Đức Thế Tôn có khởi tâm động niệm chăng? Không có, có mang theo tập khí khởi tâm động niệm chăng? Cũng không có. Bây giờ chúng ta đã hiểu được điều này, thừa nhận điều này không còn hoài nghi, ngài đích thực không khởi tâm động niệm, biểu diễn một cách rất tự nhiên, chính là ở đây nói pháp nhĩ như thị. Biểu diễn một cách rất chân thật, rất tự nhiên. Cảnh giới này trong đại thừa nói: “Bất tư nghị giải thoát cảnh giới”, thông thường chúng ta gọi là cảnh giới Hoa Nghiêm, không thể nghĩ bàn.

 Tự nhiên này đích thực bao hàm ý nghĩa của tự tánh bản nhiên, bản nhiên của tự tánh tức là chân như, trên thực tế chính là tự tánh. Nói bản nhiên của tự tánh là tự tánh khởi tác dụng, tự tánh khởi tác dụng vĩnh viễn thanh tịnh, tuyệt đối không ô nhiễm, ở trong địa ngục cũng không ô nhiễm. Bởi thế họ có thể tùy loại hiện thân, hiện mọi lúc mọi nơi, chỉ cần có duyên họ liền hiện thân, nên chúng sanh có cảm, Phật Bồ Tát có ứng.

 Ứng, trong kinh điển đại thừa nói, có bốn loại cảm ứng, có hiển cảm hiển ứng, hiển cảm minh ứng, minh cảm hiển ưng, minh cảm minh ứng. Nhất định có ứng, nhưng có khi chúng ta không biết, Phật thật sự ứng. Chúng ta siêng năng nổ lực học Phật, học Phật điều gì? Học Phật buông bỏ tập khí phiền não. Đối với chúng ta có cảm ứng, tức là có ưu điểm, nhưng bản thân không hề hay biết. Phật Bồ Tát giúp chúng ta, chúng ta không biết, như thân thể mạnh khỏe, bệnh tật tự nhiên hết, không còn, Phật Bồ Tát âm thầm gia hộ chúng ta. Chúng ta tu hành như pháp, như pháp nó sẽ có cảm ứng.

 Về sự, chúng ta đoạn tận sát đạo dâm vọng tửu, phải đoạn từ trong tâm. Đây là ngũ giới, ngũ giới là giới căn bản, nhất định phải trì thật thanh tịnh, hình dáng thanh tịnh như thế nào? Là không còn tham sân si mạn nghi, đó là thật sự thanh tịnh, còn tham sân si mạn nghi là chưa thanh tịnh. Bên ngoài làm ra vẻ, nhưng bên trong chưa được. Bên ngoài là ngũ ác, đây là năm việc xấu, bên trong tham sân si mạn nghi gọi là năm độc, vẫn chưa đoạn hết độc. Não nộ oán hận, đó là tập khí, tâm trạng. Vẫn còn những biểu cảm này phát tác, chứng minh quý vị chưa đoạn được. Oán hận não nộ phiền không còn, bất luận ở trong cảnh giới nào, những thứ này đều không phát tác, lúc này tâm mới thật sự gọi là thanh tịnh. Đến được cảnh giới này Phật sẽ gia trì quý vị, Phật gia trì, những độc bệnh trên thân quý vị đều được hóa giải hết, quý vị khôi phục sức khỏe hoàn toàn. Phiền não không còn, trí tuệ hiện tiền, chuyển phiền não thành bồ đề, trí tuệ liền hiện tiền. Trí tuệ có thể giải quyết vấn đề, trí tuệ giúp quý vị nâng cao cảnh giới, trí tuệ có thể hóa giải thiên tai, tai nạn bệnh khổ của mỗi người, còn có tai họa tự nhiên bên ngoài, đều có thể tránh được. Tai nạn trong gia đình, tai nạn nơi khu vực chúng ta ở, tất cả đều có liên quan.

 Người xưa thường nói: Người có phước ở đất phước, đất phước người có phước ở. Phước của vùng đất đó từ đâu mà có? Là đến từ con người, người có phước đất sẽ có phước, vì đất có phước, thông thường người không có phước ở đó, họ cũng hưởng được ánh sáng của phước. Thế nên một người có phước, những người lân cận đều không gặp tai ương, công đức này rất lớn. Trong vô tình hay cố ý, trong hữu hình hay vô hình, quý vị đã làm được việc tốt, khiến khu cực này ít thiên tai, khiến khu vực này yên ổn hài hòa, đây đều là bản nhiên của tự tánh.

 “Như thị niệm đạo chi tự nhiên”. Tự nhiên này là niệm đạo, niệm đạo chi tự nhiên là chỉ vấn đề gì? Chính là chỉ niệm Phật, trì danh niệm Phật. Trì danh niệm Phật là niệm đạo chi tự nhiên, điều này nói quá tuyệt diệu, nói quá hay!

 “Diệc tức niệm thật tướng. Như Kinh Di Đà Yếu Giải vân: Thật tướng vô nhị, diệc vô bất nhị. Thị cố cữ thể tác y tác chánh, tác pháp tác báo, tác tự tác tha- chúng ta đọc tiếp- Nãi chí năng thuyết sở thuyết, năng độ sở độ, năng tín sở tín, năng nguyện sở nguyện, năng trì sở trì, năng sanh sở sanh, năng tán sở tán, vô phi thực tướng chánh ấn chi sở ấn dã”.

 Ở đây toàn bộ đều là niệm đạo chi tự nhiên, quý vị xem công đức nhiều như vậy, nhưng chỉ một phương pháp hoàn thành, chính là dùng chân tâm niệm Phật A Di Đà. Phật hiệu này công đức quả là siêu việt, không thể nghĩ bàn! Chư Phật Bồ Tát chứng được vô lượng vô biên công đức, chỉ trong một câu Phật hiệu, câu Phật hiệu này là đại viên mãn. Nếu chúng ta không xem qua kinh điển đại thừa, không biết đến Kinh Vô Lượng Thọ, cho rằng câu A Di Đà Phật này chẳng ai không biết niệm? Vì quá dễ! Thực tế mà nói, không dễ chút nào. Người thật sự biết niệm không nhiều, người chỉ học ngoài miệng không ít. Trên miệng niệm A Di Đà Phật, nhưng trong tâm không có, trong ý thức không có, trong hành động không có, như vậy gọi là không biết niệm.

 Cổ đức có câu: “miệng niệm Di Đà tâm tán loạn, niệm khô cổ họng chỉ uổng công”, đây là không biết niệm. Họ không biết công đức của câu Phật hiệu này, không nhận thức được danh hiệu Phật, cũng không nhận thức về thế giới Cực Lạc. Bởi thế tuy niệm Phật, niệm cũng tốt, không phải không được, nhưng chỉ kết duyên với Phật A Di Đà. Cổ đức nói trồng chủng tử kim cang vào trong A lại da của họ, đời này không đạt được lợi ích, phải đợi đến đời kiếp sau gặp được nhân duyên với Tịnh độ, nó mới khởi tác dụng, họ có ấn tượng sâu sắc hơn.

 Khi nào nó mới khởi tác dụng? Khi thật sự đã minh bạch rõ ràng, lúc đó sẽ khởi tác dụng, nó khởi tác dụng nhất định được vãng sanh. Sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, một đời viên thành Phật đạo, không cần đợi đến đời sau, trong một đời chắc chắn thành Phật. Chứng được quả vị cứu cánh, trở về tự tánh, trở về thường tịch quang.

 Trong Yếu Giải Ngẫu Ích đại sư nói: “Thật tướng vô nhị, diệc vô bất nhị”, nhị và bất nhị đều buông bỏ hết. Đây gọi là thật tướng, thật tướng chính là chân tướng. “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, quý vị biết được tất cả pháp đều là hư vọng, quý vị sẽ thấy được thật tướng, vì sao vậy? Vì tâm của quý vị ở trong tất cả pháp không còn có phân biệt, không còn có chấp trước. Chẳng những không có phân biệt, không có chấp trước, đến khởi tâm động niệm cũng không có, đây gọi là đệ nhất nghĩa đế của trung đạo. Chính là lấy danh tự này, danh tự là giả, đừng nên chấp trước, chấp trước giả dể bị mắc lừa. Trong Kinh Kim Cang Đức Thế tôn dạy chúng ta rằng: “Pháp còn phải xả huống gì phi pháp”, pháp đó chính là Phật pháp, Phật pháp cũng phải buông bỏ, không nên để trong lòng, là giả, để trong tâm sẽ hỏng hết, mãi mãi không thấy được chân tướng. Nhưng Phật pháp khi chưa giác ngộ vẫn có lợi ích, nó dẫn dắt chúng ta giác ngộ, khi giác ngộ rồi phải buông bỏ nó, không được dùng nó, dùng nó lại hư hoại. Giống như chúng ta bệnh phải uống thuốc vậy, bệnh lành không thể tiếp tục uống thuốc, bệnh lành mà ngày ngày vẫn uống thuốc thì bệnh lại sanh. Thường thức này chúng ta biết, bệnh lành thì không cần đến thuốc nữa. Nếu hiểu được như vậy thì Phật pháp cũng không có, Phật pháp là để cho những người chưa giác ngộ, họ cần, chúng ta đem Phật pháp đưa cho họ. Như vậy là chúng ta hiểu được, Phật Bồ Tát ứng hóa ở thế gian, giảng kinh thuyết pháp cho chúng ta, biểu diễn cho chúng ta, chính là truyền phương pháp cho chúng ta, còn bản thân quý ngài thì sao? Quý ngài không cần đến nữa. Những điều này chúng ta dần dần đều có thể lãnh hội được.

 “Cử lễ tác y tác chánh, tác pháp tác báo”, thể ở đây là tự tánh, là chân như, là bản tánh. Thực tế mà nói các bậc cổ đức cũng thật đáng nể, họ nói một cách rất đơn giản. Họ nói với chúng ta rằng: Bản tánh vốn thiện, “nhân chi sơ, tánh bản thiện”, không có giải thích tường tận, Phật pháp nói vô cùng thấu triệt.

 Tiến sĩ Townenbe người Anh nói rất hay: tâm lượng cổ nhân rất lớn, có thể bao dung văn hóa dị tộc. Đây chính là chỉ Phật pháp, Phật pháp truyền từ Ấn độ đến, cổ nhân có thể bao dung, có thể tiếp nhận, có thể hoan hỷ, và có thể siêng năng học tập. Nhưng Phật giáo cũng đã làm phong phú thêm cho văn hóa bản địa, hai nền văn hóa này vừa tiếp xúc, cả hai đều được lợi ích.

 Quý vị xem cổ đức nói: Nhân tánh vốn thiện, khi hiểu được Phật pháp lại nói rằng: Thiện đó không phải là thiện của thiện ác, thiện đó là chỉ điều gì? Là khen ngợi, hay quá, hay quá! Họ giải thích cái thiện đó thành năm loại đức của bản tánh. Đây chính là ngài Huệ Năng nói: Thanh tịnh, bất sanh bất diệt, vốn tự đầy đủ, vốn không dao động, năng sanh vạn pháp, đây chính là thiện! Thiện nghĩa là như vậy. Nên Phật pháp đã nâng cao thêm cảnh giới tư tưởng của Nho giáo và Đạo giáo. Trong điển tịch Trung quốc tìm không thấy cách giải thích này, đây là dùng Phật pháp giải thích. Bởi thế chính Phật giáo đã làm phong phú thêm nền văn hóa bản địa, nâng cao nền văn hóa bản địa, quả đúng như câu nói: Hợp quần tăng sức mạnh.

 Ở đây khó hiểu nhất chính là: “Thật tướng vô nhị, diệc vô bất nhị”. Vô nhị là nói về thể, vô bất nhị là nói đến tướng, nói đến tác dụng. Thể không tịch, tướng và tác dụng vẫn là không tịch, nên đừng chấp trước nó, chấp trước phân biệt nó là sai. Bên dưới đưa ra một sự thật cụ thể:

 “Cử thể tác y tác chánh”, thể chính là tự tánh, tự tánh trở thành y báo, trở thành chánh báo. Chánh báo là thân thể chúng ta, nhất định phải hiểu rõ về chánh báo này, chánh báo không phải người khác, mà chính bản thân ta. Y báo là hoàn cảnh của chúng ta, tất cả mọi người là hoàn cảnh nhân sự của tôi, đó không phải tôi. Tôi là tự tánh, đây là chánh báo, ngoài ra đều là y báo của tôi, Chư Phật Như Lai đều là y báo của tôi, tất cả động vật là y báo của tôi. Cũng nghĩa là tất cả hữu tình chúng sanh trong mười pháp giới đều là y báo hữu tình của tôi. Cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa, bao gồm hư không pháp giới là y báo vô tình, đều là y báo. Phải hiểu rõ hai chữ y chánh này. Không phải nói hữu tình chúng sanh đều là chánh báo, nói như vậy là sai.

 Như chúng ta nằm mộng, trong mộng nhất định có mình, mình là chánh báo, ngoài bản thân ra, toàn bộ cảnh trong mộng đều là y báo, sau khi tỉnh mộng y báo chánh báo đều không còn. Như vậy mới biết cả y báo và chánh báo đều là giả, nhưng có thể hiện thể của y báo, nó vĩnh hằng bất biến, nó là thật.

 Thế nên “cử thể tác y tác chánh, tác pháp tác báo”. Pháp là pháp thân, báo là báo thân, “tác tự tác tha” đều là tự tánh, đều không tách rời tự tánh. Bản thân là tự tánh biến, tha\_chúng sanh cũng là tự tánh biến, biến pháp giới hư không giới hoàn toàn là tự tánh biến. Đến đây chúng ta có thể lãnh hội được, biến pháp giới hư không giới có liên quan như thế nào với chính mình? Là nhất thể, không phải một nhà, một nhà còn rất xa lạ, là nhất thể, ví như thân thể của chính chúng ta. Cảnh giới bên ngoài là gì? Là lục phủ ngũ tạng trong thân thể chúng ta, mắt tai mũi lưỡi bên ngoài, mỗi tế bào trên thân thể chúng ta là nhất thể. Biến pháp giới hư không giới y chánh trang nghiêm với chính mình là nhất thể, thân mật biết bao! Đức Phật đã nói như vậy. Khi biết được tất cả là nhất thể, tâm thương yêu của quý vị liền sanh khởi, vì sao vậy? Vì yêu thương bản thân, nên lòng thương yêu này gọi là: “Vô duyên đại từ, đồng thể đại bi”, từ bi đều là thương yêu. Vô duyên là không có điều kiện, vì sao chúng ta phải làm như vậy? Vì nhất thể. Tay phải bị đau, tay trái xoa bóp giùm, đây là hiện tượng tự nhiên, như vậy là vì sao? Nguyên nhân gì mà anh phải giúp nó? Nhất thể.

 Con người hiện nay mê nên không biết là nhất thể, biến thành như thế nào? Tự tương tàn sát, điều này rất đáng thương, tự mình tổn thương mình. Rõ ràng nhất là chiến tranh, tự sát, chiến tranh là tự sát. Tiếp theo là thiên tai tự nhiên, vẫn là tự sát, tự nhiên làm gì có thiên tai? Thiên tai tự nhiên là ý niệm bất thiện chiêu cảm nên, vẫn là tự sát.

 Trong kinh điển đại thừa Đức Phật dạy chúng ta rằng: Thủy tai do tham lam chiêu cảm, hỏa tai do sân nhuế chiêu cảm. Núi lửa bộc phát, nhiệt độ địa cầu tăng cao đều thuộc về lửa, từ đâu mà có? Do hay gây gổ, hay nổi nóng, nó đến như vậy. Ngu si chiêu cảm phong tai.

 Tháng trước chúng ta thấy, trong vòng một tháng ở Mỹ có một hai trăm trận gió lốc, xưa nay chưa từng có. Phong tai là do ngu si chiêu cảm, động đất là do ngạo mạn và tự đại chiêu cảm. Đáng sợ nhất là thứ sau cùng: Nghi, hoài nghi, thứ này rất đáng sợ. Nghi chiêu cảm thiên tai khủng khiếp hơn bốn loại trước nhiều. Quý vị xem do cái nghi này mà hiện nay đã thành vấn đề rồi. Quý vị thử đi phỏng vấn thăm dò xem, thăm dò bất kỳ người nào, quý vị có tin vào bản thân mình chăng? Không nói gì khác, họ đều không tự tin. Chính họ không tin vào bản thân, thì đối với cha mẹ cũng không tin, vợ chồng không tin tưởng nhau, cha con không tin tưởng nhau, bạn bè không tin nhau. Ở thế gian này họ không có người nào đáng tin, vấn đề này quá nghiêm trọng. Đương nhiên càng không tin tổ tông, càng không tin truyền thống văn hóa, Phật pháp cũng không ngoại lệ, không thể tiếp thu. Tai họa này dẫn phát điều gì? Khiến mất hết năng lực miễn dịch trên thân thể chúng ta, đây là do quý vị không có lòng tự tin. Hay nói cách khác, thân thể này của quý vị, nó tiếp thu tất cả mọi loại vi khuẩn gây bệnh, đây là thứ chết người. Đất nơi chỗ quý vị ở bị lỏng lẻo, đất lỏng lẽo rất dể bị chìm xuống, núi lỏng lẻo rất sụp xuống. Phiền phức này còn đáng sợ hơn bốn loại trước. Trước đây chúng ta không phát hiện ra nghi, bây giờ biết được nghi quả là thảm họa.

 Thế nên nhà Phật coi tín tâm quan trọng hơn bất kỳ điều gì: “niềm tin là mẹ các công đức”. Chúng ta học Phật điều đầu tiên phải nói đến là tín tâm, ba điều kiện căn bản của Tịnh độ, tín đứng hàng đầu\_Tín nguyện hạnh, đây là ba tư lương của Tịnh độ, vãng sanh phải đầy đủ ba điều kiện này.

 Ngẫu Ích đại sư nói về tín tâm này rất hay, trong Yếu Giải Kinh Di Đà ngài dạy, điều đầu tiên là gì? Tin vào bản thân, tin bản thân là gì? Tin rằng mình là Phật, mới có thể thành Phật được. Nếu không tin mình là Phật, Phật A Di Đà muốn giúp cũng không giúp được.

 Ngày xưa nhà Nho dạy học, điều đầu tiên dạy các em nhỏ: Thánh nhân, mỗi người đều có thể làm thánh nhân, phải tin mình có thể thành thánh nhân. Thánh hiền là do đào tạo mà ra, Phật Bồ Tát cũng là đạo tạo nên. Nếu không tin mình là thánh hiền, làm sao có thể thành thánh hiền? Không tin mình là Phật Bồ Tát, làm sao có thể thành Phật Bồ Tát. Quý vị xem nền giáo dục ngày xưa là đem mục tiêu cao nhất của giáo dục, truyền cho quý vị ngay buổi học đầu tiên. Câu đầu tiên trong Tam Tự Kinh: “Nhân chi sơ, tánh bổn thiện”, đó chính là thánh hiền. Một đời giáo dục, chính là phải đạt đến mục đích này, phải từ tập tánh bất thiện trở về bản tánh bản thiện, đây là truyền thống giáo dục ngày xưa.

 Còn đối với Phật pháp, hiện nay là phàm phu, từ phàm phu phải trở về đến Phật, bởi chúng ta vốn là Phật, như vậy giáo dục của Phật giáo mới viên mãn, vì sao có thể viên mãn? Vì quý vị vốn là như vậy. Đây là pháp nhĩ như thị, gọi là tự nhiên, trở về với tự nhiên, không phải từ bên ngoài vào. Chúng ta nhất định làm được, không có ai không làm được, bởi vậy không có tín tâm sao được!

 Đại sư Ngẫu Ích dạy chúng ta, trong Kinh Di Đà ngài dạy chúng ta về sáu loại tín. Điều đầu tiên là tin chính mình, mình chính là Phật. Bản thân mê, tin rằng do bản thân hiện tại đang mê nên biến thành phàm phu, bây giờ chúng ta tinh tấn tu học, phá mê khai ngộ, nhất định tôi có thể thành Phật. Thành Phật nào? Thành Phật A Di Đà, tôi hoàn toàn giống như Phật A Di Đà, Phật A Di Đà là “quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”. Học kinh A Di Đà, học Kinh Vô Lượng Thọ, tương lai thành tựu chính là Phật A Di Đà.

 Đầu tiên phải tin mình, thứ đến mới tin người khác, người khác là ai? Là Phật Thích Ca, Phật A Di Đà, chúng ta tin các ngài, các ngài có thể giúp ta thành Phật, giúp ta trờ về tự tánh. Phật Bồ Tát ở vị trí thứ hai, đầu tiên là phải tin chính bản thân mình.

 Ngày xưa, lúc tôi ở Mỹ tại Dallas cũng giảng về Tịnh độ, gần đó có vị cha cố của đạo Cơ đốc, dẫn theo hai ba người đến phỏng vấn tôi, nói với tôi: Trên mặt cơ bản thì niềm tin chúng ta đều tương đồng. Tôi hỏi tương đồng điểm nào? Ông ta nói là tín tâm. Tôi nói không giống nhau. Ông hỏi sao vậy? Chúng tôi là tin giáo chủ, còn quý vị là tin Phật mà. Tôi nói không giống nhau. Sao lại không giống nhau? Tôi nói, chúng tôi tin Phật là đặt ở vị trí thứ hai, đầu tiên là tin chính mình. Quý vị điều đầu tiên là tin giáo chủ, chính mình không tin chính mình là không được. Chúng tôi trước tiên là phải tin vào chính mình, kế đến mới tin Phật. Nói như vậy ông ta mới hiểu được. Phật giáo khác với các Tôn giáo khác ở điểm này. Bởi thế tin mình, tin người, tin lý, tin sự, tin nhân, tin quả, đại sư Ngẫu Ích dạy chúng ta có sáu loại tin này. Nếu tu viên mãn được sáu loại tin này, thì nguyện và hạnh của quý vị là chân chật.

 Ngày nay chúng ta đã niệm Phật không biết bao nhiêu năm, hỏi quý vị có nắm chắc việc vãng sanh chăng? Lắc đầu, không chắc chắn. Hòa thượng bảy tám mươi tuổi, niệm Phật suốt một đời, hỏi ngài có nắm chắc được vãng sanh chăng? Hòa thượng chân thật trả lời rằng, không chắc, nguyên nhân vì sao?

 Mấy năm trước, cư sĩ Hoàng Trung Xướng ở Thẩm Quyến, khoảng hơn 30 tuổi. Anh ta bế quan đọc Kinh Vô Lượng Thọ, đọc Kinh A Di Đà, hy vọng trong vòng ba năm đạt được hiểu quả. Đúng như nguyện, hai năm mười tháng, biết trước giờ chết và đã vãng sanh, làm ra tấm gương cho chúng ta thấy, là thật không phải giả. Anh ta vốn là muốn thử xem, nghe tôi giảng kinh đến chỗ niệm Phật vãng sanh trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện. Hầu như một nửa đều là ba năm vãng sanh, nên có rất nhiều người hoài nghi. Từng có pháp sư đến hỏi tôi vấn đề này, phải chăng họ ba năm đều hết thọ mạng? Tôi nghĩ như vậy không hợp logic, làm gì có nhiều người niệm Phật ba năm là hết thọ mạng. Tôi nói cách nói này không hợp lý, có thể là như thế nào? Họ đã thành tựu công phu niệm Phật, tuy còn thọ mạng nhưng họ không cần. Giống như pháp sư Doanh Khả thời nhà Tống, ngài niệm Phật đến Phật A Di Đà phải hiện thân, Phật A Di Đà nói với ngài: Thọ mạng của ông còn 10 năm, cố gắng tu hành, mười năm sau khi ông mạng chung ta sẽ đến tiếp dẫn. Pháp sư Doanh Khả nói: Con không cần 10 năm thọ mạng đó, con muốn đi theo ngài ngay bây giờ. Phật A Di Đà liền chấp nhận, được! Ba ngày sau ta sẽ đến tiếp dẫn ông. Ba ngày sau ngài Doanh Khả thật sự vãng sanh, không hề sanh bệnh. Vì sao Phật A Di Đà cần ba ngày, mà không đưa ngài đi ngay lúc đó? Nhất định có dụng ý, dụng ý gì vậy? Chính là để Doanh Khả pháp sư làm gương cho mọi người noi theo, khiến cho mọi người sanh tín tâm. Nếu đưa đi ngay lúc đó, sẽ như thế nào? Quý vị xem, một người đang yên đang lành, mạnh khỏe như thế sao lại chết trong phòng? Thời gian ba ngày là để ngài nói với mọi người: Phật A Di Đà đồng ý, ba ngày sau tiếp dẫn tôi vãng sanh tây phương, chấn động cả chùa, mọi người ai cũng biết. Tốt, vì người này, pháp sư này là một người phá giới, không giữ thanh quy, đều làm những điều không hay. Một người phá giới như vậy, mới niệm Phật có mấy ngày, chỉ niệm được ba ngày, niệm ba ngày ba đêm, ba ngày ba đêm không ăn không ngủ, niệm hết sức, vì sao vậy? Vì ngài biết, những việc xấu xa mình làm, nhất định đọa địa ngục, ngài sợ! Sợ đọa địa ngục A tỳ, nên cố sức niệm Phật cầu xin Phật A Di Đà, quả thật Phật A Di Đà đã ứng hiện, vì sao vậy? Vì ngài dùng chân tâm niệm, không phải vọng tâm. Phật A Di Đà đồng ý sau ba ngày đến tiếp dẫn, là thời gian để ngài thông báo cho mọi người biết. Mọi người thấy vậy, được! Xem ông là thật hay giả, cũng may ba ngày không dài quá. Đến ngày thứ ba, ngài yêu cầu niệm Phật đưa ngài vãng sanh, ngay ở đại điện. Niệm hơn một giờ đồng hồ, ngài nói với mọi người Phật A Di Đà đã đến, người khác không nhìn thấy. Ngài nói: tôi đi đây, và đứng như vậy vãng sanh, thật đã vãng sanh. Câu chuyện này ghi chép trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục.

 Đây là nói người ác phá giới niệm Phật ba ngày vãng sanh. Chỉ cần chúng ta thật sự sám hối, về sau không tái phạm, thật tâm tôi sẽ không tái phạm những điều xấu đó nữa. Lúc đó Phật A Di Dà nói với ngài: Con còn thọ mạng 10 năm, cố gắng tu hành, ngài nói với Phật rằng: Tập khí của con rất nặng, 10 năm đó con không biết lại làm bao nhiêu điều xấu, con sợ mình không duy trì được tâm thanh tịnh này, nên muốn đi ngay bây giờ. Phật A Di Đà đồng ý, và tiếp dẫn ngài đi, đây là sự thật.

 Thế nên chúng ta niệm Phật là phải chân thành, đây là việc quan trọng, là đại sự, ngoài ra đều là việc nhỏ nhặt, không đáng để trong lòng, niệm Phật như thế nào? Trong tâm chỉ có Phật A Di Đà, ngoài Phật A Di Đà ra thì không còn gì nữa.

 Thiền sư Trung Phong nói: “Tâm tôi tức là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà tức là tâm tôi”. Ngoài công việc ra, thời gian làm việc không nhiều lắm, sau khi làm việc xong lập tức niệm Phật, chính là Phật A Di Đà, buông bỏ hết những điều vụn vặt. Nhất định thời gian niệm Phật mỗi ngày phải vượt qua thời gian vọng niệm, không niệm Phật liền khởi vọng niệm. Một ngày 24 tiếng, thử xem mình niệm được bao nhiêu danh hiệu Phật? Và có bao nhiêu vọng tưởng? Vọng tưởng nhiều hơn Phật hiệu, coi như không chắc được vãng sanh. Phật hiệu vượt qua vọng tưởng, vãng sanh mới nắm chắc được. Điều này rất khó khăn đối với người mới học, nhưng khó khăn ta có thể dùng pháp phương tiện như đọc kinh, nghe kinh. Đọc tụng, nghe kinh đều là niệm Phật, đây là nhớ Phật.

 Chúng ta phải quen thuộc, phải rõ về thế giới Cực Lạc, phải nhận thức về Phật A Di Đà. Vậy thì bộ kinh này tốt nhất, cứ nghe lặp đi lặp lại nhiều lần, giống như cư sĩ Lưu Tố Vân vậy, suốt 10 năm chỉ nghe bộ kinh này và chỉ niệm một câu Phật hiệu. Trong tâm bà Phật A Di Đà nhiều, chúng ta dự đoán chắc đến 80% Phật hiệu, tạp niệm chỉ có 20%, công phu của bà rất nổi bật. Quý vị hỏi bà ta có chắc vãng sanh chăng? Chắc, bà có thể vãng sanh bất cứ lúc nào. Bây giờ Phật A Di Đà chưa tiếp dẫn bà, như vậy là sao? Chính bà biết, thị hiện cho mọi người thấy, đây cũng là việc công đức, nên hoan hỷ tiếp nhận làm tấm gương tốt cho mọi người\_mười năm là thành tựu. Chúng ta lãng phí bao nhiêu lần mười năm như vậy, quả là đáng tiếc? Vì không y giáo phụng hành! Xuất gia mười năm, nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, có thể trở thành bậc tôn sư mẫu mực.

 Mấy lần trước tôi ở Nhật bản, đến núi Tỷ Nhuệ phỏng vấn, là nơi rất nỗi tiếng ở Nhật, họ xem nơi này là cái nôi của Phật giáo. Tổ sư của 13 Tông phái Phật giáo Nhật bản, đều tu hành trên núi này, nên tôi lên núi phỏng vấn, đến thỉnh giáo hòa thượng phương trượng: Ngày xưa chư vị tổ sư ở trên núi này tu hành, bao nhiêu năm mới hạ sơn? Tôi nói ít nhất. Họ nói ít nhất là 17 năm, nhiều là ba bốn mươi năm. Không hạ sơn, nên tâm họ định, định có thể khai tuệ.

 Nên chúng ta trong vòng mười năm này, mười năm là số ít, thời gian ít nhất, không phải quá dài. Mười năm nhẫn nại chúng ta không có, làm sao thành tựu được? Đúng là điều không thể, chắc chắn phải định vào một chỗ.

 Từ khi tôi học Phật trong lòng luôn nghĩ, và rất hâm mộ các bậc tổ sư, họ đều ở một nơi suốt đời không hạ sơn. Quý vị thấy sơ tổ Huệ Viễn, lúc ngài ở Lô Sơn thành lập nên một đạo tràng: Đông Lâm Niệm Phật Đường. Những người đồng chí hướng có 123 người cùng ở trên núi. Lúc đó chỉ có một bộ Kinh Vô Lượng Thọ, còn Kinh Di Đà và Kinh Quán Vô Lượng Thọ vẫn chưa phiên dịch. Họ thấy chính là bản Kinh Vô Lượng Thọ , tôi đoán rất có thể là bản dịch của An Thế Cao, bản này hiện nay đã thất truyền, trong mục lục của Tạng Kinh có. An Thế Cao dịch rất hay, mọi người đều rất thích, ngài dịch ý giống như ngài Cưu Ma La Thập vậy, nên rất hợp sở thích của người Trung quốc. Họ chỉ nương vào bộ kinh này và một câu Phật hiệu, 123 người đều thành tựu, người vãng sanh trước tiếp dẫn người vãng sanh sau. Phật A Di Đà đến tiếp dẫn, họ đều theo bên cạnh ngài, những vị đồng tu của Liên xã, đều ở bên cạnh Phật Di Đà, điều này không phải giả.

 Suốt đời ngài Huệ Viễn, thấy thế giới Cực Lạc ba lần, ngài chưa từng nói với ai, đến lúc vãng sanh ngài mới nói ra, nói với mọi người về sự hiện tiền của thế giới Cực Lạc. Ngài đã nhìn thấy, khi sắp vãng sanh ngài nói: Cảnh giới này ngài từng thấy qua ba lần. Người ta hỏi ngài, thế giới Cực lạc như thế nào? Ngài nói hoàn toàn giống như trong Kinh Vô Lượng Thọ nói.

 Đời này chúng ta quá may mắn, mới gặp được pháp môn này! Mới gặp được bộ kinh điển này! Là do nguyên nhân gì? Chúng tôi suy đoán, nhất định là chúng ta có duyên thâm sâu với thế giới Cực lạc và Phật A Di Đà, nên trong thời đại này Phật đến gia trì chúng ta. Hội tập bổn kinh, và hội tập chú giải đều không phải người phàm. Tôi từng nghe được một thông tin nhưng không giám nói, hiện nay họ đều không còn nên mới giám nói. Cư sĩ Hạ Liên Cư là Bồ Tát Phổ Hiền tái sanh, Hoàng Niệm Tổ là Bồ Tát Quan Âm tái sanh. Họ không còn mới được nói, họ còn không thể nói, không phải phàm phu, họ đến để cứu khổ cứu nạn. Bộ sách này đích thực giống như cư sĩ Mai Quang Hy nói trong bài tựa, khẳng định nó là phổ độ tất cả chúng sanh 9000 năm trong thời mạt pháp, 9000 năm thời mạt pháp của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

 Theo cách nói của người xưa, trong lịch sử ghi chép, năm Đức Thế Tôn xuất thế, là năm Giáp dần thứ 24 của Chu Chiêu Vương\_Đức Thế Tôn thuộc tuổi dần. Khi ngài diệt độ là vào năm thứ 53 của Chu Mục Vương, trú thế 79 tuổi, người xưa nói tuổi mụ là 80 tuổi. Theo niên đại này tính đến nay là 3038 năm, đây là ghi chép của người xưa, chư vị pháp sư đời trước đều dùng niên đại này.

 Hay nói cách khác, Phật cách chúng ta 3000 năm. Những nguyên lý nguyên tắc cực kỳ vi diệu mà ngài nói trong 3000 năm trước, ngày nay đã được các nhà lượng tử học phát hiện, chứng minh là thật không phải giả. Bởi thế trong kinh Phật\_khi thầy Phương Đông Mỹ dạy tôi nói: kinh Phật là triết học cấp cao. Hiện nay chúng ta thông qua nhiều năm học tập, nghe được báo cáo của các nhà khoa học nước ngoài, chúng ta khẳng định: Nó là khoa học cấp cao trên toàn thế giới. Chúng ta đã gặp được điều tốt đẹp này, trong đời này nhất định được độ.

 Bởi thế “năng thuyết sở thuyết” là tự tánh, “năng độ sở độ” cũng không tách rời tự tánh. Thậm chí “năng tín sở tín, năng nguyện sở nguyện”, có thể phát nguyện là chính chúng ta, nguyện vọng mà chúng ta cầu là thế giới Cực Lạc, là Phật A Di Đà. Phật A Di Đà là người đã đoạn tận tập khí phiền não, chúng ta cần phương pháp kinh nghiệm của ngài để giúp chúng ta đoạn phiền não, chứng bồ đề, trở về tự tánh. Đây là một việc mà ngài rất hoan hỷ làm.

 “Năng sanh sở sanh”, sở sanh là thế giới Cực Lạc, năng sanh là những người như chúng ta. “Năng tán sở tán”, năng tán là Chư Phật Bồ Tát, sở tán là thế giới tây phương Cực Lạc và Phật A Di Đà. “Vô phi thật tướng chánh ấn chi sở ấn”, ấn ở đây chính là ấn chứng, ấn chứng của thật tướng. “Thị cố Hội Sớ dĩ vô vi vô tác vi đạo chi tự nhiên”. Niệm đạo chi tự nhiên, đạo là gì? Đạo là vô vi vô tác, hoàn toàn là tự tánh, trở về tự tánh chính là đạo tự nhiên. “Phục dĩ tha lực pháp môn”, tha lực pháp môn là chúng ta nương tựa Phật A Di Đà, nương tựa thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc là hoàn cảnh học tập, Phật A Di Đà là thầy chỉ đạo. Đây là điểm nương tựa duy nhất để chúng ta được độ ngay trong đời này.

 “Nhất siêu trực nhập vi tự nhiên”, đây là nói sự thù thắng của pháp môn này. “Tịnh chỉ vi đạo trung chi chánh chỉ, dữ Yếu Giải chi thuyết, từ dị nhi chỉ đồng”, lời nói không giống nhau, nhưng tôn chỉ là một, một phương hướng, một mục tiêu. Chúng ta “y tín nguyện trì danh”, phải tin thật, phải có đại nguyện khẩn thiết, Phật không rời tâm, tâm không rời Phật, danh không rời khẩu, khẩu không rời danh, tu thật hành trì thật.

 “Tha lực đại đạo, tức đắc vãng sanh cực lạc”, chúng ta có tin thật, có nguyện thiết. Chân tâm niệm Phật hiện tại được Phật A Di Đà gia trì. Gia trì có minh gia và hiển gia. Minh gia là bản thân chúng ta không phát hiện, hiển gia thì phát hiện được, như ngài Doanh Khả đã cảm ứng được Phật A Di Đà, đó là hiển gia. Minh gia là bình thường nhất, chúng ta gọi là âm thầm bảo hộ, âm thầm gia trì, để mọi thứ quý vị đều được thuận lợi, việc không nghĩ đến đều viên mãn, đây là âm thầm gia trì. Chỉ cần quý vị tỉ mỉ đều có thể phát giác được, Phật đang bảo hộ chúng ta, đang gia trì chúng ta.

 “Trì danh tức thị niệm Phật tướng, nhất siêu trực nhập diệu trang nghiêm lộ, như thị chi đạo, pháp nhĩ tự nhiên”. Tổng kết này quá hay, đây là Hoàng Niệm Tổ tổng kết. Trì danh chính là niệm thật tướng, trì danh chính là niệm tự tánh, vì sao vậy? Vì Phật A Di Đà vốn là chính mình. Câu này là tiếng Phạn, có thể dịch thành tiếng hoa. A dịch là vô, Di Đà dịch là lượng, Phật dịch là giác. Vô lượng giác, vô sở bất giác, bản tánh chúng ta chính là vô lượng giác, bởi thế nó là niệm bản tánh, không phải niệm người khác.

 Vô niệm giác niệm vô lượng giác trở về vô lượng giác, nếu quý vị không niệm vô lượng giác sẽ có vọng tưởng, có một vài tà tri tà kiến, như vậy sẽ không trở về được vô lượng giác. Chỉ có dùng vô lượng giác giúp chúng ta trở về vô lượng giác. Phương pháp này quá tuyệt diệu, người bình thường không nghĩ đến, nhưng Phật A Di Đà đã nghĩ đến. Chỉ dùng một câu danh hiệu phổ độ tất cả chúng sanh có duyên trong biến pháp giới hư không giới, quả là khó được.

 Chúng ta xem tiếp đoạn kinh văn bên dưới, tiêu đề nhỏ của tôi là: “Hành đạo hòa chánh”, đây là đoạn nhỏ đầu tiên.

 “Quán hành vô giải”. Chúng ta đọc kinh văn. “Xuất nhập cúng dường, quán kinh hành đạo, hỷ lạc cửu tập, tài mãnh trí tuệ, tâm bất trung hồi, ý vô giải thời”. Đây là đoạn thứ nhất.

 “Ngoại nhược trì hoãn, nội độc sử cấp, dung dung hư không, thích đắc kỳ trung, trung biểu tương ưng, tự nhiên nghiêm chỉnh”. Đây là đoạn nhỏ thứ hai.

 “Kiểm liễm đoan chánh, thân tâm khiết tịnh, vô hữu ái tham, chí nguyện an định, vô tăng khuyết giảm, cầu đạo hòa chánh. Bất ngộ khuynh tà, tùy kinh ước linh, bất cảm sa điệt, nhược ư thằng mặc, hàm vi đạo mộ”. Đây là đoạn nhỏ thứ ba. Hai câu sau: “Khoáng vô tha niệm, vô hữu ưu tư”.

 Đoạn kinh văn này Hoàng Niệm Tổ chú giải cũng không ít, chúng ta xem chú giải của ông.

 “Hựu văn hiển Cực Lạc hội chúng”, chính là những người vãng sanh về thế giới Cực Lạc. Điều này có liên quan đến chúng ta, vì chúng ta niệm Phật vãng sanh về đó, cũng tham gia vào đại hội này. Công đức thù thắng của họ, câu đầu tiên là: “Xuất nhập cúng dường”. Câu này xem trong hai bản dịch của thời nhà Hán và nhà Ngô, “trong nguyên văn còn có đầy đủ tướng tùy phi hành, dịch thành bối xuất nhập, cúng dường vô cực”, họ có mấy chữ như vậy. Hội tập của Hạ Liên Cư đem nó hội tập thành bốn chữ: “Xuất nhập cúng dường”. Xuất, chúng ta xem giải thích ở dưới.

 “Đây là chỉ chư Bồ Tát, A la hán ở thế giới Cực Lạc, họ phi hành mười phương, phổ biến cúng dường, để tu phước”. Xuất là cúng dường mười phương Như Lai, đây là điều chúng ta vô cùng ngưỡng mộ. Quý vị xem ở thế giới Cực Lạc, Phật A Di Đà đối đãi với học trò, giúp những người học trò này sớm ngày thành tựu, khiến họ quảng học đa văn. Họ có thể tùy ý đi lễ bái tất cả chư Phật Như Lai khắp biến pháp giới hư không giới, quý vị đi lễ Phật đương nhiên phải cúng dường, khi trở về là cúng dường thầy mình, đây gọi là xuất nhập.

 Cúng dường là tu phước, nghe kinh là tu tuệ, mỗi vị Phật đều giảng kinh dạy học, sau khi cúng dường xong là nghe kinh. Vô lượng vô biên Chư Phật làm sao đi hết được? Nói với chư vị, họ phân thân đi. Đến thế giới Cực Lạc đều có năng lực này. Có bao nhiêu Phật thì phân ra bấy nhiêu thân, cùng một lúc xuất hiện trước mỗi vị Phật. Còn bản thân thì bất động trong đại giảng đường của Phật A Di Đà, điều này quá vi diệu! Tu học như thế này đến đâu để tìm?

 Cùng một lúc, có thể nghe được tất cả chư Phật trong ba đời mười phương giảng kinh thuyết pháp, chỉ có đến thế giới Cực Lạc mới có cơ hội này, những nơi khác không có, chúng ta phải biết quý trọng điều này. Đây là nhân duyên, ngày nay chúng ta gọi là cơ hội, không thể bỏ qua cơ hội này. Trong đời một người có thể thân cận một vị Phật quả thật phước báo vô lượng, cho đến thân cận một vị Bồ Tát, một vị A la hán, phước báo này đều rất lớn.

 Ở thế giới Cực Lạc, mỗi người hằng ngày đều có thể thân cận tất cả chư Phật mười phương, quý vị nói phước báo họ tu được lớn biết chừng nào. Nghe tất cả chư Phật giảng kinh thuyết pháp, trí tuệ họ tu được cũng không biết lớn bao nhiêu. Bởi thế muốn tu đại phước báo, đại trí tuệ chỉ có ở thế giới Cực Lạc, như vậy có thể không đi được chăng? Ngoài thế giới Cực Lạc ra thì không còn chổ nào được như vậy, làm gì còn nơi nào tốt đến thế? Bởi vậy chúng ta nhất định phải biết điều này.

 “Quán kinh hành đạo”, đây là tu tuệ. “Bỉ độ thánh chúng ư thử phước tuệ nhị chủng trang nghiêm tất giai hỷ lạc nhi nguyện cửu tập”. Thời gian cư trú ở thế giới Cực Lạc\_theo cách nói trong Kinh Hoa Nghiêm, nhất định không dưới ba a tăng kỳ kiếp, vì ba a tăng kỳ kiếp là cõi thật báo trang nghiêm. Chúng ta không phải đến cõi thật báo, mà đến cõi phàm thánh đồng cư, ở giữa còn cách một cõi phương tiện hữu dư. Nhưng đừng sợ, vì ở đây là vô lượng thọ, mà nơi đó không có biến hóa. Khi chúng ta đến đó là hóa sanh, không phải thai sanh, là hóa sanh. Tướng hóa sanh là biến hóa ra, quý vị đến thế giới Cực Lạc là ở trong liên hoa hiện thân ra, giống như thân của Phật A Di Đà vậy, điều này nói trong 48 nguyện. Trong kinh văn ở trước chúng ta có học qua, vì sao Phật A Di Đà làm như vậy? Chính là vì thân tướng của người trong mười phương thế giới không giống nhau, người có tướng tốt cảm thấy kiêu ngạo, người tướng không tốt lại thấy tự ti, nên sanh tâm bất bình. Bởi vậy Phật A Di Đà nghĩ ra phương pháp này, mọi người đến thế giới Cực Lạc tướng mạo hoàn toàn giống nhau, như vậy thì không còn gì để nói. Nhờ vậy mà không sanh khởi tâm ngạo mạn, cũng không cảm thấy tự ti, mọi người đều bình đẳng. Tướng mạo hoàn toàn tương đồng, thể chất tương đồng, đều là thân tử ma chân kim sắc. Trong Quán Kinh nói về tướng rất rỏ ràng: Thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp. Trong Quán Kinh còn nói ra con số: Thân có tám vạn bốn ngàn tướng, mỗi tướng có tám vạn bốn ngàn vẻ đẹp, trong Quán Kinh nói như vậy. Thân tướng như thế, đích thực là “tướng hảo quang minh vô đẳng luân”, đây là câu nói trong Kệ tán Phật, không có ai có thể sánh với ngài được. Nên người ở thế giới Cực Lạc, mỗi người đều giống Phật A Di Đà, vậy rốt cuộc người nào là Phật A Di Đà? Đúng là khó nhận ra được.

 Ở thế gian chúng ta những người sinh đôi, tướng mạo giống nhau như đúc, không phân biệt được. Đến thế giới Cực Lạc tướng mạo đều tương đồng. Đừng lo, bởi vì mỗi người đều có trí tuệ, đều có thần thông, không những có thể nhận ra, mà Phật và Bồ Tát từ đâu đến quý vị đều biết rất rõ, còn có thể nhìn thấy đời đời kiếp kiếp quá khứ của mỗi vị Bồ Tát, đó chính là hoàn toàn khác nhau. Nên Phật A Di Đà có tam minh lục thông, đến thế giới Cực Lạc, mỗi người đều đầy đủ tam minh lục thông. Đây là phước báo của Phật A Di Đà gia trì cho chúng ta, phước báo, trí tuệ, thần thông, đạo lực đều gia trì chúng ta.

 Cõi phàm thánh đồng cư hạ hạ phẩm vãng sanh, đến đó cũng hưởng đãi ngộ của A Duy Việt Trí, A Duy Việt Trí chính là Bồ Tát minh tâm kiến tánh\_đãi ngộ của pháp thân Bồ Tát. Bất luận là hưởng thụ về mặt vật chất hay về mặt tinh thần, đều hoàn toàn bình đẳng với Phật A Di Đà.

 Hiện nay Trung quốc hâm mộ chủ nghĩa cộng sản, thế giới tây phương Cực Lạc là đệ nhất cộng sản, nên thích cộng sản thì đến thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc là cộng sản thật sự, những nơi khác không làm được. Quý vị xem, đến tướng mạo đều giống nhau, không có gì sai biệt. Thể chất giống nhau, cuộc sống hoàn toàn tương đồng, nhất định không có khác biệt giữa giàu và nghèo, cộng sản thật. Chỉ có Phật A Di Đà có thể kiến lập xã hội cộng sản, thế giới Cực Lạc là xã hội cộng sản, tất cả mọi nguồn tài nguyên thiên nhiên đều là công đức tu hành vô lượng kiếp của Phật A Di Đà thành tựu nên. Ngài đem hết những công đức thành tựu này chia sẻ cho mọi người, không phải chỉ riêng mình hưởng. Chúng ta phải nhận thức về Phật A Di Đà, nên biết về người này, một người như vậy chúng ta làm sao có thể không thân cận được?

 Tu phước tu huệ đều là viên mãn, đều là cứu cánh, nên thánh chúng ở thế giới Cực Lạc, “đối với hai loại phước huệ trang nghiêm này đều rất hỷ lạc”, pháp hỷ sung mãn, nên gọi là thế giới Cực Lạc. Tên Cực Lạc này từ đâu mà có? Là do người ở cõi này luôn được an vui mà có, ở đó không ai không an vui. Mà còn “cửu tập”, học tập lâu dài. Phật A Di Đà dạy, tất cả chư Phật trong mười phương thế giới đều dạy. Quý vị có thần thông, có năng lực này để đến mười phương cõi nước để đãnh lễ Phật, cần bao nhiêu thời gian? Tâm vừa nghĩ thì người đã đến nơi, không cần như chúng ta bây giờ nói lái xe mất bao nhiêu thời gian, mất mấy tiếng, không có, ý niệm vừa khởi đã đến nơi rồi, đây là gì? Là thế giới tây phương Cực Lạc không có không gian, không có không gian chứng tỏ không có cự ly. Không có thời gian, không có thời gian là không có trước sau. Chúng ta có thể thấy chư Phật quá khứ, cũng có thể thấy chư Phật vị lai, nó không có trước sau. Nên đến thế giới Cực Lạc đích thực làm quý vị mãn nguyện.

 Quý vị có thể thấy được, thân cận được tất cả Chư Phật Như Lai trong ba đời mười phương, họ giảng kinh thuyết pháp chúng ta đều nghe được. Nếu quý vị thích, mỗi ngày đều có thể đi, muốn đi là đi, bất kỳ lúc nào, muốn đi là đi. Chư Phật Như Lai thuyết pháp không hề gián đoạn, Phật A Di Đà thuyết pháp cũng không gián đoạn. Giống như đài phát thanh vô tuyến vậy, phát suốt 24 tiếng không hề gián đoạn, lúc nào mở ra cũng nghe được. Tiện lợi hơn chúng ta ở đây, chúng ta còn phải mở tần số, còn họ không cần. Thế giới tốt đẹp như thế, hoàn cảnh tu học tốt đẹp như thế, chúng ta đã hiểu rỏ, đã minh bạch, ước gì đến đó ngay lập tức! Tôi ngày ngày đều muốn đi, muốn đi từ lâu, nhưng Phật không đến tiếp dẫn tôi. Đại khái như lời của Lưu Tố Vân: Có thể ở đây tôi còn một ít nhiệm vụ, làm gương cho mọi người noi theo. Nếu không phải vậy, thì Phật đã đến tiếp dẫn từ lâu rồi. Chúng tôi không còn lưu luyến thế gian này, không lưu luyến tức có thể được tiếp dẫn. Có lưu luyến thì phải đợi thọ mạng, khi thọ mạng hết mới đi, còn như không cần thọ mạng có thể đi bất kỳ lúc nào. Cần thọ mạng này để làm gì? Để ở đây chịu tội, sống thêm một ngày thì chịu khổ một ngày, tội gì phải thế!

 Hạ Liên Cư đến thế gian này, chúng ta biết chính là vì hội tập bộ kinh này. Hoàng Niệm Lão đến cõi đời này là vì chú giải bộ kinh này, không vì gì khác, xong việc họ liền ra đi. Vậy chúng ta ở đây biểu trưng điều gì? Chúng ta đến là biểu diễn việc học tập, đến chia sẻ, đến học tập, chúng ta biểu trưng điều này.

 Hiện nay, bộ kinh này, trong hoàn cảnh của chúng ta, là hoàn cảnh tốt nhất trong cuộc đời chúng ta. Mỗi ngày chúng tôi chia sẻ bốn tiếng, ngoài ra tôi còn bốn tiếng học tập, niềm vui này không sao tả hết! Mọi người cùng nhau chia sẻ rất nhiều! Không phải đối diện, mà thông qua mạng internet, qua truyền hình vệ tinh, qua băng đĩa, người có thành tựu quả thật không ít! Chúng tôi nghe được vô cùng hoan hỷ.

 Thế nên “cửu tập” nhất định phải có, chính là trường thời huân tu. Trong này có niềm vui, càng học càng thấy vui, pháp hỷ sung mãn. Không phải càng học càng phiền, càng học càng mệt, như vậy là sai, là chưa khế nhập. Khế nhập rồi mới thấy niềm vui này là vô cùng. Đây là phước tuệ song tu, hỷ lạc cửu tập.

 Bên dưới nói “Tài mãnh”, nhưng bây đã hết giờ rồi, phần này chúng ta để ngày mai học tiếp.

**Hết tập 494**

# Tập 495

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Minh Tâm

Thời gian:14.07.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 616, hàng thứ ba, bắt đầu xem từ câu thứ hai:

 “Hạ vân tài mãnh giả, tức Pháp Tạng Nhân Địa Phẩm trung, cao tài dõng triết, dữ thế siêu dị chi nghĩa”. Đây là tán thán Chư Phật Như Lai đối với Bồ Tát của thế giới Cực Lạc, cũng chính là những người trong mười phương thế giới vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, có cõi đồng cư, có cõi phương tiện, có cõi thật báo, tất cả đều xưng là Bồ Tát, đây là bổn nguyện của Phật A Di Đà gia trì. Nguyện thứ 20 trong 48 nguyện Phật A Di Đà nói: Phàm là người vãng sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, bất luận là cấp bậc nào, cho dù là thấp nhất như hạ hạ phẩm vãng sanh, chính là hạ phẩm hạ sanh, cũng làm A Duy Việt Trí Bồ Tát. Hạ hạ phẩm vãng sanh là nhân thiên, nhân thiên cũng đạt được sự đãi ngộ của A Duy Việt Trí Bồ Tát, đây quả thật là điều không thể nghĩ bàn. Nên không có ai không phải là: “Cao tài dõng triết, dữ thế siêu dị”.

 “Tài năng dõng mãnh, là vì có trí tuệ. Nên trí tuệ tài mãnh, nghĩa là tuệ căn sắc bén, tài năng siêu thế”. Những lời này đều là thật, rất có thể khi vãng sanh một người rất bình phàm, không có biểu hiện gì đặc biệt, nhưng vừa đến thế giới Cực Lạc liền khác. Thế giới Cực Lạc là thế giới bình đẳng thật sự, không bình đẳng thì Phật A Di Đà lấy công đức tu hành vô lượng kiếp của mình nâng họ cao lên, nâng lên tương đồng với đãi ngộ của pháp thân Bồ Tát, quả là không thể nghĩ bàn. Không những phước báo được tăng lên rất nhiều, mà trí tuệ cũng được nâng lên.

 Trí tuệ nâng cao, ở trước chúng ta đã học nên cũng hiểu. Vì họ mỗi ngày đều đến mười phương thế giới, đi lễ lạy vô lượng vô biên chư Phật, không sót một ai. Mà còn là ba đời chư Phật, Phật quá khứ, Phật vị lai, vì sao vậy? Vì ở thế giới Cực Lạc không có thời gian, không có quá khứ hiện tại vị lai, nên chúng ta cùng một lúc thấy cả quá khứ và vị lai, điều này không thể nghĩ bàn. Thế giới Cực Lạc không có không gian, không có thời gian là không có khoảng cách, bất luận xa bao nhiêu cũng đều ở ngay hiện tại. Không có thời gian và không gian. Hiện tượng này các nhà khoa học biết, và đều khẳng định có khả năng này, đây là điều ngày nay khoa học chưa phát triển đến bước này.

 Từ đó cho thấy thế giới Cực Lạc, khoa học và triết học đều đạt đến tột đỉnh cứu cánh viên mãn, đây là một điều thật sự không thể nghĩ bàn. Đến đó thân thể tướng hảo của chúng ta giống như Phật A Di Đà, tất cả những người vãng sanh đều không có gì khác biệt, đây là Phật Di Đà thực hiện sự bình đẳng ở nơi thế giới này. Vì nếu như tướng mạo con người khác nhau, sẽ sanh khởi tâm lý không bình đẳng. Người có tướng mạo tốt, sẽ có một chút tập khí kiêu ngạo, còn như tướng mạo xấu xí sanh ra tự ti mặc cảm, điều này khiến nhân tâm bất bình. Phật A Di Đà quan sát mười phương thế giới có hiện tượng này, nên ngài kiến lập thế giới Cực Lạc hy vọng vĩnh viễn không có hiện tượng này, mọi người đều bình đẳng, tất cả đều có thân kim sắc như Phật, thân thể vĩnh viễn bất hoại. Mà pháp tánh thân, thân pháp tánh là gì? Chỉ có tâm hiện không có thức biến. Thân này của chúng ta gọi là thân pháp tướng, tâm hiện còn thêm thức biến, nên ngày ngày sản sinh biến hóa, tùy theo tâm niệm mà biến hóa. Người ở thế giới Cực Lạc không có ý niệm, vốn không có ý niệm, là pháp thân Bồ Tát ở cõi thật báo mới có. Cõi đồng cư là lục đạo chúng ta, cõi phương tiện là tứ thánh pháp giới, làm sao không có ý niệm được? Đây là bổn nguyện công đức tu hành của Phật A Di Đà gia trì, hưởng phước báo của Phật A Di Đà. Di Đà Thế Tôn giảng kinh thuyết pháp không hề gián đoạn, sanh đến thế giới Cực Lạc là đi học, tham gia một chỗ trong đại hội của Phật Di Đà, có một chỗ ngồi.

 Họ có thể đi tham phỏng mười phương thế giới bất cứ lúc nào, còn bản thân vẫn bất động trong giảng đường của Phật A Di Đà, vậy họ đến mười phương thế giới bằng cách nào? Họ phân thân đi, có năng lực phân vô lượng vô biên thân, quý vị đều có mặt trước mỗi vị Phật. Ở đó cúng dường tu phước, nghe kinh tu tuệ, phước tuệ song tu. Nên đến thế giới Cực Lạc chưa được mấy ngày, phước tuệ không biết tăng trưởng bao nhiêu lần, “tài mãnh trí tuệ” liền hiện tiền. Không cần lâu, chỉ vài ngày đã được Chư Phật Như Lai khen ngợi tài năng siêu thế, tuệ căn sắc bén của quý vị. Người tu hành trong quốc độ Chư Phật không sánh kịp. Thế giới tây phương Cực Lạc đích thực là lớp tinh tấn tu học phước tuệ.

 “Tâm bất trung hồi”, hồi là thoái chuyển, cũng chính là những học sinh ở thế giới Cực Lạc không có ai bỏ cuộc giữa chừng. Họ chỉ có tiến về trước, không có thoái lui sau.

Bên dưới nói vì sao họ không thoái chuyển. “Sở dĩ thoái chuyển, là do tín niệm không kiên định, gặp duyên liền thoái chuyển”. Thế gian chúng ta nhiều người thoái chuyển, còn người tinh tấn dõng mãnh rốt ráo rất ít, đa số là nửa đường thoái chuyển. Nguyên nhân đích thực là vì tín tâm không kiên cố, nguyện lực không vững chắc, nên khi gặp duyên cám dỗ là thoái chuyển.

 Cổ nhân thường nói: “cao danh hậu lợi”, cao danh là địa vị rất cao, gặp được địa vị cao quý vị liền thoái tâm. Hậu lợi là đại phú, quý vị gặp được đại phú đại quý, lập tức bỏ ý niệm học Phật cầu vãng sanh, những phú quý trước mắt mê hoặc quý vị, nên không thể thành tựu.

 Những thánh chúng ở thế giới Cực Lạc: “trí tuệ dõng mãnh, đoạn nghi sanh tín, kiên cố bất động, như núi kim cang, nên giữa đường tâm không thoái chuyển, luôn hướng về phía trước”. Ở thế giới Cực Lạc không thoái chuyển là có duyên cớ, mỗi ngày đều là phước tuệ song tu. Nhìn thấy phước báo của Chư Phật Như Lai, thiên nhân không sánh được. Đại phạm thiên vương, Ma hê thủ la thiên vương là phú quý tột cùng của thế gian, ở trước có so sánh. Nhưng so với Bồ Tát ở thế giới Cực Lạc thì họ thua xa, vậy làm sao sánh được với Phật được! Bởi vậy thế giới Cực Lạc đúng là phước báo viên mãn, trí tuệ viên mãn, đã đoạn tận hoài nghi. Hoài nghi, trong năm loại phiền não thì nó là nghiêm trọng nhất, nhưng người thường không dễ gì phát hiện. Trong kinh điển đại thừa Đức Thế Tôn dạy rằng: Tham tâm cảm ứng thủy tai. Bây giờ những thiên tai này đều xuất hiện, không ai nghĩ đến đây là do nguyên nhân gì. Nước biển dâng cao, nước lụt lan tràn đều do tham! Cư dân ở đây tham tâm quá nặng. Núi lửa bộc phát, nhiệt độ địa cầu tăng lên, là do tâm sân nhuế, thường hay nỗi nóng tạo nên. Gió lốc, gió xoáy là phong tai, do ngu si chiêu cảm. Động đất do tâm ngạo mạn chiêu cảm. Hoài nghi, hoài nghi là gì? Sự nghiêm trọng của hoài nghi không thua gì bốn loại trước. Tôi suy nghĩ tường tận, hoài nghi còn gây ra thiên tai nghiêm trọng hơn bốn loại trước. Đối với bản thân mà nói, hoài nghi chính là không có tín tâm. Không có lòng tin đối với sức khỏe của mình, không có lòng tin đối với thể lực của mình, không có lòng tin với trí tuệ của mình. Coi như xong, quý vị không làm được gì cả, thân tâm yếu đuối rất dễ nhiễm độc bệnh, vì sao vậy? Vì chúng ta không có sức miễn dịch, thông thường gọi là chúng ta không có sức đề kháng, chúng ta sẽ chịu bệnh khổ.

 Sơn hà đại địa nơi cứ trú càng phiền phức, vì sao vậy? Vì sơn hà đại địa lỏng lẻo, không kiên cố. Đại địa lỏng lẻo rất dễ chìm xuống biển, núi cao lỏng lẻo rất dể sụp đổ, danh từ đất đá chảy xuống 50 năm trước chưa từng nghe qua. Khoảng ba bốn mươi tuổi tôi chưa từng nghe đến đất đá chảy là gì, cận đại mới có danh từ này, đây là nguyên nhân gì? Đều là từ hoài nghi chiêu cảm nên, sơn hà đại địa không kiên cố, quý vị xem nghiêm trọng biết bao. Ứng trên thân chúng ta, là thân tâm mất đi tín tâm, phiền phức này nghiêm trọng hơn bất kỳ điều gì.

 Đức Phật đem năm loại độc, gọi là ngũ độc. Tham sân si là ba loại, thêm vào mạn và nghi thành ngũ độc, đây là ngũ độc của nội tâm, là căn nguyên của tất cả bệnh tật và thiên tai. Đối với chính mình mà nói là tật bệnh, đối với bên ngoài mà nói là thiên tai. Nên bệnh tật bên trong và thiên tai bên ngoài đều không phải tự nhiên, tự nhiên vốn rất tốt đẹp, tự nhiên làm gì có thiên tai. Tất cả đều do ý niệm bất thiện của mình chiêu cảm nên, đúng như câu nói tự làm tự chịu.

 Nên con người khi bệnh khổ, làm sao mới khôi phục sức khỏe được? Điều tâm, vì sao vậy? Vì trong kinh Đức Phật thường nói, nhưng chúng ta quá sơ ý, không cảm nhận được, ngài thường nói: “Nhất thiết pháp tùng tâm tưởng sanh”. Thế giới Cực Lạc là tâm tưởng sanh, chư vị Bồ Tát ở thế giới Cực Lạc tâm tưởng sanh, thế giới này của chúng ta cũng tâm tưởng sanh, thân thể chúng ta cũng là tâm tưởng sanh. Vì sao y chánh của thế giới Cực Lạc tốt đẹp như thế? Tư tưởng thuần chánh, thuần tịnh thuần thiện, nên nó biến thành tốt đẹp.

 Người ở thế giới ngày nay của chúng ta tâm tư hổn loạn, tạp niệm quá nhiều. Ý niệm bất thiện quá nhiều, tạo thành tai hại cho thân thâm và thảm họa cho địa cầu. Sự việc chính là như vậy. Điều chỉnh thân tâm chính là khôi phục sức khỏe, tức tiêu tai miễn nạn. Lý niệm này, chân tướng sự thật này cần phải tuyên dương rộng rãi, mọi người đều biết sẽ điều phục lại thân tâm. Như Bladen nhà khoa học người Mỹ nói: Nếu cư dân trên địa cầu thật sự có thể bỏ ác dương thiện, cải tà quy chánh, đoan chánh tâm niệm, sẽ hóa giải được lời dự ngôn thiên tai năm 2012 của Maya. Những gì Bladen nói hoàn toàn tương đồng với những gì Đức Phật nói trong điển đại thừa. Đó là một nhà khoa học, ông đạt được đáp án này từ trên thành quả nhiều năm nghiên cứu khoa học. Phát hiện được chân tướng sự thật chính là ý niệm, ý niệm của con người, ý niệm mới đúng là tạo vật chủ, ý niệm có thể hóa giải tất cả mọi vấn đề. Bởi thế mới hy vọng con người đoan chánh tâm niệm, mọi người đều có thể có một ý niệm đều thanh tịnh, đều lương thiện, thì mọi vấn đề đều được giải quyết. Bởi thế tín niệm không kiên cố, gặp duyên lập tức thoái chuyển, thoái chuyển là điều không tốt. Thoái chuyển như vậy thì sức khỏe của thân thể liền suy yếu, thiên tai cũng giáng xuống ở nơi hoàn cảnh cư trú.

 “Thánh chúng ở Cực Lạc trí tuệ dõng mãnh, đoạn nghi sanh tín, kiên cố bất động, như núi kim cang”, như núi kim cang là ví dụ, “nên tâm không thoái chuyển”. Tâm không thoái chuyển, nghĩa là tín tâm của họ nhất định không bỏ cuộc giữa chừng. Sẽ không thoái chuyển giữa chừng, không có chuyện thay đổi giữa chừng. “Luôn tiến về phía trước”, đây chính là dõng mãnh tinh tấn, “không khi nào có ý giải đãi”, giải là giải đãi. “Nguyên nhân của giải đãi là do nguyện không thâm sâu”.

 Ở trước nói: “Lòng tin không kiên cố, nên gặp duyên liền thoái chuyển”, điều này liên quan đến nghi, họ không thể đoạn nghi, đoạn nghi không phải là một việc đơn giản. Khoa học hiện nay đề xướng hoài nghi, hầu như là hoàn toàn quét sạch lòng tin, không còn tin vào giáo huấn của cổ nhân, không tin vào những gì người khác nghiên cứu được, nhất định phải thông qua chính mình làm. Đây phải chăng là lý niệm giáo dục tốt? Đáng để cho chúng ta phải suy nghĩ.

 “Nguyên nhân giải đãi là do nguyện không thâm sâu, nguyện không kiên cố thì không có sức mạnh để hành trì. Bởi vậy lúc tinh cần lúc giải đãi là tự mình thường hay phóng dật”. Đây là hiện tượng phổ biến nhất mà hiện nay chúng ta thường thấy, nếu khắc phục được vấn đề này\_cổ nhân nói một câu là thực hiện được: “Nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”, mười năm thành tựu. Nhà Nho nói: “bảy năm thành tựu nhỏ, chín năm thành tựu lớn”. Điều này phải cần tín nguyện kiên cố mới làm được. Nhất môn thâm nhập, mới bảy năm công phu, đây là thành tựu nhỏ, đây là lời nói khiêm tốn, rất lợi ích! Chín năm thành tựu lớn. Thành tựu nhỏ vào thời cổ đại là quân tử, thành tựu lớn là hiền nhân, cao hơn hiền nhân chính là thánh nhân. Thánh nhân đa phần là người đời sau tôn xưng, lúc còn tại thế không ai tự xưng mình là thánh nhân, đều là hiền nhân hoặc là hiền quân tử. Đều là chuyên một môn, một môn có thể được định, định lâu ngày liền khai trí tuệ. Nhà Phật nói đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đây là thành tựu lớn. Đích thực mười năm, hai ba mươi năm, người minh tâm kiến tánh rất nhiều. Xem Ngũ Đăng Hội Nguyên sẽ thấy, trong Cảnh Đức Truyền Đăng Lục cũng thấy được. Đạo lý này cũng chính là Đức Thế Tôn thường nói: “chế tâm nhất xứ”, cũng có nơi dùng là“chỉ tâm nhất xứ”. Chỉ tức là dừng lại, ý nghĩa giống với chế tâm một chổ, để tâm vào một nơi.

 Người niệm Phật chúng ta càng thù thắng hơn các pháp môn khác, vì sao vậy? Vì chúng ta chú tâm vào một chỗ là Phật A Di Đà. Chú tâm vào Phật A Di Đà, khi chưa thật sự đạt đến một chỗ, đã đầy đủ điều kiện vãng sanh, có thể vãng sanh. Đạt đến một chỗ rồi thì sao? Đạt đến một chỗ là thành Phật. Nếu chúng ta hiểu được đạo lý này, biết được chân tướng sự thật công đức không thể nghĩ bàn này, tôi tin rằng quý vị sẽ buông bỏ hết tất cả ý niệm. Nhất tâm chuyên niệm Phật A Di Đà, chính là một câu danh hiệu, như vậy là thành công.

 Chúng ta nên biết, Đức Thế Tôn 49 năm giảng kinh thuyết pháp là vì điều gì? Chính là vì muốn quý vị thâm tín câu Phật hiệu này, chính là đạo lý này. Nếu thật sự thâm tín, thì mục đích mà ngài phải gian khổ suốt 49 năm đã đạt được. Khi đã thâm tín rồi, thì những thứ còn lại không cần phải nói nữa, đều là lời dư thừa, vì sao vậy? Vì câu Phật hiệu này chính là toàn thể của vạn sự vạn pháp khắp biến pháp giới hư không giới, quý vị hoàn toàn nắm bắt được. Tất cả pháp thế xuất thế gian đều sanh ra từ Phật A Di Đà, có thể nói như vậy, vì sao? Vì Phật A Di Đà là tự tánh. Ngài Huệ Năng nói: “đâu ngờ tự tánh năng sanh vạn pháp”. Phật A Di Đà là tự tánh.

 Ở trước Hoàng Niệm Tổ trích dẫn những kinh luận và chú sớ của chư vị Tổ sư, cũng nói rất rõ ràng. Câu Phật hiệu này chính là thật tướng. Thật tướng chính là chân như, là tự tánh, cũng chính là pháp tánh, cũng chính là đệ nhất nghĩa, cương lĩnh chung của tất cả pháp. Vì thông thường chúng ta không biết, nên đối với việc niệm Phật lúc tinh tấn lúc giải đãi, có khi niệm rất rốt ráo, có khi lại quên mất, đây đều là tín nguyện không kiên cố, vì sao tín nguyện không kiên cố? Vì nhận thức không rõ ràng, nếu nhận thức rõ ràng sẽ không có hiện tượng này.

 “Nhưng thánh chúng ở thế giới Cực Lạc, thâm đạt chí lý”. Vì sao vậy? Vì ngày ngày họ nghe Phật A Di Đà thuyết pháp, ngày ngày nghe tất cả mười phương Như Lai thuyết pháp. “Tin sâu nguyện thiết”, bốn chữ này quá hay, họ tin sâu nguyện thiết. “Nên dõng mãnh tinh tấn không có khi nào giải đãi”, họ không khi nào buông lơi, vĩnh viễn tinh tấn, nên họ nhanh thành tựu!

 “Trì hoãn”, trì có nghĩa là chậm chạp. “An từ”, an là an ổn, từ là chầm chậm. Ở Nhật bản chúng tôi nhìn thấy một con đường hơi nguy hiểm, nên họ đặt một tấm bảng để nhắc nhở mọi người: Từ hành, ở nước chúng ta là: Mạn hành. Người Nhật gọi là: Từ hành, từ có nghĩa là mạn. Chúng ta có rất nhiều người nhìn thấy: Từ hành, nhưng không biết nghĩa là gì, chính là đi chậm, chạy xe giảm tốc độ. Nên những từ ngày xưa dùng, bây giờ ở Nhật bản có thể nhìn thấy.

 “Hoãn có nghĩa là khoan dung từ tốn, nên gọi là trì hoãn, tức an nhàn trầm ổn mà không lo lắng cấp bách”, ý là như vậy. “Trì cấp”, trì là tật tốc, tức là nhanh chóng. Cấp là khẩn cấp, cấp tốc.

 “Ngoại nhược trì hoãn, nội độc trì cấp”, đây là chỉ\_Bên dưới có giải thích\_Những vị Bồ Tát này biểu hiện ở bên ngoài vô cùng “khoan dung từ tốn an nhàn, như không có việc gì”, giống như không có việc gì vậy. “Nhưng nội tâm của họ thì tinh tấn không thôi, niệm niệm tương tục, tâm tâm vô gián, không để sát na nào mất sự quán chiếu, nên gọi là nội độc trì cấp”.

 Điều này rất có ý nghĩa, bên ngoài quý vị nhìn thấy họ là định, bên trong nhìn thấy họ là tuệ. Định hình như bất động, tuệ hình như đang chạy nhanh, thật sự tinh tấn. Đặc biệt là nói đến: “Niệm niệm tương tục, tâm tâm vô gián”. Tâm tâm vô gián hiện nay chúng ta lãnh hội sâu sắc hơn, tâm tâm và niệm niệm cùng một ý nghĩa.

 Di Lặc Bồ Tát nói cho chúng ta biết rằng: một khảy móng tay có 32 ức 100 ngàn niệm, niệm niệm tương tục, tâm tâm vô gián. Niệm niệm tương tục, tâm tâm vô gián, đều thực hành nơi Phật A Di Đà. Không có tạp niệm, không có hai niệm, niệm niệm đều là Phật A Di Đà, tâm tâm đều tương ưng với Phật A Di Đà. Đây là thật sự trở về tự tánh, là một con đường rộng lớn nhanh chóng.

 “Dung dung”, có nghĩa là hòa đồng, không lập dị, gọi là dung dung. “Trong Tả Hùng Truyện nói: hòa đồng nhiều phước về sau”. “Kinh này nói hòa đồng với hư không, chỉ tâm của thánh chúng hòa đồng với hư không, hư không vô biên tế, nên tự tâm cũng vô biên tế. Hư không vô nhất vật, nên tự tâm cũng vô vật, hư không lấy không vô, sum la vạn tượng mười phương quốc độ đều nương không mà sanh, hư không kiến lập vạn vật, nên tự tâm cũng kiến lập vạn vật”.

 Đây chính là ngài Huệ Năng nói: “đâu ngờ tự tánh, năng sanh vạn pháp”. Vạn pháp từ đâu mà có? Vạn pháp vốn tự đầy đủ trong tự tánh, khi không có duyên nó ẩn, chứ không phải không có, lục căn chúng ta không cách nào tiếp xúc được, nên gọi nó là không. Không này không phải vô, không không phải cái gì cũng không có, nó có tất cả. Cái gì cũng có, nhưng nó không có hiện tướng, không hiện tướng chính là nó không có hiện tượng vật chất, không có hiện tượng tinh thần, cũng không có hiện tượng tự nhiên. Đến hiện tượng của hư không cũng không có, hư không là giả. Nên không thể nói nó là vô, cũng không thể nói nó là có, Phật pháp gọi nó là chân không, chân không bất không. Huyễn tướng gọi là hữu, diệu hữu, diệu hữu phi hữu, vì sao nói phi hữu? Vì nó đương thể tức không, liễu bất khả đắc. Khế nhập cảnh giới này, con người liền được đại tự tại, thật sự giải thoát, thật sự thấu triệt biến pháp giới hư không giới với chính mình là nhất thể. Thể này là phi không phi hữu, phi hữu phi vô, ở trong này không khởi một ý niệm nào. Gọi là không khởi tâm không động niệm, chứng được viên mãn, khởi tâm động niệm là mê, là sai lầm. Không khởi tâm không động niệm là trở về tự tánh, trở về thường tịch quang.

 “Vô nhất vật, nên không rơi vào hữu”. Vô nhất vật. “Dung vạn vật, nên không rơi vào không”, không rơi vào không hữu nhị biên. Như thế nào mới có thể khế nhập? Không khởi tâm không động niệm là khế nhập. Cho nên khởi tâm động niệm, trong kinh điển đại thừa gọi nó là vô thỉ vô minh, vô minh ở trước thêm vào vô thỉ, hiện rõ chân nghĩa, chân lý của nó. Vô thỉ là không có bắt đầu, không có bắt đầu là nói với quý vị rằng đây là giả, không phải thật, chớ coi đó là thật. Vì sao vậy? Nếu coi là thật quý vị lại khởi phân biệt, khởi chấp trước, như vậy là xong, lập tức bị đọa lạc. Bởi thế thêm vô thỉ vào là nhắc nhở quý vị, nó không có bắt đầu. Không có bắt đầu, nó cũng không có kết thúc.

 Vô thỉ đương nhiên là vô chung, vô sanh đương nhiên là vô diệt. Tất cả pháp vốn không sanh không diệt, tất cả pháp vốn vô thỉ vô chung. Nếu có thỉ có chung, nó là thật, không phải giả. Có sanh có diệt cũng là thật, cũng không phải giả, căn bản không có sanh diệt.

 Chúng ta phàm phu đang mê, mê gì? Trong vô sanh vô diệt, cho rằng có sanh có diệt, là vì mê. Vô thỉ vô chung cho rằng nó có thủy có chung, đây là mê. Mê ngộ chỉ trong một niệm. Một niệm mê, niệm niệm mê, một niệm giác, niệm niệm giác. Làm sao để chuyển mê thành ngộ? Đây là đầu mối trọng yếu tu hành của Phật pháp đại thừa. Vô nhất vật là tánh đức, tự tánh vốn như vậy. Dung vạn vật cũng là tánh đức, cũng vốn là như vậy.

 Vô nhất vật mà dung vạn vật, song chiếu không hữu. Dung vạn vật mà vô nhất vật, không hữu nhị biên đều không tồn tại. Phật pháp đặt cho nó một cái tên gọi là “tùng dung trung đạo”, trong kinh văn chúng ta gọi là “thích đắc kỳ trung”. Thích nghĩa chính là thích hợp, đắc là khế hội, trung là trung đạo.

 Như trong Kinh Kim Cang nói: “Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm, vô trụ tức sanh tâm, sanh tâm tức vô trụ”. Ngài Huệ Năng từ câu này mà đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Chỗ ngộ của mỗi người không tương đồng. Có người giác ngộ từ trong câu này, có người giác ngộ ở câu khác, có người thấy sắc mà ngộ, có người nghe âm thanh mà ngộ, còn có người ngửi hương nếm vị mà khai ngộ. Đây chính là duyên của mỗi người không giống nhau, nên tám vạn bốn ngàn pháp môn, mỗi pháp môn đều là duyên khai ngộ. Duyên khác nhau, sai biệt hoàn toàn, nhưng nhân tương đồng, nhân là gì? Là thanh tịnh bình đẳng.

 Quý vị xem ở trước: “Vô nhất vật mà dung vạn vật, song chiếu không hữu. Dung vạn vật mà vô nhất vật, không hữu câu mẫn”, đây là nhân, ở trong cảnh giới này, không nhất định là duyên gì, lập tức khiến quý vị khai ngộ, kiến tánh. Cảnh giới này là ranh giới của khai ngộ. Một người ở trong cảnh giới này sẽ có cảm, không có tâm, không muốn cảm, họ tự nhiên có cảm. Hay nói cách khác Chư Phật Bồ Tát có duyên với quý vị, quý vị ở trong cảnh giới này họ sẽ biết, họ biết nên nhất định đến giúp. Vì quý vị có cảm, cảm này là minh cảm. Ứng của họ hoặc là hiển ứng, hoặc là minh ứng. Nhất định có ứng, ứng giúp quý vị khế nhập, đây gọi là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật.

 “Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”. Vô trụ và sanh tâm là cùng một nghĩa. Nên vô trụ chính là sanh tâm, sanh tâm chính là vô trụ. Phàm phu thì sao? Phàm phu coi vô trụ và sanh tâm là hai vấn đề, chứ không phải một vấn đề. Sanh tâm là sanh chân tâm, không phải vọng tâm. Chân tâm sanh như thế nào? Vô trụ sẽ sanh, chân tâm liền hiện tiền. Vô trụ là gì? Chính là chúng ta thường nói: Buông bỏ khởi tâm động niệm phân biệt chấp trước, đây gọi là vô trụ. Chúng ta phiền phức là do ngoan cố không buông bỏ.

 Quý vị xem trong kinh điển đại thừa nói rất hay, buông bỏ chấp trước liền chứng quả A la hán, chứng tỏ A la hán không có chấp trước. Buông bỏ phân biệt liền thành Bồ Tát, Bồ Tát không có phân biệt. Không khởi tâm không động niệm là thành Phật, không khởi tâm không động niệm là vô trụ, chân tâm hiện tiền gọi là thành Phật. Nên vô trụ ở đây là không khởi tâm không động niệm. Không phân biệt không chấp trước vẫn chưa được, vẫn không thể kiến tánh. Không khởi tâm không động niệm sẽ kiến tánh, sanh tâm chính là kiến tánh. Sanh tâm là chân tâm, trong chân tâm không có trụ, trong chân tâm nhất niệm bất sanh. Nên biết rằng trong chân tâm không có khởi tâm động niệm, có khởi tâm động niệm là vọng tâm, không phải chân tâm, đó gọi là A lại da. Chân tâm năng sanh năng hiện, A lại da năng biến, vọng tâm năng biến, cảnh giới này thiên biến vạn hóa, đó là tác dụng của ai? Đó không phải tác dụng của chân tâm, chân tâm như như bất động, hiện tượng mà chân tâm hiện là vĩnh hằng bất biến.

 Thế giới Cực Lạc, chúng ta đến thế giới Cực Lạc, điều đầu tiên là hiện thân tướng, thân tướng này vĩnh hằng bất biến. Vì sao vậy? Nó là tâm hiện, trong đây không có thức. Tuy thọ mạng ba đại a tăng kỳ kiếp, nhưng nhìn thấy là trẻ mãi không có biến hóa, không có biến hóa của sự già yếu, không có biến hóa của bệnh khổ, không có biến hóa của sanh tử, không có, thật là trường sanh bất lão. Người thế gian trường sanh phải lão hóa, còn ở thế giới này bất lão, bất lão nên họ không có vọng tâm. Hay nói cách khác họ không có khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước. Thân bất lão, cây cỏ hoa lá bất lão, sơn hà đại địa bất lão, vĩnh viễn giữ nét thanh xuân, là thật ư? Là thật, chỉ cần không dùng vọng tâm sẽ đạt được.

 Thế giới ngày nay của chúng ta, thế giới là tâm thức chúng ta biến hiện ra, nhưng tâm hiện ra mà không làm chủ, ai làm chủ? Vọng tâm làm chủ, chính là vọng tưởng phân biệt chấp trước làm chủ, điều này rất phiền phức, trôi lăn trong lục đạo. Thân tâm thế giới có nhiễm tịnh, có thiện ác, những thứ này đều hiện ra hết.

 Hiểu rõ đạo lý và chân tướng sự thật này, chúng ta có thể thay đổi chính mình, thay đổi từ đâu? Thay đổi từ tâm, phải đưa tâm chúng ta về với sự thuần tịnh thuần thiện. Thuần tịnh là chân tâm, chính là không khởi tâm không động niệm, không phân biệt không chấp trước. Thuần thiện là không dùng vọng tâm, không dùng vọng tâm trong đại thừa Phật giáo gọi là chuyển thức thành trí. Chúng ta chuyển A lại da, chuyển bằng cách nào? Không dùng nó tức là chuyển, tự nhiên chuyển, chính là đừng dùng nó.

 Không phân biệt đối với tất cả pháp thế xuất thế gian, là chuyển thức thứ sáu. Không chấp trước là chuyển thức thứ bảy. Không khởi tâm không động niệm chuyển A lại da. Lục căn đối với cảnh giới lục trần bên ngoài rõ ràng phân minh, đây là trí tuệ quán chiếu, thấu suốt rõ ràng, phân minh sáng tỏ, như như bất động. Như như bất động là tự tánh vốn định, rõ ràng thấu triệt là đức dụng của trí tuệ. Khi đang khởi tác dụng, không có phân biệt chấp trước, cũng không khởi tâm động niệm.

 Lúc Đức Thế Tôn còn tại thế, ngài biểu diễn cho chúng ta suốt 80 năm, nhưng chúng ta không nhận ra được, đại Bồ Tát nhận ra được. Đức Thế Tôn giống như bận rộn từ sáng đến tối, quý vị xem một ngày ngài tiếp xúc bao nhiêu người? Học trò của ngài có 1250 vị thường tùy tùng, Phật đến đâu họ theo đến đó, chưa từng rời xa, đây là số người cố định. Không cố định còn nhiều hơn. Thân cận Đức Phật một tháng, nữa tháng, hai tháng, ba tháng, một năm nữa năm rồi ra đi, số người này không biết bao nhiêu. Trong kinh ghi chép là 1250 người, số người này thường tùy tùng, không bao giờ xa Phật. Một đoàn thể lớn như vậy, mỗi người đều muốn đến thỉnh giáo Đức Phật, bất cứ vấn đề gì đều đến hỏi ngài, còn có người nghe danh mộ danh ngài mà từ xa đến tham bái, là khách quý của Đức Thế Tôn. Quý vị xem một ngày từ sáng bận rộn đến tối. Đây là phàm phu chúng ta nhìn thấy. Nếu bát địa Bồ Tát nhìn thấy, Đức Thế Tôn từ sáng đến tôi không hề động, không khởi tâm không động niệm, không phân biệt không chấp trước, bản thân đích thực trú trong tự tánh bổn định, tức giống như ngài Huệ Năng nhìn thấy vậy, ngài nhìn thấy gì? Ngài thấy thanh tịnh không có ô nhiễm, nhìn thấy nó bất sanh bất diệt. Bất sanh bất diệt này chính là không khởi tâm không động niệm. Nhìn thấy Đức Thế Tôn vốn tự đầy đủ, những phương pháp trí tuệ mà ngài giáo hóa chúng sanh, phương tiện thiện xảo, ứng đối trôi chảy. Ngài không hề chuẩn bị, cũng không học, tự nhiên trả lời quý vị, đó là gì? Vốn tự đầy đủ, thấy Đức Thế Tôn bận rộn như vậy, nhưng vốn không dao động. Ngài giúp chúng sanh chính là xuất sanh vô tận, chính là năng sanh vạn pháp. Ngài Huệ Năng thấy được điều này! Năm câu nói 20 chữ đã miêu tả thể tướng dụng của tánh đức, chưa vào cảnh giới này không thể nói ra được. Bởi vậy ngũ tổ Hoằng Nhẫn nghe báo cáo của ngài Huệ Năng, được rồi, khồn cần nói nữa. Liền đem y bát truyền cho ngài, làm tổ sư đời thứ sáu của Thiền tông. Đây tuyệt đối không phải là cảnh giới của người bình thường. Thần Tú cũng không đạt được. Ngài Thần Tú theo học với ngũ tổ Hoằng Nhẫn cũng có hai ba mươi năm mà chưa nhập cảnh giới. Ngài Hoằng Nhẫn truyền pháp chưa bao lâu thì vãng sanh.

 Bên dưới là: “Trung biểu tương ưng”. Trung là nội tâm, biểu là biểu hiện bên ngoài. Tâm Bồ Tát khế nhập trung đạo, được bên trong mà hiện ra bên ngoài, nên biểu hiện và nội tâm đều nhất như, tự nhiên tương ưng. Không cần sắp đặt tạo tác, mà tự nhiên nghiêm chỉnh. Nghiêm là nghiêm chỉnh, chỉnh là chỉnh tề, không chút lẫn lộn, biểu hiện ra bên ngoài như vậy.

 Điều này nhà Phật gọi là công đức. Công là công phu tu hành, đức là gì? Đức chính là tự nhiên nghiêm chỉnh. Tự nhiên là tánh đức, không cần thiết kế, không cần tưởng tượng, không cần thiết. Ngày nay chúng ta kiến tạo một đô thị, hay kiến tạo một phòng ốc, muốn thiết kế như thế nào phải động não suy nghĩ. Phật Bồ Tát không nghĩ gì cả, mà sự trang nghiêm của ngài, chúng ta không tưởng tượng đến được. Chúng ta không thể tưởng tượng được, nghĩ như thế nào cũng nghĩ không ra sự viên mãn như thế, đây là đạo lý gì? Là tự tánh viên mãn, quý vị tưởng tượng là phá hoại nó. Ngày nay chúng ta gọi là phá hoại tự nhiên. Ý niệm vừa động lập tức tự nhiên bị phá hoại.

 Quý vị có nghĩ đến, khi người mẹ đang mang thai, trong kinh Phật gọi thai đó là danh sắc, danh sắc là gì? Danh là có thọ tưởng hành thức, sắc là đống vật chất, nó chưa có mắt tai mũi lưỡi thân. Vì sao khi sanh ra thì ngũ tạng đã đầy đủ, nhãn nhĩ tỷ thiệt thân cũng không thiếu thứ nào, điều này kỳ diệu biết bao, sao nó lại mọc ra đầy đủ? Là tự nhiên nghiêm chỉnh. Nếu như phải thiết kế, tưởng tượng, như vậy khi sanh ra sẽ biến thành yêu quái, phá hoại là hỏng rồi, như vậy là hủy hoại nó, nên phải tự nhiên nghiêm chỉnh.

 Quý vị xem gà con, trứng gà, nó ấp ra chính là gà, vịt thì nó ấp ra vịt. Quý vị thử nghĩ xem đó là tự nhiên, tự nhiên nghiêm chỉnh, không thể phá hoại nó! Con người bây giờ bắt đầu phá hoại, tự tạo ra gen, gen chính là phá hoại tự nhiên, vấn đề này rất nghiêm trọng. Kết quả của sự nghiêm trọng này, kết quả về sau nhất định xuất hiện quả báo bất thiện, đây chính là trái với tự nhiên. Đại tự nhiên là tốt đẹp nhất, viên mãn nhất, bốn chữ tự nhiên nghiêm chỉnh này rất vị diệu nói không cùng tận!

 Đoạn kinh văn từ tự nhiên nghiêm chỉnh cho đến không có ưu tư, trong đó “chủng chủng diệu đức của Bồ Tát, đều vì thích hợp trong đó mà tự nhiên thành tựu”. Người bây giờ khởi tâm động niệm, chính là nghĩ làm sao để phá hoại tự nhiên, vì sao vậy? Vì họ có thể thắng thiên, nói rằng nhân định thắng thiên, họ muốn từ tư tưởng của mình thay đổi tự nhiên. Hiện nay họ còn phát hiện gen muốn thay đổi sinh thái tự nhiên. Mới bắt đầu là từ gen của động vật, thay đổi sanh thái của nó. Từ trên gen thực vật thay đổi hoa quả của nó, khi con người ăn vào đều mắc bệnh lạ, sức khỏe không tốt chính là do ăn những thức ăn này, lục phủ ngũ tạng đều sinh bệnh. Người xưa gọi như vậy là khuyết đức, việc khuyết đức này đã làm đến tận cùng! Không có việc gì khuyết đức bằng việc này\_Quả báo, chư vị học Phật có thể tưởng tượng được, họ sẽ gặp quả báo như thế nào.

 Bên dưới nói: Nghiêm chỉnh là nghiêm túc tề chỉnh, chỉ oai nghi của thánh chúng họ biểu hiện ra bên ngoài trang nghiêm tề chỉnh. “Kiểm điểm và thúc liễm đoan trực, tức nội dung nghiêm chỉnh”, biểu hiện ra bên ngoài là nghiêm chỉnh, biểu hiện ở bên trong là nội tâm kiểm liễm đoan trực. “Kiểm là kiểm thúc không để phân tán”, tinh thần ý chí tâm niệm có thể tập trung, chính là có thể chế vào một nơi.

 Ở trong này chúng ta tự nhiên sẽ nghĩ đến, tất cả Bồ Tát ở thế giới tây phương Cực Lạc, tâm niệm đều tập trung vào Phật A Di Đà, vì sao vậy? Vì họ thật sự hiểu câu Phật hiệu này, là cương lĩnh chung, mấu chốt chung của đại pháp mà tất cả chư Phật chứng được. Câu Phật hiệu này bao hàm vô lượng pháp môn của tất cả Chư Phật trong ba đời mười phương, đều ở trong câu Phật hiệu này. Họ thật sự đạt được tổng trì. Chúng ta ngày nay pháp môn vi diệu ở ngay trước mắt mà không nhận ra, vậy mà còn học cái này, học cái kia, không nhận ra.

 Liễm là thúc liễm. Nên trong kinh nói kiểm điểm, thúc liễm thì mắt tai mũi lưỡi đều tự nhiên đoan chánh”, chính là ý này. Nghĩa là tuy tiếp thu nghe nhìn cảnh giới bên ngoài nhưng đoạn tuyệt các duyên”. Ông Bladen người Mỹ bảo chúng ta đoan chánh tâm niệm, cũng chính là ý này. Cải tà quy chánh, bỏ ác dương thiện có thể hóa giải thiên tai!

 Dù cảm nhận thấy nghe nhưng không bị các duyên bên ngoài chi phối, ý này giống như Bồ Tát Đại Thế Chí đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục. Cách nói không giống nhau, nhưng ý nghĩa hoàn toàn tương đồng. Trong kinh này lại nói: “Mắt tai mũi lưỡi đều tự nhiên đoan chánh”, nghĩa là đô nhiếp lục căn tịnh niệm tương tục. Đối với bản thân có thể hóa giải tất cả bệnh khổ thiên tai. Mạnh khỏe trường thọ hạnh phúc, là điều bản thân có thể cầu được. Đối với bên ngoài có thể hóa giải thiên tai của sơn hà đại địa, không thể hoàn toàn hóa giải, nhưng chắc chắn giảm nhẹ rất nhiều, thiên tai không đến nỗi nghiêm trọng.

 Nên nhớ Đức Phật thường nói cảnh tùy tâm chuyển, câu này là thật không phải giả. Cảnh giới bên ngoài thay đổi tùy theo ý niệm của chúng ta. Ý niệm thiện đều biến thành thiện, ý niệm ác tất cả đều biến thành ác.

 Ngày nay trên địa cầu rất nhiều điều không hay xảy ra, là do con người có ý niệm thiện quá ít, người bất thiện quá nhiều, nên đã trở nên như vậy. Khi thiên tai xuất hiện mỗi người đều sợ hãi. Nhất định phải biết thiên tai này liên quan đến khởi tâm động niệm của chính mình, không phải không liên quan. Quý vị muốn cứu bản thân thì phải hồi tâm chuyển ý, không còn có ý niệm ác, không còn có hành vi ác.

 Nguồn gốc của vạn vật chính là từ dục vọng, trong dục vọng nghiêm trọng nhất là tham tài tham sắc. Bởi thế trong kinh điển thường đặt nó ở đầu tiên, nó nghiêm trọng nhất, nên tu hành việc đầu tiên là buông bỏ nó, mới có thể tương ưng với đạo. Không buông bỏ sẽ không tương ưng với đạo.

 Đoan là đoan chánh, trực là không cong quẹo, có nghĩa là chánh trực. Nên đoan nghiêm chánh trực, là chỉ oai nghi đoan trang bên ngoài của thân. Con người phải giữ lễ, học Phật phải trì giới, oai nghi giới luật của nhà Phật. Oai nghi cũng chính là lễ tiết, ý nghĩa giống với lễ của Nho giáo. Giới sa di có mười điều, oai nghi có 24 loại cần phải học, chính là 24 thiên oai nghi, mới hiển lộ đoan trang, đoan chánh trang nghiêm của họ.

 Bên trong chỉ tâm ý chánh trực, chính là trên đề kinh nói: Thanh tịnh bình đẳng giác. Phải dùng tâm thanh tịnh bình đẳng giác để xử sự đối nhân tiếp vật, phải dùng tâm thanh tịnh bình đẳng giác để sống trong cuộc sống, đây chính là thân tâm đều đoan chánh. Phải bắt đầu từ nội tâm, tâm chánh thì hành vi bên ngoài tự nhiên đoan chánh. “Thân tâm tịnh khiết, không có tham ái”, có ái có tham thân liền ô nhiễm, tức không sạch sẽ, đã bị ô nhiễm. Nên phải hạ thủ từ chỗ này.

 Phải biết khế nhập trung đạo, tức sắc bất dị không, không bất dị sắc, chiếu soi phá tận khách trần, tự nhiên rời tham ái. Không có tham nhiễm, thân tâm tự nhiên tịnh khiết. Hai câu trong Tâm Kinh: “Sắc bất dị không, không bất dị sắc. Sắc tức thị không, không tức thị sắc”, đây là gì? Dạy chúng ta nhìn thấu, khi nhìn thấu rồi tự nhiên sẽ buông bỏ. Buông bỏ điều gì? Buông bỏ tham ái, buông bỏ năm độc tham sân si mạn nghi.

 Sắc là gì? Là hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần và hiện tượng tự nhiên, đều dùng một chữ này để tượng trưng. Tất cả mọi hiện tượng vật chất, hiện tượng tự nhiên, hiện tượng tinh thần đều đầy đủ, nhưng bất khả đắc. Đức Thế Tôn nói đến vấn đề này suốt 22 năm, nói về bát nhã, không dễ hiểu. Tuy nói suốt 22 năm, nhưng người hiểu sơ sơ thì nhiều, còn người thấu hiểu triệt để không nhiều. Người thông suốt triệt để đều đã chứng quả, người hiểu qua loa thì trồng được chút ít thiện căn. Đây là chủng tánh của đại thừa, đích thực rất khó hiểu. Nó tượng trưng cho tất cả vạn pháp khắp biến pháp giới hư không giới, vì sao vậy? Dùng lời của các nhà khoa học ngày nay: Giữa vũ trụ này không có gì ngoài vật chất, tin tức, năng lượng, họ cho rằng giữa vũ trụ chỉ có ba loại này, vạn sự vạn vật đều do ba loại này tổ hợp thành.

 Năng lượng là nghiệp tướng của A lại da, tin tức là chuyển tướng của A lại da, vật chất là cảnh giới tướng của A lại da. Hiện nay đã được các nhà khoa học phát hiện, hoàn toàn giống như Phật pháp nói, danh từ khác nhau nhưng cùng một việc, tất cả những thứ này đều liễu bất khả đắc. Tất cả mọi hiện tượng đều sanh ra từ hiện tượng dao động, dao động này chính là nghiệp tướng, là năng lượng. Tần suất không tương đồng, không hoàn toàn tương đồng, tốc độ cũng không hoàn toàn tương đồng, các nhà khoa học nói tốc độ cực kỳ nhanh.

 Tuy Bồ Tát Di Lặc đã nói ra con số, nhưng chúng ta nên biết trong con số này có tăng giảm, chắc chắn không phải giữ nguyên chữ số này, có lúc nhiều, có lúc ít. Nhưng có thể dùng một câu chung chung để hình dung nó, đích thực tần suất nó rất nhanh g, quá nhanh. Lục căn chúng ta không duyên được nó, vì tốc độ quá nhanh, nên mới nói: “Sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc”, đều bất khả đắc.

 Khách trần chính là vạn pháp, dùng hai chữ này tượng trưng vạn pháp, nó giống như khách vậy. Khách không thể ở đây lâu, mấy ngày rồi ra đi. Trần là vi trần, không trung có những vi trần, nó cũng không ở lâu dài, đều là tượng trưng biến hóa rất nhanh, tượng trưng cho ý này, hiểu rõ sắc không giống như khách trần vậy, không ở lâu dài. Nên tự nhiên không còn chấp trước, đối với nó không sanh khởi tham ái, vì nó chớp mắt là không còn, là không.

 Nên sau khi nhìn thấu, mới thật sự buông bỏ được. Buông bỏ rồi tâm liền thanh tịnh, không có nhiễm trước, không còn tham nhiễm. Nhiễm của tham, nhiễm của sân, nhiễm của si, nhiễm của mạn, nhiễm của nghi, không có những nhiễm trước này, thân tâm tự nhiên khiết tịnh. Như vậy chúng ta đã biết những thứ này không buông không được, không buông chúng ta sẽ có bệnh khổ, sẽ có sanh tử và luân hồi, đều từ đây mà có. Nếu như thật sự buông bỏ, bệnh khổ không còn, sanh tử không còn, luân hồi cũng không còn. Chúng ta có thể di chuyển đến thế giới Cực Lạc, đến đó là viên thành bồ đề, trở về tự tánh, trở về tự tánh chính là chứng được quả Phật cứu cánh.

 Nếu chúng ta muốn đạt được thành tựu như vậy, thành tựu này có thể làm thỏa đáng ngay trong đời này. Hạng người này là ai, người này gọi là đại anh hùng, anh hùng nghĩa là gì? Là họ làm được những gì người khác không làm được. Nói thực tế thì người người đều có thể làm được, chỉ xem quý vị có chịu buông bỏ hay không? Mấu chốt chịu buông bỏ hay không chính là quý vị đã thật sự nhìn thấu hay không? Thật sự nhìn thấu, tự nhiên sẽ buông bỏ.

 Trong kinh nói rất rõ ràng, không buông được là vì chưa nhìn thấu. Lời dạy này là trước đây đại sư Chương Gia nói với tôi, ông nói Phật pháp khó hiểu dễ hành, dễ buông bỏ, vì sao buông bỏ lại khó như vậy? Vì không biết nó, cho nên thấu triệt nó sẽ buông bỏ ngay lập tức.

 Do đó chúng ta thật sự lãnh hội được Phật pháp là gì? Phật pháp là giáo dục. Giáo dục về vấn đề gì? Dạy chúng ta hiểu rõ chân tướng của nhân sinh vũ trụ, đó tức là nhìn thấu, thấu hiểu triệt để nguồn gốc của nhân sinh vũ trụ. Hiểu rõ ràng minh bạch, như vậy là nhìn thấu. Khi nhìn thấu liền được tự tại, vì sao được tự tại? Vì không còn tham trước nên được đại tự tại. Người thế gian không tự tại là vì có tham sân si mạn nghi, khi hiểu rõ vấn đề sẽ đoạn tận tất cả tham sân si mạn nghi, quét sạch tất cả, làm sao không tự tại? Liền được đại tự tại! Buông bỏ triệt để.

 Khi đã buông bỏ, nhất định khế nhập cảnh giới Chư Phật Bồ Tát, cảnh giới này chính là cảnh giới của tự tánh, cảnh giới của tánh đức tự tánh. Chưa từng học những thứ này, tuy chưa học nhưng họ đều biểu hiện ra bên ngoài. Như những điều cổ nhân nói, ngũ luân, ngũ thường tự nhiên hiện tiền, không ai dạy, tự nhiên biết hết tất cả, tận hiếu với cha mẹ, tận trung với lãnh đạo, giữ chữ tín với bạn bè, có lòng yêu thương với tất cả chúng sanh, họ biểu hiện ra một cách tự nhiên. Không ai dạy, chưa từng học nhưng nó hoàn toàn thể hiện ra.

 Lục tổ Huệ Năng vạn đức vạn năng, ngài có học qua chăng? Chưa từng học, cũng không ai dạy ngài. Nhưng đều biểu hiện ra trong cuộc sống, trong xử sự đối nhân tiếp vật, và trong một đời sau này chính thức thế độ xuất gia hoằng pháp của ngài, hoàn toàn là tánh đức tự nhiên hiển lộ ra. Hay nói cách khác, khi nhìn thấu thì tất cả những cái ban sơ đều hiện thành, thế nên nhìn thấu quan trọng nhất!

 Chúng ta xem tiếp kinh văn: “Chí nguyện an định, vô tăng khuyết giảm”, an có rất nhiều ý nghĩa. “An giả, cụ tĩnh, định, chỉ, ninh, lạc, thiện, vô sở cầu vi chư thiện”. Có nhiều nghĩa như vậy ở trong đó. Vô sở cầu, có sở cầu sẽ bất an, vô sở cầu sẽ an. Nên Đức Phật dạy chúng ta tùy duyên, tùy duyên sẽ an, vì sao vậy? Vì chúng ta vô cầu. Phan duyên sẽ bất an, phan duyên là có sở cầu. An đáng quý nhất trong các pháp thế xuất thế, trong pháp thế gian cũng đáng quý, trong pháp xuất thế gian cũng đáng quý, nên chúng ta phải an.

 An từ đâu mà có? An là quả báo. Nhân của an là gì? Là bình, người xưa gọi là bình an. Nếu tâm không bình sẽ không đạt được an, tâm không bình cũng không đạt được hòa, người xưa gọi hòa bình, bình an. Chúng ta cũng thường nói hòa bình an định. Đầu tiên phải hòa khí, hòa là nhân, bình là quả. Bình là nhân, an là quả. An là nhân, lạc là quả, đây là hòa bình an lạc. Thế nên Đức Phật dạy chúng ta về lục hòa kính, các bậc cổ đức dạy chúng ta nhân ái hòa bình, bên dưới hòa bình có an lạc. Xã hội hiện nay sở dĩ bất bình là vì không có hòa, sở dĩ bất an là vì bất bình. Bất an con người sẽ chịu khổ, không vui.

 Chúng ta bình tĩnh quan sát tường tận, có thể lãnh hội được, có thể phát hiện được trí tuệ của các bậc thánh hiền, hiện nay chúng ta không đạt đến. Người bây giờ tự cho mình thông minh nên ngạo mạn, khinh thị thánh hiền, cho rằng mình hay hơn họ. Phát minh của khoa học hiện nay xóa bỏ tất cả những gì cổ nhân truyền lại. Hiện nay văn minh tiên tiến đem đến cho chúng ta điều gì? Hiện nay tâm chúng ta rất hoang mang, vì sao vậy? Vì địa cầu sắp hủy diệt, sắp tận thế, thế giới tận thế, địa cầu hủy diệt. Chư vị thánh hiền đem đến cho chúng ta là hòa bình an lạc, rốt cuộc là ai có trí tuệ ai thông minh? Chúng ta nên suy nghĩ lại, nổ lực chất vấn về vấn đề này. Chúng ta nên khôi phục sự tôn trọng đối với cổ nhân, khẳng định đối với cổ nhân. Trí tuệ của họ, lý niệm của họ, phương pháp của họ, đức hạnh của họ, thành tựu của họ trong quá khứ. Phải tìm lại tâm thành kính trong tánh đức của chúng ta! Một phần thành kính được một phần lợi ích, chúng ta có thể học được một phần kiến thức. Mười phần thành kính, chúng ta có mười phần thu hoạch, còn như không có thành kính chúng ta không học được gì cả. Phật Bồ Tát đến dạy cũng vô ích, Khổng lão phu tử đến dạy quý vị cũng không hiểu. Thật sự có tâm thành kính, không có thầy cũng có thể học được, điều này ngài Huệ Năng làm tấm gương tốt nhất cho chúng ta noi theo, dựa vào điều gì?

 Tôi xem Pháp Bảo Đàn Kinh đã lãnh hội được một điều rằng: Ngài Huệ Năng đối với Ngũ tổ Hoằng Nhẫn, đối với Phật pháp có vạn phần thành kính. Nên tuy thời gian rất ngắn, nhưng hiệu quả ngài đạt được là vạn phần thành tựu, vạn phần lợi ích. Tu học, thành kính là then chốt. Một đời của con người ở trong xã hội, thành công hay thất bại, mấu chốt cũng là ở chỗ thành kính, người thành kính làm gì có lý không thành công!

 Định là quyết định, kiên định, không có dao động biến dị, đây là đức lớn. Bất luận trong hoàn cảnh nào họ đều không dao động, đều không thay đổi. Thay đổi, hoặc biến dị là họ không có định công. Không có định công, những gì họ học được chỉ là cái vỏ bên ngoài, không vượt qua được sự cám dổ, như vậy làm sao họ không động tâm trước cao danh hậu lợi được? Bởi thế động tâm là bình thường, chúng ta không thể trách những người này.

 Trong kinh này Đức Phật dạy chúng ta, ở sau chúng ta sẽ học đến: “Tiên nhân bất thiện, bất thức đạo đức, vô hữu ngữ giả, thù vô quái dã”. Đức Phật dạy chúng ta đừng trách những người này, vong ân phụ nghĩa, lập trường không vững, không thể trách họ, vì sao vậy? Vì chúng ta đã bỏ quên nền giáo dục thánh hiền rất nhiều đời rồi!

 Lần này tôi đến Nhật bản, lần đầu tiên đến Nhật bản giảng kinh, pháp sư bên đó nói với tôi: 400 năm trước, các bậc tổ sư trong những ngôi chùa ở Nhật đều giảng kinh, tôi tin điều này. Vì sao vậy? Vì tôi thấy trong Đại Tạng Kinh, các chú sớ của các vị Tổ sư Nhật Bản được cất giữ trong Đại Tạng. Chúng tôi thấy vậy nên không hoài nghi 400 năm trước, nó suy yếu là vào 400 năm sau này. Nhìn lại Trung quốc, Trung quốc vào khoảng 150 năm trước, nếu suy đoán tiếp thì khoảng 200 năm trước, pháp sư trong tự viện am đường giảng kinh rất nhiều, cũng chính là 200 năm gần đây đã bỏ quên, đã biến chất. Bởi thế ngày nay những người này dao động biến dị, nhất định đừng trách họ, phải thương xót họ, vì sao vậy? Vì định luật nhân quả khó tránh.

 Chư Phật Bồ Tát hiểu được nên tha thứ cho họ, nhưng không tránh được nhân quả, quả báo không tốt. Nghĩ đến quả báo của họ, chúng ta liền sanh tâm lân mẫn, không trách cứ họ. Làm sao để cứu vãn? Nhất định phải khôi phục lại nền giáo dục, khôi phục lại truyền thống giáo dục mới được. Giáo dục hiện nay, chỉ là một loại giáo dục khoa học kỹ thuật, không có luân lý đạo đức. Ở phương tây, từ mẫu giáo đến đại học, nghiên cứu sở, không có giáo dục luân lý đạo đức.

 Tôi ở Úc gặp một vị giáo thọ người Mỹ, dạy học ở trường đại học Queensland, cũng là một vị giáo thọ rất nổi tiếng, rất có địa vị. Tôi thỉnh giáo với ông ta, tôi nói giáo dục của Mỹ từ mẫu giáo đến nghiên cứu sở, phải chăng đều dạy cạnh tranh? Ông ta nói: Đúng vậy. Không nói đến luân lý, không nói đến đạo đưc, cũng không nói đến nhân quả? Đúng vậy. Không nói đến giáo dục Tôn giáo? Đúng thế. Như vậy thì rất phiền phức. Người làm việc tri thức có, có năng lực, nhưng trí thức làm người không có, không biết làm người, do đó giết cha giết mẹ là chuyện thường nghe đến. Vì sao vậy? Vì họ lấy nhân bản làm lý niệm, nghĩa là lợi ích của tôi, nếu lợi ích của cha mẹ xung đột với tôi, lợi ích của tôi hơn cha mẹ. Họ đến cha mẹ cũng không cần, lấy mình làm gốc, lợi ích bản thân là hàng đầu, lợi ích người khác đứng thứ hai, khởi tâm động niệm tổn người lợi mình, như vậy thế giới có thể không loạn chăng? Ngày nay do đâu mà thế giới loạn? Do giáo dục, do gia đình dạy mà ra, do nhà trường dạy mà ra, xã hội cũng dạy ra như vậy, tất cả đều biểu diễn như vậy. Từ xã hội động loạn dẫn đến thiên tai cho địa cầu. Nguyên nhân thảm họa địa cầu thông thường chúng ta không biết, họ thường nói đây là hiện tượng đại tự nhiên, có liên quan gì đến khởi tâm động niệm của chúng ta chứ? Hiện nay chỉ có số ít, rất ít các nhà khoa học, họ nghiên cứu lượng tử vật lý, nguyên tử vật lý, có một số trong những người này biết. Ý niệm có liên quan đến thế giới vật chất, không phải không có liên quan.

 Tiến sĩ Giang Bổn Thắng người Nhật làm thí nghiệm nước suốt mười mấy năm, là một chứng minh khoa học rất hay, ông từng báo cáo rất nhiều lần tại Liên Hiệp Quốc. Rất nhiều người đến tham quan phòng thí nghiệm của ông, là thật không phải giả. Những vị học giả tham quan phòng thí nghiệm của ông đều khen ngợi, điều này phù hợp với điều kiện khoa học. Thế nên ngày nay cứu bản thân, cứu gia đình, cứu xã hội, cứu quốc gia, cứu thế giới, cứu địa cầu nhất định phải tìm lại trí tuệ, phương pháp và kinh nghiệm của cổ nhân.

 Tuổi tác tôi đã lớn, không còn muốn làm thêm bất kỳ điều gì nữa, không còn thể lực, không đủ tinh thần thể lực, nên tôi muốn định cư ở đây. Thật khó được, ở đây có mấy vị đồng học hộ trì, họ mua lại một căn nhà lớn gần đây. Chúng tôi có mấy người, nhân số không nhiều, năm sáu người, các bạn trẻ cùng chí hướng cùng nhau học tập. Chúng tôi phân thành ba khoa: một lớp Phật học, một lớp quốc học, một lớp trị yếu. Trị yếu chính là chuyên môn nghiên cứu Quần Thư Trị Yếu. Lớp quốc học là chuyên môn nghiên cứu Quốc Học Trị Yếu. Lớp Phật học chuyên môn nghiên cứu Tịnh tông và kinh luận đại thừa. Chúng tôi chia ra ba lớp, nhân số chỉ năm sáu người, tôi tin rằng 10 năm sau mỗi người đều có thành tựu. Lớp trị yếu, giúp xã hội an định. Lớp quốc học, giúp phục hưng truyền thống văn hóa xưa. Lớp Phật học, giúp mỗi người chúng ta tương lai đều vãng sanh thế giới Cực Lạc, thân cận Phật A Di Đà, viên thành Phật đạo. Ngoài ra đều buông bỏ hết, không làm thêm gì nữa. Điều này chúng ta phải đặc biệt cám ơn\_Bây giờ tôi đến tên họ người ta cũng không biết, một vị đồng tu tặng cho tôi hai bộ sách này, họ tìm được Quần Thư Trị Yếu và tặng cho tôi. Tôi không ngờ còn có một bộ Quốc Học Trị Yếu, đây là bộ sách mà tôi không giám nghĩ đến trong nhiều năm qua, vậy mà họ tìm được, đúng như tưởng tượng của tôi, tôi vô lượng hoan hỷ. Hai bộ sách này đều là đầu năm dân quốc, là sách của hơn 90 năm trước, vô cùng khó được! Bản Quần Thư Trị Yếu bảo tồn rất hoàn chỉnh, còn bộ Quốc Học Trị Yếu rất cũ, có hư tổn, nhưng chữ trong sách vẫn còn nguyên. Lần này tôi đều in mỗi loại mười ngàn bộ, sách đã in xong, có thể vài ngày nữa Quốc Học Trị Yếu được gởi đến. Tôi có được hai bộ sách này như đạt được vật chí bảo! Xã hội chúng ta được cứu, truyền thống văn hóa của chúng ta được cứu. Hy vọng những người đồng học trẻ tuổi, thật sự muốn học, ở chổ chúng tôi có tặng sách miễn phí, quý vị cần có thể đến Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong, ở đó chúng tôi tặng sách. Tôi vô cùng cảm kích vị đồng tu tìm ra hai bộ sách này, tôi chưa gặp mặt họ nên không biết tên của họ, vô cùng cám ơn mấy vị đồng tu này. Tôi biết những bộ sách này, nhưng cho rằng đã thất truyền không bao giờ tìm được nữa, không ngờ còn tìm được hai bộ.

 Chúng ta tiếp tục xem bên dưới: “Thánh chúng cõi này, phát ra những lời thệ nguyện, tự nhiên kiên định, không có lúc tăng lúc giảm, lúc có lúc không. Như trong kinh nói, mặc dù thân chịu trong cảnh khổ, nhưng tâm nguyện không hề thoái chuyển. Đúng là chí nguyện an định, không có trường hợp tăng khuyết giảm”. Là mô phạm rất tốt, tấm gương rất tốt, đây đều là chúng ta cần nên học tập.

 Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

**Hết tập 495**

# Tập 496

Chuyển ngữ: Võ Mai Hoa

Biên tập: Minh Tâm

Thời gian: 14.07.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội – Hongkong

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 618, bắt đầu xem từ hàng thứ tư.

“Cầu đạo hoà chánh, bất ngộ khuynh tà. Hoà giả cụ điệu, hài, ôn, thuận, bình, mục, hợp, đồng, lạc, tương ứng”. Có nhiều ý nghĩa, thực tế có nhiều ý nghĩa như vậy, xin nêu một vài ví dụ, có ẩn chứa nhiều nghĩa trong đó.

“Chánh giả, tòng nhất, chỉ ư nhất dã. Cụ thị, trung, thường, chỉ, hành vô khuynh tà, phương trực bất khúc chư nghĩa”. Chữ chánh có nhiều nghĩa như vậy. Cầu đạo phải hòa chánh, bất ngộ khuynh tà, ở đây đều nói với chúng ta về tâm thái của việc học tập, tâm thái chuẩn xác thì mới có thể đạt được chánh đạo.

 Hành là hành vi, “hành vô khuynh tà, phương trực bất khúc”. Tất cả những điều trên đều phải hội tụ đầy đủ. Hoà về mặt tâm tư mà nói, năng điều, năng hài, năng ôn, năng thuận. Cái chánh này là năng nhất, nhất tâm chánh niệm, hai niệm, ba niệm thì ắt sẽ loạn, mà loạn thì bất chánh. Vì thế nó có chánh, có nhất, có trung, có thường, thường là vĩnh viễn bất biến. Chỉ là dừng ở một điểm nào đó. Trong kinh đức Phật thường dạy chúng ta rằng, “chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện”, cũng có nghĩa là mọi vấn đề đều có thể được giải quyết, chỉ cần tâm dừng ở một chỗ. Nhất không chỉ định một chỗ nào, nghĩa là nhậm nhất, nhậm nhất là trạng thái gì? Chắc chắn là trạng thái thiền định, một thì sẽ định, hai thì sẽ bất định. Vì thế trong thiền tông, biện pháp có vô lượng vô biên, đều khiến cho con người đem tâm thu lại, thu về một nơi, thì định công sẽ xuất hiện, tác dụng của định chính là trí tuệ. Chúng ta biết định đến mức nào là tốt nhất không? Chúng ta thông qua việc học Kinh đại thừa, sự hiểu biết về Kinh Vô Lượng Thọ, mới gọi là biết đúng nghĩa, chỉ dừng lại ở chỗ Phật A Di Đà mới thù thắng không gì sánh bằng. Trong tâm có Phật, ngoài Phật ra, không có gì cả, nhất định là hoà chính, bất ngộ khuynh tà. Cầu đạo là cầu minh tâm kiến tính, niệm Phật chắc chắn có thể minh tâm kiến tính.

 Tiếp sau đây xin nói về “cực lạc thánh chúng”, người ở đó, tâm trạng, tính tình của họ, “hoà bình trung chánh, dĩ cầu vô thượng chi đạo, cố bất vi khuynh tà sở ngộ”. Khuynh tà sẽ đựơc giải thích dưới đây. Khuynh có nghĩa là tà, là cong, tắc là khuynh phục. Tà là tà ác, tà ngoại. “Bỉ độ, thánh chúng bất vi khuynh tà sở ngộ giả”. Tà môn ngoại đạo rất nhiều, nhất là trong thế giới của chúng ta ngày nay, muôn hình muôn vẻ, do vậy người cầu đạo rất dễ đi theo con đường lệch lạc, mà bản thân họ không biết, xem tà là chánh, đến khi giác ngộ ra thì đã quá muộn. Đối với việc cầu đạo, phải hết sức thận trọng, phải có sự chuẩn bị đầy đủ từ trước. Trước hết phải quan sát, mà quan sát phải khách quan, không có thành kiến, mới có thể đủ khả năng phân biệt chánh tà phải trái; ngược lại nếu dùng tình cảm, thành kiến, thì phán đoán sẽ sai lầm. Nên đọc nhiều sách Thánh hiền, lắng nghe sự dạy bảo của Thánh hiền, sẽ có sự hỗ trợ và mang đến cho chúng ta nhiều điều tốt đẹp. Nếu gặp đựơc người thầy giỏi, người Thầy đúng như cổ nhân thường nói “khả ngộ bất khả cầu”, đây là cảm ứng, tâm chúng ta chánh, hành vi của chúng ta chánh. Tiêu chí rất đơn giản để tâm chánh, hành chánh, không màng danh lợi cho bản thân đó là chánh; xen lẫn danh lợi của bản thân vào trong đó thì không dễ gì chánh đựơc, cũng có nghĩa là quí vị rất dễ nhìn nhận sai trái. Buông bỏ danh lợi, tâm ắt sẽ đoan chánh, tâm là nhất, đây là điều quan trọng nhất, chúng ta nên biết điều này.

Họ sở dĩ không bị tà ác, tà ngoại lừa gạt, thay đổi, quả là do vì “tuỳ kinh ước lệnh, bất cảm sa điệt, nhược ư thằng mặc”. Nhược ư thằng mạc là người thật thà, những người này rất trung thực, biết nghe lời, thật sự thực hành, phàm là người hội tụ những ưu điểm này, hầu như không có ai không thành công. Thế giới cực lạc phương tây đều hội tụ, ai ai cũng thật thà, nghe lời, thực hành. Nghe lời ai? Nghe lời Phật.

“Ước giả ước thúc, lệnh giả mệnh lệnh”. Những người này nghe theo lời dạy của kinh Phật, để chế ước hành vi của bản thân, đây chính là trì giới, giới hành thanh tịnh. Sa là ngã, là vấp ngã. Thằng mặc là quy ước, hai thứ này ngày xưa là dụng cụ của người thợ mộc, gỗ muốn cưa thẳng, phải dùng sợi dây mực đen, lấy đinh đóng vào một đầu gỗ, rồi buộc dây mực đen vào kéo thẳng thành một đường đen, sau đó cưa theo đường đen đó, gọi là thằng mặc. Đó là cách của thợ mộc, lấy cách này để làm so sánh. “Dĩ thằng mặc đàn họa chi hắc tuyến, tượng nhân y tuyến thí dĩ phủ cự”. Hoặc là dùng búa, hoặc là dùng cưa, không dám sai sót đến từng li, nếu có một chút sai sót, hai miếng gỗ được cưa sẽ không thể ăn khớp nhau, nên bắt buộc phải tuân thủ cái chuẩn này. Các vị Bồ tát của thế giới cực lạc, họ đối với lời dạy của Phật, giáo lý kinh Phật, “nhược tượng nhân chi vu thằng mặc, y tuyến thi công, bất cảm sảo hữu vi thất. Cố khả miễn vu sa điệt, bất vi khuynh tà sở ngộ”. Giống như sự dụng tâm của thợ mộc, dùng cái này để so sánh với Bồ tát trong thế giới cực lạc, đối với sự dạy bảo của đức Phật Di Đà, và mười phương chư Phật. Đến thế giới cực lạc học tập, thì phạm vi lại càng rộng, chúng ta không thể tưởng tượng nổi**,** họ có thể đồng thời phân vô lượng vô biên thân. Bản thân bất động tại giảng đường của đức Phật A Di Đà, có thể phân vô lượng vô biên thân, đồng thời đến thế giới vô lượng vô biên thân cận với Chư Phật Như Lai. Cúng dường là tu phước, quý vị xem họ tu được bao nhiêu phước báo! Nghe Kinh là tu tuệ, quả thực là phứơc tuệ song tu, thù thắng không gì sánh bằng. Đây là lý do vì sao quý vị đi đến thế giới cực lạc, bảo đảm quý vị một đời thành Phật, quý vị quyết không lùi bước, đạo lý là ở đây. Những thứ này đều là đức Thế Tôn khích lệ chúng ta, dạy bảo chúng ta, nơi này nhất định phải đi. Nếu quý vị không hiểu nó, có sự hoài nghi, thì không thể quyết tâm được; ngược lại nếu quý vị minh tường, hiểu rõ về nó, thì sẽ quyết tâm đến cùng, đời này quyết tâm đi đến thế giới cực lạc, quyết tâm thân cận Phật A Di Đà.

 Phẩm Cần Tu Kiên Trì trong kinh này, tức là đệ tứ thập lục phẩm, nằm ở phía sau, có mấy câu kinh văn như sau: “tuỳ thuận ngã giáo, đương hiếu ư Phật. Vô đắc vi vọng, tăng giảm kinh pháp”. Ý nghĩa giống với đoạn kinh văn này. Hiện nay trở ngại lớn nhất của việc học Phật là tâm thái có vấn đề, vấn đề gì? Không cung kính với Phật. Thực ra đức Phật không yêu cầu chúng ta phải cung kính ngài, nếu đức Phật tham lam ép chúng ta phải cung kính thì là phàm phu chứ không còn là Phật nữa. Thế cung kính rốt cuộc ý là gì? Ý nghĩa của cung kính là thuộc về tánh đức. Chúng ta ngày nay muốn minh tâm kiến tánh, thế minh tâm kiến tánh phải dùng cách nào mới đạt được? Nhất định phải dùng tánh đức, tánh đức và tánh đức cảm ứng lẫn nhau. Tánh đức là chân tâm, chúng ta muốn thấy được bản tánh thì phải dùng chân tâm, vọng tâm sẽ không thấy được; bất cung kính là vọng tâm, do đó vọng tâm thì không thể thấy tánh.

Trong dạy học thời xưa, sự quan sát của thầy đối với học sinh, đây là một điều kiện quan trọng nhất. Người Thầy quan sát thấy học sinh này rất coi trọng môn học, học tập chăm chỉ, tôn trọng thầy và mọi sự giáo huấn trong sách vở, học sinh này chắc chắn sẽ thành công. Lúc đó người thầy thế nào? Người thầy sẽ dày công dạy bảo họ. Ngược lại, nếu học sinh học tập tuỳ tiện, không tôn trọng thầy, thì thầy dù có chú tâm dạy đến mấy, họ cũng không thể tiếp thu được, cái lí là nằm ở đây. Hay nói cách khác, người thầy sẽ xem họ như là học sinh dự thính, không để ý dạy họ, nhưng người thầy vẫn miệt mài dạy những học sinh khác, lúc đó quý vị phải tự thân vận động mà học tập, cái đạo lí này quý vị phải biết. Do đó, sự cung kính chân thành là tánh đức của chúng ta được biểu hiện ra bên ngoài, chứ hoàn toàn không phải do người thầy yêu cầu, nhưng người thầy vẫn có thể nhận ra, họ rốt cuộc tiếp thu được bao nhiêu. Vì thế Ấn Quang đại sư giảng dạy rằng, một phần thành kính đạt được một phần lợi ích, mười phần thành kính thì sẽ có mười phần lợi ích, trăm phần thành kính thì ắt sẽ có trăm phần lợi ích. Do đó, như ở phần trên tôi thường đề cập, ngài Huệ Năng trong phòng phương trượng của Ngũ tổ Hoằng Nhẫn, suốt đời Ngài chỉ nghe lần kinh đó, lần đó lâu nhất cũng chỉ hai tiếng đồng hồ, vào nữa đêm. Kinh Kim Cang chưa giảng xong, đại khái là mới chỉ giảng được một phần ba, giảng đến câu: “ưng vô sở trú nhi sanh kỳ tâm”, Ngài liền minh tâm kiến tánh. Không biết chữ, chưa từng đi học, chưa bao giờ nghe qua kinh Phật, thế tại sao Ngài có thể minh tâm kiến tánh nhanh như vậy? Tôi nói Ngài có vạn phần thành kính, Ngài vừa nghe xong thì Ngài có được vạn phần lợi ích, chính là đạo lí này. Dưới Ngũ tổ Hoằng Nhẫn còn có một người học trò Thần Tú rất nổi tiếng, đi theo Ngũ Tổ khoảng gần 20 năm, đây quả là hiếm thấy, Ông là trợ giảng cho Ngũ Tổ. Do vậy, mọi người đều cho rằng truyền pháp chắc chắn sẽ truyền cho Thần Tú, làm sao thể truyền cho ngài Huệ Năng? Chúng ta có thể nói rằng, Thần Tú chỉ có trăm phần thành kính, nên được hưởng trăm phần lợi ích, ngài Huệ Năng có vạn phần thành kính, nên ngài được hưởng vạn phần lợi ích, đi theo mười mấy năm hay hai mươi năm, chân tâm chưa hiển lộ ra, do đó nghe không hiểu. Tổ Sư ngày nào cũng giảng, ông chưa hiểu hết, ông chỉ nghe loáng thoáng, không hiểu một cách thấu triệt. Ngài Huệ Năng nghe nhiều nhất cũng chỉ hai tiếng đồng hồ, một buổi giảng, đề xuất năm câu báo cáo đầy tâm đắc: “đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh”, không ngờ tự tánh là thanh tịnh, xưa nay chưa bị ô nhiễm, thành Phật không bị ô nhiễm, cho dù ở dưới địa ngục cũng không bị nhiễm, đây là sự thật. “Tự tánh vốn không sanh diệt, vốn tự đầy đủ, vốn không động dao, năng sanh vạn pháp”, nói xong mấy câu, Ngũ Tổ nói: Được rồi! Liền đem Y bát truyền cho ngài, ngài chân nhập cảnh giới. Mấy câu này Thần Tú không nói ra được, hoàn toàn nằm ở hai chữ thành kính.

 Ngày nay đối với giáo dục truyền thống, đối với Phật pháp đại thừa, khiếm khuyết phổ biến nhất hiện nay là thiếu tâm thành kính. Ai có tâm thành kính thì người đó sẽ đạt được, sẽ khiết nhập; không có tâm thành kính, đến việc nghe, thường thức, thường thức Phật học, đến học một chút tri thức, không phải là trí huệ, không thể khai thông trí tuệ. Tâm thành kính có thể đắc định, có thể khai trí tuệ, có thể đại triệt đại ngộ.

 Những câu nói này của Phật, “tuỳ thuận ngã giáo, đương hiếu ư Phật”, tuyệt đối không phải yêu cầu học sinh cung kính với ngài, ý không phải như vậy, đây hoàn toàn là tánh đức của tự tính. Hiếu thuận với cha mẹ là tánh đức, chữ hiếu này bất khả tư nghì, pháp thế xuất thế gian có thể nói rằng được xây dựng trên cơ sở đạo hiếu. Phật pháp là sư đạo, cơ sở của sư đạo là hiếu đạo. Không hiếu vớí cha mẹ, ắt sẽ không hiếu với sư thầy, nếu như họ hiếu với thầy ắt sẽ có mưu đồ gì đó, không phải thành tâm, là giả tạo. Điều này chúng ra không thể không biết. Vì thế học Phật điều đầu tiên là hiếu đạo, tịnh nghiệp tam phước, Đức Phật nói rất rõ, câu đầu tiên trong điều đầu tiên là: “hiếu dưỡng phụ mẫu”, câu thứ hai mới là “phụng sự sư trưởng”. Thứ nhất là phải hiếu với cha mẹ, thứ hai là hiếu thảo với Phật, chứ không phải đem Phật đặt ở vị trí đầu tiên, mà đem cha mẹ đặt ở vị trí thứ nhất. Vì vậy Phật pháp là sư đạo, sư đạo được xây dựng trên cơ sở của hiếu đạo. Từ cái lý này, chúng ta hiểu rõ rằng, những đệ tử của Phật Thích Ca truyền pháp, sau khi đức Phật diệt độ, đệ tử bốn phương tám hướng đi hoằng dương chánh pháp, từ bi dạy học giống như đức Phật. Nhưng chúng ta thấy kết quả của nó là: có một số nơi một hai trăm năm thì không còn nữa, có một số nơi ba, bốn trăm năm sau, có một số nơi sáu, bảy trăm năm sau thì sẽ không còn, còn có một số nơi có thể duy trì hơn ngàn năm, nhưng cuối cùng cũng không còn nữa. Duy chỉ có ở Trung Quốc gần hai ngàn năm, do nguyên nhân gì? Trung Quốc nền móng tốt, người Trung Quốc coi trọng hiếu đạo, nền móng này hay quá. Nơi khác không coi trọng hiếu đạo, vì thế nó không trường cửu; duy chỉ có những nơi giảng về hiếu đạo, Phật pháp sẽ ở mãi với đời, cái lý là ở chỗ này đây. Đây là điều rất rõ ràng, chúng ta ai cũng nhìn thấy được.

 Nếu chúng ta hiện nay vứt bỏ hiếu đạo, Trung Quốc bỏ hiếu đạo, khoảng 150 năm. Trong 150 năm, 50 năm đầu tiên xem nhẹ, cũng có nghĩa là không coi trọng, dù có bàn đến đi nữa, cũng không có cách gì thực hiện đựơc. 50 năm tiếp theo là nước Dân Quốc, Dân Quốc hiện nay là 100 năm, 50 năm trước thời Dân Quốc, mặc dù có nói đến, nhưng không có ai thực hiện, có nói đến nhưng không ai làm. 50 năm gần đây, người nói đến cũng không có, chứ đừng nói gì đến làm, đây là nguy cơ. Thêm 50 năm nữa sẽ bị huỷ diệt, hiếu đạo không còn tồn tại nữa, hiếu đạo không tồn tại, thì Phật pháp sẽ không tồn tại, sẽ bị diệt vong. Văn hoá truyền thống không còn nữa, Phật pháp không còn, con người sẽ phải chịu khổ, không thể đến thế gian này nữa, quá đau buồn, khi đó tai nạn gì cũng có, thiên tai nhân họa đều xảy ra. Vì thế ngày nay phải cố gắng cứu vãn tình thế này, công đức đó là vô lượng vô biên, không gì quan trọng bằng việc này. Vậy chúng ta cữu vãn bằng cách nào? Việc cứu vãn phải dựa vào thanh niên. Thanh niên có thiện căn, thiện căn này không của kiếp này, mà là được tu tích từ kiếp trước, người có thiện căn họ sẽ đến. Đây là gốc, gặp phải duyên phận tốt, phải có người dạy cho họ, giúp đỡ họ, gọi là ngoại duyên. Đây là công việc khẩn cấp mà chúng ta phải làm, gánh nặng này, chúng ta phải toàn tâm toàn lực giúp đỡ họ. Bảo tồn điển tích, đây là điều mà chúng ta có thể làm được, ngày nay có tiền thì có thể làm được.

 Chúng tôi trong hai năm lại đây, mua một trăm bộ Tứ Khố Toàn Thư của nhà xuất bản Thương Vụ, mua hai trăm bộ Tứ Khố Hội Yếu của nhà xuất bản Thế giới. Tứ Khố Toàn Thư sách đã được giao, Tứ Khố Hội Yếu khoảng hai tháng sau sẽ giao sách, hai việc lớn này chúng tôi chi trả 10 triệu đôla. Quần Thư Trị Yếu mười ngàn bộ, Quốc Học Trị Yếu 10 ngàn bộ đều đang phát hành, đây là vì cái gì? Là vì bảo tồn điển tích. Thời xưa các điển tích nổi tiếng của các triều đại, nhiều người biết, hiệu sách đều phát hành, đều lưu hành. Nhưng nay lại thành thứ bị ruồng bỏ, ít người biết, chúng ta phải tích cực đề xướng, tuyền truyền quảng bá. Có được người học, có người học nghiêm túc, không cần nhiều, ba người, năm người cũng là nhiều rồi, chỉ cần có người thật học. Chúng ta không thể kỳ vọng đời sau sẽ có được thành tựu tươi sáng, có lẽ không làm được. Giống như ngài tổ sư Đạt Ma đến Trung Quốc, đến đời thứ 6 mới đơm hoa kết trái, năm đời trước đều đơn truyền, chỉ truyền được cho một người, người này tiếp tục truyền cho người kia, cái đạo này không bị đoạn tuyệt. Do vậy chúng ta phải hiểu đạo lý này, gặt hái kết quả ít nhất cũng phải đến ba đời, chúng ta không nhìn thấy được. Chúng ta bồi dưỡng đời sau, đời sau lại bồi dưỡng đời sau nữa, dần dần người được giác ngộ sẽ nhiều lên, mới đến lúc đơm hoa kết trái. Quyết định không thể bởi chúng ta hiện nay đang học, xã hội sẽ nhanh chóng an định, thế giới sẽ hoà bình, tai nạn sẽ được hoá giải, đâu có nhanh như vậy, đó là điều không thể. Vì thế việc này chúng ta phải làm, không làm thì đời sau sẽ không còn nữa, quyết tâm làm, cho dù có khó nhọc, gian nan đến đâu cũng phải làm.

Đây là nói đến “tuỳ thuận ngã giáo, đương hiếu ư Phật, vô đắc vi vọng, tăng giảm kinh pháp”. Kinh điển chúng ta nhất định phải bảo tồn nguyên văn, không được chỉnh sửa. Việc tăng giảm kinh pháp nghĩa là thay đổi nó một cách tuỳ tiện, thêm vài chữ, bỏ vài đoạn, đều không thể được, điều đó đều gây ra tổn thất rất lớn.

 Dưới đây, đều là lời Phật nói: “ly kinh nhất tự, tiện đồng ma thuyết”. Chúng ta chưa giác ngộ, chưa thành Phật, đức Phật là đã giác ngộ, đã thành tựu, thành tựu là gi? Trí tuệ viên mãn. Đức Phật nói với chúng ta, mỗi người đều là Phật, “tất cả chúng sanh vốn là Phật”, đây có nghĩa là gì? Quý vị đều có chân tâm, quý vị đều có bản tánh, chân tâm của quý vị, bản tánh của quý vị đều gọi là Phật. Chỉ cần quý vị tìm được chân tâm và bản tánh, thì quý vị được gọi là Phật, đơn giản như vậy thôi. Thế chân tâm bản tánh nằm ở đâu? Ở ngay hiện thân của quý vị. Vì sao không tìm thấy? vì quý vị bị mê muội rồi. Vì sao lại mê muội? Khởi tâm động niệm chính là mê, phân biệt chấp trước chính là mê, đơn giản thế thôi. Kinh giáo Đại thừa giảng rất rõ ràng, quý vị buông bỏ vọng tưởng, phân biệt chấp trước, quý vị sẽ thấy những điều mà Kinh giáo của Phật nói, hoàn toàn tương đồng với những điều quý vị nghĩ, một chữ quý vị cũng không động đến nó. Vì sao? Hoàn toàn giống với quý vị, quý vị khẳng định hoàn toàn, đúng vậy, những điều quý vị viết tôi thừa nhận, điều tôi muốn viết cũng viết như vậy, thật không thể nghĩ bàn.

Ngài Huệ Năng tìm thấy bản tánh của mình, tìm được chân tâm, mặc dù không biết chữ, chưa học qua trường lớp, nhưng người khác đọc kinh ngài đều hiểu. Quý vị đọc xong, ngài giảng cho mà nghe, giảng rất thuyết phục, bản thân quý vị chưa giác ngộ, nghe Ngài giảng, rồi giác ngộ. Do vậy, mỗi người, Đức Phật dạy chúng ta rằng, trong bản tánh, trong chân tâm của quý vị có trí tuệ viên mãn, có đức hạnh viên mãn, có năng lực viên mãn, cái gì quý vị cũng biết, việc gì quý vị cũng làm được, có phước báo viên mãn, không cần cầu bên ngoài. Minh tâm kiến tánh thì đạt được hết. Cái mà cầu bên ngoài không phải là Phật pháp, Phật pháp là cầu bên trong, cầu bản tánh của mình, vì vậy kinh Phật gọi là nội điển, Phật học gọi là nội học, lý lẽ của nó là ở đây. Không học bên trong, mà học bên ngoài, Phật gia gọi là ngoại đạo, ngoại đạo nguồn gốc là như thế. Điều mà ngoại đạo cầu là tri thức, điều mà Phật pháp cầu là trí tuệ, trí tuệ là do nội sanh, vốn dĩ đã có, tri thức là học được từ bên ngoài, không phải là thật, đây là điều quý vị cần phải phân biệt cho rõ khi học Phật.

 Lão tổ tông cũng thường dạy chúng ta rằng: “hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỷ”, quý vị gặp phải khó khăn, gặp phải phiền phức, quý vị không nên tìm bên ngoài, bên ngoài không thể giải quyết được, bên trong nhất định có thể giải quyết được.

Ngày nay thế giới này loạn rồi, xung đột xảy ra hàng ngày, Liên hiệp quốc từ năm 70 mở hội nghị về hoà bình thế giới, tông chỉ của hội nghị là hoá giải xung đột, thúc đẩy một thế giới hoà bình. Hội nghị này tôi tham gia mười mấy lần, có hiệu quả gì không? Không. Nguyên nhân vì sao? Sai lầm ở cách giải quyết, các vị chuyên gia học giả cho rằng xung đột xảy ra từ hai phía. Làm sao để điều chỉnh? Bên nào đúng, bên nào sai, điều này không thể giải nổi. Cách giải quyết của các bậc cổ Thánh tiên Hiền của chúng ta là “phản cầu bản thân”. Phản cầu bản thân thì có thể tìm ra được nguyên nhân chính, mới có thể giải quyết tranh chấp. Hai bên xẩy ra xung đột, bản thân phải trung chánh, nên dùng đức hạnh để cảm hoá hai bên, để cho hai bên có thể nhìn nhận lại, phản tỉnh chính mình, thì xung đột sẽ được hoá giải. Bởi vì xung đột xảy ra, hai bên đều chịu tổn hại, đều bị ảnh hưởng, nếu hoà bình khiến hai bên đều được lợi thì sao lại không chịu hoà bình? Làm sao phải xung đột? Vì vậy nếu quý vị có thể đọc kinh Phật, đọc sách Thánh hiền, chắc chắn sẽ có cách hoà giải, thế giới ngày nay quả thực rất bức thiết cần những người như vậy. Bản thân quý vị không “bình ổn”, thì làm sao có thể “bình ổn” được người khác, bản thân quý vị tâm phải bình, tâm phải thành, phải có đức hạnh, quý vị phải yêu quý hai bên, yêu quý một cách bình đẳng, không có thiên vị, khi mọi người nể phục quý vị, mới nghe theo lời quý vị; ngược lại khi quý vị có thiên vị, thì họ sẽ có sự thắc mắc với quý vị. Đại công trung chính, nhân ái hoà bình, thì sẽ giải quyết được mọi vấn đề.

Vì vậy “ly kinh nhất tự, tiện đồng ma thuyết”, chúng ta phải khẳng định điều này. Ngày nay nhiều người đọc sách đọc không hiểu, nên liền thay đổi chữ, cho rằng chữ này không thoả đáng, liền thay đổi nghĩa theo cách suy nghĩ của họ, nếu mỗi người ai cũng sửa một chút, thì quyển sách này sẽ loạn và đâu có còn là sách nữa! Thích sửa sách của cổ nhân, thích phê bình mọi thứ của cổ nhân, thì không thể hiểu sâu được, đây là khó khăn lớn nhất trong việc hoằng dương Phật pháp đại thừa và văn hoá truyền thống hiện nay. Chúng ta nhất định phải, dày công đi tìm những người trẻ tuổi, những người thật sự có thiện căn, để kế thừa văn hoá truyền thống. Muốn làm được cho đến nơi đến chốn, ắt phải có ba đời, bốn đời, năm đời, văn hoá truyền thống mới có thể phục hưng. Không nên vội vàng, không nên nói tôi muốn nhìn thấy ngay, đó là điều không thể, dục tốc bất đạt, như thế chúng ta quá sơ sài, nhất định phải sâu sắc.

 Chúng ta xem tiếp đoạn dưới đây: “Hàm vi đạo mộ, khoáng vô tha niệm, vô hữu ưu tư ”. Ba câu này, câu thứ nhất là: “tâm sở mộ cầu giả giai thị chí đạo”. Điều này rất quan trọng. Trong tâm ta niệm niệm muốn cầu là gì? Chính là minh tâm kiến tánh, ngoài cái này ra, tôi không cầu cái khác. Tôi không cầu danh, không cầu lợi, danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, thiên đàng hay nhân gian, tôi không cầu gì, chỉ cầu minh tâm kiến tánh. Tâm tánh là gi? Tâm tánh là căn nguyên của vũ trụ, trong triết học gọi là bản thể. Vạn vật trong vũ trụ này từ đâu mà có? Đức Phật nói: “tâm hiện thức biến”, tôi nhất định đem cái tâm này làm cho rõ nghĩa. Vì sao? Nó là năng sanh năng hiện, điều này đức Phật đã nói rất rõ, đó là chân tâm của bản thân chúng ta. Thật sự minh tâm kiến tánh rồi, khi đó là hiện tượng gì? Cảnh giới gì? Quả là điều không thể hiểu nổi. Quý vị thừa nhận, quý vị khẳng định tất cả hư không pháp giới, nói theo cách nói ngày nay là cả vũ trụ với ta là một thể, đột nhiên ngộ ra. Biến pháp giới và hư không giớicó quan hệ gì với chính mình? Là một thể. Đại từ đại bi tư nhiên sanh ra, từ bi là yêu thương, yêu thương vô điều kiện, yêu thương bình đẳng, yêu thương thanh tịnh, yêu thương chân thành, yêu thương trí tuệ gọi là từ bi. Vì Vậy Đức Phật nói rất hay, đem những mục tiêu quan trọng này đều hiển thị cho chúng ta biết: “tất cả chúng sanh vốn là Phật”. Tôi không có mục đích khác, tôi cần phải hồi phục diện mạo Phật vốn có của tôi, tìm lại diện mạo vốn có của tôi. “Nhất thiết pháp tùng tâm tưởng sanh”, tôi phải tìm lại tâm tưởng mà có thể sanh nhất thiết pháp, đó là bản thân. Cái này, phải dùng thuật ngữ học thuật hiện nay mà nói, khoa học nhạy bén, triết học nhạy bén.

 Khi tôi mới học Phật, thầy Phương Đông Mỹ giới thiệu Phật pháp cho tôi, nói cho tôi biết về Phật Thích Ca Mâu Ni, thầy chỉ gọi Thích Ca Mâu ni, không thêm chữ Phật: “Thích Ca Mâu Ni là nhà triết học vĩ đại nhất trên thế giới”. Tôi theo tiên sinh học triết học. “Triết học kinh Phật là đỉnh cao nhất của triết học toàn thế giới, học Phật là sự hưởng thụ cao nhất của nhân sanh”. Tôi đi theo Phật bằng cách đó, hoá giải những điều trước đây hiểu sai về Phật pháp. Chúng tôi học 60 năm giờ biết được, kinh Phật không chỉ là đỉnh cao nhất của triết học toàn thế giới, mà còn là đỉnh cao nhất của khoa học.

 Khoa học tự nhiên ngày nay phát triển theo hai hướng, một là hồng quan vũ trụ, hai là lượng tử lực học. Hồng quan vũ trụ nghiên cứu đại vô hạn, lượng tử lực học ngược lại nghiên cứu về tiểu vô hạn. Cổ nhân dạy rằng: “lớn không gì lớn hơn”, chính là hồng quan, thái không vật lý học. Thế còn vi quan? Thế giới vi quan chính là lượng tử lực học, Cổ nhân dạy rằng: “ nhỏ không gì nhỏ bằng”. Quả thực, hai thứ này phát triển đến ngày nay, theo những báo cáo mà ta có được, đọc được đều chưa vượt qua kinh Phật. Hơn nữa, những điều kinh Phật nói còn tường tận hơn, viên mãn hơn, ta càng đọc càng thấy đạo lý mà kinh Phật giảng hay hơn họ nhiều. Thành tựu của họ cũng rất khả quan, quý vị nói về hồng quan vũ trụ, họ có thể nói ra được những thăm dò về dụng cụ khoa học, nhưng dụng cụ khoa học mới nhất chỉ có thể thấy được 10% toàn vũ trụ, 90% còn lại không thấy nữa. Chúng tôi nghe xong báo cáo này thì rất vui mừng, vì sao? 90% còn lại không thấy, nhưng họ không biết được chúng chạy đi đâu, nhưng chúng ta lại biết được, chúng ta biết được chúng đi đâu. Không phải chúng ta có những nghiên cứu này, mà chúng ta nhìn thấy trong kinh Phật, kinh Phật nói cho chúng ta biết lý do vì sao? Trở về tự tánh, trở về tự tánh thì quý vị sẽ nhìn thấy. Vì sao vậy? Vì khoa học, triết học nghiên cứu phải có đối tượng, không có đối tượng sẽ không có phương pháp. Đối tượng ở đây là gì? Hiện tượng, đó là hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, hiện tượng tự nhiên, chỉ cần có ba loại hiên tượng này, họ đều có phương pháp. Tự tánh, nó không phải là hiện tượng vật chất, không phải là hiện tượng tự nhiên, cũng không phải là hiện tượng tinh thần, quý vị không có cách gì với nó, là cái lý như vậy. Vì thế báo cáo đó của họ rất phi thường, cuối cùng mặc dù là vấn đề, vấn đề này chúng ta biết. Giảng lượng tử lực học, họ đã phát hiện ra alaya rồi, alaya là năng biến. Tự tánh năng hiện, năng sanh năng hiện, alaya năng biến, alaya tìm thấy rồi. Vì vậy, bài báo họ đăng nói rằng, giữa vụ trụ chỉ có ba thứ, thứ nhất là năng lượng, thứ hai là tin tức, thứ ba là vật chất. Ba thứ này trong quan niệm của nhà Phật chính là tam tế tương của alaya. Năng lượng mà họ nói chính là nghiệp tướng của alaya, tin tức chính là chuyển tương của alaya, vật chất là cảnh giới tương của alaya. Tuy nhiên những thứ này từ đâu đến thì họ lại không biết. Họ bây giờ mới biết, vật chất là giả chứ không phải là thật, quả thật không có, nó được nảy sinh nhờ ý niệm. Ý niệm từ đâu mà có? Kết luận hiện nay của họ gọi là từ không sanh ra có, nói quá hay! Phật pháp nói là tự tánh sanh, chính là chân tâm của quý vị, bản tánh của quý vị. Chân tâm bản tánh không phải vật chất, cũng không phải hiện tượng tinh thần, càng không phải hiện tượng tự nhiên, nhưng nó có thể hiện ra ba hiện tượng này, nó quả thực là không có, nhưng nó có thể hiện hữu. Vì thế tự tánh là linh tánh, chúng sanh có cảm thì nó hiện tướng, chúng sanh không cảm thì nó không hiện tướng. Tướng thì hiện thế nào? Gọi là cảm ứng, chúng sanh có cảm thì nó sẽ ứng, tự nhiên ứng. Giống như chúng ta đánh trống, người đánh trống có ý nghĩ đánh trống, nên hễ đánh là trống kêu, trống kêu là phản ứng, chứ không hề phải thông qua là để trống suy nghĩ đã, nó không suy nghĩ, nó không có hiện tượng gì, âm thanh của nó là sự phản ứng qua lại, do đó cái ứng này là sự phản ứng tự tánh

 Giống như thời đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, ngài là người minh tâm kiến tánh, người minh tâm kiến tánh ngài dạy học 49 năm ở thế hiện thân thuyết pháp, ngài có khởi tâm động niệm chăng? Trong suy nghĩ của chúng ta, đương nhiên là có khởi tâm động niệm, đương nhiên có sự phân biệt, có chấp trước. Chúng ta nghĩ hoàn toàn sai, vì chúng ta nghĩ Phật như chúng ta, thực ra không phải vậy. Ngài không có khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước. Thế ngài là gì? Chúng sanh cần những người như thế để dạy chúng ta, chúng ta hy vọng có một người thầy tốt như vậy, tự nhiên nó sẽ ứng, hiện thân thuyết pháp đều là ứng. Quý vị thấy trong kinh dạy rằng: “cần lấy Phật thân để độ, bèn hiện Phật thân vì người đó thuyết pháp”, ngài sẽ hiện, ngài sẽ ứng. Cần lấy thân Bồ tát để độ, mọi người thích ngài Quan âm Bồ tát, thích Địa Tạng Bồ Tát, thì ngài sẽ hiện thân Bồ tát, ngài là tự nhiên, tuyệt đối không có chuyện để ta suy nghĩ đã, hoàn toàn không. Vì thế trong kinh Lăng Nghiêm nói rất hay, “tuỳ chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng”, bản thân không khởi tâm động niệm. Nếu ngài mà khởi tâm động niệm thì ngài là phàm phu, ngài không còn là Phật nữa, ngài chưa tìm được bản thân; sau khi tìm được bản thân, tuyệt đối không bao giờ có chuyện khởi tâm động niệm, đó là được đại tự tại. Cho nên, cảnh giới này chúng ta không thể tưởng tưởng được, gọi là chẳng thể nghĩ bàn, đều không có cách gì để nghĩ, nghĩ không ra.

 Nhưng khoa học ngày nay quả thực đã đạt đến biên tế của kiến tánh, không thấy được nữa, vấn đề này Phật đã giảng rất rõ trong kinh, ngài giảng cái gì? Phàm phu lục đạo, bao gồm tứ thánh pháp giới, chúng sanh trong mười pháp giới, họ dùng là cái gì? Dùng tư tưởng, dùng suy nghĩ, cho rằng đây là tâm. Suy nghĩ là thức thứ sáu, công năng của thức thứ sáu vô cùng lớn, bên ngoài có thể duyên đến vũ trụ, bên trong có thể duyên đến Alaya, đây là điều Phật đang giảng. Hiện nay trường phái lượng tử lực học phát hiện ra, duyên đến Alaya rồi. Hồng quan vũ trụ đã nhìn thấy biên duyên của vũ trụ, đã nhìn thấy vũ trụ có một số quả là không còn nữa, nhưng không thấy được tánh. Cách gì mới thấy được tánh? Đức Phật dạy: “duy chứng phương tri”. Chứng pháp thế nào? Buông bỏ phân biệt chấp trước, quí vị sẽ chứng đắc, quý vị không dùng cái tâm này thì sẽ chứng đắc. Dùng tâm nghi vấn, dùng khởi tâm động niệm thì không thể thấy được; nhất định phải không khởi tâm không động niệm, thì sẽ nhập định, nhập định, định đến một mức độ nào đó thì quý vị sẽ ngộ ra, quý vị sẽ nhìn thấy. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thấy được trong thiền định, đây là biểu diễn cho chúng ta xem, làm sao mới có thể kiến tánh? Đức Phật Thích Ca Mâu Ni năm 19 tuổi rời xa gia đình, ngài là vương tử từ bỏ vương quyền, từ bỏ cuộc sống vinh hoa phú quý đi làm khổ hạnh Tăng, đi cầu học, biểu diễn này là để chúng ta nhìn thấy ngài buông bỏ mọi phiền não, ngài buông bỏ phiền não. Đúng vậy, Ngài học 12 năm, học mọi tôn giáo của Ấn độ cổ, mọi học phái ngài đều học qua. Mười hai năm sau, ngài đem tất cả những gì học được đều buoogn bỏ, buông bỏ cái gì? Sở tri chướng, vì thế ngài hoàn toàn dùng một cái, cái mà người hiện nay gọi là phần tử trí thức, ngài dùng danh phận này. Phần tử trí thức chiếm tuyệt đại đa số, ngài dùng danh phận là phần tử trí thức để thể hiện, buông bỏ hết tất cả những điều mà quý vị học được, thì cái tâm này sẽ sạch sẽ, không còn nữa, đây mới là thấy tánh; nếu những điều học quý vị được không buông được, thì sẽ không thấy tánh. Nói cách khác, Phật pháp cũng như vậy, những Phật pháp mà quý vị học được, không buông bỏ được Phật pháp, sẽ không thấy tánh. Tại sao vậy? Vì đây là giả, không phải thật.

 Vì vậy trong Kinh Kim Cang đức Phật nói rất hay: “pháp còn phải bỏ, hà huống phi pháp”. Pháp ở đây là Phật pháp, Phật pháp cũng phải buông bỏ, quý vị mới thấy tánh. Hiện nay chúng ta không thể buông bỏ, vãng sanh thế giới cực lạc thì có thể được, đến thế giới cực lạc nếu muốn minh tâm kiến tánh, thì chắc chắn phải buông bỏ, nếu không buông bỏ vĩnh viễn không bao giờ thấy tánh. Hay nói cách khác, không buông bỏ, ở thế giới cực lạc, quý vị chỉ ở cõi phàm thánh đồng cư, hoặc cõi phương tiện hữu dư, quý vị vào không được cõi thật báo, cõi thật báo bắt buộc phải buông bỏ Phật pháp, quý vị mới có thể đến được cõi thật báo. Nhưng thế giới phương tây rất đặc thù, sự hưởng thụ trong cõi thật báo chúng ta không thể hiểu nổi, Phật A Di Đà quả thật có khả năng này, thần thông này, có thể khiến cho nhưng người vãng sanh vào cõi phương tiện và cõi đồng cư, hoàn toàn có được sự đãi ngộ giống như cõi thật báo, đây là điều không dễ dàng. Cũng có đủ trí tuệ giống như cõi thật báo, nhưng trí tuệ này không phải bản thân đắc chứng, mà là do Phật A Di Đà gia trì. Vì vậy họ có khả năng phân thân, cũng có thể cảm ứng giao đạo với chúng sanh, có được khả năng này, là nhờ Phật A Di Đà đứng phía sau làm chỗ dựa, Phật lực gia trì đằng sau; nếu không có Phật lực gia trì thì sẽ không thể có khả năng này. Đây là điều mà thế giới phương tây xứng đáng được mọi người ca ngợi, bởi vì trong quốc độ của chư Phật khác không có. Những điều này chúng ta nên biết. Biết để làm gì? Biết để chúng ta không chọn sai lầm. Tôi phải làm cho rõ, làm rõ rồi, Tôi quyết định chọn thế giới cực lạc, chọn kinh Vô Lượng Thọ, tôi dùng nhất môn thâm nhập, trường thời huấn tu, lựa chọn chính xác, chọn đúng rồi. Khi chọn đúng rồi, quý vị sẽ giảm được nhiều việc, và ngày nay xem như quý vị ít phải đi đường vòng, nếu quý vị chọn sai, quý vị phải đi nhiều đường vòng. Đây là điều giúp chúng ta biết cách lựa chọn. Vì thế bộ kinh này vừa phải giảng kỹ, lại phải giảng thô, tiếp dẫn sơ học; cũng phải giảng sâu, giúp mọi người nhận thức được rõ, sẽ càng hiểu hơn. Sâu cạn, giảng sâu, giảng sơ, giảng dài giảng ngắn, tự tại! Căn tánh thế nào, dùng phương pháp đó để giảng, mọi người mới tin, mới thật sự hiểu.

 “Ly kinh nhất tự, tiện đồng ma thuyết”, đây là chân ngôn, lời nói thật, chắc chắn không phải giả. “Thế chi hành nhân, duy đương dĩ thánh ngôn lượng vi y chỉ dã”. Kinh điển gọi là thánh ngôn lượng, chúng ta không được phê phán, chúng ta không được thay đổi, ý nghĩa của nó quá sâu sắc.

 Gần đây có người đồng tu tặng cho cái đĩa, tôi xem rồi, biết được là của thầy Lý hiệu trưởng đại học Đài Loan, Ông làm hơn 10 năm, 15 năm trước ông bắt đầu học khí công, hình như sau 5 năm học khí công, ông dần dần học khả năng đặc biệt này, liên quan đến thần thông, ông học cái này, quả thật rất hiệu quả. Ông làm thí nghiệm, thí nghiệm cái gì? Dùng ngón tay nhận biết chữ. Rất nhiều nhà khoa học tìm đến ông, làm thí nghiệm ngay trước mắt để họ xem, mọi người không còn gì để nói thêm nữa, đúng như vậy. Chữ là do quý vị tự viết, không cho người ta biết, khi viết thì viết một chữ, sau đó dùng giấy bọc lại, bọc rất nhiều lớp, về cơ bản là không thể nào thấy được. Quý vị cầm đi đưa cho những người có khả năng đặc biệt, quý vị bảo ông dùng tay sờ, ông sẽ biết được quý vị viết chữ gì. Cho dù không biết chữ này, nhưng ông vẫn viết ra được dạng chữ, sau đó quí vị mở ra đối chiếu, giống hệt nhau. Ông nói duy chỉ có chữ Phật, người có khả năng đặc biệt cũng không thể nhìn thấy, mà họ chỉ nhìn thấy một mảng sáng, nhưng không thấy được chữ, nên không thể viết ra được, nó phát quang, đây là điều không thể nghĩ bàn. Nếu chữ Phật bỏ đi bộ nhân bên cạnh, thì họ nhìn thấy và có thể viết ra được; nếu thêm một nét phẩy thành chữ phất trong chữ phảng phất thì họ cũng nhìn thấy được, duy chỉ có chữ Phật là không có cách nào nhìn thấy được, nên họ không viết ra được. Thánh ngôn, quả đúng là phi thường! Quý vị viết chữ Phật A Di Đà, nhìn không thấy, chỉ thấy nó phát quang; viết chữ Giê Su cũng không thể nhìn thấy, nó cũng phát quang. Ông ấy nói những thứ này đều là bậc cao, tên nó đều có đặc tính riêng, khác với thứ khác. Nhiều lần thí nghiệm kết quả không hề sai, vì thế ông ấy nói đây là điều hoàn toàn có thật, đây không phải là mê tín. Hơn nữa, người có khả năng đặc biệt này có thể tu luyện, tốt nhất là trước tuổi 40, các em nhỏ từ độ tuổi 6,7 tuổi đến 14 tuổi. Ông nói trong số 100 người trải qua sự tu luyện, thành công chỉ có khoảng mười mấy đến hai mươi người. Tỷ lệ này rất cao. Tâm của trẻ con phải thanh tịnh, phải thuần khiết, phải không có vọng niệm, thì rất dễ tu luyện thành công. Ông ấy dùng ngón tay sờ vào là biết chữ mà quý vị viết ra là chữ gì, đây hoàn toàn là thật, chứ không phải giả. Ở đây chúng ta thấy được “thánh ngôn lượng”, khác với chữ thường, khác với ngôn ngữ văn tự phổ thông, nó phát quang, chúng ta không thể thay đổi nó một cách tuỳ tiện.

 Xem tiếp đoạn dưới đây, “hàm vi đạo mộ, khoáng vô tha niệm, vô hữu ưu tư”. Đây là điều mà chúng ta đã đọc, giống như vừa rồi đọc đến câu đầu, trong tâm chúng ta chỉ có đạo, các thứ khác đều là thứ yếu, đều không quan trọng.

 Câu thứ hai: “khoáng giả không khoáng, kỳ tâm không quảng vô hữu vọng niệm”. Câu này rất quan trọng, chúng ta dụng tâm, Thánh nhân dụng tâm, Phật Bồ Tát dụng tâm, khác với chúng ta, trong tâm chúng ta lo lắng quá nhiều, day dứt quá nhiều, vì thế tâm bất linh.

 Người có khả năng đặc biệt tôi gặp nhiều rồi. Hồi trẻ tôi ở bang Los Angerles, khoảng hơn hai mươi năm rồi, hồi đó có khoảng mười mấy người có khả năng đặc biệt của Trung Quốc đại lục sang thăm Mỹ, có ba người ở Los Angerless, tôi đã gặp họ, tuổi đời khoảng hai mươi mấy tuổi, còn rất trẻ. Chúng tôi hỏi họ, khả năng này từ đâu mà có? Có một số khả năng là từ khi sinh ra đã có, từ nhỏ đã có rồi, họ có thể nhìn thấy được thứ mà người bình thường không nhìn thấy được. Các bạn học của chúng tôi có đến để thử họ, có một nữ đồng tu cho họ xem, họ lập tức chỉ ra trong phổi cô ấy đã từng bị lao phổi, nhưng đã bị can xi hoá rồi, không vấn đề gì nữa, còn để lại vết sẹo, chỉ ra vị trí của nó. Cô ấy giật mình, chỉ có mình cô ấy biết, ngay cả đến khi kết hôn, cũng chưa hề nói với chồng, không hề có ai biết nhưng họ làm sao có thể chỉ ngay ra được? Vì thế khả năng này là thật, không phải giả, họ có thể nhìn thấu tất cả. Chúng tôi hỏi họ, khả năng này liệu có thế giữ được vĩnh viễn hay không? Họ nói không được, có lẽ khoảng sau ba bốn mươi tuổi là hết. Quý vị đi càng nhiều, kiến thức càng nhiều, tâm sẽ tạp, sẽ loạn, thì sẽ không còn nữa. Điều này hoàn toàn phù hợp với tâm thanh tịnh được đề cập trong kinh Phật. Khi trẻ tuổi, lúc còn nhỏ có khả năng này, đây là khả năng sau khi sinh ra đã có.

 Trong Phật pháp từng nói, khả năng thần thông này là do tu mà có, do báo mà có, người do báo mà có thì ít, do tu mà có thì nhiều, giống như quỷ thần, thiên thần họ do báo nhiều. Chúng ta là do tu mà có, nhưng cũng có thiểu số là do báo mà có. Do đó trẻ con nói những điều kỳ lạ, dùng ngôn ngữ kỳ lạ, thì qúy vị đừng sợ, đừng lo lắng, chúng có thần thông. Quý vị không nhìn thấy, khi chúng nói chuyện với người khác ở đó, nói rất sinh động, chúng nhìn thấy thứ đối diện, mà chúng ta không thấy, cho rằng thần kinh chúng có vấn đề, không phải vậy. Do đó, những thường thức này quý vị phải biết, để đối xử chính xác với trẻ con, dạy bảo chúng chính xác, thì chúng sẽ không bị lạc hướng, lệch lạc. Theo sự lớn lên của tuổi tác, tiếp xúc với nhiều chuyện, tâm không thuần nữa, tạp niềm nhiều, thì khả năng đặc biệt không còn nữa, cách nói này rất có lý. Người có khả năng đặc biệt thì nhìn người- người học khí công thì nói về khí, người có khí trường, người có khả năng đặc biệt nói họ có quang, trên cơ thể người có ánh sáng, ánh sáng đậm nhạt, màu sắc của ánh sáng có liên quan mật thiết đến sức khoẻ của quý vị, vì thế chỉ cần nhìn là họ biết được sức khoẻ của quý vị ra sao, bộ phận nào bị đau, họ cũng có khả năng chữa được bệnh cho quý vị. Năng lượng lớn nhỏ giữa hai bên cũng đều nhìn thấy được, trong tâm họ đều biết được. Nếu phát triển lên, nâng cao khả năng, chính là tu định, không có thứ khác, tức là những điều nói ở đây, “kỳ tâm vô khoáng vô hữu vọng niệm”. Vọng niệm càng ít, thì khả năng càng mạnh, có vọng niệm, thì khả năng này dần dần sẽ bị mất đi.

 Vì vậy “chân tâm ly niệm”, trong chân tâm không có vọng niệm. Vọng niệm là gì? Chính là căn bản vô minh, cũng chính là khởi tâm động niệm mà chúng tôi nói đến. Nếu huấn luyện bản thân, trong cuộc sống thường ngày, trong việc đối nhân xử thế không có vọng niệm, đây là tu hành bậc cao nhất. Có vọng niệm, không có phân biệt, đây là bậc hai; có vọng niệm, có phân biệt, không có chấp trước, đây là bậc ba. Nếu vọng niệm, phân biệt, chấp trước cả ba đều có, chính là phàm phu mà ở đây đang nói đến. Những người như chúng ta, đều mất hết khả năng, chôn vùi khả năng, nhưng nói thực ra thì không phải mất, mà chỉ cần quý vị buông bỏ vọng niệm, phân biệt, chấp trước, thì chúng sẽ được phục hồi lại. Do đó khả năng đặc biệt này không sanh cũng không diệt, là bản năng của chúng ta, chúng ta khi nhìn thấy họ sẽ không cảm thấy họ kỳ là hiếm thấy nữa, họ có quý vị cũng có, Phật có, quí vị cũng có, chỉ có điều Phật không có vọng niệm, nó có tác dụng. Quý vị hiện nay vọng niệm quá nhiều, có vọng niệm, phân biệt, chấp trước nên đều mất hết, mắt có thể nhìn thấy, nhưng chỉ thấy được cái bên ngoài, không thấy được nội tạng; nếu nhìn thấy được nội tạng thì lại không thấy được tâm tư. Càng siêu phàm hơn, ngay cả sự khởi tâm động niệm của quý vị họ cũng biết, đây chính là không chỉ nhìn thấy nội tạng của quý vị, mà còn nhìn thấy được ý niệm của quý vị. Vì vậy, có rất nhiều đẳng cấp, đại khái là phân thành ba cấp, ba cấp này chính là pháp thân Bồ Tát, Quyền giáo Bồ Tát, A La Hán, đại thể chia thành ba cấp như vậy.

 Chúng tôi tiếp xúc với những người có khả năng đặc biệt. Lần này tôi đến Nhật bản, ở Nhật cũng có, tôi có gặp hai ba người, họ tiết lộ cho tôi rất nhiều thông tin, có thể làm tham khảo. Không thể chỉ nghe nói, họ bảo chúng ta làm sao chúng ta làm vậy, thế thì sẽ bị lừa, chỉ là cung cấp tham khảo mà thôi. Cách xử lý của chúng tôi là, nhất định phải dựa vào kinh luận làm căn cứ, dựa vào lời giáo huấn của cổ Thánh hiền làm căn cứ, thì sẽ không phạm sai lầm. Vì vậy chúng tôi quyết định không làm theo họ, chỉ tham khảo thôi. Nếu họ bảo thế nào chúng ta thế đó, thì sẽ bị mắc lừa. Chúng ta chỉ tham khảo, chứ không nhất định phải làm theo. Những thông tin mà họ đưa ra phần lớn là chính xác. Nếu chúng ta tin họ, họ có thể chơi đểu chúng ta, cung cấp thông tin không chính xác, thì chúng ta sẽ bị lừa. Khi chúng ta bị lừa thì sẽ tìm họ không ra. Cho nên không được theo họ, dù họ nói có hợp tình hợp lý hợp pháp đến đâu đi nữa, chúng ta cũng nên lấy kinh giáo làm căn cứ đề giải quyết, như vậy là đúng. Quyết tâm không rời xa kinh giáo, phải tôn trọng kinh giáo.

 Câu thứ ba: “vô hữu ưu tư”. Quý vị thấy “tín tâm kiên định, trí tuệ minh liễu, ư thế vô lo, ư pháp vô nghi, cố vô hữu ưu lo chi tư”. Hiện nay hình như trong tên các bệnh tật có thêm bệnh stress, nghe nói rất nghiêm trọng, và cũng rất phổ biến. Ở đây có cách chữa trị, người mắc bệnh stress chắc chắn tín tâm không kiên định, chắc chắn không có niềm tin, không tự tin với bản thân, cũng không có niềm tin đối với người khác, nếu họ có đi khám, thì cũng không tin vào bác sĩ. Họ không có trí tuệ, hồ đồ, mê hoặc, chắc chắn họ có nhiều suy nghĩ, nhiều lo lắng, nhiều nghi ngờ, chắc chắn có mấy triệu chứng này. Kinh này mặc dù là bản hội tập, từng chữ từng câu đều có căn cứ, đều là nguyên văn trong 5 loại bản dịch gốc, không bị sửa một chữ nào, không bị thay đổi lấy một chữ, đều rất trung thành với kinh giáo, không dám làm liều thêm bớt kinh pháp. Đối với bản hội tập của Hạ Lão này, chúng tôi rất ca ngợi, chúng tôi hoan hỷ, bởi vì hai bản trước đây quả thực có thêm bớt kinh pháp, mặc dù không nhiều, thay đổi vài chữ, sửa một hai câu, đây là điều Phật không cho phép. Bản sửa mặc dù xem ra dễ hiểu hơn bản gốc, nhưng tại sao không được làm như vậy? Vì nếu quý vị là người đầu tiên, quý vị dẫn đầu, quý vị sửa đổi, thì người khác sẽ nói quý vị sửa được, tôi cũng sửa được, họ cũng sửa được, ai cũng sửa một chút, truyền lại một hai trăm năm sau, kinh này không còn là kinh nữa. Vì thế cổ nhân rất hiểu cái lý này, quyết định không dám sửa. Nếu có nghi ngờ, thì chú thích bên cạnh, chữ này nếu sửa thành chữ kia thì càng dễ giảng hơn, cũng phải chú thích bên cạnh, nguyên tác không được động vào, như thế thì có thể được. Cổ đức có lúc cũng làm như thế, chúng tôi đã nhìn thấy trong kinh, ngài chú thích bên cạnh chứ không dám sửa đổi. Đây là thái độ rất tốt khi học tập thánh giáo, chúng ta không thể làm trái. Đoạn này, câu nói này phải học cho thuộc, bởi vì có thể phải ứng đối với thiên tai trước mắt.

 Điều khiến cả thế giới vô cùng lo lắng là lời tiên đoán về thiên tai của Maya, ngày tháng nói đến là ngày 21 tháng 12 sang năm, hiện nay rất nhiều người đang bàn luận về vấn đề này. Tôi nhận được lời mời của Đức Giáo Hoàng toà thánh Vatican, có thể cũng là bàn luận về vấn đề này. Cách giải quyết, thì mấy câu này là đủ rồi: “tín tâm kiên định”. Nếu chúng ta nghi ngờ, thì phiền phức sẽ đến. Thiên tai là từ đâu mà có? Trong kinh Phật giảng rất hay, tham sân si mạn nghi, là từ đây sanh ra. Nghi ngờ rất nghiêm trọng, nghi tức là không có tự tin. Nếu ‘tín tâm kiên định’ thì sẽ không có nghi, nếu không nghi thì đại địa sẽ kiên cố, chúng ta nói rằng thiên tai tự nhiên trên trái đất này có xu hướng giảm nhiều, cho dù vần còn một số thiên tai, không đến nỗi có nguy hại lớn, niềm tin thật là quan trọng! Mỗi một tôn giáo đều phải giảng cầu về tín tâm, người học Phật không nghi ngờ với Phật, học cơ đốc giáo không nghi ngờ về cơ đốc, học Do Thái giáo không nghi ngờ với thượng đế, học đạo hồi không nghi ngờ về Chân chủ, tín tâm kiên định, thì thiên tai sẽ được giảm thiểu. Quý vị xem tên của những giáo chủ này, như chúng tôi vừa nói, thực nghiệm mà ông Lý hiệu trưởng trường Đại học Đài Loan làm, những thứ mà dùng tay sờ vào đều sờ không ra được, đều phát quang, những tên này đều phát quang, chứng tỏ những tên này không phải là tên của những người bình thường, những người này không phải là người bình thường, đúng là người rất có đức hạnh, thân tâm thanh tịnh, không nhiễm bụi trần, vì thế nó phát quang, quang ở đây là trí tuệ quang minh. Do vậy tín tâm còn quan trọng hơn bất cứ điều gì. Hàng tri thức phải có niềm tin với cổ Thánh tiên Hiền, với những thứ mà cha ông để lại.

 Cương lĩnh của luân thường đạo đức rất đơn giản, tôi thường nói, tôi cho rằng những điều này không phải Không Tử nói. Khổng Tử sống cách chúng ta 2500 năm, tôi tin rằng những thứ mà tổ tông để lại chắc chắn sẽ hơn 10 ngàn năm. Bà La Môn giáo của Ấn độ có 13 ngàn năm, cổ Thánh tiên hiền lão tổ tông của chúng ta không thể nào có sau được. Bởi vì hồi đó không có chữ viết, chữ viết là do Hoàng đế phát minh, từ khi có chữ viết đến này là 4500 năm. Thái độ của Không Tử rất hay, xứng đáng để chúng ta học tập, trong Luận Ngữ ông nói: “thuật nhi bất tác, tín nhi hảo cổ”, hai câu này minh chứng thái độ làm học vấn suốt đời của ông: thật thà, đúng là thật thà, nghe lời, thật làm, là người tốt chuẩn mực. Ông không sáng tạo, không phát minh, ông tin tưởng vào những gì mà cổ Thánh tiên Hiền truyền lại, ông thích. “Thuật nhi bất tác”, thuật là nói về người trước đây, tiếp thu cái trước đây. Nói cách khác, suốt đời ông học cái của cổ nhân, điều ông tu dưỡng cũng là do cổ nhân dạy, cái ông dạy người khác, truyền lại cho đời sau đều là của cổ Thánh tiên Hiền, chứ không phải của mình, đây chính là “thuật nhi bất tác”. “Tín nhi hảo cổ”, không hoài nghi với những điều của cổ nhân, niềm tin kiên định, hơn nữa vô cùng yêu thích, say mê. Tôi tin đây là lời nói thật của Không Tử, chứ không phải ông khiêm tốn. Đây là tấm gương cho ngày nay chúng ta học tập. Những điều mà Khổng Tử nói trong Luận Ngữ, đều là của cổ nhân, ông chỉ đem những lời cổ nhân dạy viết thành sách truyền lại cho đời sau. Vì thế Khổng Tử được người đời sau tôn xưng là Tập Đại Thành Giả, ông không sáng tạo phát minh ra điều gì, cái của cổ Thánh tiên Hiền vào tay ông, được ông sưu tập lại, viết thành chữ, thành sách lưu truyền lại cho đời sau, công đức này không thể nghĩ bàn.

 Giáo dục của người xưa chúng ta chắc chắn có từ rất sớm, mặc dù không được ghi lại bằng văn tự, lão tổ tông dạy người ta cách làm người thế nào. Giáo dục thời xưa gồm tứ khoa, không thể truyền sai được. Ngũ luân là: “phụ tử hữu thân, phu phụ hữu biệt, quân thần hữu nghĩa, trưởng ấu hữu tự, bằng hữu hữu tín”, chỉ có hai mười chữ chẳng lẽ lại truyền sai sao? Có truyền trăm ngàn năm sau cũng không bị sai. Đây là căn cứ nguyên thuỷ nhất về quan niêm dạy học của người xưa, nói quá hay. Đây nói lên điều gì? Mối quan hệ, mối quan hệ giữa người với người trước hết phải làm cho rõ. Khi mối quan hệ được xác lập rõ ràng rồi, mấu chốt trong mỗi mối quan hệ, quý vị phải có nghĩa vụ gì, quý vị được hưởng quyền lợi gì, tất cả đều có, đều rõ ràng. Người xưa chỉ nói về tận tâm với nghĩa vụ, không nói về hưởng thụ quyền lợi, quá cao siêu! Vì vậy họ không có cạnh tranh. Nếu có hưởng thụ thì ắt phải cạnh tranh, chỉ nói về nghĩa vụ, mọi người không có tranh giành, cách giáo dục này rất hay, thật là hoàn mỹ. Giữa người với người có năm mối quan hệ.

 Giữa người với người nên quan hệ với nhau thế nào? Ngũ Thường, thường là vĩnh viễn không thay đổi, là đức hạnh cơ bản để làm người, có năm chữ, không thể truyền sai được: “nhân nghĩa lễ trí tín”, sao lại truyền sai được! Trăm ngàn năm, một triệu năm cũng sẽ không truyền sai. Nhân là ái nhân, nghĩ đến mình chắc chắn phải nghĩ đến người, nhân giả ái nhân. Nghĩa là nói về đạo lý, đây cũng là điều mà người đời sau chúng ta thường nói là hợp tình hợp lý, đây gọi là nghĩa, tình lý pháp mặt nào cũng hội tụ. Lễ là lễ tiết, vô cùng quan trọng, chứ không phải vì người trong một nhà suốt ngày gặp nhau thì cần gì phải coi trọng cái lễ? Đương nhiên là quan trọng, vì sao? Thành tại tâm mà phải bộc lộ ra ngoài. Vất bỏ cái bên ngoài thì sự thành tâm bên trong sẽ bị mờ nhạt dần, lâu ngày sẽ mất đi, vì thế trong và ngoài phải phối hợp với nhau. Điều này chúng tôi thấy rất rõ khi ở Nhật Bản, người Nhật ở quê khi gặp nhau đều chào hỏi nhau, gặp người khác đều cung kính cúi xuống 90 độ, bất kể là có quen hay không, thói quen này của người Nhật được hình thành từ nhỏ, vì vậy quý vị cảm thấy rất thân thiết, gần gũi. Người trong một nhà, họ cũng cung kính chào hỏi cúi lạy lẫn nhau như vậy tự sáng đến tối. Nhìn họ chúng tôi hoan hỷ, giữa người với người, người trong gia đình cũng nên như vậy, nên đối xử hoà nhã với nhau, đây không phải là khách sáo, đây là tình cảm nội tâm được biểu hiện rất tự nhiên. Xin quý vị chớ xem đây là điều không cần thiết, hoàn toàn sai lầm, chắc chắn phải có cái này, sự an định của xã hội là dựa vào cái này đây, thiên hạ thái bình cũng phải dựa vào nó. Quý vị đừng cho rằng đây là chuyện nhỏ, chuyện nhỏ tích tụ lại sẽ thành chuyện to, nếu quý vị ai cũng vứt bỏ, thì tâm cung kính giữa người với người sẽ không còn nữa. Quý vị nhất định phải rèn từ nhỏ, phải thật tâm, đó không phải làm cho người khác khen. Trí là lý trí, điều đó chứng tỏ trong cuộc sống của chúng ta việc đối nhân xử thế phải dựa vào lí trí, không thể dựa vào tình cảm, vì tình cảm thường xảy ra phiền phức, phải dựa theo lý trí. Nhất là quan hệ thân tình, chúng ta thường thường bỏ lý trí sang một bên, làm việc theo tình cảm, nên thường để xảy ra nhiều đau khổ. Cuối cùng là tín, “nhân vô tín tắc bất lập”, quan hệ với người, với mọi chúng sanh đều phải trọng chữ tín.

 Hôm trước, có mấy người đồng tu từ Vân Nam đến, họ nói với tôi, mấy năm nay họ trồng lúa, trồng rau, trồng hoa quả, đều có sự giao lưu bằng ngôn ngữ với sâu bọ và chim chóc, đạt hiệu quả rất tốt. Sản phẩm nông sản của họ không cần dùng thuốc, không cần phân bón. Có sâu ăn, họ chỉ ra vùng này có mấy mẫu đất, vì họ trồng diện tích rất lớn, khoảng những mấy trăm mẫu, họ chỉ ra mấy mẫu đất nào là chuyên để cung cấp cho sâu ăn, và nói rõ với sâu bọ, kết quả là sâu bọ tuân thủ quy định. Họ nói chỉ cách nhau một bờ ruộng khoảng 10 đến 20 cm, nhưng sâu bọ ở vùng đất này quyết không sang bên kia ăn, quý vị nhìn thấy trên lá rau bên này đều đầy những lỗ nhỏ. Họ nói trái cây cũng như vậy, chỉ rõ những cây nào để giành riêng cho chim, chim chỉ đến đó ăn thôi; những cây nào không cho chúng, chúng đều không ăn, đây là tín . Chúng ta trọng chữ tín với sâu bọ, chim chóc, thì sâu bọ, chim chóc đáp lại chúng ta cũng bằng chữ tín, bên nào cũng trọng chữ tín, thì trồng trọt sẽ không cần dùng thuốc, không cần phân bón. Thuốc và phân bón sẽ làm ô nhiễm nguồn đất, đây là điều khủng khiếp nhất, phải trả giá đắt nhất, vụ này quý vị thu hoạch, nhưng vụ sau thì không thể trồng được nữa, vì sao? Vì đất có độc. Cách trồng trọt của họ rất thành công, nghe nói lãnh đạo địa phương cũng đến thăm, ai cũng rất thích, dần dần quảng bá, hy vọng những người nông dân, người trồng lúa, trồng rau, trồng trái cây đều trồng theo cách này, nói không với phân bón và thuốc trừ sâu. Sản phẩm trồng ra rất ngon, hoa nở rất thơm, trái cây rất ngọt.

 Thông qua điều này có thể nói rằng đây là kinh nghiệm mười mấy năm của chúng tôi, mười năm chúng tôi ở Úc Châu, trang trại trồng rau của chúng tôi chưa dùng phân bón và phun thuốc, nhưng vẫn trồng trọt thành công, làm cho người trồng rau ở vùng xung quanh đến xem đều rất ngưỡng mộ, sao lại xanh tốt như vậy? Hỏi chúng tôi trồng bằng thứ gì? Chúng tôi nói không phân bón, không phun thuốc. Nước tưới là nước giếng, chúng tôi đào mấy cái giếng, việc dùng nước giếng tưới rau, trái cây, đây đều là nói đến chữ tín. Chúng ta phải giữ chữ tín với thiên địa quỷ thần, thế thiên địa quỷ thần có không? Nói đến thiên địa quỷ thần đúng là có, giống như ông Lý hiệu trưởng trường đại học Đài Loan nói, ông luyện khả năng đặc biệt, đúng là có, không sai chút nào, ông nói chỉ có điều quý vị không nhìn thấy, người có khả năng đặc biệt có thể nhìn thấy, chứ hoàn toàn không phải vì nhìn không thấy nên nói là không có, đúng là có, hơn nữa còn có quan hệ mật thiết với cuộc sống của chúng ta.

 “Tâm tính kiên định, trí tuệ minh liễu”, cuộc sống, công việc, đối nhân xử thế đều phải dựa vào trí tuệ. Tri thức có thể xử lý một số việc nhưng lại bị hạn chế, hơn nữa phần lớn còn có hậu di chứng. Trí tuệ tốt hơn, trí tuệ xử lý sự việc không có hậu di chứng, hơn nữa trí tuệ không bị hạn chế, thế trí tuệ từ đâu mà có? Trí tuệ tự tâm thanh tịnh mà ra. Nếu tâm thanh tịnh không có, thì nó ở đâu ra? Từ những lời giáo huấn của Thánh hiền mà ra. Công phu tu hành của quý vị chưa đủ, tâm thanh tịnh sẽ không xuất hiện, nghe những lời Phật dạy trong kinh, và làm theo được, đó chính là trí tuệ. Bắt đầu làm từ đâu? Bắt đầu từ đệ tử quy, từ cảm ưng thiên, từ thập thiện nghiệp. Xin quý vị đừng xem những thứ này hình như quá giản đơn, không có tác dụng gì. Nó có tác dụng rất lớn, hai ba năm lại đây, ở Trung Quốc dường như có rất nhiều hội thảo về văn hoá truyền thống, với nội dung rất phong phú, có rất nhiều nội dung được lên báo cáo tại hội thảo. Hiệu quả của việc học đệ tử quy làm thay đổi quý vị, thay đổi gia đình, thay đổi sự nghiệp. Đề xuất nhiều chứng cứ thuyết phục, chứng minh cái này hay, mà trước đây không ngờ tới. Những thứ này là chúng ta học tập từ giáo dục của Thánh hiền, học tập căn cơ giáo dục của Phật Bồ Tát, nếu như không có cơ sở này, thì việc học những điều của Thánh hiền của quý vị sẽ biến thành tri thức, không dùng được. Nếu thực hiện được ba thứ này, quý vị sẽ có gốc, có gốc của Thánh hiền, có gốc của Phật Bồ Tát, thì khi quý vị học giáo dục Thánh hiền, học kinh điển sẽ lập tức hữu dụng. Quý vị sẽ hiểu ý nghĩa bên trong của nó, có thể tương ứng với bản thân, và có thể giải quyết được vấn đề của quý vị. Sâu xa hơn, nó có thể giúp quý vị giải quyết vấn đề sanh tử, nó có thể giúp quý vị giải quyết vấn đề kiếp sau, quả là hiếm thấy. Đây gọi là vấn đề lớn, chuyện đại sự!

 “Ư thế vô lo”, không có lo lắng, mặc cho thế gian này nhiều thiên tai như vậy, nhưng trong tâm chúng ta xem như không có chuyện gì, tại sao? Biết nhân của nó, biết quả của nó, biết được quả báo và cũng biết được làm sao để hoá giải, đều biết hết. Cho nên không còn gì để lo lắng, day dứt, phiền não nữa. “Ư pháp vô nghi”, là không nghi ngờ gì với dạy học, và giáo pháp của thế xuất thế gian Thánh hiền. Ở đây phức tạp nhất, chính là người hiện nay chịu giáo dục hiện nay, giáo dục hiện nay lấy khoa học làm đầu, mà khoa học trước tiên với tinh thần là hoài nghi. Hoài nghi với vật chất thì có thể được, nghiên cứu vật lý thì được, quý vị có thể nghi ngờ, để quý vị đi tìm căn nguyên. Nhưng nếu quý vị nghi ngờ với lời dạy của bậc Thánh hiền, thì nguy to, vì sao? Vì điều Thánh hiền dạy là từ tâm thanh tịnh mà ra, nói theo thuật ngữ của nhà Phật gọi là Thiền định. Quý vị không tu thiền định, quý vị hoàn toàn xa lạ với nó, quý vị không nhận thức được nó, nếu quý vị không có nghi ngờ cũng sai, mà có nghi ngờ cũng sai. Quý vị phải hiểu nó, giống như Phật pháp, Phật pháp đại thừa quý vị phải hiểu, quý vị phải bỏ dục vọng, nghĩa là nói giới luật mà Phật chế định, quý vị phải tuân thủ. Giới luật là gì? Giới luật bảo quý vị buông bỏ, buông bỏ tự tư tự lợi, buông bỏ danh văn lợi dưỡng, buông bỏ sự tham luyến đối với ngũ dục lục trần, buông bỏ tham sân si mạn, dạy quý vị những điều đó. Buông bỏ sát đạo dâm vọng tửu, quý vị phải bỏ hết, vì sao? Vì tâm thanh tịnh hiện tiền, tâm bình đẳng thì trí tuệ càng cao, đại triệt đại ngộ là trí tuệ viên mãn, những trí tuệ này là có sẵn trong bản thân quý vị. Phật tại sao bảo Quý vị rũ bỏ những thứ này? Vì những thứ này nó cản trở trí tuệ, cản trở đức năng của bản thân quý vị, quý vị vất bỏ mọi thứ cản trở này, thì quý vị sẽ minh tâm kiến tánh.

 Do đó trong giáo lý đại thừa, Phật nói với chúng ta rằng, buông bỏ tất cả chấp trước với thế xuất thế gian, quý vị sẽ chứng quả A la hán, sẽ đạt được thanh tịnh, tâm thanh tịnh sẽ hiện tiền. Khi tâm thanh tịnh hiện tiền, thì lục đạo luân hồi không còn nữa. Lục đạo là nhiễm ô, tâm không thanh tịnh thì quý vị mới nhìn thấy cảnh giới này, nếu tâm thanh tịnh thì sẽ nhìn không thấy, đến lúc đó quý vị mới hiểu được lục đạo là giả, không phải thật, giống như một giấc mơ, vừa tỉnh giấc. Nếu tiếp tục nâng cao lên, chẳng những không chấp trước, mà phân biệt cũng không còn, quý vị sẽ thành Bồ Tát. Quý vị từ Thanh Văn Duyên Giác thăng lên Bồ Tát, Bồ Tát không có phân biệt. Từ Bồ Tát đến Phật, đây là Phật trong thập pháp giới, Thiên Thai đại sư gọi ngài là tương tợ tức Phật, chứ không phải là chân Phật. Vì sao? Vì còn dùng vọng tâm, cũng có nghĩa là ngài còn khởi tâm động niệm, mặc dù không có phân biệt, không có chấp trước, nhưng vẫn còn khởi tâm động niệm. Nếu khởi tâm động niệm được không còn, ngài sẽ thành chân Phật, chứ không phải là giả nữa, thập pháp giới không còn nữa. Từ đó biết được thập pháp giới vẫn là một giấc mơ. Phật trong kinh giảng rằng: “phàm sở hữu tương giai thị hư vọng”, đến lúc này quý vị mới có thể hoàn toàn hiểu thấu đáo, thật là hư vọng chứ không phải giả, không thấy nữa. Không thấy nữa, thì cảnh giới nào xuất hiện? Tỉnh dậy, chính là nhất chân pháp giới hiện tiền, cõi thật báo trang nghiêm của chư Phật Như Lai. Vì sao nói là chân? mọi hiện tượng trong thế giới này bất biến. Hiện tượng thập pháp giới có biến, con người có sanh lão bệnh tử, thực vật có sinh trụ dị diệt, sơn hà đại địa có thành trụ hoại không, chúng đều thay đổi. Mọi điều trong nhất chân pháp giới bất biến, nguyên nhân vì sao? Nó chỉ có tâm hiện không có thức biến, thức là vọng tâm, nó không dùng vọng tâm, hoàn toàn dùng chân tâm, chân tâm bất biến. Mọi hoàn cảnh đều bất biến, con người không già nua, người sống đến mấy ngàn tuổi, mấy chục ngàn năm, không chỉ dừng lại ở đó! Ba a tăng kỳ kiếp. Quý vị không có cách gì để tính được. Vậy thì sao? Vĩnh viễn trẻ mãi như vậy, hoa không tàn, lá xanh không bị vàng, vĩnh viễn như vậy, sơn hà đại địa đều không bị xấu đi, đây gọi là nhất chân pháp giới.

 Nhất chân giới pháp có có thật không? Vẫn không phải là thật. Đến khi quý vị vọng tưởng- vọng tưởng còn có tập khí, nếu tập khí vọng tưởng đoạn tuyệt, nhất chân pháp giới không còn nữa, giống như những gì mà các nhà khoa học nói 90% vũ trụ không còn thấy nữa. Tập khí vô minh của quý vị đoạn tuyệt, thì nhất chân pháp giới không thấy nữa, thế nó đi đâu? Trở về với thường tịch quang, trở về tự tánh. Thường tịch quang tôi vừa nói tới, hiện tượng gì cũng không có, không có hiện tượng vật chất, không có hiện tượng tinh thần, không có hiện tượng tự nhiên, vì thế lục căn của chúng ta không thể đạt đến, lục căn lục thức không duyên đến được, vì thế mới nói nó không có. Thực ra nó có, nó tồn tại, nhưng nó không có hiện tượng gì, duyên không tới. Kinh Phật giảng thấu triệt hơn các nhà khoa học, khoa học còn có nghi vấn, từ không sanh ra có, họ chỉ nói được như vậy. Đức Phật giảng rất rõ, nó hồi quy tự tánh, tự tánh biến nhất thiết xứ, biến nhất thiết thời, nhưng nó không có hiện tượng, ba loại hiện tượng đều không có, nhưng nó tồn tại. Làm sao biết được. Quý vị có thể buông bỏ ý niệm vọng tưởng phân biệt chấp trước, thì quý vị sẽ nhìn thấy, quý vị sẽ đắc chứng, Phật nói việc này chỉ chứng mới biết được. Chứng là không có cái khác ngoài việc bảo ta buông bỏ. Vì vậy chân công phu của Phật pháp là buông bỏ chấp trước, buông bỏ phân biệt, buông bỏ khởi tâm động niệm, quả là chân công phu! Khi buông bỏ chấp trước, quý vị chứng A La Hán; buông bỏ phân biệt, quý vị chứng Bồ Tát; buông bỏ bỏ khởi tâm động niệm, quý vị thành Phật. Quý vị vốn dĩ là Phật, chỉ cần quý vị buông bỏ ba thứ này quý vị sẽ thành Phật, vì vậy đức Phật nói tất cả chúng sanh vốn dĩ đều là Phật, điều này rất đúng. Hiện nay còn có người phản đối Phật giáo, không phải là phản đối chính mình hay sao? Đúng, đúng như vậy, họ phản đối sự buông bỏ, không chịu buông bỏ. Dám buông bỏ, mới đúng! Câu này nói rất thú vị.

 “Ư pháp vô nghi, cố vô hữu ưu lự chi tư”, tinh thần của quý vị sẽ rất thoả mãn, tâm trạng phấn chấn, không có lo âu, không phiền não, không day dứt, thật là tự tại. Tâm tự tại, thân sẽ tự tại, cơ thể sẽ không mắc bệnh gì. Bệnh từ đâu mà có? Bệnh từ âu lo mà ra, người không có âu lo thì làm sao có bệnh! Người không có tham lam, phẫn nộ, ngu muội, ngạo mạn thì đâu có bệnh tật gì! Chẳng những cơ thể không có bệnh, mà ngay cả nơi cư trú sơn hà đại địa cũng không có thiên tai, đây gọi là người có phước ở đất phước. Thế người nào là có phước? Không có lo lắng là người có phước, không có tham sân si mạn là người có phước, họ sống ở nơi nào thì nơi đó sẽ không có thiên tai. Nếu phước báo của quý vị càng lớn, thì phước của quý vị càng xa; phước báo ít, thì trong vòng trăm dặm cũng không có tai nạn gì; phước báo lớn, thì trong vòng ngàn dặm cũng không có thiên tai, gọi là đại phước. Một người có phước báo, thì nhiều người được hưởng theo, vì vậy việc hoá giải thiên tai không còn là vấn đề lớn nữa, chỉ cần quý vị hiểu được thật làm, mọi người sẽ hồi tâm chuyển ý, buông bỏ ý nghĩ ác ý không làm nữa, hành vi ác quyết định không làm nữa. Rủ bỏ tham sân si mạn trong tâm, rũ bỏ hành vi sát đạo dâm vọng tửu, thì mọi vấn đề sẽ được giải quyết, lập tức thấy hiệu quả.

 Mười năm nay, kinh nghiệm trồng rau của chúng tôi là giao lưu trao đổi với sâu bọ, chim chóc. Nơi chúng tôi ở, chúng tôi trao đổi giao lưu với chuột, gián, ruồi, muỗi, kiến, chúng rất biết nghe lời. Vườn phía ngoài của chúng tôi là không gian hoạt động của chúng, trong phòng là không gian hoạt động của chúng tôi, chúng tôi không xâm phạm lẫn nhau, chúng tôi yêu quý bảo vệ nhau. Chúng ở bên ngoài, chúng tôi yêu quý bảo vệ chúng, giúp đỡ chúng, và chúng cũng không làm tổn hại đến chúng tôi. Thi thoảng có vài con kiến bò vào chỗ chúng tôi, đây nghĩa là gì? Chúng đến chơi, chúng tôi cũng không làm tổn thương đến chúng, và mời chúng bò ra ngoài, chúng quả thật rất ngoan ngoãn nghe lời bò ra ngoài.

 Hồi tôi ở Úc Châu, dãy nhà phía sau tôi ở là mới xây, sau khi xây xong tôi dọn đến ở đó, sáng sớm hôm sau tỉnh dậy vào phòng vệ sinh thấy toàn là kiến, nhà mới xây, thế kiến từ đâu đến? Tôi nghĩ không ra, tôi liền nói với kiến rằng: kiến ơi, ta phải dùng nhà vệ sinh, chúng tôi cho nhau thời gian là nửa tiếng, tôi ra ngoài niệm Phật nửa tiếng, sau đó quay lại rửa mặt, súc miệng, các vị từ đâu đến, thì về chỗ đó. Nửa tiếng sau tôi quay lại quả thật không thấy một con kiến nào nữa, đi hết cả rồi, chúng rất biết nghe lời. Quý vị đâu cần phải giết chúng? Không được sát sanh, quý vị giết chúng, chúng sẽ báo thù, thì sẽ xảy ra báo thù qua lại mãi, nếu chúng ta chung sống hoà bình với chúng thì thật là tốt biết mấy! chúng ta hoan hỷ, chúng cũng hoan hỷ, chúng ta cảm ơn, chúng cũng cảm ơn. Đây là kinh nghiệm của bản thân chúng tôi.

 Có một năm, có lẽ là khoảng năm 2007, tôi về quê, thành lập trung tâm ở vùng Thang Trì, để thúc đẩy việc học tập đệ tử quy, rất có hiệu quả. Họ bố trí cho tôi một ngôi nhà, ban đêm tôi làm việc ở đó, nhà mà họ bố trí cho tôi ở gồm một phòng ngủ, một phòng đọc sách, tôi làm việc tụng kinh ở trong phòng đọc sách. Muỗi có khoảng bốn năm chục con, rất nhiều, chúng đều đậu trên tường. Tôi nói với chúng, được, ta tụng kinh trong phòng, các vị nghe kinh, đừng quấy rối ta. Đúng như vậy, sau hai tiếng tôi đọc kinh xong, mà chúng vẫn bất động. Đến sáng sớm ngày hôm sau, tôi đến phòng đọc để xem, quả thật chỉ còn lại mười mấy con vẫn đậu ở đó, những con khác không thấy đâu nữa, chúng biết nghe lời, rất biết nghe lời! Vì vậy quý vị không được giết chúng, phải yêu quý chúng. Nếu đúng là chúng muốn chích thì có thể chính một chút, đồng nghĩa với việc chúng ta cho chúng một bữa ăn, chúng bay đến cũng vì khất thực, chúng ta hãy cho chúng một bữa. Nhưng phải ra điều kiện với chúng như không được chích đau, không gây ngứa. Quả đúng như vậy, chích xong chúng bay đi ngay, không đau cũng không ngứa. Quý vị thấy đó đây thật là một mối quan hệ tốt đẹp. Ở chỗ chúng tôi đây còn có một vị thầy giáo, ông nói với muỗi rằng, tối ta ngủ tay chân có thể chích, nhưng tuyệt đối không được chích ở mặt, nếu chích vào mặt thì ngày mai ta lên lớp sẽ rất xấu. Đúng như vậy, tuyệt nhiên chúng không cắn vào mặt, không chích vào đầu, chỉ chích vào bắp tay và phần đùi, chúng đúng là làm theo như vậy. Do đó, chúng ta yêu cầu gì, chúng cũng đều đáp ứng, các loại động vật nhỏ rất dễ tiếp xúc, đều là linh tánh, chúng hiểu chúng ta, chúng ta khởi tâm động niệm chúng cũng biết. Đây là điều mà mười mấy năm nay chúng tôi luôn luôn làm nghiên cứu, thí nghiệm, không có lần nào thất bại.

 Hết giờ rồi, hôm này chúng ta học đến đây.

**Hết tập 496**

# Tập 497

Chuyển ngữ: Võ Mai Hoa

Biên tập: Minh Tâm

Thời gian: 16.07.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội – Hongkong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 619, hàng thứ nhất, bắt đầu xem từ đoạn giữa, từ câu thứ ba, đọc từ đoạn này:

Câu thứ ba, “tín tâm kiên định, trí tuệ minh liễu, ư thế vô lự, ư pháp vô nghi, cố vô hữu ưu lự chi tư”. Câu thứ ba ở đây muốn nói là: “Khoáng vô tha niệm, vô hữu ưu tu”, tiếp sau phía dưới có “tự nhiên vô vi, hư không vô lập”, phía sau còn có một đoạn kinh văn, chúng tôi chưa giảng đến. Tín tâm kiên định phải có trí tuệ, không có trí tuệ, đừng nói là tín tâm kiên định, mà có thể là tín tâm không còn nữa. Trong xã hội ngày nay, trai gái già trẻ, chúng ta hãy quan sát kỹ, liệu có mấy người có tín tâm? Đừng nói người khác, xem bản thân mình liệu đã có tín tâm hay chưa? Vì thế có nhiều người nói với tôi rằng, xã hội hiện nay nguy cơ nghiêm trọng nhất đó là nguy cơ tín tâm, cái khác đều là thứ yếu, câu này nói rất có lý. Hơn nữa thế xuất thế gian pháp nếu muốn có thành tựu, hoàn toàn dựa trên cơ sở của tín tâm. Trung Quốc từ xưa đến nay, am hiểu giáo dục, coi trọng giáo dục, bỏ rất nhiều công sức cho giáo dục. Dạy cái gì ? Dạy không khác gì với Phật Bồ Tát, Phật Bồ Tát giáo hoá chúng sanh tín tâm được đặt lên hàng đầu: “niềm tin là mẹ các công đức, trường dưỡng tất cả chư thiện căn”. Tín tâm quá quan trọng! Tín tâm nếu như không có, thế xuất thế gian nhất thiết pháp cũng sẽ không có.

Tín là gì? Điều đầu tiên là tin bản thân. Hiện nay ai tin tưởng vào bản thân? Trong Phật pháp, cái tín đầu tiên là tin tưởng mình vốn là Phật, quý vị mới trở thành Phật. Tại vì sao? Vì quý vị vốn là Phật. Quý vị học Phật nhất định sẽ thành Phật. Trong truyền thống xưa, cổ Thánh tiên Hiền dạy người: “nhân tánh bổn thiện”, của câu nói này ý nói là, người người đều là Thánh hiền. Quý vị liệu có thừa nhận mình có thể thành Thánh, có thể thành hiền không? Đây là mục tiêu đâu tiên mà thế xuất thế gian dạy. Cầu học không phải vì thăng quan phát tài, hoàn toàn không liên quan đến những việc đó, truyền thống xưa là dạy quý vị thành Hiền nhân, thành Thánh nhân. Giáo dục Phật pháp chính là dạy quý vị thành Phật, thành Bồ Tát. Quý vị không tin, thì không còn cách nào khác.

Đại sư Ngẫu Ích trong Di Đà Kinh Yếu Giải nói với chúng ta về tín, nói về sáu điều tín. Tịnh Tông có thành tựu hay không, liệu có vãng sanh không, có ba điều kiện, đầu tiên là tín, thứ hai là nguyện, thứ ba là hạnh. Tín là thứ nhất, không có thứ nhất thì không có cái thứ hai, thứ ba nữa. Có hai, chắc chắn có một, có ba chắc chăn có một có hai, họ mới thành tựu, họ mới có thể đắc quả. Quý vị thấy nó rất quan trọng!

Thế pháp cái tín này phải thực hiện ở tứ khoa, thực hiện ở ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức. Vì thế thời cổ đại, quả đúng là đất nước lễ nghĩa, xã hội hài hoà, gọi là “đại đồng chi trị”. Đây chưa phải là lý tưởng, mà đã từng làm được. Trong lịch sử Trung Quốc, Nghiêu Thuẫn Ngu Thang là nước “đại đồng chi trị”, Hạ Thương Chu là thời đại tiểu khang, đạt chuẩn tiểu khang, ba triều đại Hạ Thương Chu, làm sao thành tựu ? Toàn bộ đều là thành tựu giáo dục. Vì thế, cổ nhân tổng kết thành tích này, có hai câu: “kiến quốc quân dân, giáo hoá vi tiên”. Nhất là Phật pháp, Phật muốn giúp đỡ tất cả chúng sanh trong biến pháp giới hư không giới giác ngộ, phá mê khai ngộ, dùng cái gì? Dùng dạy học. Trong Phổ Môn Phẩm nói Quan Âm Bồ Tát có 32 ứng hóa, bất luận dùng thân gì để hoá thân, lần nào cũng vì dạy học. Hoá thân thành thân phận khác nhau, phương pháp cũng khác nhau, phương hướng và mục tiêu trước sau không có thay đổi, gọi là thành Phật chi đạo. Thực hiện ở đâu? Thực hiện ở tam học, lục độ. Tam học là giới định tuệ, lục độ là bố thí, trì giới đến bát nhã. Đơn giản dễ hiểu. Hiện nay khó khăn lớn nhất là chúng ta đánh mất niềm tin, do đánh mất niềm tin, chân tâm của chúng ta không thể hiện tiền, toàn là vọng tâm. Vọng chỉ có thể học được vọng, tuyệt đối không học được chân, kinh điển đặt ra trước mắt chúng ta cũng là vọng. Phật pháp nói nhất chân nhất thiết chân, nếu là chân tâm, không có pháp nào chẳng chân; nếu là vọng tâm, ngay cả đại thừa kinh điển cũng đều là hư vọng. Đây gọi là gì? Là cảnh tuỳ tâm chuyển, việc này thật là khó!

Muốn khế nhập cảnh giới Phật Bồ tát đúng nghĩa, cảnh giới đại Thánh đại Hiền, dùng vọng tâm chắc chắn không làm được. Một phần chân tâm, Ấn Quang đại sư nói đó là thành kính, thành kính là chân tâm, chân thành cung kính. Khi có chân tâm, thì vọng tâm không còn nữa. Trong vọng tâm có ngạo mạn, coi thường người khác, coi thường đối với tất cả mọi người và sự vật, tâm khinh mạn, không còn cách nào khác. Tuỳ tiện phê phán điển tích của Thánh hiền, đây chính là điều quý vị xem thường cổ Thánh tiên Hiền, xem thường Phật Bồ tát, thậm chí còn nói rằng họ có nhiều sai lầm, họ là mê tín, họ không hiều gì về khoa học kỹ thuật, những thứ mà họ để lại đều không hữu dụng. Quý vị dùng thái độ đó để đánh giá về họ, những gì họ để lại trong mắt của quý vị không đáng một xu. Cảnh giới của bậc Thánh Hiền, đừng nói Thánh Hiền, cổ Thánh tiên Hiền của Trung Quốc quý vị không có cách gì tưởng tượng nổi, trong kinh Phật không thể nghĩ bàn, quí vị không thể suy luận được, đây là sự thật, không sai chút nào. Vì vậy nhắc đến câu nói tín tâm kiên định, chúng ta vô cùng cảm xúc.

Chúng ta được cha mẹ dạy bảo từ nhỏ, đây đều là thời nhi đồng, lúc năm sáu tuổi, học một chút về hiếu thuận với cha mẹ, tôn sư trọng đạo. Tôi còn nhớ ngày đầu tiên đi học, ba tôi dẫn tôi đi, trường tư thục, ở ngay trong từ đường, tông đường họ Uyển, ở nông thôn. Từ đường được xây rất to, rất trang nghiêm. Một năm ngoài mấy lần có tế tổ ra, từ đường bỏ trống, vì thế từ đường chủ yếu được tận dụng để dạy học. Giáo viên thì chỉ có một người dạy, học sinh có hơn hai mươi người, không đến ba mươi người, trình độ không đồng đều, hồi đó tôi là nhỏ nhất, từ sáu bảy tuổi đến mười lăm mười sáu tuổi, mỗi một học sinh học sách giáo khoa khác nhau, giáo viên dạy mỗi người một cách. Ngày đầu tiên đi học, ba tôi mang quà, tiền đến tặng giáo viên. Đến lễ đường của họ, nhưng thực tế chính là tế điện trong từ đường, đại điện tế tự tổ tông. Chúng tôi nhìn thấy trong đó có dựng một bài vị, bài vị rất lớn, phía trên viết là “đại thành chí thánh tiên sư chi bài vị”, chính là bài vị Khổng Tử. Thầy giáo ngồi bên cạnh, học sinh đứng hai bên, ba tôi dẫn tôi đến làm lễ ba quỳ chín lạy trước bài vị Khổng Tử trước. Sau khi lạy xong, mời thầy giáo ngồi lên trên, ba tôi bảo tôi đến làm lễ ba quỳ chín lạy trước thầy. Vì chúng tôi ai cũng phải làm những thủ tục này, nên vĩnh viễn nhớ mãi trong lòng, tôn sư trọng đạo, ba tôi ba quỳ chín lạy trước thầy. Thầy đó cũng chỉ khoảng gần 30 tuổi, trạc với tuổi của ba tôi, quý vị thấy đó làm sao mà không nghe lời thầy được? Chúng tôi tận mắt nhìn thấy ba mình lễ bái cung kính với thầy như vậy, học sinh đều đứng hai bên, ai cũng đều làm như vậy, mỗi học sinh đến học đều phải vái lạy thầy, làm đi làm lại bao nhiêu lần, ấn tượng quá sâu sắc, khiến cho quý vị vĩnh viễn ghi nhớ phải hiếu thuận cha mẹ, tôn sư trọng đạo. Với chút quan niệm như thế, tiếp xúc văn hoá Thánh Hiền, kinh điển Phật giáo, mới có thể có chút thành tựu như thế.

Thành tựu lớn hay nhỏ phụ thuộc vào tâm thành kính của quý vị, Ấn tổ giảng rất hay. Năm tôi ba mươi tuổi mới nhìn thấy Ấn Quang Đại Sư Văn Sao. Lần đầu tiên đọc quyển sách này ở lều tranh Ấn Hồng, khi vừa rời bỏ chức vụ, đi theo pháp sư Sám Vân, thân phận cư sĩ, pháp sư dạy tôi đọc bộ sách này. Năm thứ hai tôi đến Đài Trung, Thầy Lý tặng tôi một bộ sách, khi mở ra xem, chính là bốn tập Ấn Quang Đại Sư Văn Sao. Một phần thành kính, một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi. Sau khi xuất gia tôi đi giảng kinh, tôi giảng về Lục Tổ Đàn Kinh, tôi từng nói với các học sinh. Thần Tú đại sư theo ngài Ngũ Tổ nhiều năm, dưới Ngũ tổ ông ngồi ở hàng đầu, là trợ giảng của Ngũ tổ đại sư. Nhưng Ngũ tổ truyền pháp lại truyền cho ngài Huệ Năng, không truyền cho ông, mặc dù ai cũng nghĩ rằng sẽ truyền lại cho ông. Thế tại sao Ngũ tổ lại truyền cho ngài Huệ Năng? Chúng ta nói theo cách nói của Ấn Quang đại sư, Huệ Năng đại sư có vạn phần thành kính, ngài được hưởng vạn phần lợi ích, còn Thần Tú đại sư có thể nói ông có trăm phần thành kính, nên được hưởng có trăm phần lợi ích, hoàn toàn khác nhau. Chúng ta so với Thần Tú, ngài có trăm phần, chúng ta nhiều nhất chỉ có mười phần. Một số người hiện nay? Ngay mười phần cũng không có, người này kém người kia, đây gọi là đời này kém đời kia.

Nếu quý vị muốn hỏi, điều kiện gì mới có thể giúp quý vị học được Phật pháp chân chính. Nói giống như trong khai kinh kệ nói rằng: “nguyện giải như lai chân thực nghĩa”. Hồi trước tôi gặp Chương Gia đại sư, lần đầu gặp mặt, tôi liền thỉnh giáo ngài vấn đề này: Phật pháp đại thừa liệu có có phương pháp gì có thể giúp chúng ta nhanh chóng khiết nhập hay không? Chương Gia đại sư dạy tôi nhìn thấu, buông bỏ. Quả không sai. Chúng tôi đã học 60 năm, kinh giáo cũng đọc không ít, trong kinh giáo đại thừa đức Phật đúng thật sự đã dạy chúng ta như vầy: Buông bỏ kiến tư phiền não, quý vị chứng A La Hán; buông bỏ trần sa phiền não, quý vị là Bồ Tát; buông bỏ vô minh phiền não, quý vị thành Phật. Quý vị thấy, không phải nhìn thấu và buông bỏ đó sao? Nhìn thấu nói như thế nào? Thế xuất thế gian nhất thiết pháp là giả, không phải là thật. Trong kinh Bát Nhã dạy rằng: “nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”. Đây là câu Thế tôn nói ba ngàn năm trước, nhà lượng tử lực học hiện đại đã chứng minh được rồi. Tiến sĩ Planck người Đức, đây là chuyên gia về lượng tử lực học, trong bài báo đã đăng ông nói cho chúng ta biết, giữa các vụ trụ không có cái gọi là vật chất. Vật chất từ đâu ra? Hiện tượng vật chất là có, thế tại làm sao nó không có? Nó là giả, không phải là thật. Vật chất từ đâu mà ra? Sinh ra từ ý niệm, đây quả giống như Phật nói. Đức Phật nói trong kinh rằng tất cả pháp sanh ra từ tâm tưởng, câu này đã nói ra quá nhiều lần rồi. Cảnh tuỳ tâm chuyển, vì sao vậy? Vì tất cả pháp sanh từ tâm tưởng sanh, vì thế tâm có thể chuyển cảnh giới. Suy nghĩ tập trung, có thể chuyển được. Biến ma thuật, nói là một cái ly đặt xuống đây, có thể đem nó chuyển đến bên này. Đó không phải ma thuật, là ý niệm đem nó dịch chuyển qua lại, tức là ý niệm có thế tập trung, chúng ta không thể tập trung, chúng ta tập trung, thì chúng ta cũng có khả năng này. Không những từ bên này bàn chuyển qua bên kia bàn, khả năng còn lớn hơn, vì thế Phật nói: “chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện”, đều đã được khoa học hiện nay chứng minh. Chúng ta làm sao để kiến lập tín tâm, hồi phục tín tâm, nó quan trọng hơn bất cứ điều gì. Không có tín tâm, con người hết cứu vãn.

Tín tâm này của cổ nhân được bồi dưỡng từ nhỏ, họ tin vào phụ mẫu, họ tin tưởng thầy giáo, họ tin tưởng chị em huynh đệ, tin tưởng bạn bè, tin vào hương thân phụ lão, họ đều tin. Họ tin tưởng người trong thế gian này đều là người tốt, không có người xấu. Vì thế xã hội hài hoà, xã hội an định, thế giới hoà bình. Hiện nay cả xã hội này loạn rồi, nguyên nhân vì sao lại loạn? Tín tâm mất hết rồi, đây chính là nhân tố đầu tiên, quý vị thấy vấn đề này quá nghiêm trọng. Tín tâm không còn nữa thì trí tuệ cũng không còn. Cái họ có là gì? Họ có tri thức, họ không có trí năng. Trí năng được sanh ra từ chân tâm quý vị, còn trí thức được sanh ra từ trong vọng tâm. Vọng tâm theo cách nói nhà Phật chính là A lại ya, bát thức, tám thức và 51 tâm sở là vọng tâm. Nghiệp tướng trong A lại ya, hiện nay nhà khoa học gọi là năng lượng, chuyển tướng của A lại ya chính là ý niệm, cảnh giới tướng của A lại ya chính là vật chất. Do năng lượng sanh ra tin tức, từ tin tức lại sanh ra hiện tượng vật chất. Vật chất do ý niệm sanh ra, thế ý niệm từ đâu mà có? Hiện nay các nhà khoa học vẫn chưa chứng minh được, nhà khoa học nói với chúng ta, ý niệm là từ không sanh ra có. Câu này chúng tôi có thể hiểu. Phật pháp đã giảng rất rõ ràng, ý niệm là được sanh ra từ chân tâm của quý vị. Thế chân tâm ở đâu? Chân tâm chắc chắn có, không có chân tâm thì đâu có vọng tâm? Vọng tâm là dựa trên chân tâm mà ra, vọng tâm chính là A lại ya. Vì thế nói, năng lượng, tin tức, hiện tượng vật chất đều là sanh ra từ chân tâm. Thế chân tâm ở đâu? Chân tâm chắc chắn quý vị tìm không ra, vì sao vậy? Chân tâm không có ba loại hiện tượng này, nhưng có thể sanh ra ba hiện tượng này.

Khoa học có thể nói là đã đạt đến biên lề của minh tâm kiến tính, chỉ chỉ kém một chút nữa là họ sẽ thành Phật, nhưng họ lại không thể thành Phật, nguyên nhân gì vậy? Phật nói rồi, quý vị muốn thấy chân tâm, phải dùng chân tâm, không thể dùng vọng tâm; hay nói cách khác, quý vị phải đem khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước buông bỏ hoàn toàn, chân tâm sẽ hiện tiền, quý vị sẽ nhìn thấy, khoa học chỉ thiếu một chút này thôi. Hiện nay họ còn dùng tư duy tưởng tượng để tư duy, đây không làm được, cái này trong kinh đại thừa giảng rằng, cực hạn của họ chính là đến A lại ya, họ hiện nay đã đạt đến cực hạn rồi. Vì vậy, bây giờ chúng ta phải dựa vào Phật pháp đại thừa giúp chúng ta kiến lập tín tâm, sau khi có tín tâm rồi, quay lại đi học lại văn hoá truyền thống, quý vị mới cảm nhận chân thực về cảnh giới Thánh Hiền. Cổ nhân gọi là Khổng Nhan chi lạc, niềm vui của Khổng Tử và Nhan Hồi, đó là cảnh giới của Thánh nhân. Thế tại sao tôi lại dùng đại Phật pháp đại thừa để kiến lập tín tâm? Bởi vì Phật pháp đại thừa giảng rất thấu triệt, giảng rất rõ ràng. Chúng ta bây giờ dùng khoa học để đối chiếu, có thể sanh tín tâm. Văn hoá truyền thống không dễ dàng, tín tâm về văn hoá truyền thống phải kiến lập từ nhỏ, tầng lớp trí thức hiện đại vô cùng vô cùng khó khăn.

Từ đây có thể thấy, văn hoá truyền thống và Phật pháp đại thừa đều nói về minh tâm kiến tánh. Trong Đại Học có nói: “đại học chi đạo, tại minh minh đức”, đó chính là minh tâm kiến tánh, “tại thân dân, tại chỉ ư chí thiện”. Mục tiêu đầu tiên của giáo dục thời cổ đại chính là đạt đến cảnh giới này, minh minh đức, thân dân, chỉ vu chí thiện, là cảnh giới của thánh nhân. Vua Nghiêu Thuấn Ngu Thang đều cai trị quốc gia chí công vô tư, thiên hạ vi công, truyền ngôi không truyền cho tử tôn. Quý vị thấy, Nghiêu truyền cho Thuấn, Thuấn truyền cho Ngu, thời đại đó quả là thiên hạ công bằng. Con trai vua Thuấn đúng là bậc hiền nhân, rất được mọi người ủng hộ. Vua Ngu ban đầu cũng muốn tìm người khác, mọi người đều nói con trai ngài quá giỏi, truyền cho ông sau này thiên hạ sẽ thành một nhà. Từ đại đồng biến thành tiểu khang, điều này được ghi lại trong lịch sử của Trung Quốc. Đây là tốt hay không tốt? Tốt hay không đều không thể nói được. Ắt phải là do nhu cầu thời đại, yêu cầu của người dân. Vì vậy, chế độ tất nhiên là trị quốc chi bổn, nó không phải là quan trọng nhất, “nhân thị pháp chi nguyên dã”, con người quan trọng. Người nếu mà là thánh hiền, ở chế độ nào họ cũng là thánh hiền, chế độ thánh hiền, người nếu bất thiện, thì chế độ tốt mấy đi nữa vào tay họ cũng trở nên xấu đi. Vì thế cố nhân đem chế độ đặt vị trí thứ hai, làm sao để dạy người thành người tốt được đặt lên đầu.

Con người phải có trí tuệ, trí tuệ thật sự mở ra, vô lo với đời.Có tri thức vẫn chưa đủ, người có tri thức ưu lo, họ có nghi ngờ, lo là ưu lo. Người có trí tuệ không có âu lo, người có trí tuệ không có nghi ngờ. Phật Thích Ca Mâu Ni không có âu lo, không có nghi ngờ, tâm của Phật Thích Ca Mâu Ni là gì? Là chân tâm. Chân tâm là gì? Trong Kinh đề này nói là thanh tịnh bình đẳng giác, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, giác ngộ mà không mê, đây là chân tâm. Mỗi một chúng ta đều có, bây giờ toàn mất hết rồi. Thanh tịnh biến thành ô uế, bình đẳng biến thành cao thấp, giác biến thành mê hoặc, chính là sai ở đây. Nhưng chân tâm vĩnh viễn không thể thay đổi, thay đổi gì? Cái thay đổi là vọng tâm, không phải chân tâm. Chỉ cần chúng ta đem vọng tâm vất bỏ, không cần nó nữa, chân tâm sẽ xuất hiện, không dùng nó, chân tâm sẽ hiện tiền. Quý vị nhìn sắc màu nghe âm thanh, lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần không chấp trước, chính là không dùng đến thức thứ 7, không chấp trước; nếu không phân biệt, không dùng thức thứ 6; nhông nghĩ đến nó, không dùng thức thứ 8, chân tâm sẽ hiện tiền. Chỉ cần quý vị khẳng định không dùng nó là được! Quý vị nghĩ xem, tôi không dùng đến cái này, chẳng phải là tôi vô tri, cái gì tôi cũng không biết sao? Quý vị sai rồi. Khi thật sự không dùng đến, cái gì quý vị cũng biết, quá khứ, tương lai quý vị đều biết. Chân tâm giống như một tấm gương, soi là thấy, không phải muốn thấy, không phải phân biệt thấy, không phải chấp trước thấy, soi thấy! Nó mới thấy được chân tướng, chân tướng là gì? Ngũ uẩn giai không. Quý vị đọc Tâm Kinh, Quán Thế Âm Bồ Tát, Quán Tự Tại chính là Quán Thế Âm, Ngài nói với chúng ta rằng, Ngài hành thâm Bát nhã Ba La Mật, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách. Ngày nay tai nạn nhiều như vậy, không còn nữa, mất hết rồi, toàn bộ đều hoá giải rồi. Đây là thật, trí tuệ khai thông, không còn gì nữa. Người có trí tuệ chưa khai thông thì gặp nạn, người khai thông trí tuệ thì không gặp nạn, không còn nữa. Vì vậy, khổ lạc vui buồn đều là do mình gây ra, không phải người khác gây ra cho quý vị, cũng không có gì gọi là tai nạn tự nhiên, quý vị hiểu rõ chân tướng thì sẽ biết. Vì vậy, không có ưu lo, không có vướng mắc, không có phiền não, không có nghi hoặc, không có nghi hoặc thì tín tâm kiên định.

Chúng ta xem tiếp câu dưới đây: “Nhược ước tịnh tông”, quay trở lại thì là giáo nghĩa của tịnh độ tông, hiểu thế nào về đoạn kinh văn này. “Khoáng vô tha niệm giã, vạn duyên phóng hạ dã”, buông bỏ hết, nếu quý vị muốn thành tựu ở Tịnh tông, quý vị không buông bỏ sao được, phải buông bỏ. “Hàm vị đạo mộ”, câu nói này là “nhất niệm đơn đề”. “Vô hữu ưu tư, đương niệm tức thị”. Cái này tiếp nối rất hay, hoàn toàn dùng tịnh độ tông để giải thích. Đầu tiên phải buông bỏ, thế xuất thế gian nhất thiết phải đều phải buông xuống. Tại vì sao? Vì nó không phải là thật. Nếu không buông bỏ, quý vị phải tiếp lục chịu lục đạo luân hồi. Quý vị không muốn luân hồi lại, quý vị phải buông bỏ. Luân hồi quá khổ rồi, đời đời kiếp kiếp cái khổ này không nói hết, nhất là xã hội hiện nay. Tôi sống trong xã hội này đã 85 năm rồi, mọi cái đều nhìn rất rõ, rất minh tường. Có ý nghĩa gì? Có giá trị gì? Có lợi ích gì? Giống như trong kinh Bát Nhã nói: “nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánhkhông, bất khả đắc”. Đã 80 tuổi rồi, có thể mất đi bất cứ lúc nào. Cổ nhân đem đời người gắn liền với xuân hạ thu đông, cách so sánh này rất thú vị. Con người từ khi sinh ra đến năm 20 tuổi, tuổi này trẻ, gọi là mùa xuân của cuộc đời mỗi người, 20 đến 40 tuổi là mùa hạ của đời người, 40 đến 60 mươi là mùa thu của đời người, 60 đến 80 là mùa đông của đời người. Sau 80 tuổi không còn nữa, sau 80 có thể ra đi bất cứ lúc nào, xuân hạ thu đông quý vị đều trải qua rồi, nên rủ bỏ được rồi. Bỏ hết để đi đến đâu? Bỏ hết để đi đến thế giới cực lạc. “Hàm vi đạo mộ”, chính là “nhất niệm đơn đề”, là cầu sanh tịnh độ, chính là ý nghĩ này đây. Ngoài ý nghĩ này ra, không còn ý nghĩ khác, nếu còn có ý nghĩ khác thì sai. Quý vị phải liễu sanh tử xuất tam giới, trên 80 rồi còn chưa liễu sanh từ xuất tam giới sao? “Vô hữu ưu tư”, tập khí phiền nào cũng đoạn hết, vì thế “đương niệm tức thị”, ý nghĩa của câu nói này rất sâu, quý vị đã được nghe trước đây rồi.

“Nhất thanh Phật hiệu, vạn lự tề tiêu, linh quang độc diệu, quýnh thoát căn trần, khánh nhiên độc tồn, hà hỷ hà ưu, cố vân vô hữu ưu tư”. Quả đúng như vậy! vì thế chính là nhất thanh Phật hiệu, một bộ Kinh Vô Lượng Thọ, nhất thanh Phật hiệu. Người thật sự có thiện căn sâu dày, người có phước đức, nghe đến kinh này sẽ sanh tâm hoan hỷ. Đúng là nghe xong họ đều buông bỏ hết, giống như trong Kinh Kim Cang đứ cPhật từng dạy. “Pháp còn phải bỏ huống là phi pháp”. Pháp là nhất thiết pháp mà Phật Thích Ca Mâu Ni thuyết trong suốt 49 năm, đều buông bỏ, không học nữa, chỉ học một bộ Kinh Vô Lượng Thọ này, chỉ niệm một câu A Di Đà Phật, một phương hướng, một mục tiêu. Một phương hướng, là thế giới phương tây cực lạc, một mục tiêu là thân cận với Phật A Di Đà, Phật A Di Đà là bổn sư. Mỗi này tôi lễ Phật ba lạy, lạy bổn sư. Lạy thứ nhất: Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Lạy thứ hai: Nam mô Bổn Sư A Di Đà Phật. Lạy thứ ba: Nam mô Bổn Sư Tì Lô Giá Na Phật. Vì sao lại lạy như vậy? Thích Ca là Ứng thân Phật, Di Đà là Báo thân Phật, Tì Lô Già Na là Pháp thân Phật, Phật có tam thân, pháp báo ứng tam thân, ba thân cũng là một thân, ba tức là một, một chính là ba. Pháp thân là thể, báo thân là tự thọ dụng, ứng thân là tha thọ dụng,giáo hoá chúng sanh. Chúng ta lạy Phật là lạy như vậy, niệm niệm không quên, niệm niệm không rời. Vì thế “đương niệm tức thị, nhất thanh Phật hiệu”. Nếu quý vị có lo lắng gì, trong tâm bất an, trong tâm vướng mắc, trong tâm phiền não, bất luận là thuận cảnh hay nghịch cảnh, thứ này hễ xuất hiện, toàn bộ quy về A Di Đà Phật, dùng một câu A Di Đà Phật để thay thế nó. Cái gì cũng không nên bỏ trong tâm, trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, đó không có nghĩa là không có cái gì. Đây là cảnh giới gì? Nói theo Thiền tông là “linh quang độc diệu”, linh quang độc diệu, trí tuệ sẽ hiện tiền. “Quýnh thoát căn trần”, căn là lục căn: mắt tai mũi lưỡi thân ý, trần là lục trần: sắc thanh hương vị xúc pháp. Từ lục căn lục trần giải thoát ra ngoài, gọi là thoát, đây là cảnh giới của pháp thân Bồ Tát. “Khánh nhiên độc tồn”, cái độc tồn này là chân tánh, hoặc nói là pháp thân. “Hà hỉ hà ưu”, không những vui buồn đều không được, không có nữa, nhiễm tịnh cũng không. Vui buồn là việc của lục đạo, nhiễm tịnh là trong tứ thánh pháp giới, tứ thánh pháp giới cũng không có nữa, nên nói là “vô hữu ưu tư”. Đoạn dài này chúng ta học đến đây, bây giờ xem tiếp đoạn kinh văn dưới đây.

“Tự nhiên vô vi, hư không vô lập, đạm an vô dục, tác đắc thiện nguyện, tận tâm cầu sách, hàm ai từ mẫn, lễ nghĩa đô hợp, bao la biểu lý, quá độ giải thoát”.

Hai chữ “tự nhiên” này xuyên suốt cả đoạn. “Nãi nhân thích đắc kỳ trung, nhi tự nhiên như thị”. Chữ quan trọng nhất ở đây chính là nói về chữ trung. Làm sao có thể “thích đắc kỳ trung”? Trong Phật pháp đại thừa, chữ trung này là trung đạo đệ nhất nghĩa, chính là tự tánh, chính là chân tâm. Dùng chân tâm, dùng tự tánh, hoặc nói là dùng tánh đức, mọi thứ đều là tự nhiên. Tự nhiên này, phần trước Niệm Lão đã giảng cho quý vị rất rõ rồi, tức là pháp nhĩ như thị mà trong kinh đại thừa đã nói đến, tất cả pháp vốn là như thế. Quý vị không nên ở trong pháp này khởi tâm động niệm, khởi tâm động niệm quý vị sẽ sai. Vì sao vậy? Vì động niệm quý vị bị mê rồi. Tâm của quý vị vốn dĩ giống như nước, nước rất sạch sẽ, không có ô nhiễm, nước rất phẳng, không có gợn sóng, giống như mặt gương, mọi cảnh giới bên ngoài được soi chiếu rất cụ thể, rõ rõ ràng ràng, đó là trí tuệ. Quý vị hễ động niệm thì sẽ gợn sóng, gợn sóng thì soi không rõ, khi nước không phẳng, cảnh quan chiếu xuống sẽ bị méo mó, nước càng động mạnh thì càng soi không thấy gì. Cổ nhân dùng lối so sánh này quả là rất hay. Cho nên dụng tâm cũng giống như dùng gương soi, dụng tâm như dụng thuỷ. Vì vậy chúng ta cúng Phật, cúng Phật, cúng Bồ Tát, trong đồ cúng thứ quan trọng nhất đó là một ly nước, không phải ngài uống, nó không phải dùng để uống. Ly nước đó là biểu pháp, để quý vị tự nhìn vào, tâm của quý vị liệu có giống như nước hay không, không có ô nhiễm, không có gợn sóng, biểu là có nghĩa vậy đó. Cúng nước chính là dùng chân tâm của quý vị để cúng Phật, với ý nghĩa như vậy. Vì vậy quý vị cúng trà là sai, trà có màu sắc, có ô nhiễm. Cái ly dùng để cúng**,** tốt nhất là dùng ly thuỷ tinh, trong suốt, quý vị nhìn rất rõ ràng. Nó là thứ biểu pháp, bất cứ lúc nào cũng nhắc nhở bản thân quý vị, tâm của quý vị có bằng phẳng như nước vậy không, đó chính là tâm bình đẳng; không có ổ nhiễm, chính là tâm thanh tịnh; nó soi, chính là giác. Vì thế trong tất cả đồ cúng, ly nước này là quan trọng nhất, đồ cúng khác có thể không có, nhưng phải có ly nước, bày tỏ chân tâm của quý vị khi cúng. Các thứ khác đều là phụ theo, có cũng được, không có cũng được. Quý vị phải hiểu ý nghĩa này, ly nước này có tác dụng lớn nhất.

Hiểu rõ cái ý nghĩa này, cổ nhân cũng có, bây giờ tôi cảm thấy còn quan trọng hơn cả cổ nhân. Vì sao vậy? Cái mà cổ nhân thường đặt trên bàn là văn phòng tứ bảo, trong văn phòng tứ bảo vẫn có nước sạch. Nó dùng để làm gì? Dùng rửa bút, bút sau khi viết xong, phải đem rửa sạch sẽ. Sau khi rửa sạch sẽ, đem đổ nước này đi, rồi thay bằng chậu nước sạch khác, trên bàn có nước. Người học Phật trên bàn học để một ly nước sạch, để quý vị nhìn thấy bất cứ lúc nào, quý vị đọc sách có chân tâm không? Quý vị viết chữ có chân tâm không? Quý vị đối nhân xử thế có chân tâm không? Cái này hay quá! Bây giờ những người làm quan, nếu trên bàn có một ly nước, tôi xử lý công việc có dùng chân tâm không, tâm có sạch sẽ giống như nước không? có bình đẳng như nước không? Đó không phải là Phật Bồ Tát đang làm quan sao? Phật Bồ Tát đang làm việc sao? Quá tuyệt vời! Quý vị không nhìn không biết, hễ nhìn là lập tức nhắc nhở bản thân, quyết tâm không bị ô nhiễm, quyết tâm không để gợn sóng, quý vị sẽ “thích đắc kỳ trung”. Dùng chân tâm là trung đạo, vì sao vậy? “Bất thiên bất tà”, việc quý vị làm đều là việc tốt, chắc chắn ích lợi cho quốc gia, ích lợi cho nhân dân, chắc chắn không có suy nghĩ ích lợi cho bản thân. Có ích cho bản thân, nước này sẽ biến thành ô nhiễm, vì thể tự nhiên là như thế.

“Tự nhiên vô vi, bất nhân tạo tác, tự nhiên an trú ư vô vi pháp trung, thử chân vô vi; nhược nhân tạo tác, tắc thị hữu vi”. Cái gì gọi là tạo tác? Khởi tâm động niệm là tạo tác, phân biệt là tạo tác, chấp trước là tạo tác, dùng bộ não của quý vị để suy nghĩ, nên làm thế nào làm thế nào, là tạo tác, đó gọi là hữu vi pháp. Hết thảy mọi thứ là vì tư tưởng, thiết kế, phát minh của bản thân quý vị, đi thi công, đều là hữu vi pháp, không phải là tự nhiên. Tự nhiên mới gọi là vô vi pháp. Phật Thích Ca Mâu Ni đã thị hiện cho chúng ta, vô vi pháp. Buổi tối Ngài trú ở nơi nào? Dưới gốc cây, đêm ngủ dưới cây, ăn ngày một bữa. Ăn ngày một bữa, ra ngoài đi khất thực, không khởi tâm không động niệm, không phân biệt không chấp trước, mọi người cho thứ gì ăn thứ đó. Ngài sống là một cuộc sống vô vi pháp, ngài đem vô vi pháp trong cuộc sống biểu hiện cho chúng ta. Mỗi ngày Ngài dạy vô vi pháp. Phật Thích Ca Mâu Ni chưa viết qua bản thảo, chưa viết gì gọi là đề cương, không cần suy nghĩ trước là giảng cho quý vi điều gì, không cần. Quý vị đặt câu hỏi, cũng không cần suy nghĩ phải trả lời quý vị ra sao, không cần, đều không cần, đều là theo tự nhiên, vô vi. Vô vi mà vô sở bất vi, vô sở bất vi mà vô vi, đây gọi là chân vô vi pháp. Được không? Quý vị dám làm thì sẽ được, quý vị không làm thì không được. Vì sao vậy? Ở Trung Quốc, Đại sư Huệ Năng lục tổ thiền tông đời Đường làm gương cho chúng ta, thị hiện ở Trung Quốc. Ngài không biết chữ, ngài suốt đời giống như Phật Thích Ca Mâu Ni, an trú vô vi, cũng chính là an trú thanh tịnh bình đẳng giác. Ngài Huệ Năng suốt đời giáo hoá chúng sanh, giống hệt như Phật Thích Ca Mâu Ni, không có bản thảo, cũng không viết đề cương. Bất luận giảng cho một người, hai người, hay là nhiều người, Ngài vừa ngồi xuống, giảng liền một mạch không ngớt, ghi âm lại lời Ngài nói, là một bài giảng rất tuyệt diệu, quý vị bảo Ngài viết, ngài viết không ra, Ngài không biết chữ. Tất cả mọi kinh điển của đức Thế Tôn Ngài đều chưa đọc qua, người khác cầm kinh điển đến thỉnh giáo ngài, “Anh đọc cho ta nghe”, nghe đọc xong ngài sẽ giảng giải cho quý vị. Vô vi! Đây là cái gì? Đây là trí tuệ. Trí tuệ từ đâu mà có? “Thích đắc kỳ trung”, trí huệ sẽ mở ra. Hơi có chút thiên tà, trí tuệ sẽ không có. Ý nghĩa của trung là không thiên không tà, một chút thiên tà cũng không có, cái tâm này ở chánh trung. Phật nói với chúng ta, mỗi một người đều có chân tâm, chân tâm chính là trung, có ý nghĩa là trung ở đây, cũng chính là thanh tịnh bình đẳng giác. Vì sao chân tâm của quý vị không hiện ra? Quý vị có vọng tâm, quý vị có ý nghĩ. Niệm trước diệt rồi, niệm sau lại sanh khởi, đây là vọng tâm, toàn là vọng cả, chân tâm của quý vị chưa bao giờ lộ ra lần nào. Người học Phật, người niệm Phật, người tham thiền, người trì chú, người tụng kinh đều có kinh nghiệm, có thể là chân tâm hiện ra trong một sát na, nhưng niệm thứ hai chân tâm không còn nữa. Quý vị không giữ được, nếu quý vị giữ được công phu thì sẽ thành công, quý vị không giữ được. Có hay không? Có, khi thật sự dụng công thì sẽ có. Có hiện tượng này, hiện tượng này là hiện tượng tốt, bản thân quý vị phải từ từ giữ vững nó, tức là thời gian cho nó kéo dài. Trước là một chút, nháy mắt là qua đi, hy vọng có thể giữ nó trong vài giây, giữ được đến mười mấy giây, giữ vững một đến hai phút, đó gọi là cái gì? Đó gọi là định. Cái định này trong danh từ của kinh Phật gọi là vị đáo định, khi đạt được rồi, sẽ giữ vững nó trong một thời gian dài. Quý vị lúc này chưa đạt đến, chỉ có thể giữ vững trong thời gian ngắn thì không có nữa. Nhưng nó hỗ trợ rất lớn đối với tín tâm của quý vị, quý vị có kinh nghiệm này, quý vị sẽ tin đúng là có chân tâm, đúng là có chuyện như thế. Trước hết là định, định chính là chế tâm nhất xứ. Niệm Phật, tôi đem tâm định tại Phật hiệu,thì sẽ nảy sinh hiện tượng này. Lâu ngày quả đúng là được định, sau khi định rồi thì giữ chặt, không nên vất bỏ nó đi, sẽ khoát nhiên đại ngộ, quý vị sẽ được ngộ. Ngộ cũng không cần vui mừng, giữ vững tâm quý vị bình thường. Vì sao vậy? Vì vốn dĩ đều là ngộ, Mê hoặc trước đây là quý vị sai rồi, những thứ mà quý vị vốn có tìm về lại, có cái gì xứng đáng để vui mừng, dùng tâm bình thường giữ lại. Vì sao vậy? Nó có tiểu ngộ, có đại ngộ, có triệt ngộ, quý vị không phải đại triệt đại ngộ. Đại triệt đại ngộ phải trải qua rất nhiều lần đại ngộ, mới có thể đạt triệt ngộ. Nhưng có cảnh giới này, mặc dù không phải là đại ngộ, vãng sanh tịnh độ quyết định có phần. Thậm chí muốn đi lúc nào thì đi lúc đó, không một chút cản trở. Cái này trong Phật pháp gọi là liễu sanh tử xuất tam giới, sanh tử đã liễu được rồi.

Quý vị muốn hỏi, chúng tôi phải học trong thời gian dài bao nhiêu thì mới có thể làm được? Vấn đề này đừng hỏi bất cứ ai, bất cứ ai nói với quý vị đều sai, đều không phải là thật. Hỏi ai? Hỏi bản thân mình, bản thân khi nào buông bỏ, buông bỏ bao nhiêu, quý vị hỏi điều này, quý vị sẽ hiểu ra. Nếu giống như ngài đại sư Huệ Năng trong chốc lát buông hết, ngài đúng là bỏ hết sạch, sau một câu nói của Hoà thượng Ngũ Tổ, ngài liền có thể đem khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước đồng thời rũ bỏ, thì ngài thành Phật ngay. Người như thế này không nhiều, điều này trong Phật pháp nói là hàng thượng thượng căn. Hàng thượng căn làm không được, phải hàng thượng thượng căn. Lục tổ Huệ Năng suốt đời, trải qua sự hướng dẫn của ngài, đại triệt đại ngộ, đạt đến trình độ tương đồng như ngài, có 43 người, đều là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Nhưng mà, không giống như ngài chỉ một lần có thể rũ bỏ hết, nghĩa là không có hàng thượng thượng căn. Học sinh mà Ngài dạy, có người chỉ mấy tháng là khai ngộ, có người mấy năm mới khai ngộ, có người mười mấy năm mới khai ngộ, có người hai mươi mấy năm mới khai ngộ. Thế nhưng sau khi khai ngộ xong, cảnh giới hoàn toàn tương đồng; đây chính là buông bỏ đi bao nhiêu có khác nhau, đến cuối cùng đúng là buông bỏ hết, cảnh giới bình đẳng ngay. Vì thế, trong số 43 học sinh căn tánh có khác nhau, nhưng mà đều là lợi căn, nếu không phải hàng lợi căn, thì suốt đời không đạt đến cảnh giới này. Nếu suốt đời không đạt đến cảnh giới này, thì sẽ phiền phức to. Vì sao vậy? Vì quý vị không ra khỏi luân hồi, còn ở trong lục đạo. Kiếp sau, đương nhiên họ sẽ không mất nhân thân, kiếp sau sẽ tu tiếp. Nhưng mà kiếp sau tu, ít nhất cũng bỏ lỡ mất mười mấy năm, họ phải đầu thai, lại từ từ lớn lên. Kiếp sau liệu có gặp được thầy giáo giỏi? Do phước phần của họ nên có thể, nhưng không nhất định. Gặp được thầy giáo giỏi, kiếp đó có thể được thành tựu. Cũng có thể gặp phải thầy không tốt, mấy kiếp luân hồi xoay chuyển, công phu sẽ thụt lùi. Cái này rất phiền phức, tiến tiến thoái thoái, bao nhiêu kiếp cũng không thể thành tựu.

Vì vậy nó vĩnh viễn không bằng tịnh độ, pháp môn tịnh độ tốt, chỉ cần hơi có một chút tiểu công phu là có thể vãng sanh, sau khi vãng sanh chắc chắn không thoái chuyển. Trong thế giới cực lạc, có thể nói rằng bảo đảm cho quý vị suốt đời đại triệt đại ngộ, kiến tánh thành Phật. Đến thế giới cực lạc là lớp bảo chứng. mỗi người học tập trong thế giới cực lạc, thành Phật sớm hay muộn đều khác nhau. Có người đến đó, họ thành Phật rất nhanh, có người ở đó phải trải qua thời gian rất dài, căn tánh có khác nhau. Thực tế mà nói, liệu có chịu buông bỏ tập khí hay không, vấn đề mấu chốt chính là ở đây, buông bỏ triệt để sẽ thành Phật ngay. Phật Thích Ca Mâu Ni năm 30 tuổi, ngồi dưới cây bồ đề, cũng giống như ngài Huệ Năng buông bỏ triệt để, thành Phật ngay. Đại sư Huệ Năng trong phương trượng của Ngũ tổ buông bỏ triệt để, có thành tựu, đem y bát truyền cho Ngài ngay. Vì thế đây là một hiện tượng rất tự nhiên, hữu vi và vô vi nhất định phải hiểu cho rõ ràng, hiểu cho minh bạch.

“Hư không, chỉ tâm như thái không, khai quảng vô tế, ly câu vô nhiễm, bất thọ nhất trần”. Đây là gì? Đây là chân tâm của quý vị, Chân tâm của quý vị là như thế đấy. Bây giờ chúng ta đưa ra một chuẩn mực, rồi tiến hành đối chiếu cụ thể với bản thân, thì biết được chân tâm của chúng ta hoàn toàn bị mê hoặc. Cái đầu tiên, tâm lượng của chúng ta rất nhỏ, không giống như thái không. Tâm chúng ta có thế chứa bao nhiêu người? Người thích tôi, tôi bao dung họ, người ghét tôi, tôi bài xích họ, đây là cái tâm gì? Tâm phàm phu, tâm lục đạo luân hồi. Trong kinh Phật dạy rằng: “tâm bao thái hư, lượng chu sa giới”, đó là nói ai? Nói bản thân chúng ta, không phải nói người khác. Phật A Di Đà “tâm bao thái hư, lượng chu sa giới”, Phật Thích Ca Mâu Ni cũng như vậy, thập phương Phật đều như vậy, tôi quý vi họ cũng đều như vậy, không có gì khác. Tâm lượng nhỏ là gì? Tâm lượng nhỏ là phiền não, là tập khí, là vọng tưởng, phân biệt chấp trước của quý vị. Vọng tưởng phân biệt chấp trước đều là giả, không phải là thật. Vì sao lại phải chấp trước như vậy? Rõ ràng là kiếp này quý vị có thể thành Phật thành tổ sư, hà cớ gì phải đi làm lục đạo luân hồi! Lục đạo luân hồi vốn dĩ không có, do quý vị tự làm tự chịu, là do bản thân quý vị phân biệt chấp trước biến hiện ra. Nhất là chấp trước, chấp trước vừa rũ bỏ, thì lục đạo không còn nữa, giấc mộng này sẽ tỉnh lại. Khi tỉnh lại rồi thì là cảnh giới gì? Là cánh giới tứ thánh, chính là từ cõi phàm thánh đồng cư, quý vị sẽ được thăng lên cõi phương tiện hữu dư. Cõi phương tiện hữu dư là những người nào? A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát, Phật, họ đều ở bên đó, quý vị thăng cấp rồi, thăng đến cảnh giới đó. Nếu quý vị còn chút chấp trước, quý vị không đi được, quý vị ở tại lục đạo. Ai có thể giúp quý vị vượt qua lục đạo? Chỉ có bản thân quý vị giúp đỡ quý vị, Phật Bồ Tát không có khả năng này. Nếu Phật Bồ Tát có khả năng này thì chúng ta không cần tu hành nữa, không cần phải buông bỏ, ngài không giúp đỡ chúng ta thì từ bi ngài ở đâu? Ngài không có cách gì.

Vì thế Phật Bồ Tát có thể giúp chúng ta, chư vị phải nhớ, đó là bằng dạy học. Đem cái lý này giảng cho quý vị hiểu, giảng rõ ràng, ngài làm thế nào để từ phàm phu tu được thành Phật, đem phương pháp, kinh nghiệm của ngài nói cho quý vị, cung cấp để quý vị suy nghĩ. Đây là việc mà ngài chắc chắn giúp được quý vị, giúp không được thì ngài nói không giúp được, ngài không lừa quý vị. Phật Bồ Tát gia hộ quý vị, che chở cho quí vị. Dùng cách nào? Chính là kinh giáo che chở cho quí vị, kinh giáo gia hộ quí vị. Quí vị phải thật sự nghe hiểu mới được, mới được gia trì. Nếu quý vị nghe không hiểu, quý vị không nhận được gia trì. Phải dùng phương pháp gì mới có thể nghe hiểu được? Như phần trên tôi đã giảng, phải dùng chân tín, chân tâm, cái tâm chân thành khẩn thiết để cầu pháp, quý vị sẽ nghe hiểu. Quý vị đọc kinh văn này, quý vị đọc phần chú giải, quý vị chắc chắn sẽ cảm nhận được ý nghĩa trong đó. Quý vị không có chân tâm, quý vị không có chân tín, quý vị có nghe cũng không hiểu. Nghe không hiểu thì làm sao? Nghe nhiều, một năm chưa nghe hiểu, hai năm, hai năm chưa nghe hiểu, ba năm, tám năm mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm, quý vị cứ tiếp tục nghe, dần dần sẽ nghe hiểu.

Tôi có chút chân tâm như vậy thôi, tâm chân thành, nhưng tôi không tin tưởng tịnh độ, tôi thích cái lý luận trong kinh giáo. Vì thế tôi học Phật, sau khi nghiên cứu mười mấy năm kinh đại thừa mới tin tưởng Tịnh độ. Nếu không trải qua thời gian dài như vậy, Tịnh độ thật khó tin. Vì thế, sau này nhìn thấy kinh văn, pháp môn này gọi là khó tin dễ làm, tôi cảm nhận được ý nghĩa đó. Tôi học Phật, tin vào Tịnh độ mười mấy năm, làm sao tin tưởng vào Tịnh độ? Tôi đã nói cho quý vị rồi, tôi giảng về Hoa Nghiêm, giảng Lăng Nghiêm, giảng Pháp Hoa, mới tin vào Tịnh độ. Vì vậy pháp môn Tịnh độ này của tôi là Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Hoa Nghiêm đem tôi dẫn vào Tịnh độ. Nếu như không có những đại kinh đại luận này, hồi đó thấy Lý thiện ý kiên trì khuyên tôi tu Tịnh độ, tôi rất cảm kích thầy, tôi không có tiếp thu, tôi cảm kích lòng từ bi của thầy, sự chân thành dạy bảo. Vào thời gian đó, tôi cho rằng Tịnh độ không bằng những đại kinh đại luận như kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm. Cho nên dùng nhiều thời gian, tinh lực vào nghiên cứu đại kinh, Tịnh độ không đáng để xem, coi thường nó. Trong những kinh điển này đọc được Văn Thù, Phổ Hiền, đây là vị Bồ Tát mà chúng ta nghưỡng mộ nhất, khâm phục nhất, làm sao quý ngài thành công? Thì ra đều là niệm A Di Đà Phật mà thành công. Đọc những kinh văn này, lông tơ dựng đứng, cái này là thế nào? Đọc lại cẩn thận, lần này phục rồi. Đến cuối cùng đọc đến Di Đà Kinh Yếu Giải của Đại sư Ngẫu Ích, trong Yếu Giải ngài nói rằng, Phật Thích Ca Mâu Ni tu pháp môn gì mà thành Phật? Ngài niệm Phật thành Phật. Chúng tôi lúc này mới thay đổi ý nghĩ, mới hiểu được sự thù thắng của pháp môn này. Đọc lại kinh này, cảm nhận khác hoàn toàn. Trước đây không thấy được sự diệu kỳ, bây giờ xem lại, từng chữ từng câu ý nghĩa vô cùng, từng chữ từng câu đều thâm thuý tuyệt vời, kinh khác đều không so sánh được. Nếu như tôi không trải qua những cơ bản như vậy, nếu không có ai giảng cho tôi thấu triệt như vậy, minh bạch như vậy, quý vị bảo tôi tin thật là khó.

Tôi từ nhỏ, nếu bảo tôi tin một thứ gì đó, tôi nhất định phải làm cho rõ, cho minh bạch, thì tôi mới tin. Nếu tôi chưa làm rõ ràng, chưa minh bạch, thì tôi sẽ không tin. Vì thế từ hồi nhỏ, mẹ tôi cũng lạy Phật, nhưng bà lại không học Phật, chỉ có đến miếu thắp hương lạy Phật mà thôi. Hồi nhỏ bà thường dẫn chúng tôi đi, đến miếu để thắp hương, một năm phải đi đến Miếu Thành Hoàng vài ba lần. Điện Diêm Vương cho tôi hiểu sâu sắc về giáo dục nhân quả, thế nhưng khi lớn lên, chưa phải đã lớn, mười mấy tuổi đi học rồi, tôi vẫn còn không tin, tôi cho rằng đó là mê tín. Cho đến lúc gặp được thầy Phương Đông Mỹ tôi mới hồi tưởng lại, năm hai mươi sáu tuổi. Hồi tưởng lại để suy nghĩ về quá khứ, về nơi mẹ dẫn tôi đến xem, điều tôi nhìn thấy, điều nghe thấy, rồi lại hồi ức về, cảm thấy rất có lý. Nhất là điều quý vị nói mê tín, mê tín mà có thể truyền mấy ngàn năm, nó không có lý thì bị người ta vất bỏ từ lâu rồi. Vì thế, chúng tôi đối với những thiên thần quỷ thần này, thì nên chú ý lưu tâm nghiên cứu về họ, dần dần sẽ hiểu ra. Dùng Phật pháp để nghiên cứu rất nhanh, hiểu về cái gì? Họ là chúng sanh, họ giống chúng ta, chúng ta tồn tại, họ cũng tồn tại, chỉ là khác nhau về tầng không gian. Đây là điều mà khoa học từng nói. Trong Phật pháp, không phải cùng trong một pháp giới. Vì vậy thập pháp giới, thập pháp giới không chỉ là mười, mà vô lượng vô biên.

Pháp giới, nói thật ra, chính là tầng không gian mà khoa học nói đến. Từ đâu mà ra? Từ phân biệt chấp trước mà ra. Nếu chúng ta không có phân biệt chấp trước, thì tầng không gian này sẽ không có nữa. Không có, quý vị sẽ có thể nhìn thấy hết, có thể nghe thấy, có thể tiếp xúc được, vì sao vậy? Vì không có chướng ngại nữa. Vì vậy chúng ta đối với những người gọi là có khả năng đặc biệt, người có một số thần thông, chúng ta phải khẳng định họ. Họ không phải đang loan tạo tin đồn, đây là điều không thể có. Đối với những người này chúng ta phải rất cẩn thận thận trọng, là có khả năng, nhưng cũng có giả tạo, là giả, điều này nhất định phải biết. Khi gặp phải là đúng, thì không có vấn đề gì, gặp phải người giả, quý vị nếu nghe theo họ, quý vị sẽ bị lừa. Phải dùng tâm thái gì để đối phó đây? Phải dùng trí tuệ, phải dùng Phật pháp, phải dùng lời giáo huấn của Thánh hiền để phán đoán, họ cung cấp thông tin gì cũng không sao. Chúng ta nên tiếp nhận những thông tin này ra sao? Làm sao dùng những thông tin này để có lợi cho chúng ta, mặt tích cực, mà không nên bị tổn hại về mặt tiêu cực, cái này cần phải định, phải có trí tuệ.

Do đó giải quyết vấn đề, chúng ta phải theo giáo huấn của Thánh hiền, theo giáo huấn kinh điển, để tránh bị sai lầm. Khổng Tử nói: “kính quỷ thần nhi viễn chi ”, viễn không phải vất bỏ, viễn là có thể tiếp cận họ, phải cung kính họ, họ cũng là một loại chúng sanh, phải tôn trọng họ, lễ kính họ, cúng dường họ, không thể tiếp tu giáo huấn của họ. Họ có rất nhiều điều khuyên thiện sửa lỗi lầm, có thể dùng, còn nói cho quý vị pháp môn tu hành, thì không thể dùng. Vì sao vậy? Vì họ không ra khỏi lục đạo luân hồi. Quý vị tu theo phương pháp của họ, quý vị sẽ cùng loài với họ. Tu theo cách của ma quỷ, tương lai quý vị sẽ thành quỷ đạo; tu theo cách của thiên đạo, quý vị tương lai sẽ đến thiên đường, tu theo cách của ma, quý vị sẽ biến thành ma. Họ là thầy của quý vị, quý vị học theo họ, không phải là theo đạo lý này sao? Vì thế chúng ta không nên học theo họ những điều này, chúng ta học theo Phật. Họ có cái giống với điều kinh Phật giảng, ví dụ như không sát sinh, không trộm cướp, là việc tốt, chúng ta ca ngợi họ, tôi theo Phật dạy, tôi không phải theo quý vị dạy. Giới hạn này phải vạch ra cho rõ, quý vị sẽ không bị lừa. Nghe được thông tin là tăng thêm hiểu biết, nhất định phải đem sự hiểu biết này biến thành trí tuệ, chứ không phải là tri thức, như thế mới đúng.

Do vậy tâm lượng phải mở rộng, mở rộng vô biên, tránh xa cái xấu. Tự tư tự lợi là nhiễm ô, danh văn lợi dưỡng là nhiễm ô, ngũ dục lục trần là nhiễm ô, những thứ này đều không được lấy. Phải cảnh giác từng phút từng giây, vì sao vậy? Vì chúng ta nhiễm ô đã thành thói quen, nhiễm ô của chúng ta đã rất nghiêm trọng, thời gian vô cùng lâu dài, bây giờ mới giác ngộ. Sự nhiễm ô này nếu không được trừ bỏ, thì không thể vãng sanh. Nhiễm ô càng ít, vãng sanh càng chắc chắn, mà sanh đến thế giới phương tây cực lạc, phẩm vị càng tăng cao, cố gắng phải vất bỏ nó sạch sẽ. Không chút bụi trần, một chút bụi trần cũng không nên bỏ trong tâm. Trong tâm phải bỏ cái gì? Chỉ bỏ Phật A Di Đà, hoặc là chỉ bỏ một Kinh bộ Vô Lượng Thọ. Quý vị có thể đọc thuộc Kinh Vô Lượng Thọ, mười hai canh giờ từng giờ từng phút, khi nào không có việc gì thì đọc kinh, đọc từng lần từng lần. Hoặc là niệm Phật, Phật hiệu không được gián đoạn. Nếu không đọc kinh, không niệm Phật, tạp niệm của quý vị trổi dậy. Tạp niệm là tiếp tục làm luân hồi, đọc kinh, niệm Phật là chắc chắc sanh thế giới cực lạc. Hai con đường đặt ra trước mắt quý vị, quý vị đi đường nào?

Cái này bản thân chúng ta phải thường xuyên nghĩ đến, đi theo con đường nào? thời gian không nhiều, nhân sinh tại thế, người sống đến 100 tuổi e là thiểu số, lời cổ nhân nói: “hoàng tuyền lộ thượng vô lão thiếu”. Tôi bây giờ mười mấy năm không đọc báo rồi, khi chưa học Phật tôi ngày hàng ngày đều đọc báo, trước năm 26 tuổi. Tôi đọc báo chí có khác với người khác, người ta đọc báo trước hết đọc về thiên hạ đại sự, tôi không đọc cái này. Tôi đọc tin cáo phó đăng trên báo chí, những người nào những người nào hôm nay mất rồi, hàng ngày đọc cái này. Đọc cái này làm gì? Dần dần rồi sẽ đến lượt tôi, tôi có cái tâm cảnh giác này. Vì thế đây có lẽ là do kiếp trước có chút thiện căn, sanh tử đại sự. Những người mất đi hàng ngày đó không chắc hẳn đều là người già, có người bốn, năm mươi tuổi, có người hai, ba mươi tuổi, có hết, quý vị đi xem. Đây là sự cảnh giác rất lớn đối với chúng ta. Sau khi học Phật, tôi liền đem báo chí vất hết, không đọc nữa, phim ảnh, ti vi, tất cả truyền thông đều vất bỏ hết. Ngoài kinh Phật ra chỉ đọc thư tịch Thánh hiền, đọc cái này, thì sẽ nảy sinh sở thích với nó, không nhiễm bụi trần.

Dưới đây, “vô lập”, “nhất pháp bất lập”. Tốt, sạch sẽ. Nhất pháp bất lập là gì? Chính là “thuật nhi bất tác” mà Khổng Phu Tử từng nói. Khổng lão phu tử cả đời đúng là nhất pháp bất lập. Những điều mà chính bản thân ông học được, tu được, dạy được, truyền lại được, đều là những thứ của cổ Thánh tiên Hiền. Chúng ta cũng không nên tạo lập cái mới để lập nhất pháp, chúng ta có sẵn, lượm người ta cũng có sẵn, hội tập của Hạ Liên Cư, chú giải của Hoàng Niệm Tổ, đều có sẵn. Tôi còn đi lập cái gì nữa? Không cần thiết. Tôi dựa theo phương pháp này, đến thế giới cực lạc đi lạy Phật A Di Đà làm bổn sư cho chúng ta. Nam mô bổn sư A Di Đà Phật, đi học theo ngài. Tôi nói với các vị, bản thân ngài cũng là nhất pháp bất lập. Vì sao vậy? Không được lập, trong tâm thanh tịnh nhất pháp đều không có, quý vị làm sao lập nhất pháp? Lập nhất pháp, sẽ bị các nhà khoa học tìm thấy, chính là vì ngài nhất pháp bất lập, nên khoa học không có cách gì đối với ngài. Cái đạo lý này nhất định phải biết, nhất pháp bất lập là đúng, Phật thật, lập nhất pháp là Phật giả. Phật Phật đạo đồng! Tự tánh là viên mãn, trí tuệ viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn. Lập nhất pháp, cái này toàn bộ đều không còn nữa, biến chất rồi. Không chỉ là lục đạo, chúng sanh của thập pháp giới đều là lập nhất pháp, lập hư rồi, pháp này là cái gì? Ta, có ta thì hư rồi, cái pháp này lập không đúng. Không có ta, ta là giả, không phải là thật. Vì vậy Kinh Kim Cang dạy chúng ta, bỏ tứ tướng: “vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng”. Chẳng những tứ tướng phải buông bỏ, mà ý nghĩ về tứ tướng đó cũng không được có, mới sạch sẽ. Vì thế nửa bộ sau giảng: “Vô ngã kiến, vô nhân kiến, vô chúng sanh kiến, vô thọ giả kiến”, kiến đều phải vất bỏ. Ý nghĩ về tôi, người, chúng sanh đều không có. Thế Tôn biểu diễn cho chúng ta, dạy bảo chúng ta, là tuỳ thuận vào ý niệm của chúng ta mà nói, nói về tứ tướng, nói về tứ kiến, trong tâm ngài đều không có, ngài là chân tâm, nhất pháp bất lập.

“Đạm an”, đạm là đạm bạc, an là yên tĩnh. Người tu đạo nhất định phải khế nhập cảnh giới này. Đạm bạc, mới có thế tuỳ duyên, hằng thuận chúng sanh, tuỳ hỷ công đức, tuỳ duyên tiêu nghiệp cũ, không nên tạo sai lầm mới. Chỉ có tiêu nghiệp, không tái tạo nghiệp, thì nghiệp của quý vị mới xoá hết sạch sẽ. Quý vị đang tiêu nghiệp, đồng thời lại đang tạo nghiệp, thì nghiệp của quý vị vĩnh viễn xoá không sạch. Do đó hai chữ “đạm an” này là vô cùng quan trọng, phải đạm bạc, phải yên tĩnh. “Thuỷ lưu bình mãn chi mạo”, nước chảy rất phẳng lặng, thì cũng đầy rồi, đây là dạng của đạm an. Văn Tuyển Tống Ngọc Phú nói: “Hối đạm đạm nhi tính nhập”. Đây có nghĩa là “ thuỷ ba tương kế, tương tự tương kế, thử dụ tâm ly đoạn thường, bình mãn dụ bình đẳng viên mãn”. Những thứ này đều là tự nhiên, vốn là như vậy. Tâm ly đoạn thường chính là ý nghĩ không còn nữa. Đoạn thường là đối lập. Chân tâm là thường, thường trú, nó vĩnh viễn bất sanh bất diệt, mọi hiện tượng đều đoạn diệt. Tướng là đoạn diệt, tác dụng là đoạn diệt, thể là thường trú. Đây là chân tướng sự thật, liệu có cần bỏ vào trong tâm? Không cần. Bỏ vào trong tâm, tâm của quý vị sẽ biến thành A lại ya, chính là vọng tâm. Không bỏ vào trong tâm, quý vị không có vọng tâm. Không có vọng tâm là ai? Pháp thân Bồ Tát. 41 vị pháp thân đại sĩ trong kinh Hoa Nghiêm, với Diệu Giác Như lai, họ đều không có vọng tâm, họ dùng chân tâm. Chân tâm ly niệm, không có ý nghĩ, quý vị làm sao còn có thể có cái thường niệm, đoạn niệm? Cái ý nghĩ này không có nữa, không có nữa mới là bình đẳng viên mãn. Bình mãn là so với bình đẳng viên mãn, trí tuệ bình đẳng viên mãn, đức năng bình đẳng viên mãn, tướng hảo bình đẳng viên mãn, không có cái nào không bình đẳng viên mãn. Trong thế giới cực lạc, Phật A Di Đà dùng hoằng nguyện của bản thân, tu trì công đức, đem tướng bình đẳng viên mãn bộc lộ ra ngoài, để cúng dường những chúng sanh vãng sanh về thế giới cực lạc. Ngài làm đại thí chủ, ngài cúng dường biết bao nhiêu người, công đức này quá to lớn. Chư Phật Như Lai đều không cách nào so sánh kịp. Tâm chân thành, hoàn toàn là chân tâm. Vì những chúng sanh này mà giảng kinh thuyết pháp, để cho họ khế nhập vào cảnh giới Phật cứu cánh viên mãn. Thế xuất thế gian giảng đến ân đức, Phật A Di Đà là cứu cánh viên mãn，không ai có thể so với ngài. Chúng ta phát tâm vãng sanh về thế giới cực lạc, thân cận Phật A Di Đà, đây là nhân duyên đại sự đầu tiên, công đức thù thắng không gì sánh bàng. Kiếp này may mắn gặp được, đừng bỏ qua cơ hội, bỏ qua thật là đáng tiếc.

“Vô dục”. “Dục giả, Đại Thừa Nghĩa Chương viết: nhiễm ái trần cảnh, danh chi vi dục”. Trần là lục trần, sắc thanh hương vị xúc pháp, cảnh giới này gọi là trần cảnh. Quý vị đối với cảnh giới này, nhãn đối sắc, nhĩ đối thanh, khỏi tâm động niệm thì nhiễm rồi, nhiễm ô rồi. Bởi vì quý vị không biết lục căn là giả, lục trần cũng là giả, đều không phải là thật. Nếu trong đó nảy sinh tham ái, chữ ái này nghĩa rất rộng, nếu thuận theo ý của bản thân, quý vị thích chiếm hữu, quý vị thích khống chế, nếu không thuận theo tâm mình, quý vị thích họ nhanh chóng biến đi. Vì thế cảnh giới thuân nghịch đều dùng chữ ái này để thay thế. Chính là cái gì? Quý vị có phân biệt, quý vị có chấp trước, quý vị ở đó khởi tâm động niệm, thế thì sai rồi, đó gọi là dục vọng. Vì vậy ái dục thường thường được dùng liền nhau. Luôn luôn phải thuận theo ý của mình, trong thực tế ý của bản thân là giả, cũng không phải thật, chỉ là tạo nghiệp mà thôi, rất đáng sợ!

Dưới đây lại nói: “ư duyên dục thụ, xưng dục”. Duyên, là phan duyên, phan duyên tài sắc danh thực thùy, quý vị muốn thọ dụng chúng, tức là quý vị muốn khống chế, quý vị muốn chiếm hữu, đây chính là dục, ý nghĩa của dục.

 Hựu Câu Xá Luân vân: “dục, vị hy cầu sở tác sự nghiệp”. Đây cũng là một loại dục vọng. Quý vị có hy vọng, quý vị có cầu nguyện, cầu cái gì? Cầu sự nghiệp của quý vị. Trong lục đạo có ai không làm? Sự nghiệp làm càng lớn thì càng tốt. Nếu sự nghiệp là vì bản thân, phần lớn là tại tam đồ, vì sao vậy? Vì ý nghĩ của họ toàn là tham sân si, tăng trưởng tham sân si. Tham tâm đường ngạ quỷ, sân nhuế đường địa ngục, ngu si đường súc sinh, đều là những thứ này. Nếu sự nghiệp của quý vị vì người khác, vì quốc gia, vì dân tộc, vì tất cả chúng sanh, quá tốt! Sự nghiệp này tương lai đạt được kết quả phần lớn là thiên đạo. Vì thế Thánh hiền, tương lai là vãng sanh thiên đạo, nhưng đều không ra khỏi lục đạo luân hồi, điều này quý vị phải hiểu cho rõ ràng. Thế gian này người làm việc đại thiện thực sự, luôn nghĩ về quốc gia dân tộc, luôn nghĩ về khổ nạn chúng sanh, không vì bản thân, nhiều người đều làm thiên thần. Thần, có một cách giảng ý nghĩa của nó, đại công vô tư chính là thần, gọi là minh thần, họ đều đi đến đường đó rồi, rất nhiều người.

“Cứ thử, tắc kinh trung xá chư ái trước, dữ diệc vô hy cầu, bất hy cầu tưởng”. Những điều này đều thuộc về vô dục. Chúng ta không có mong cầu, cũng không có không mong cầu, mong cầu và không mong cầu đều buông bỏ, tất cả thuận theo tự nhiên. Tốt! Trong mệnh quý vị có phước báo, đều tự nhiên, việc gì phải cầu. Việc gì phải bỏ nhiều suy nghĩ đi kinh doanh nó. Cứ thật thà làm kinh doanh, những gì có trong số mệnh đều xuất hiện, cái không có trong mệnh có cầu cũng không được, cái không có trong mệnh, nếu cầu mà có thể cầu được, thì Khổng phu tử đã cầu rồi. Vì sao ông không cầu? Ông biết rằng cái không có trong mệnh thì cầu cũng không được. Vận mệnh không có chức vị, thì có cầu cũng không được, mệnh không có tài phú, cầu cũng không có, hà tất phải cầu! Cái quý vị cầu được đều là những cái có sẵn trong vận mệnh. Cổ nhân có câu: “nhất sanh giai thị mệnh, bán điểm bất do nhân”, câu nói này quá tuyệt. Quý vị nghe hiểu rồi, quý vị suốt đời an nhiên. Sống như thế nào? Thuận theo chúng sanh. Phổ Hiền Bồ Tát nói tuỳ hỷ công đức, hằng thuận chúng sanh, tuỳ hỷ công đức, quý vị sống thật hạnh phúc, tự tại mỹ mãn. Nếu như gặp được Phật pháp, cái mà quý vị đời này cầu nguyện chỉ là một sự việc: giải thoát. Quý vị không làm lục đạo luân hồi, đời này quyết định phải siêu việt, không làm việc dại này nữa. Liệu có làm được không? Quyết tâm phải làm được. Nho giáo dạy người thành Thánh, Đạo giáo dạy người thành tiên, Phật pháp dạy người thành Phật. Thành Thánh, thành Hiền, thành Phật đều có khác nhau. Thánh nhân trong lục đạo, quả báo của họ phần lớn trên trời, bởi vì họ không có đoạn dục, họ sanh dục giới thiên. Nếu dục vọng đoạn tuyệt, họ sanh sắc giới thiên. Vì thế nho giáo Trung Quốc phần lớn tại sắc giới thiên; Đạo giáo phần lớn tại vô sắc giới thiên. Phật phải thoát ly lục đạo, vì thế Phật giáo quả báo nhỏ nhất, cơ bản nhất là A La Hán. A La Hán không ở trong lục đạo, rời xa lục đạo, đi đến tứ thánh pháp giới rồi. Đại Thừa lại càng cao, Đại thừa phần lớn, tu pháp môn thông thường họ đến thế giới Hoa tạng, người niệm Phật sanh tịnh độ Di Đà, thế giới cực lạc, họ đi đến đây rồi.

 Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

**HẾT TẬP 497**

#

# Tập 498

Chuyển ngữ: Liên Hải

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 17.07.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội – Hongkong

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 620, hàng thứ hai, bắt đầu xem từ đoạn giữa.

 Ba câu trên đây, hiển bày thực tế lý địa, không nhiễm mảy trần. Nhưng trong vạn hạnh, không bỏ pháp nào. Nên nói tiếp: “làm được thiện nguyện, tận tâm tìm cầu”, thật hiển sự lý vô ngại, viên dung diệu nghĩa tự tại.

Trên đây là những điều trong Kinh Vô Lượng Thọ và Câu Xá Luận nói: xả các ái trước, cũng không mong cầu, không mong cầu tưởng. Những đoạn kinh này đều nói về vô dục. Hiển bày thực tế lý địa, thực tế là chân thật, chân thật chỉ có chân tâm, tự tánh. Lý địa, địa nghĩa là năng sanh, năng sanh vạn pháp. Lý thực tế là năng sanh vạn pháp, đem nó ví dụ cho địa. Cho nên thực tế lý địa chính là bản tánh, chính là chân tâm. Huệ Năng đại sư nói: “đâu ngờ tự tánh, năng sanh vạn pháp”, chính là ý này vậy.

Không nhiễm mảy trần, trước đây chúng ta học qua rất nhiều rồi. Trong chân tâm nó là thanh tịnh, không sanh không diệt. Nó là một pháp cũng không lập. Cho nên nó không có hiện tượng, không có hiện tượng vật chất, cũng không có hiện tượng tinh thần, cũng không có hiện tượng tự nhiên, nó không có thứ gì cả. Cho nên người thường chúng ta không thể nào hiểu được. Trên thực tế, nó có mặt khắp nơi, lúc nào cũng có. Bởi vì nó không có hiện tượng, cho nên chúng ta không nhìn thấy, không nghe được, không thể đụng chạm đến nó, cũng không tưởng tượng ra nó. Bởi vì nó không phải là hiện tượng tinh thần, cho nên quí vị không nghĩ đến được. Với khoa học triết học ngày nay cũng không thể đạt đến được. Bởi vì khoa học triết học phải cần có đối tượng, chính là hiện tượng, mới có thể thăm dò đến được. Nó không có hiện tượng, cho nên khoa học kỹ thuật và triết học đều không có cách gì. Làm thế nào mới biết được? Trong kinh Phật nói với chúng ta: “chỉ chứng mới biết”. Chỉ cần quí vị thực sự chứng đắc quí vị liền biết được. Chứng đắc thế nào? Buông bỏ vọng tưởng xuống liền chứng đắc. Vọng tâm chướng ngại chân tâm. Nó từ chân tâm biến hiện ra. Trong chân tâm không có vọng tâm, có thể hiện vọng tâm. Vọng tâm có thể hiện vọng tướng. Mười pháp giới y báo chánh báo trang nghiêm, ngày nay chúng ta nói là vũ trụ, hư không. Vạn sự vạn vật trong Phật Pháp đều gọi là huyễn tướng. Nó không phải thật. Nó thuộc về sát na sanh diệt. Nói một cách nghiêm túc nó căn bản không tồn tại. Đó mới là chân tướng sự thật. Cho nên bản thể năng sanh năng hiện, chính là chân tâm, chính là tự tánh. Tự tánh của bản thân, chân tâm của bản thân, trong đó thứ gì cũng không có, gọi là không nhiễm mảy trần. Không mảy may nhiễm trước. Đây là thể năng hiện năng sanh. Là bản thể mà triết học nói đến, đức Phật thực sự tìm ra nó rồi. Nhưng trong vạn hạnh môn, không bỏ pháp nào. Hành là hiện hành, thức là A lại ya thức. Chính là chân tâm của chúng ta. Trong kinh Đại Thừa nói: Nhất niệm bất giác liền sanh khởi vô minh. Vô minh này chính là nghiệp tướng của A lại ya. Nghiệp tướng sanh chuyển tướng, chuyển tướng sanh cảnh giới tướng. Nói cách khác, ba loại hiện tượng này, trong mỗi sát na đều đã đầy đủ. Nhất niệm bất giác là nghiệp tướng của A lại ya. Hiện tượng tinh thần, ngày nay nhà khoa học nói là tin tức, là chuyển tướng của A lại ya. Cho nên vật chất từ đâu mà có? Vật chất là tinh thần biến hiện mà ra. Tinh thần từ đâu mà mà có? Từ trong nhất niệm bất giác mà phát sanh ra. Nhất niệm bất giác chính là thứ ngày nay nhà khoa học gọi là năng lượng. Năng lượng từ đâu mà có? Từ tự tánh biến hiện ra. Tự tánh chưa gặp được duyên sẽ không biến hiện. Duyên là gì? Duyên là nhất niệm bất giác, đây là duyên. Nhất niệm bất giác không có nguyên nhân. Nhất niệm bất giác không có thời gian, cũng không có không gian. Điều này rất khó lý giải. Bản thân tôi thâm nhập kinh tạng ba bốn mươi năm rồi, mới dần dần thể hội được vấn đề này, dần dần hiểu ra, khẳng định nó, thừa nhận nó, không còn hoài nghi nữa. Không huân tập thời gian dài như vậy, thông thường chúng ta nói thực tập, đích thực rất khó hiểu rõ nó. Vì sao vậy? Vì nhất định quí vị phải buông bỏ phiền não. Chỉ cần quí vị có phân biệt chấp trước, quí vị vĩnh viễn không thể hội được. Chỉ là nghe nói mà thôi, trong kinh Phật nói như vậy, biết có sự việc như vậy, nhưng bản thân quí vị không thể nghiệm được. Quí vị buông bỏ càng nhiều, quí vị càng tiếp cận với nó hơn, tiếp cận đến một trình độ nào đó, quí vị liền thể hội được. Thực sự thấy được đó là Pháp thân Bồ Tát.

Viên giáo sơ trụ trong Kinh Hoa Nghiêm mới vừa tiếp xúc được. Sơ trụ là thành Phật rồi. Phật Giáo Trung Quốc thường nói minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Lục Tổ Huệ Năng đời nhà Đường thấy được rồi. Thích Ca Mâu Ni Phật năm xưa dưới cội Bồ đề thấy được rồi. Phật Giáo ở Trung Quốc hai ngàn năm nay, thực sự đạt đến cảnh giới này, cũng chính là trong triết học nói thấy được bản thể. Thông thường chúng ta tính toán, tính toán một cách bảo thủ nhất, hơn ba ngàn người. Phật Giáo ở Trung Quốc thành tựu thù thắng vô cùng. Nếu như người niệm Phật vãng sanh càng nhiều, người niệm Phật vãng sanh tính toán nghiêm túc nhất, hơn 100.000 người. Sanh đến thế giới tây phương cực lạc chưa chắc đã là kiến tánh. Nhưng họ đồng với kiến tánh, điều này không thể nghĩ bàn. Bởi vì họ phiền não chưa đoạn, cũng chính là nói họ còn phân biệt chấp trước. Tập khí thì không cần phải nói nữa, nhưng tại thế giới cực lạc, đạt được oai thần bổn nguyện của Phật A Di Đà gia trì, làm cho thần thông, trí tuệ, đạo lực của quí vị và pháp thân Bồ Tát gần giống nhau, tương đồng. Sự việc này không thể tưởng tưởng được. Trong kinh Phật nói là không thể nghĩ bàn, không thể tưởng tượng được. Đây toàn là thật không phải là giả. Phật Thích Ca sẽ không dối người, Phật A Di Đà cũng sẽ không dối người. Học Phật cầu sanh Tịnh độ là con đường tắt để thành Phật, một con đường nhanh nhất. Cho nên Thế Tôn tận tình khuyên bảo, hướng dẫn chúng ta. Cảnh giới tu đạo liền hiện tướng, khởi tác dụng, không bỏ một pháp, một pháp này là nói thế gian pháp, đầy đủ tất cả pháp thế gian.

Cho nên dưới đây tiếp tục nói: “làm được thiện nguyện, tận tâm tìm cầu”. Con người nhất định phải phát thiện nguyện, hơn nữa phải đem thiện nguyện thực hiện ra. Tận tâm tìm cầu, hi vọng thiện nguyện này có thể thành tựu. Chắc chắn không phải làm ác, làm ác đáng sợ quá. Quả báo của làm ác tại tam đồ, tại địa ngục, khổ không thể nói hết. Những hiển thị này lý sự vô ngại. Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng là sự sự vô ngại, diệu nghĩa viên dung tự tại.

“Như Đức Tôn Phổ Hiền Phẩm viết”- phẩm Đức Tôn Phổ Hiền thứ hai của quyển kinh này, trong kinh văn nói: “Chư đại Bồ Tát trong hội đó vào pháp môn không, vô tướng, vô nguyện”. Đây là cảnh giới Pháp thân Bồ Tát. Không, vô tướng, vô nguyện, tất cả đều từ thực tế lý địa mà nói. Không nhiễm nhất trần, làm gì có không? Làm gì có vô tướng, làm gì có vô nguyện? Không hữu đều không có nữa, hữu vô cũng không có nữa, nguyện và vô nguyện cũng không thể thành lập. Vì sao vậy? những thứ này nếu quí vị chấp trước tướng, đều là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Quí vị nếu không chấp tướng, tất cả đều không có nữa. Nhưng trên sự thì có, trên lý không có, đó mới là viên dung. Nghiêng về mặt lý là chấp không. Thiên trên mặt sự là chấp có. Chấp không chấp có đều là sai lầm. Không có nhị biên không chấp nữa, nhị biên cũng không bỏ. Đây mới gọi là viên dung tự tại.

Chư Bồ Tát đều tu theo đức của Bồ Tát Phổ Hiền, đầy đủ vô lượng hạnh nguyện, có hạnh có nguyện, vào pháp môn không vô tướng vô nguyện, đây là vô trụ.

Trong Kinh Kim Cang nói vô trụ, đều cùng tu theo đức của Bồ Tát Phổ Hiền, đầy đủ vô lượng hạnh nguyện, đây là khởi tâm, sanh tâm. Trong Kinh Kim Cang nói: “ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”. Huệ Năng đại sư khai ngộ ngay chính câu nói này. Nhị biên không chấp, nhị biên không rời. Đây là đại thừa, đây là Bồ Tát, đây là Phật. Nhị biên đều chấp là phàm phu. Chấp trước không, không chấp trước có, là Tiểu thừa. Tiểu thừa chấp không, không chấp có, có là giả. Phàm phu chấp có, không chấp không. Người tu hành thường thường rơi vào một bên. Người chấp có trở thành ngoại đạo, người chấp không cũng trở thành ngoại đạo.

Căn tánh đại lợi, nghe được những câu kinh này họ liền hiểu rõ. Đối với chân tướng tất cả pháp thông đạt hiểu rõ, không còn mê hoặc nữa, đây là Bồ Tát. Vô trụ mà sau sanh tâm. Sanh tâm này nghĩa là gì? Là chân tâm khởi tác dụng. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni khi còn tại thế, thị hiện cho chúng ta tám tướng thành đạo. Quí vị xem ngài thị hiện, ngài cũng đầu thai, Ngài cũng ra đời, giống như mọi người bình thường vậy. Từ nhỏ dần dần lớn lên, cầu học, tu đạo, thành Phật, giáo hóa chúng sanh, cuối cùng nhập diệt. Quá trình thị hiện này cho chúng ta thấy. Vậy nếu chúng ta hỏi, Ngài có chấp trước hay không? Ngài có phân biệt không? Nếu Ngài có chấp trước, có phân biệt, Ngài là phàm phu. Vậy là chẳng khác gì chúng ta. Chính vì Ngài không còn phân biệt, không còn chấp trước, chẳng những không còn phân biệt chấp trước, ngay cả khởi tâm động niệm Ngài cũng không có. Đây nghĩa là gì? Đây chính là điều Thế Tôn thường nói: “vốn là Phật”. Vốn là Phật không phải chỉ có một mình Ngài, mà người nào cũng vậy. Chỉ là mọi người chúng ta không chịu buông bỏ khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước. Nếu như chịu buông bỏ, buông bỏ là được rồi. Vì sao không buông bỏ? Điều này quan trọng hơn bất cứ thứ gì. Buông bỏ mới là bản thân thật sự. Không buông bỏ chính là mê. Phân biệt chấp trước là tạo nghiệp. Phân biệt tạo nghiệp nhẹ, chấp trước tạo nghiệp nặng, là tạo nghiệp. Tạo nghiệp đương nhiên liền có quả báo. Không tạo nghiệp thì không có quả báo. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện tám tướng thành đạo, Ngài không tạo nghiệp, vì sao vậy? Vì Ngài không khởi tâm động niệm, cho nên Ngài không có quả báo. Đây là gì? Đây chính là điều Phật pháp thường nói: làm mà không làm. Quí vị nhìn thấy tôi đang làm, kỳ thật không làm, không có khởi tâm động niệm làm sao mà làm? Cho nên về sự nói là giả. Trong tâm có ấn tượng, ấn tượng đó là thật. Đó là thế tục nói giả thật, tướng là giả, A lại ya ghi ấn tượng là thật. Nếu như nói với quí vị là thật, từ trên tự tánh mà nói, A lại ya là giả. Vì sao vậy? Vì nó có sanh diệt, trong tự tánh không có sanh diệt. Biết được tự tánh không có sanh diệt, liền hiểu được A lại ya không phải là thật. A lại ya dường như là thật, trên thực tế nó không phải thật. Nếu chúng ta thực sự hiểu được Bồ Tát Di Lặc nói, nghe hiểu được. A lại ya là sự việc gì? Là niệm niệm sanh diệt. Trong một giây có một ngàn sáu trăm triệu lần sanh diệt. Trong một giây xuất hiện bao nhiêu A lại ya? Một ngàn sáu trăm triệu, cái này nối tiếp cái khác. Chúng ta nhìn thấy dường như là một, dường như nó đang tồn tại, kỳ thực nó không tồn tại. Chúng ta nhìn rồi nhìn sai, nghĩ sai mất. Nó đích thực không tồn tại. Thứ thực sự tồn tại là tự tánh, nó thật là bất sanh bất diệt. A lại ya có sanh diệt, tốc độ sanh diệt nhanh quá, cũng dường như là không sanh không diệt, nhưng thật sự nó có sanh có diệt. Lúc nào họ thực sự giác ngộ rồi, một niệm không sanh, thì diệt không còn nữa. Đó gọi là chuyển A lại ya thành Đại viên cảnh trí. Chúng ta liền hiểu được A lại ya từ đâu mà có? Tự tánh vốn đủ bát nhã biến hiện mà ra. Chuyển nó là Đại viên cảnh trí. Chấp trước, chuyển chấp trước trở lại, trở thành bình đẳng tánh trí. Chuyển phân biệt trở lại trở thành Diệu quang sát trí. Ở đây chỉ cần vừa chuyển, nhãn nhĩ tỷ thiệt thân liền trở thành Thành sở tác trí. Thành tựu được gì? Thành tựu thuyết pháp cho người. Câu nói này quan trọng. Thiên kinh vạn luận, có bộ kinh nào không nói nhiều lần về việc thọ trì đọc tụng là việc của bản thân, thành tựu bản thân. Diễn thuyết cho người khác là thành tựu người khác. Diễn là gì? Là biểu diễn, không phải vì bản thân, mà vì người khác. Biểu diễn cho người khác, giảng giải cho người khác. Đây gọi là hoằng pháp lợi sanh. Có Đức Phật nào không làm như vậy? Có vị Bồ Tát nào không làm như vậy? Quí vị thấy vị Phật Bồ Tát nào đang không biểu diễn, có vị Phật Bồ Tát nào không đang thuyết pháp, quí vị không tìm thấy một vị nào. Thế là chúng ta liền hiểu rõ Phật giáo là giáo dục của Phật đà, là dạy học của Đức Phật. Nó và tôn giáo mà người ta thường nói hoàn toàn không liên quan. Phật Giáo có nói trời đất quỷ thần, trời đất quỷ thần là người thế gian. Lục đạo thập pháp giới là bình đẳng. Chỉ là mê ngộ sâu cạn khác nhau, mà chia ra khác nhau. Họ nếu như mê nặng một chút họ liền đi xuống; họ mê nhẹ một chút họ lại đi lên, họ lên xuống bất định, đều không phải thật, cho nên chúng ta nhất định phải nhận thức nó một cách rõ ràng, quí vị thực sự học được vài thứ. Nó là giáo dục, giáo dục rất tốt. Giáo dục thế gian xuất thế gian nó là sự giáo dục viên dung nhất, rốt ráo nhất. Giáo dục Nho giáo chỉ nói về một bộ phận của dạy học. Nếu dùng pháp đại thừa để nói, giáo dục Nho giáo là bộ phận trời người. Trời người trở lên nó không nói, trời người trở xuống cũng không nói. Đạo giáo là giáo dục lục đạo luân hồi. Nó nói đến cõi trời, nó cũng nói đến địa ngục. Phạm vi rộng hơn nho giáo, nhưng nó không có ra khỏi sáu cõi. Thông thường tôn giáo và đạo giáo gần giống nhau, đều trong phạm vi này. Có thể ra khỏi lục đạo luân hồi, có thể siêu việt thập pháp giới chỉ có Phật Giáo đại thừa, tiểu thừa vượt qua lục đạo, không vượt qua thập pháp giới. Thực sự vượt qua được thập pháp giới chỉ có đại thừa, gọi là giáo dục rốt ráo viên mãn. Tốt nghiệp là thành Phật, lấy được học vị cao nhất, cho nên Phật đà là danh xưng của học vị. Phật Bồ Tát họ không phải là thần, không phải là tiên, họ ở trong Phật Giáo lấy được học vị, giống như chúng ta ngày nay đi học ở trường học, học vị tiến sĩ, học vị thạc sĩ, tương tự những thứ này. Quí vị đến một tầng thứ nào đó, quí vị lấy được học vị này, tầng thứ của Phật Pháp là buông bỏ. Cho nên không liên quan đến việc quí vị học hành. Quí vị không buông bỏ được, thì học có nhiều, quí vị cũng không lấy được. Quí vị học hết tam tạng mười hai bộ kinh, đều giảng thông hết, quí vị khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước chưa buông bỏ, quí vị là phàm phu, quí vị không lấy được. Cho nên Lục Tổ nói không liên quan đến những thứ này. Lời này là thật, không giả dối tí nào. Buông bỏ chấp trước chính là A la hán, học vị đầu tiên đã lấy được rồi. Buông bỏ phân biệt, học vị Bồ Tát đã lấy được rồi. Không khởi tâm, không động niệm, lấy được học vị cao nhất là Phật đà. Ai là Phật? Người người đều là Phật, chỉ cần quí vị chịu buông bỏ. Ai là Bồ Tát? Người đều là Bồ Tát. Ai là A la hán? Người người đều là A la hán. Giáo dục bình đẳng, giáo dục rốt ráo viên mãn. Những thứ tốt như vậy bày ra trước mắt, biết bao người không biết được, quí vị xem đáng tiếc biết bao. Nói một cách khó nghe hơn, quí vị xem đáng thương biết bao. Họ vốn là tất cả đều tròn đầy, họ không học, vậy là tất cả đều mê hoặc rồi, tất cả đều điên đảo, vậy là bản thân phải chịu khổ chịu nạn. Gọi là tự làm tự chịu. Phật nhìn thấy nói: “người đáng thương quá”. Đây là câu nói cảm thán của Phật đối với chúng sanh.

Vì sao không hồi đầu? Vì sao không giác ngộ? Vì sao không chịu học? Ngày xưa tốt, ở nhà cha mẹ dạy, trong xã hội quốc gia dạy, đế vương đại thần đều dạy, họ đều hiểu. Hiện nay chúng ta đều là người có tội, tội gì? tội bất hiếu cha mẹ. Không kính tổ tông, tội lỗi này rất nặng! Cha mẹ, Tổ tông để lại những thứ tốt như vậy, vì sao quí vị không hiểu? Hiện nay đối với văn hóa truyền thống, có thể nói người Trung Quốc không bằng người nước ngoài, người nước ngoài còn có người thực sự hiểu được, có người tán thán, có người hướng về, Trung Quốc không có. Cho nên chúng ta đời này con người phần nhiều bất hiếu. Bất hiếu không thể trách họ, Phật từ bi vô cùng. Vì sao không thể trách họ? Họ mất nhiều đời rồi, không phải họ không hiểu, cha mẹ họ không hiểu, ông bà họ không hiểu, ông bà cố của họ cũng không hiểu. Khoảng đến hàng cao tổ của họ mới biết có những sự việc như vậy. Bản thân cũng không chịu chăm chỉ tu học. Hướng đi lên nữa, dường như đối với sự việc này dần dần đều hiểu được. Ở Trung Quốc hai trăm năm trước thầy giáo rất nhiều, người tu hành nhiều, người giảng giải cũng nhiều, người truyền bá cũng nhiều. Hai trăm năm lại đây dần dần đi xuống, xuống đến năm mươi năm gần đây nhất không có nữa. Cho nên chúng ta có được nhân duyên này, tiếp xúc được, hiểu được, không thể không thực hành. Thế gian này rất nhiều việc có rất nhiều người làm, sự việc này không có ai làm. Không có ai làm, chúng ta không thể không phát tâm để làm. Không biết không làm những việc này, Phật Bồ Tát, tổ tông không trách chúng ta. Vì sao vậy? Vì quí vị không biết, quí vị biết rồi mà không làm là không được. Quí vị có lỗi với Phật Bồ Tát, có lỗi với tổ tông. Cho nên biết rồi thì nên làm, để toàn tâm toàn lực vào đó. Điều này không phải là mê tín, không phải là bước đường cùng trên xã hội này. Mọi người không nên nghĩ sai về nó. Đây là tổ tông chúng ta để lại sự nghiệp vĩ đại nhất. Thật sự tiếp nối tổ tông, làm cho dân tộc này ngàn năm vạn đời hưng thịnh tuyệt vời, để lại bảo bối nhiều như vậy, con cháu không ra gì phản lại lời dạy của tổ tông, phải chịu sự trừng phạt như thế nào? Lão tổ tông nếu dùng roi đánh quí vị, kẻ đại bất hiếu, đại bất kính này.

Chúng ta xem tiếp đoạn văn dưới đây.

“Chánh dữ thử xứ vô vi, vô lập, vô dục, nhi tác đắc thiện nguyện, tận tâm cầu sách, viên dung nhất vị, vô vi vô sở bất vi, vô lập vô sở bất lập, thể tướng dụng nhất như”. Vô dục, làm được thiện nguyện, tận tâm tìm cầu, không gì không làm. Viên dung nhất vị là tùy duyên diệu dụng. Tùy duyên là có tạo tác, diệu dụng là tâm địa thanh tịnh mảy trần không nhiễm. Đó gọi là diệu dụng. Trí tuệ của quí vị hoàn toàn hiện ra rồi, quí vị sẽ không có mảy may tác dụng của tình chấp, tình chấp là mê.

Phẩm thứ năm Chí Tâm Tinh Tấn Phẩm. Phần trước chúng ta học qua, trên kinh văn nói: kết được đại nguyện, tinh cần tìm cầu, nên biết thánh chúng Cực lạc đều là Di Đà pháp sư. Năm câu dưới đây vô cùng quan trọng. Quí vị đến Thế giới Cực Lạc, đến làm gì? học Phật A Di Đà. Phật A Di Đà là thầy giáo tốt. Ngài lấy thân làm gương, tức thân hạnh ngôn giáo. Những điều Ngài nói Ngài đều đã làm được. Quí vị xem Ngài đem những lời Ngài nói dùng vào trong cuộc sống, trong cuộc sống dùng rất hoạt bát, dùng vào trong công việc, dùng vào trong việc đối nhân xử thế, cao diệu đến cực điểm, đó là một tấm gương tốt. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni năm xưa còn tại thế, cũng thị hiện cho chúng ta một tấm gương tốt nhất. Chúng sanh trong thế gian này tham sân si mạn nghi, tập khí bất thiện vô cùng sâu dày. Tham sân si mạn nghi gọi là năm loại ác, năm ác. Đối với thân thể chính mình không tốt, đem lại cho thân thể chúng ta vô số bịnh tật. Đó là chúng mang lại. Mang lại cho trái đất chúng ta cư trú, rất nhiều tai biến, đều là do năm loại này. Cho nên đức Phật dạy chúng ta nên đoạn trừ nó, phải buông bỏ nó, viễn ly nó. Nói cho chúng ta biết ngược lại, không tham, không sân, không si, không ngạo mạn, không hoài nghi, năm thiện căn này, tất cả những thiện pháp thế gian và xuất thế gian, đều từ đây mà sanh ra. Năm độc, tất cả pháp ác từ năm độc mà sinh ra. Quí vị xem những thứ này lật qua lật lại. Mặt chính, nó là tất cả thiện căn của thế gian xuất thế gian, ngược lại nó là tất cả gốc tội. Lúc chúng ta sám hối, dùng bài kệ sám hối của Bồ Tát Phổ Hiền, bài kệ cuối cùng là sám trừ tội căn. Tội căn là gì? là tham sân si mạn nghi. Cho nên pháp sư Di Đà kết thành đại nguyện. Tổng kết Phật A Di Đà, thiện căn vô lượng vô biên vô tận vô số, tổng kết lại chính là 48 nguyện, kết thành đại nguyện. Đây là điều chúng ta nên học với Phật A Di Đà. Phải thật học. Nếu như quí vị không phải hiểu rõ thấu triệt đối với họ, tâm này quí vị sẽ không phát ra được. Quí vị có thể học nhiều ít chính là quí vị phát tâm đến mức độ nào đó. Quí vị hiểu được bao nhiêu, quí vị liền có thể học được bao nhiêu. Quí vị hiểu được càng nhiều, học được càng nhiều, hiểu được càng thấu triệt, quí vị học được càng sâu sắc. Quí vị không hiểu họ, quí vị sẽ không có cách gì học được họ, muốn học cũng học không được.

Tinh cần tu tập, tu là sửa đổi, những sai lầm của chúng ta, tư tưởng sai lầm, kiến giải sai lầm, lời nói sai lầm, hành vi sai lầm đều phải tu sửa trở lại, hoàn toàn sửa đổi lại, “trú chân thật huệ”, “để cầu thành tựu” thành tựu vô thượng bồ đề. Thành tựu vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng, tướng hảo. Thật sự có thể làm được không? Có thể. Vì sao vậy? Vì tất cả pháp là từ tâm tưởng sanh, cho nên mới có thể nói như vậy. Bản thân tâm tưởng sanh, có lý gì lại không làm được? Người khác tâm tưởng sanh, ta chưa chắc có thể làm được, người ta có chịu cho mình không phải coi thái độ của họ. Bản thân tâm tưởng sanh, vậy thì có lý gì lại không làm được! Vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng tốt, là từ tâm tưởng bản thân mà sanh. Tưởng này là chân tâm, chứ không phải là vọng tưởng. Vọng tâm không nghĩ ra được, là chân tâm. Chân tâm chính là phần trước đã nói, pháp môn nhập không, vô tướng, vô nguyện. Tu đức của Phổ Hiền đại sĩ. Ý nghĩa này nghe có hiểu hay không? Pháp môn nhập không, vô tướng, vô nguyện chính là chân tâm hiển lộ. Dùng chân tâm hiển lộ để tu đức của Phổ Hiền đại sĩ.

Đức của Phổ Hiền đại sĩ là gì? Tổng kết mười điều, điều thứ nhất là lễ kính. Đầu tiên là đối với bản thân có lễ kính hay không, có tôn trọng bản thân hay không, có hay không? Không có. Làm sao thấy được? Quí vị không tôn trọng tánh đức của quí vị, quí vị không tôn trọng trí tuệ trong tánh đức quí vị. Quí vị không tôn trọng đức năng trong tánh đức. Quí vị không tôn trọng tướng tốt trong tự tánh. Quí vị ngày ngày chạy bên ngoài tìm cầu, đi làm loạn. Đó là không biết tôn trọng. Cho nên tôn trọng đầu tiên là bản thân, lễ kính bản thân, xưng tán bản thân, cúng dường bản thân, đều bắt đầu từ bản thân. Bản thân chưa làm được, quí vị làm sao có thể giúp đỡ người khác. Có lý gì lại như vậy?

Chúng ta mỗi ngày công phu sáng lạy Phật, lạy Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật là ứng thân hiện tiền của chúng ta. Lạy Phật A Di Đà là báo thân của chính mình. Lạy Phật Tỳ Lô Giá Na là pháp thân của chính mình. Không phải lạy người khác, không phải mê tín. Người ta nói chúng ta lạy Phật là mê tín, chúng ta lạy Phật là tôn trọng bản thân. Quí vị nói chúng tôi mê tín, là quí vị không tôn trọng chính mình. Hiện tại Tỳ Lô Giá Na, A Di Đà Như Lai, Thích Ca Như Lai, đem ba thân trong tự tánh của chúng ta hiển thị ra. Diện mạo ở đâu? Ứng thân của ta vốn là như vậy. Báo thân của ta là như vậy. Pháp thân của ta vốn là như vậy. Tự tha bất nhị, tự tha hóa ra là một. Quí vị nên học theo như thế, tiếp tục lạy như vậy là có công đức, công đức vô lượng. Công đức này thành tựu thế giới Cực Lạc. Thế giới của đức Phật A Di Đà thành tựu như thế nào? Không phải là thành tựu như vậy sao. Chúng ta ngày nay hiểu rõ rồi, hiểu thấu đáo rồi. Sở dĩ họ không biết tôn trọng, họ không hiểu được lạy là ai, lạy bên ngoài và bản thân không liên quan. Quí vị lạy họ làm gì? Sai rồi. Trong ngoài là một không phải hai. Người ta là bản thân, bản thân là người ta. Từ điểm này để học, đầu tiên tôn trọng bản thân. Sau đó đem tâm tôn trọng bản thân này, hành vi này, đi tôn trọng tất cả chúng sanh. Vì sao vậy? Vì tất cả chúng sanh đều là một tự tánh biến hiện ra. Đây gọi là tự giác giác tha.

Bản thân chúng ta chưa giác ngộ, làm sao mà giác ngộ cho người? Cho nên lạy Phật phải biết lạy, phải biết dụng tâm. Không biết dùng tâm, lạy cũng phí.

“Xưng tán Như Lai”, xưng tán tánh đức, xưng tán bổn thiện. Lão Tổ tông nói nhân tánh bổn thiện. Trong Tam Tự Kinh vừa mở đầu: “nhân chi sơ tánh bổn thiện”. Tôi xưng tán bổn thiện, điều trái ngược với bổn thiện thì không xưng tán. Chẳng những không xưng tán, cũng không để ở trong tâm, coi như không có việc đó. Điều này tốt, không để ở trong lòng. Thứ tốt để ở trong lòng, để ở nơi miệng, vì sao vậy? Vì để khích lệ người quay đầu, khích lệ người hướng thiện. Đây đều là phương tiện thiện xảo giáo hóa chúng sanh. Phương tiện thiện xảo là hậu đắc trí. Cũng chính là diệu dụng của chân thật trí tuệ.

“Quảng tu cúng dường”, thứ nhất là cúng dường bản thân, cúng dường bản thân, trong đây có trí tuệ chân thật. Bản kinh này dạy cho chúng ta ba loại chân thật, đều từ tự thân mà nói. Đầu tiên là chân thật chi tế, chính là chân tâm, bản tánh của bản thân. Thứ hai là trí tuệ chân thật. Thứ ba là lợi ích chân thật. Trí tuệ chân thật không phải từ bên ngoài, mà là tự tánh giác. Giác đó chính là trí tuệ chân thật, không liên quan đến bên ngoài. Tự tánh như thế nào là giác? Chúng ta hiện nay tự tánh không giác. Bởi vì tự tánh quí vị có nhiễm ô. Tự tánh giác bị ẩn mà không hiển thị, không nhìn thấy nữa. Quí vị có nhiễm ô. Thứ hai là quí vị có phân biệt. Phân biệt là không bình đẳng. Giống như nước vậy, dao động rồi nổi gợn sóng, tác dụng của soi chiếu liền bị mất đi. Soi chiếu là trí tuệ. Họ cũng làm mất trí tuệ. Nếu chúng ta ở trong tất cả pháp, không phân biệt, tâm quí vị là tâm bình đẳng. Không chấp trước, tâm quí vị là thanh tịnh, không nhiễm ô. Nó khởi tác dụng cũng giống như nước vậy. Cảnh giới bên ngoài, sẽ chiếu ở trong đó một cách rõ ràng. Giống như tấm gương vậy. Đó gọi là trí tuệ, trí tuệ chân thật. Loại thứ ba gọi là lợi ích chân thật. Lợi ích chân thật không phải là có tài sản, cũng không phải làm quan lớn. Mà là gì? Duy trì thân tâm quí vị thanh tịnh bình đẳng giác. Đó là lợi ích chân thật. Tâm thanh tịnh bình đẳng có thể chiếu soi. Đối với vạn sự vạn vật trong vũ trụ quí vị rõ ràng, thông suốt, quí vị vui biết bao. Thân tâm tự tại, pháp hỉ sung mãn, niềm vui vô bờ! Con người hướng đến cuộc đời hạnh phúc rốt ráo viên mãn, quí vị đã hoàn toàn đạt được rồi, thực sự có được rồi.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện chính là điều này. Đáng tiếc là không ai thấy hiểu được. Còn nói Phật Thích Ca Mâu Ni sinh sống khổ quá, tôi không chịu nổi. Quí vị thực sự chịu không nổi. Chúng ta đều không chịu nổi. Một năm bốn mùa nắng táp mưa chan, ở dưới gốc cây. Sống cuộc sống như vậy, cuộc sống dã ngoại, Ngài không bị bệnh, Ngài cũng không trúng gió cảm mạo, mỗi ngày sinh sống vui vẻ như thế. Nói lên điều gì? Nói rõ thân của Ngài là thân kim cang bất hoại. Thân thể này tốt biết bao. Ngài và đại tự nhiên hòa thành một thể, đây là sự việc an vui nhất. Ngủ ở đâu? Tùy ý ở đâu đó cũng được, đi đến đâu liền ngủ ở đó, quí vị xem tự tại biết bao. Mỗi ngày ăn một bữa, đi khất thực, người ta cúng dường gì thì ăn thứ đó, không có phân biệt, không có chấp trước. Ở đây tôi còn nghĩ đến một việc, đây là lời Phật nói, cảnh tùy tâm chuyển, tâm Phật thanh tịnh vô cùng, thanh tịnh bình đẳng giác, cho nên tôi nghĩ, Ngài khất thực một bình bát cơm vô cùng khó ăn, đến miệng của Ngài đều trở thành đề hồ thượng vị. Vì sao vậy? do tùy tâm chuyển, không có thứ gì là bất thiện, đến miệng Ngài liền trở thành đề hồ thượng vị. Trong miệng phàm phu chúng ta thì có chua ngọt đắng cay mặn. Đến nơi Ngài là đề hồ thượng vị. Trong kinh chúng ta có thể lãnh hội được. Lúc Ngài sống cuộc sống dã ngoại, cảm thọ cũng vô cùng an vui, không lạnh không nóng. Luôn luôn duy trì được không khí trong lành nhất, nhiệt độ thích hợp nhất, tâm của Ngài có thể chuyển cảnh giới. Ngày nay chúng ta đáng thương lắm. Tâm của chúng ta bị cảnh giới xoay chuyển, quí vị xem đáng thương biết bao. Ngài có thể chuyển cảnh giới. Thực tế mà nói, thực sự có thể chuyển cảnh giới được, núi sông đất đai bên ngoài và ngài đều phối hợp với nhau. Ví dụ như bây giờ thời tiết rất nóng, ban trưa gần đến 40 độ, Phật nếu như ở đây, quí vị nếu đo thân nhiệt cho Ngài, thì khoảng 20 độ thôi, thật sự là như vậy. Đo thân nhiệt quí vị là 40 độ, đo thân nhiệt của Ngài chỉ 20 độ. Vì sao vậy? Trong tâm ngài không có nóng nảy, cho nên Ngài luôn luôn mát mẻ tự tại. Trên thân chúng ta có nóng nảy, cho nên không thể sánh với Ngài được.

Nói đến đây tôi liền nhớ đến một ví dụ, Chương Gia đại sư, quí vị thấy y phục Ngài mặc, nói cho chư vị biết, một năm bốn mùa đều mặc y phục đó. Mùa đông dường như không vấn đề gì, nhìn thấy dường như không vấn đề gì. Mùa hè cũng mặc y phục đó. Người ta nóng toát cả mồ hôi, cầm quạt để quạt. Năm nọ Đài Loan in Đại Tạng Kinh, mời Chương Gia đại sư du hành khắp đảo, đi khắp nơi hô hào kêu gọi mời mọi người góp của góp sức, hi vọng sự nghiệp vĩ đại này có thể thành công. Khuyên nhủ mọi người đến thỉnh Đại Tạng Kinh. Được rồi, đại sư cùng với mọi người, Ngài cũng mặc bộ y phục đó. Chúng tôi có một vị là lão pháp sư Đạo Nguyên. Lúc tôi thọ giới, Ngài là đắc giới sư của tôi, Đắc giới hòa thượng. Cùng nhau tham gia hoạt động này, cùng với Chương Gia đại sư, nhìn thấy Chương Gia đại sư ăn mặc như vậy, lão pháp sư hỏi Chương Gia đại sư: ông có nóng không? Họ ăn mặc áo quần rất mỏng mà phải dùng quạt để quạt. Chương Gia đại sư nói với lão pháp sư: tâm tĩnh tự nhiên mát. Đạo Nguyên pháp sư là pháp sư giảng kinh, nghe rồi rất buồn, cảm thấy rất hổ thẹn, người ta mặc nhiều như vậy, tâm tĩnh tự nhiên mát. Ngài mặc áo quần rất mỏng như vậy, còn phải dùng quạt mà quạt, không thể sánh với người ta được. Từ ví dụ này chúng ta có thể tưởng tưởng được, trên thân Phật nhất định rất mát mẻ tự tại, mùa đông không lạnh, mùa hè không nóng. Đây là công phu. Chúng ta hổ thẹn, không thể sánh với người ta được. Cho nên người ta một đời, chỉ một kiểu áo quần là đủ rồi. Ngoài ra không cần gì nữa.

Thời kỳ kháng chiến, có rất nhiều đệ tử Phật môn biết chùa Kim Sơn có một vị Phật sống, pháp sư Diệu Thiện. Hành vi của Ngài rất giống với Tế Công, không có một điều kiêng kị gì cả, bên trong chỉ là một bộ đồ ngắn, bên ngoài chỉ một chiếc áo dài, ngoài ra không có gì. Một năm bốn mùa chỉ mặc như vậy. Mùa đông ngài không lạnh, mùa hè không nóng, đích thực có thần thông. Đó không phải là đồn huyễn, là có thật. Trong tâm quí vị khởi tâm động niệm nghĩ gì ngài liền biết được. Tôi ở Đài Loan, pháp sư Lạc Quan từng ở chung với ngài bốn tháng, cho nên đối với Ngài tương đối hiểu rõ, ông cũng vô cùng khâm phục. Pháp sư Lạc Quan nói với tôi, Ngài thật sự có thần thông. Có một số tín đồ nhớ nghĩ đến Ngài: Sư phụ lâu ngày rồi, không được nhìn thấy mặt ngài, Ngài liền đến. Có lần mọi người đang cùng nhau ăn cơm, tín đồ thích pháp sư, đơm cơm đưa cho Ngài, Ngài liền ăn luôn, ăn rất nhanh, chốc lát đã ăn xong, tín đồ khác lại dâng ngài một bát, thoáng một lát ăn hết hơn mười bát, ăn đến mười bảy mười tám bát, pháp sư Lạc Quan ngồi bên cạnh, ông nói, Sư nên nói với tín đồ đừng có hại pháp sư nữa, sư xem ăn nhiều như vậy, không được! Ngài quay đầu lại nói với pháp sư Lạc Quan: bất tăng bất giảm, không tăng không giảm, ăn quá nhiều cũng như không ăn, không ăn cũng giống như ăn, không thể nghĩ bàn. Cảnh giới của Ngài không thể tưởng tượng được. Ngài còn nhặt rác ăn, điều này thật không tưởng tượng nổi. Người khác cúng dường ngài tiền giấy tiền xu ngài đều ăn hết. Tiền xu cũng ăn, ngài ăn như ăn đậu vậy. Đồng nát sắt vụn nhặt được trên đường Ngài cũng ăn luôn. Trị bệnh cho người, giống như Tế công vậy, suốt đời không tắm rửa. Phía sau áo, Ngài chỉ một chiếc áo, cho nên đồ dơ trên cổ áo đều đen sì, nhưng ngửi lại có mùi thơm, rất thơm, không thể nghĩ bàn. Trị bịnh, ngửi ngửi trên cổ áo đó liền trị lành bịnh. Có lúc cào cào trên thân một tí đồ dơ bỏ vào trong trà, quí vị bưng lên uống, một mùi thơm lừng. Uống rồi bịnh liền lành thật. Bất kể bịnh gì đều có thể trị được hết. Dạy người khuyên người niệm Phật, cho nên mọi người xưng Ngài là Phật sống. Một đời không tắm rửa, một đời không thay áo quần, chỉ một chiếc, đi đến đâu cũng thật tự tại. Cái gì cũng không có, hai tay rỗng không. Đó là gì? Đó là bản lai diện mục của bản thân. Không dùng những trang sức này, đó là đồ giả. Trú trí tuệ chân thật, đó mới có thể có thành tựu.

Dưới đây nói “hàm ai”. Ai là bi ai, là tâm đại bi vậy. Lại từ mẫn, là tâm đại từ vậy. Dùng đại từ bi nên tuy biết rõ thật không có chúng sanh đáng độ, mà hạnh nguyện độ sanh vô cùng vô tận, nên tâm thường trú nơi đạo độ thế. Họ thực sự biết được có chúng sanh có đáng độ hay không? Nói thật lòng với quí vị, không có chúng sanh đáng độ. Vì sao vậy? Căn bản không có chúng sanh. Chúng sanh có tồn tại hay không? Thời gian chúng sanh thực sự tồn tại, chính là một niệm mà Di Lặc Bồ Tát đã nói. Đó là thời gian chúng sanh tồn tại, thời gian một niệm này bao lâu? Một ngàn sáu trăm triệu trong một giây. Thời gian nó tồn tại dài chỉ như vậy. Là giả. Đích thực không có. Thật giống như chúng ta xem phim vậy. Xem phim quí vị nên biết ảnh gốc của nó, quí vị liền rõ ràng được. Phim ảnh là gì? Trên tay tôi đây chính là cuộn phim nhựa, đặt vào máy chiếu làm cho nó chuyển động, Đây là gì? Chúng ta gọi là phim đèn chiếu. Hai mươi bốn tấm này, đặt vào trong máy chiếu, tốc độ của nó là một giây, một giây hai mươi bốn tấm hình. Nói cách khác, chúng ta nhìn thấy hình ảnh trên màn hình, một giây là 24 tấm, mỗi tấm đều độc lập. Tấm trước không phải là tấm sau. Hoạt động của nó nhanh rồi, chúng ta liền xem nó dường như là một cảnh, cho rằng là thật, kỳ thực toàn là giả. Phật nói với chúng ta, môi trường hiện thực này của chúng ta và nguyên lý phim ảnh này hoàn toàn tương đồng, một giây bao nhiêu ảnh? Ở đây một giây 24 tấm. Trong môi trường hiện thực của chúng ta, một giây là một ngàn sáu trăm triệu, là Bồ Tát Di Lặc nói vậy. Quí vị làm sao mà biết nó là giả? Một giây có một ngàn sáu trăm triệu, ở đây một giây chỉ 24 tấm. Niệm niệm không tương đồng, một niệm là hiện tượng vật chất, một niệm là hiện tượng tinh thần, hiện tượng tinh thần bất khả đắc, bao gồm cả hiện tượng tự nhiên, tức là A lại ya. Ba loại hiện tượng đều không thể nắm bắt. Chúng ta xem sai rồi, sai ở đâu? Nhìn thấy nó là tướng tương tục, rồi cho rằng nó là thật. Kỳ thực nó là tương tục. Tương tục còn không thể nói là tương tục, tương tục là hoàn toàn tương đồng, nó không tương đồng mỗi tấm mỗi khác. Cho nên phải thêm một chữ là tướng tương tợ tương tục. Dường như là tướng tương tục, nó kế tục không ngừng. Nhưng mỗi niệm không tương đồng. Cho nên nó không phải thật là tướng tương tục. Hiểu được chân tướng sự thật liền biết được vạn pháp đều không.

Trong Kinh Bát Nhã nói toàn là chân thật không giả tí nào. Phật dạy chúng ta “tất cả pháp- bao gồm Phật pháp trong đó, vô sở hữu tất cánh không, bất khả đắc. Cho nên quí vị ở trong tất cả pháp, quí vị muốn khống chế nó, quí vị muốn chiếm hữu nó, quí vị muốn chi phối nó, toàn là vọng tưởng. Chư Phật Bồ Tát, người tu hành chân chánh, hơi khế nhập cảnh giới, họ không còn chấp trước, không còn phân biệt nữa. Cho nên họ có thể hằng thuận chúng sanh. Quí vị muốn làm thế nào thì làm thế ấy. Tất cả tùy duyên, tất cả tùy thuận. Không có gì là không đại hoan hỷ. Họ thật sự luôn đại hoan hỷ. Họ hoan hỷ điều gì? hoan hỉ tất cả đều không. Họ hoan hỉ điều này. Họ hoan hỷ liễu bất khả đắc. Cho nên tâm họ ở trong cảnh giới đều bất động. Điều này tuyệt vời. Đây là gì? Đây là chân tâm. Tâm trong cảnh giới tùy theo cảnh giới đang phân biệt chấp trước mà chuyển động. Điều này thật tệ hại, rất đáng thương, rất vất vả. Bất động thì không còn nữa. Cho nên đều này vô cùng vô cùng quan trọng, đó là chân tướng sự thật.

Nói rõ Bồ Tát đại từ đại bi. Rõ ràng biết những thứ này là huyễn tướng. Họ vẫn ở đây giáo hóa chúng sanh, giúp chúng sanh giác ngộ. Giác ngộ điều gì? Giúp họ hiểu được chân tướng sự thật. Nếu chân tướng sự thật hiểu được rồi, vậy là giống như họ, giống như chư Phật Bồ Tát, đắc đại tự tại, thật lìa khổ, thật đắc lạc. Khổ từ đâu mà mà có? Khổ từ mê hoặc điên đảo mà có. Đối với chân tướng sự thật không mảy may hay biết. Luôn cho rằng thứ ta tự tưởng tượng ra là rất hay, ai ngờ toàn là sai hết. Điều quí vị nghĩ, việc quí vị làm toàn sai rồi. Quả báo mà quí vị thọ nhận cũng là giả, không phải thật. Bởi vì quí vị cảm thấy nó khổ, nó liền khổ. Nếu như quí vị cảm thấy nó không khổ, nó đích thực không khổ. Như thế nào là không khổ? Chúng ta xem ti vi, ti vi đang chiếu là cháy lớn, quí vị thấy trong đó người bị thiêu cháy rất đáng thương, quí vị ở đây xem không thấy khổ. Nếu như lúc quí vị mê, quí vị liền thấy quí vị đang ở trong ti vi, lửa cũng thiêu tới tôi rồi, quí vị cảm thấy rất khổ. Quí vị sai rồi, quí vị làm sao lại chạy vào đó được? Quí vị không ở trong đó, họ ở trong đó chịu thế nào đi nữa, quí vị cũng không có cảm giác gì, không mảy may cảm giác. Họ khổ, quí vị cũng khổ, họ vui quí vị cũng vui. Họ khóc quí vị cũng khóc, họ cười quí vị cũng cười, quí vị hoàn toàn bị họ chuyển rồi, đó là phàm phu. Tâm của quí vị bị cảnh giới chuyển, vậy là quí vị rất khổ. Nếu như quí vị có thể nhảy ra được, nhìn thấy chân tướng sự thật. Khổ vui là một không phải hai. Phàm Thánh là một không phải hai. Đó chính là điều trước đây đã nói “thực tế lý địa, bất thọ nhất trần”. Trong tâm quí vị thanh tịnh, cái gì cũng không có, nhưng là gì? năng sanh vạn pháp. Quí vị ở trong cảnh của ti vi năng sanh vạn pháp. Vạn pháp và bản thân là một không phải hai. Quí vị là giác, nó là mê. Có khổ có vui, đều là mê. Không khổ không vui, là giác rồi, rõ ràng rồi. Sau khi bản thân hiểu rõ, quí vị mới có phương pháp giúp đỡ người khác hiểu rõ. Rõ ràng rồi chính là giải thoát. Trong bất cứ cảnh giới nào, quí vị cũng không khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm là đi vào rồi. Quí vị liền rơi vào trong đó. Nhìn thấy rõ ràng, nhìn được thấu đáo, mảy may không nhiễm, như vậy mới có thể giống với Bồ Tát, hạnh nguyện độ sanh vô cùng vô tận. Phật A Di Đà phát 48 nguyện, Phổ Hiền Bồ Tát phát mười đại nguyện vương. Thông thường Phật Bồ Tát từ trên cương lĩnh mà nói, tứ hoằng thệ nguyện, thật là không có cùng tận.

Nên “tâm thường đế trú đạo độ thế”. Thường trú độ thế chính là giúp đỡ những chúng sanh mê hoặc này. Giúp đỡ họ giác ngộ, giúp đỡ họ quay đầu. Trong tâm họ như thế nào? Mảy trần không nhiễm trước. Nếu như quí vị nhiễm trước thì quí vị có mệt, quí vị chịu khổ, quí vị rất cực khổ. Quí vị không nhiễm trước, tâm luôn luôn thanh tịnh, luôn luôn là tự tại, luôn luôn là an lạc. Tuy rằng an lạc, chúng sanh đang rất khổ, cũng biểu hiện một chút cảm thông với họ. Không nên người ta khổ như vậy, quí vị ở đó mà vui vẻ, chẳng ra gì, làm cho người ta phiền não. Cho nên dường như cũng phải biểu diễn một chút, giống như hát kịch vậy, rơi một chút nước mắt thương cảm, đó là giả, không phải thật. Cho nên người khác vui vẻ, quí vị cũng biểu hiện vui vẻ. Người khác đau khổ, quí vị cũng biểu thị đau khổ. Họ là thật, quí vị là giả. quí vị mới có phương tiện thiện xảo, trí tuệ chân thật giúp đỡ họ. Giúp đỡ họ từ trong cảnh giới tỉnh ngộ ra. Biết được phàm có hình tướng đều là hư vọng. Sự việc lớn nhất bày ra trước mặt chúng ta, chẳng có gì bằng sanh tử. Chúng ta làm thế nào để thoát sanh tử ra khỏi ba cõi. Đây là việc lớn. Chúng ta giúp đỡ người khác không có gì khác ngoài đại sự này. Ngoài ra gọi là điều linh tinh nhỏ nhặt. Việc đó sao cũng được.

Người ở thế gian này thọ mạng có giới hạn, điều này là thật. Vì sao vậy? Vì đời quá khứ quí vị tạo nghiệp nhân, đời này quí vị phải chịu quả báo. Những nghiệp tội đời này quí vị tạo, đời sau sẽ chịu quả. Nhân quả thông ba đời. Đại thiện đại ác, không đợi kiếp sau, kiếp này phải chịu quả rồi. Thông thường không phải là thiện ác cực lớn, dường như đều sẽ không chuyển định nghiệp của quí vị. Tức là những nghiệp quí vị tạo tác ở tiền kiếp gọi là định nghiệp, không dễ dàng chuyển. Người hiểu được Phật pháp dễ dàng. Giống như tu hành của đạo gia, tu hành của Phật giáo rất dễ dàng chuyển. Vì sao vậy? Đây là đại thiện, đây không phải là tiểu thiện. Nghiệp mà quí vị tạo này là lợi ích rất nhiều chúng sanh. Không những lợi ích hiện tiền, mà còn lợi ích đời sau. Đây là đại thiện.

Đại thiện là gì? Chính là dạy học. Quí vị nghĩ xem Khổng lão phu tử dạy học. Lúc còn tại thế chẳng có gì là vĩ đại, là bình dân, trong xã hội ông không có địa vị chính trị, là bình dân. Trên cuộc sống vật chất, ông cố gắng để sinh sống, không có của cải dư giã. Nguồn sinh sống từ đâu mà có? Chính là gia đình học trò tặng một ít lễ vật. Gia đình học trò khá giả thì tặng nhiều một tí, gia đình khó khăn một chút, thấp nhất là gì? Là thúc tu. Thúc tu là gì? Phần lớn người trong nước đều hiểu được đó là thịt khô. Cắt từng miếng nhỏ, những miếng nhỏ dài, đó gọi là thúc tu. Chẳng qua cũng chỉ là bốn lạng nữa cân thịt mà thôi. Ngày tết ngày lễ tặng thầy giáo một ít, cho nên cuộc sống của thầy giáo rất thanh đạm. Tuy rất nghèo khổ vẫn có người khổ hơn. Chúng ta biết được Nhan Hồi là học trò thông minh nhất, là học sinh giỏi nhất, ông ấy khổ nhất. Tôi tin rằng Khổng Tử thường phải giúp đỡ ông ấy. Người đồng tâm này, tâm đồng lý này. Trong chúng đồng tu của chúng ta, nếu thấy người nào khổ quá, tự nhiên chúng ta sẽ giúp đỡ họ. Trên nhân quả Phật Ppáp chúng ta liền hiểu rõ. Nhan Hồi vì sao mà nghèo như vậy? Trong đời quá khứ tu huệ không tu phước, cho nên quả báo phải nghèo khổ. Có những người rất ngốc nghếch nhưng họ lại rất giàu có. Cuộc sống của họ rất tốt. Vì sao vậy? Họ tu phước không tu huệ. Cho nên họ mê hoặc điên đảo, phước báo của họ rất lớn.

Trong nhà Phật cũng có cách nói như vậy: “Tu huệ không tu phước, la hán xin bát không”. La hán đi khất thực bên ngoài không ai cúng cho họ. Vì sao vậy? Vì không có phước báo. Có người chuyên môn tu phước: “tu phước không tu huệ, voi lớn đeo anh lạc”. Bởi vì họ không tu huệ, kiếp sau đầu thai trở thành loài voi. Loài voi này là loài để quốc vương ngồi lên, cho nên toàn thân đều đeo anh lạc. Nó có phước báo, nó là súc sanh. Cho nên trong kinh Phật thường nói khích lệ mọi người, phước huệ song tu.

Sau khi tôi đã học Phật mới biết được bản thân ngày xưa hoàn cảnh nghèo khổ, cuộc sống khổ như vậy, liền biết được, trong đời quá khứ tôi cũng là tu huệ không tu phước, có một chút trí tuệ thông minh, không có phước báo, hơn nữa còn đoản mệnh. Đây thật là khổ. Biết bao người nói tôi thọ mạng 45 tuổi. Tôi tin, bởi vì gia phổ chúng tôi tôi nhìn thấy rồi. Trong nhà tôi đã có ba đời đều không qua được 45 tuổi. Cho nên tôi nghĩ điều này có lẽ là di truyền. Ngày trước còn trẻ, không hiểu những đạo lý này, nói đó là di truyền, tôi tin vậy. Bản thân tôi đem thọ mạng của tôi định chắc là 45 tuổi. Nghe được Phật pháp rồi, cầu vãng sanh, 45 tuổi cầu sanh Tịnh Độ. Năm tôi 45 tuổi tôi đổ bệnh, một tháng sau liền khỏi bệnh. Tôi không đi khám bác sĩ, cũng không uống thuốc, lúc đó trong lòng tôi rất rõ, bác sĩ chỉ có thể trị bệnh, không thể trị mệnh. Mệnh đến rồi, tìm họ làm gì nữa? Mệnh đến rồi tìm Phật A Di Đà mới đúng, không nên tìm bác sĩ nữa. Lúc đó đúng lúc tôi đang ở chùa Thập Phương Đại Giác giảng kinh Lăng Nghiêm. Giảng đến một phần ba thì ngã bệnh. Tôi liền biết được thọ mạng đã đến rồi. Sau khi khỏi bệnh liền tiếp tục giảng kinh. Đây là bản thân coi trong vận mệnh quá khứ khiếm khuyết điều gì thì bổ sung vào. Quá khứ không tu phước, Đại sư Chương Gia dạy tôi tu phước. Từ nhỏ tôi đối với những thứ tiền bạc đã không coi trọng, không để ở trong lòng. Đại sư Chương Gia bảo tôi, hoằng pháp lợi sanh vẫn không xa rời được tiền bạc. Nếu như quí vị không có phước báo, cũng không thể hoằng pháp lợi sanh. Quí vị chỉ có trí tuệ không có phước báo. Ví dụ không có phước báo, quí vị giảng kinh giảng rất hay, quí vị là một thầy giáo tốt, nhưng trường học người ta không cần quí vị, không mời quí vị, quí vị cũng hết cách. Chúng ta mới hiểu được phước báo cũng rất quan trọng. Cách tu như thế nào? Ngài liền nói với tôi: bố thí. Tài từ đâu mà có? Trong số có tài vật. Kiếp trước bố thí tài sản nhiều, trong mạng mới có tài sản. Hiện tại trong mạng không có tài sản, vậy thì tu bố thí, bổ sung cho nó.

Bố thí pháp được thông minh trí tuệ. Bố thí vô úy được sức khỏe trường thọ. Ngài dạy tôi tu ba loại này: tài, pháp, vô úy. Không có tiền, Ngài hỏi tôi, một hào có không? Tôi nói một hào thì được. Một đồng có không? Một đồng cũng được. Ông cứ từ một đồng một hào mà bố thí. Phải luôn luôn có tâm bố thí, điều này rất quan trọng. Quí vị có tâm bố thí, yêu thích bố thí, tương lai trên bước đường hoằng pháp lợi sanh, cần tiền của để dùng sẽ không thiếu thốn. Không dễ dàng gì. Tôi tu sáu mươi năm rồi, năm 26 tuổi học Phật, năm nay 85 tuổi rồi, đã 60 năm. 60 năm mới nhìn thấy hiệu quả. Đây là hiệu quả hiển thị.

Chúng tôi kiến lập ở Úc Châu một ngôi đạo tràng. Hiện nay kiến lập một ngôi đạo tràng nhỏ này ở Hongkong, đủ rồi, đủ dùng rồi. Người truyền thừa chánh pháp của Như Lai không nhiều. Trong tâm trí tôi nếu có được 10 người là tốt lắm rồi. Có lẽ không có, khoảng năm người chắc là có. Phật pháp nếu hưng thịnh lên, cũng phải sau ba đời nữa. Nói đến thời của chúng tôi đây xem ra không thể được rồi, không có lý gì mà được. Nếu như tôi có thể đào tạo được năm người, năm người, thế hệ sau một người đào tạo năm người, vậy là có được hai mươi người rồi. Đến thế hệ thứ tư, thứ năm liền hưng thịnh trở lại. Cho nên có được một nơi nhỏ nhỏ như thế này, chúng ta nhất định phải hiểu được Phật pháp là sư đạo. Sư đạo nhất định dùng hiếu đạo làm cơ sở. Hiếu đạo nếu như không thể hưng thịnh, chắc chắn Phật pháp không có lý gì mà được hưng thịnh. Cho nên chúng đồng tu chúng ta, phải học Nho, phải học Đạo, đây là căn bản. Nho nói hiếu thân tôn sư, Đạo nói thanh tịnh vô vi, giúp đỡ chúng ta ly dục, sau đó lại tiến vào Phật pháp. Trí tuệ của quí vị sẽ khai mở. Quí vị liền có thể thực sự đạt được viên dung tự tại. Quí vị mới có phương tiện thiện xảo. Muốn cứu quần sanh, dùng lợi ích chân thật. Vậy mới có thể làm được. Giúp đỡ một người thân tâm khỏe mạnh, đoạn phiền não, khai trí tuệ, phước huệ song tu, giúp một gia đình hạnh phúc mỹ mãn, giúp xã hội hòa bình an ổn, giúp quốc gia, giúp thế giới đều có thể làm được. Đây là sự nghiệp của Phật Bồ Tát, phương tiện đều dùng dạy học. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã thị hiện cho chúng ta. Tổ sư các đời, quí vị xem xem họ để lại những giải thích kinh điển, mỗi trước tác của họ, quí vị đều biết được, văn chương đạo đức, bổ trợ chư Phật Như Lai, Thánh hiền giáo hóa. Đây chính là lợi ích chân thật.

“Đại nguyện kết thành được tự nhiên khế lý khế cơ, chiếu chân đạt tục. Khế lý chiếu chân, nên đại nguyện của ngài thật tướng là thể, liễu nghĩa rốt ráo, lực dụng vô lượng”.

Mấy câu này nói rất hay. Bồ Tát khởi tâm động niệm, nói năng tạo tác, trên tương ưng với lý mà chư Phật đã chứng, dưới đối với căn cơ đại chúng hiện tiền, cũng có thể tương ưng. Sự giáo hóa này vậy là thành công rồi. Nếu như khế lý mà không khế cơ, nói thì hay lắm nhưng không phải là thứ đại chúng hiện tiền cần đến, người ta sẽ không nghe quí vị, sẽ không tiếp thu lời quí vị. Nếu khế cơ mà không khế lý, vậy là không liên quan gì đến Phật pháp, cũng không liên quan gì đến sanh tử. Tai nạn, đau khổ không thể tránh được. Cho nên lý cơ đều phải khế.

Chiếu chân, đây là đối với Phật đạo. Cũng là hiểu rõ chân tướng vũ trụ nhân sanh. Đạt tục, tục là người thế gian hiện tại. Cách nhìn cách nghĩ thông thường, quí vị đều phải hiểu được. Sau đó dùng trí tuệ, phương tiện thiện xảo của quí vị để điều hòa. Làm cho họ có thể tiếp thu. Những sai lầm, chấp trước nghiêm trọng trước mắt của họ, quí vị làm cho họ đều buông xuống là điều không thể. Họ sẽ không buông. Vậy phải làm thế nào để vừa lòng những dục vọng hiện tại của họ, lại đối với văn hóa truyền thống, đối với Phật Pháp sanh tâm hứng thú. Vậy là dễ dạy rồi. Dần dần họ hiểu biết nhiều hơn, họ tự nhiên buông xuống. Tự nhiên có thể hành Bồ Tát đạo. Cho nên đại nguyện của Bồ Tát, thực tướng là thể, rốt ráo liễu nghĩa, lực dụng vô lượng.

Khế cơ đạt tục, nên khéo khế cơ. Đây là viên mãn rồi. Thực tướng là thể là điều khó nhất. Thật tướng là thể nghĩa là gì? Là minh tâm kiến tánh. Người nào làm được? Phật Thích Ca Mâu Ni làm được. Chư đại Bồ Tát làm được, Chư vị tổ sư làm được. Chúng ta tuy rất nổ lực nhưng vẫn còn kém một bậc. Nhưng chúng ta đối với điều này đã có dự định. Sống thêm vài năm nữa có thể đạt được.

Cứu cánh liễu nghĩa thật tướng, họ không có gì là không biết, không có gì là không rõ ràng. Cho nên tác dụng của họ, năng lực họ đạt đến, thực sự vô lượng vô biên. Có thể khế hợp những yêu cầu của thời đại này, đây cũng là khế cơ đạt tục. Người trong thời đại này, hiện nay muốn những gì? Nhưng những thứ họ muốn sai rồi, Vì sao vậy? Vì đều muốn những thứ danh lợi. Danh lợi đem đến cho con người là tai nạn không phải là hạnh phúc. Nếu như danh lợi này thực sự là vì quốc gia, vì nhân dân, là việc tốt, đó không phải là việc xấu. Nếu như danh lợi là vì bản thân, nhất định là việc xấu, đều là hại bản thân. Danh lợi có thể có, nhưng không thể quá đáng. Quá đáng quá sẽ tạo oan nghiệt. Tài vật biết vừa mà dừng, phải biết dừng lại. Ở đây biết dừng là đại học vấn. Tôi đủ rồi là được rồi. Dư giã hơn nữa nhất định là vì chúng sanh, vì quảng đại quần chúng.

Ngày nay khoa học kỹ thuật tiến bộ, công thương nghiệp phát triển, nhưng tạo thành xã hội giàu nghèo phân biệt. Hiện tượng này trên toàn thế giới, mỗi địa phương đều có. Người giàu ít, người nghèo nhiều. Người giàu đang hưởng thụ, sau khi hưởng thụ xong đều đi đến tam đồ. Người nghèo tuy nghèo khổ một đời, dường như đời sau vẫn được thân người. Họ không tạo nghiệp. Người nghèo cơ hội đời sau trở lại nhân gian nhiều hơn. Người giàu cơ hội đời sau trở lại nhân gian rất ít. Đây đều là thật. Hoàn toàn là chân tướng sự thật. Nhưng mọi người không hiểu, làm thế nào để chân tướng sự thật, dùng phương tiện thiện xảo gì, để mọi người có thể nhận thức được, có thể giác ngộ, có thể quay đầu? Người giàu nếu như dùng tài sản của họ, để chăm sóc người nghèo, họ liền tích góp phước đức. Vậy phước bào đời sau không thể nghĩ bàn. Nếu như toàn bộ tài sản cung cấp cho bản thân mình, gia đình mình, số ít người hưởng thụ, vậy là tội nghiệp này càng sâu dày. Khoa học không nói những điều này, họ không hiểu. Nhưng những điều Thánh hiền xưa nay trong nước ngoài nước nói, đều nói rất rõ ràng, đều nói rất minh bạch. Những điều này có khắp trong kinh điển tất cả các tôn giáo. Quan trọng, quan trọng hơn bất cứ thứ gì. Cho nên Bồ Tát “thiện khế cơ nghi, lễ nghĩa đô hợp”, tám chữ này vô cùng vô cùng quan trọng. Đặc biệt là trong xã hội ngày nay, muốn thúc đẩy giáo dục thánh hiền, giáo dục Phật đà, thì tám chữ này phải coi trọng. Dạy học của chúng ta nhất định thích hợp với đại chúng bình dân trong xã hội. Họ đều hoan hỉ, họ đều tình nguyện tiếp thu. Dạy học Phật giáo là vĩ đại nhất, nó hằng thuận chúng sanh, nó không cố chấp. Không phải nói nhất định phải như thế nào, không phải như vậy. Cho nên tâm lượng của họ vô cùng lớn lao.

Quí vị nhìn thấy Trung Quốc, họ hoàn toàn dùng phong tục tập quán xã hội Trung Quốc. Nếu như họ chấp trước nhất định phải dùng phương thức của Ấn độ, người Trung Quốc không thể chấp nhận. Đầu tiên là pháp khất thực, ở Trung Quốc thì không thể thực hành. Trung Quốc khất thực gọi là ăn mày. Những pháp sư Ấn Độ đến Trung Quốc đều là thầy giáo của đế vương, đế vương đều qui y, học tập với họ. Làm sao thầy giáo của hoàng đế lại ra ngoài xin ăn, vậy còn ra thể thống gì. Điều này ở Trung Quốc nhất định hành không thông. Cho nên bắt buộc phải có kiến trúc cung điện, tất cả hoàng gia đến cúng dường, sinh hoạt đều giống như hoàng đế vậy. Nếu ông không tùy thuận, thì ở Trung Quốc hành không thông. Cho nên y phục hoàn toàn đổi thành phục trang của Trung Quốc. Phục trang của Ấn độ liền trở thành tấm y đắp này, trở thành một chút biểu thị thôi. Lúc giảng kinh, trong nghi thức pháp hội, lễ phục này chỉ đắp lên mà thôi. Ngoài cái này ra, toàn là phục trang Trung Quốc. Những chiếc áo dài áo ngắn thường mặc là phục trang đời nhà Minh. Đều dung hòa với thế tục, điều này mới dễ làm. Cho nên Cơ đốc giáo, Thiên chúa giáo, cũng là vào đời Đường truyền đến Trung Quốc, nhưng không hưng thịnh được, nguyên nhân là gì? Họ nhất định phải xây dựng giáo đường như họ thế, nhất định phải mặc phục trang như vậy. Người ta vừa nhìn liền biết đây là của nước ngoài. Người Trung Quốc liền không thích. Người xuất gia, Phật học vừa đến Trung Quốc liền trở thành như Trung Quốc vậy. Họ liền thích thú. Cho nên Cơ đốc giáo nếu như có kiểu bao dung giống như Phật Giáo, tôi tin rằng nó sẽ không thua gì Phật Giáo. Cho nên nói thông thường tôn giáo là bảo thủ. Phật Giáo rất cởi mở, không mảy may chấp trước. Cho nên rất dễ dàng tiếp xúc với người ta.

Quí vị xem Phật đến bất cứ tôn giáo nào, họ cúng thần, Phật không bài xích họ. Phật tôn kính họ. Tín đồ của họ đều rất thích. Phật kính thần chúng ta. Hơn nữa lúc Phật đang giảng kinh, Thần của họ tượng trưng cho cái gì, nói ý nghĩa đó ra cho họ, mọi người đều hiểu rõ. Tôn giáo đó cũng biến thành Phật giáo rồi, giác ngộ rồi, không mê tín nữa. Vốn là mê tín, nay nói cho quí vị biết rồi, không mê tín nữa. Nó là biểu pháp. Dùng biểu pháp đều dẫn dắt họ lên trí tuệ, phá mê khai ngộ.

Chư vị biết thần trong mật tông tạng truyền rất nhiều. Những vị thần này từ đâu mà mà có? đều là cổ Ấn độ. Thần mà tôn giáo họ sùng bái. Phật không phản đối, đều đi vào hết. Vào Phật môn đều làm minh vương, đều làm hộ pháp, đều trở thành Phật giáo, đều trở thành Bồ Tát. Quí vị thấy đều rất hoan hỷ. Đây là trí tuệ chân thật, là lợi ích chân thật. Phương tiện thiện xảo đến cực điểm. Tôi không bài xích quí vị, nói theo người Trung Quốc là đồng hóa quí vị. Nguyên tắc chỉ đạo cao nhất chính là: “tất cả chúng sanh vốn là Phật”. Thần này là chúng sanh, đã là chúng sanh thì vốn là Phật. Đây là nguyên tắc chỉ đạo tư tưởng cao nhất. Không có bất kỳ sự bài xích nào. Cho nên bất luận dân tộc nào, bất luận tôn giáo nào, gặp được Phật giáo liền trở thành người một nhà.

Vì sao lại có nhiều tôn giáo như vậy? Thời xưa giao thông không thuận tiện, không có thông tin, giữa người và người rất nhiều cả đời không qua lại với nhau. Chúng tôi thời nhỏ, mười tuổi trở về trước, ở nông thôn đích thực có lão nông phu ở quê nhà suốt đời không đi ra thành phố. Thành phố cũng chỉ là năm sáu mươi dặm, đi bộ một ngày thôi, nhưng cũng chưa từng đến. Những nơi họ quen thuộc chỉ là vài thôn trang. Họ suốt đời không qua lại với nhau. Trong cuộc sống an định như vậy. Phật muốn giáo hóa chúng sanh thì phải phân thân. Cho nên với những dân tộc khác nhau, với những nền văn hóa khác nhau, tập tục sinh hoạt khác nhau, Ngài nhất định phải hiện thân người ở nơi đó, tại nơi đó kiến lập trung tâm dạy học, kiến lập một giáo phái phù hợp với văn hóa của họ. Kỳ thật chúng ta đem tất cả những tôn giáo lớn có trên thế giới, kinh điển chủ yếu của những tôn giáo ra xem xem, tám mươi phần trăm là tương đồng. Bất đồng dường như chỉ hai mươi phần trăm. Đó là gì? Là tập quán sinh hoạt không tương đồng, bối cảnh văn hóa không tương đồng, những địa phương đó khác nhau. Phương hướng chúng ta tu học tương đồng, mục tiêu tương đồng, khuyên thiện cấm ác tương đồng.

 Cho nên tôn giáo là có thể đoàn kết. Cần có sự đoàn kết. Hiện nay giao thông thuận lợi, thông tin phát triển. Tôn giáo trở thành một nhà rồi. Tôn giáo đoàn kết, tôn giáo cho người ta niềm tin. Tôn giáo cho con người quan niệm đạo đức luân lý. Điều tốt đầu tiên là thân tâm mạnh khỏe, gia đình hạnh phúc, xã hội hòa hợp. Chính là điều tốt, lập tức liền có thể đạt được. Nếu như mỗi người đều muốn độc lập, thì đấu tranh, xung đột, chiến tranh. Dẫn đến tai họa, đó là sai lầm. Bất cứ thần thánh nào cũng không muốn nhìn thấy những sự việc này. Cho nên lễ nghĩa vô cùng quan trọng. Chúng ta không thể không hiểu điều này.

Ngày nay chúng ta tu học, thực sự là đệ tử Phật, ngoài học tập kinh Phật ra, có nên học những kinh điển của tôn giáo khác không? Nên. Phải coi tất cả tôn giáo khác là Phật Bồ Tát hóa thân, cũng giống như Lão hòa thượng Trung Thông Khang Long ở Nhật Bản, đáng tiếc Ngài đã đi rồi. Tiền nhân đi rồi, hình như đi đã ba bốn năm rồi, lúc đi 103 tuổi. Trước đây mỗi lần tôi đến Nhật bản nhất định phải đến thăm ngài. Ngài rất yêu thích tôi. Tôi lần đầu tiên gặp Ngài, ngài đã 100 tuổi. Ngài nói với tôi: người sáng lập tôn giáo trên toàn thế giới, đều là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát. Nói rất hay! Lúc tôi ra về, đệ tử của Ngài tiễn tôi, tiễn tôi ra đến cổng lớn, nói với tôi, Ông ấy nói: Lão hòa thượng của chúng tôi suốt đời chưa từng nói câu nói như vậy. Sao ngài lại nói với thầy những lời như vậy? Tôi nói: tôi là người liên lạc với các tôn giáo trên toàn thế giới, câu nói này đối với tôi mà nói nó vô cùng quan trọng. Đó chính là muốn tôi dùng tâm bình đẳng để đối đãi với tất cả các tôn giáo. Toàn là Quán Thế Âm Bồ Tát. Nên dùng thân gì để độ liền hiện thân đó. Hay, rất hay! Làm sao có xung đột được!

 Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

# Tập 499

Chuyển ngữ: Liên Hải

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 17.07.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội – Hongkong

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 620, chúng ta xem hàng thứ sáu từ dưới đếm lên, bắt đầu xem từ câu cuối cùng.

 “Kỳ sở kết đắc đại nguyện, tự nhiên khế lý khế cơ, chiếu chân đạt tục. Khế lý chiếu chân, cố kỳ đại nguyện, thật tướng vi thể, cứu cánh liễu nghĩa, lực dụng vô lượng. Khế cơ đạt tục, cố thiện khế cơ nghi.” Phần trước chúng ta học đến chỗ này.

 Bây giờ chúng ta tiếp tục xem đoạn dưới. “Lễ nghĩa đều hợp”. Trung Quốc từ xưa đến nay được gọi là nước của lễ nghĩa. Điều này trên toàn thế giới thực sự rất ít có. Đất nước này, dân tộc này, cư dân trên đất nước này có lễ có nghĩa. Thực sự rất đáng quý. Hiện nay chúng ta xem nhẹ lễ nghĩa, quên mất hết. Quên đã bao lâu rồi? Gần 150 năm rồi. Thời gian này không phải quá dài, nhưng cũng không ngắn. Ngày nay xã hội chúng ta gặp nạn. Nguyên do tại đâu? Vì sơ suất lời dạy của tổ tông. Phải chịu sự trừng phạt của tổ tông. Tổ tông không có ai không yêu thương con cháu, không ai không chăm sóc hậu thế. Những tai nạn này mục đích là ở đâu? Hình như là làm cho chúng ta giác ngộ, là ép chúng ta quay đầu. Chúng ta nếu như không quay đầu, thì cũng bó tay chịu thua, không còn cách gì nữa. Nhất định phải tìm lễ nghĩa trở lại.

Lễ nghĩa là gì? Lễ nghĩa là nhân lễ nghĩa trí tín, đạo đức thế gian cũng vậy. Năm chữ này trong văn hóa truyền thống xưa gọi là ngũ thường. Văn hóa truyền thống xưa có bốn điều căn bản. Ngũ luân là một, ngũ thường là hai, Tứ duy là thứ ba, Bát đức là thứ tư. Trung Quốc ngàn vạn năm lại đây chỉ nhờ bốn thứ này. Làm cho quốc gia này trị an lâu dài, thái bình thịnh thế, đất nước lễ nghĩa, xã hội hòa hợp, đều từ đây mà ra. Những thứ của lão tổ tông dùng ngàn vạn năm rồi. Trung Quốc có văn tự ghi chép đã 4500 năm. Văn tự là 4500 năm trước, thời Hoàng đế phát minh ra. Hoàng đế về trước không có văn tự. Có văn hóa hay không? Nhất định có. Văn hóa truyền thống, tôi tin rằng chắc chắn hơn cả 10.000 năm. Vì sao vậy? Văn hóa Ấn độ Bà la môn có 13.000 năm, Trung Quốc sẽ không thua họ.

Cho nên từ thời Khổng Lão phu tử, lúc họ nói chuyện họ nói đến. Ông nói một đời ông “thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ”, hai câu nói này nói hay quá! “Thuật nhi bất tác” là nói ồn chỉ trần thuật lại lời giáo huấn của cổ thánh tiên hiền. Bản thân ông không có sáng tác, không có phát minh. Một đời học được tu được, dạy cho người khác, truyền bá cho người khác, toàn là những thứ tổ tông để lại. Đối với những thứ của tổ tông ông tin tưởng, không hoài nghi tí nào, rất thích “tín nhi háo cổ”. Thái độ cầu học này là nhu cầu bức bách của chúng ta ngày nay. Ngày nay chúng ta thấy những thanh niên trong xã hội này, thái độ học tập của họ hoàn toàn tương phản với điều này. Tương phản nên học không được gì. Học tương phản nên thứ quí vị học được là thứ ngoài da, thứ quí vị đạt được là rác rưởi, không ích gì. Nói cách khác, có hại mà có lợi. Có lẽ mọi người thấy những cái lợi trước mắt. Nhưng sau mười mấy hai mươi năm vấn đề xảy ra rồi. Giống như hiện nay sửa sắc đẹp vậy, dường như rất hiệu quả, vừa làm đẹp lập tức liền thay đổi. Mười năm hai mươi năm thì khổ không thể nói, bệnh tật đều xuất hiện rồi. Vì sao vậy? Nó không phải là tự nhiên, làm đẹp là phá hoại môi trường sinh thái tự nhiên. Quí vị tự tìm cái khổ.

Cho nên chúng ta nên tin tưởng lão tổ tông. Lòng tin này kiến lập như thế nào? Tôi nêu ra kiến nghị là học Phật, kiến lập tín tâm đối với Phật pháp. Sau đó quay đầu học theo lão tổ tông. Vì sao vậy? Không có lòng tin, không có thành kính, những thứ của lão tổ tông học không được. Nhờ vào văn hóa truyền thống xưa, bồi dưỡng lòng tin của chúng ta, vậy phải học tập từ nhỏ. Cơ hội học tập của chúng ta vuột mất, hiện tại chỉ có tìm Phật, từ nơi Phật đi tìm niềm tin. Nhà Phật nói: “niềm tin là mẹ của các công đức”, Phật rất khéo dạy người xây dựng lòng tin, tin điều gì? Phật không bảo quí vị tin Ngài, Phật nếu như bảo chúng ta tin Ngài, thì chúng ta sẽ không phục. Phật bảo chúng ta tin bản thân, điều này thật tuyệt diệu. Trước tin bản thân, sau tin người khác. Niềm tin nhà Phật được xây dựng như vậy. Đầu tiên là tin bản thân, thứ hai mới tin người khác. Cho nên nó không đồng với tôn giáo. Tôn giáo điều đầu tiên phải tin thần, quí vị không được tin bản thân. Nhưng Phật không như vậy, Phật điều đầu tiên là tin bản thân. Tin bản thân là gì? Tin bản thân vốn là Phật. Cùng một đạo lý giống như cổ nhân dạy vậy. Cổ nhân dạy học đầu tiên dạy người nên có lòng tin. Tin điều gì? Tin bổn tánh bổn thiện.

Quí vị xem câu đầu tiên trong Tam tự kinh: “nhân chi sơ tánh bổn thiện”, quí vị nên tin điều này. Kỳ thực “bổn thiện” và chúng ta nói “vốn là Phật”, ý nghĩa rất giống, rất gần nhau. Cho nên đây là giáo dục, giáo dục tốt nhất, nhà giáo dục chân chánh. Ngài dạy học điều đầu tiên chính là nói cho quí vị tôn chỉ giáo dục, nói cho quí vị mục tiêu giáo dục. Quí vị đến học, học đến cuối cùng là gì? Học đến cuối cùng là khai mở được bổn tánh bổn thiện. Học Phật đến cuối cùng quí vị thành Phật rồi. Sự giáo dục này mới coi là viên mãn. Nếu như học Phật quí vị mãi mãi không làm Phật được, mãi mãi làm đệ tử Phật, giáo dục Phật Giáo toàn thất bại rồi. Giáo dục Thánh hiền luôn mong muốn hậu thế vượt qua bản thân mình. Chỉ bằng bản thân mình vậy là không quang vinh, không huy hoàng. Vượt qua được mình, học trò tôi hơn hẳn tôi, đó là quang vinh. Đây là gì? Đây là tiến bộ! Tất cả đều phải vượt qua bản thân, trí tuệ vượt qua bản thân, đức năng vượt qua bản thân, phước báo vượt qua bản thân, mọi thứ đều hơn hẳn bản thân mình. Vậy là giáo dục của tôi thành công rồi. Thế hệ sau tốt hơn thế hệ trước, thế hệ sau hưng thịnh hơn thế hệ trước. Đây là lí niệm giáo dục của thánh hiền phương đông, chắc chắn không có tự tư, chắc chắn không ích kỉ pháp. Những lý niệm này hoàn toàn tương ưng với tánh đức. Chúng ta học Phật, đối với tứ đức của Nho gíao chúng ta rất khâm phục, chúng ta nên học, nó là căn cơ của việc học Phật. Đặc biệt là nhân nghĩa lễ trí tín.

Nhân là gì? Nhân là yêu thương người, suy mình ra người, đây là hai người. Nghĩ đến người khác liền nghĩ đến mình; nghĩ đến bản thân đồng thời nghĩ đến người khác. Chúng ta có phước cùng hưởng, không phải hưởng một mình. Hưởng một mình là điều đáng xấu hổ của thánh hiền, đó không phải là việc tốt, không phải là việc thiện. Việc tốt lành thực sự là cùng hưởng với tất cả chúng sanh. Người hiện nay thường nói cùng tồn tại cùng phát triển. Đây là Phật pháp, đây là lý niệm của truyền thống xưa. Người người bình đẳng, trong Phật pháp nói vạn vật bình đẳng. Ý nghĩa này hay, ý nghĩa thứ nhất là: nhân là yêu thương người. Tôi yêu bản thân, tôi cũng yêu người khác. Tôi không muốn tổn hại bản thân, tôi không thể tổn hại người khác. Tất cả đều là lấy bản thân để so sánh với người khác. Tôi hy vọng tôi có trí tuệ, tôi hy vọng tôi có phước báu. Tôi cũng hi vọng người người đều có trí tuệ, người người đều có phước báu. Thế giới này mới yên bình, thế giới này thực sự có phước. Thiểu số người có phước báu, đa số người không có phước báu. Vậy đa số người sẽ làm cách mạng, sẽ làm tạo phản. Quí vị là thiểu số người có phước báu cũng không hưởng được. Cho nên nhất định phải mọi người đều có phước báu. Tư tưởng này chư vị nghĩ nghĩ xem, đây là tư tưởng cộng sản, cho nên cộng sản thực sự là ai? Là Phật Giáo. Những thứ này cộng sản không dễ dàng làm được. Phật Giáo thực sự làm được rồi. Phật Giáo là tất cả chúng sanh đều đứng trên vị trí bình đẳng. Cho nên khẩu hiệu của Phật Giáo là “chúng sanh và Phật nhất thể”, chúng sanh Phật không hai. Quí vị xem Phật Giáo đặt chúng sanh lên số một, Phật đặt vào hàng thứ hai. Phật Giáo không nói Phật và chúng sanh không hai, mà nói chúng sanh và Phật không hai, tôn trọng người khác. Chúng sanh và Phật bình đẳng. Phật giáo hóa chúng sanh hi vọng chúng sanh đều có thể giác ngộ. Giúp họ ly khổ đắc lạc. Đây là mục tiêu đầu tiên của việc dạy học. Làm sao giúp đỡ họ ly khổ đắc lạc? Dạy học. Điều này tương đồng với nhận thức của lão tổ tông. Lão tổ tông chúng ta, họ đặt giáo dục lên hàng đầu. Quí vị xem: “kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên”. Gia đình cũng như vậy. Trong gia đình cũng đặt giáo dục lên hàng đầu. Người đều dạy tốt rồi, gia đình này liền hạnh phúc. Quốc dân dạy tốt rồi, quốc gia này liền hưng thịnh, quốc vận xương long. Cho nên giáo dục đặt lên số một.

Phật đặt giáo dục lên hàng đầu, một đời đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Ngài không hô khẩu hiệu, Ngài thật làm rồi. Suốt đời làm công việc dạy học, không có ngày nào nghỉ ngơi. Điều này không thể không cẩn thận lãnh hội. Vì Ngài sao phải làm như vậy? Đó chính là cứu độ chúng sanh khổ nạn, chúng sanh khổ quá. Khổ từ đâu mà có? Khổ từ mê hoặc điên đảo mà có. Đối với chân tướng của nhân sanh vũ trụ không biết, do vì họ nghĩ sai, thấy sai, nói sai, làm cũng sai rồi, toàn bộ đều sai. Sai rồi như thế nào? Sai rồi thì tạo oan nghiệt. Tạo oan nghiệt sau đó liền chịu quả báo, khổ báo. Bởi vì nghiệp họ tạo đều là bất thiện, đều trái ngược với bổn thiện, đều trái ngược với tánh đức, chính là trái ngược với nhân lễ nghĩa trí tín. Bất nhân, tự tư tự lợi, không hiểu được yêu người. Bất nghĩa, nghĩa là hợp tình hợp lý hợp pháp. Tư tưởng của họ, hành vi của họ, không hợp tình, không hợp lý, không hợp pháp. Cho nên vô lễ, vô trí, vô tín. Toàn là trái ngược rồi, tai nạn liền đến thôi. Năm chữ không còn nữa. Quả báo chính là tai nạn ngày nay trên trái đất này. Xã hội động loạn, địa cầu tai biến, đều do như vậy.

Năm chữ này không còn nữa, trở thành cái gì? trở thành tham, sân, si, mạn, nghi. Bất nhân trở thành tham, tham lam. Bất nghĩa trở thành sân nhuế, cống cao ngã mạn. Vô lễ trở thành nghi hoặc, nghi hoặc phải là vô trí, ngạo mạn là vô lễ. Vô lễ trở thành ngạo mạn. Vô trí trở thành ngu si. Vô tín trở thành hoài nghi. Tham, sân, si, mạn, nghi trở thành những thứ này. Những thứ này là gì? Là nguyên nhân của bệnh. Về mặt tâm trạng, nó trở thành oán, hận, não, nộ, phiền. Trên mặt hành vi nó trở thành sát đạo dâm vọng, liền làm những thứ này, thế là tai họa đến. Thiên tai nhân họa đồng thời liền xuất hiện. Đối trị như thế nào? Vấn đề này hiện tiền rồi, làm sao để giải cứu? Cứu khổ cứu nạn làm sao để giải cứu? Nhân lễ nghĩ trí tín có thể cứu được. Giáo dục Thánh hiền dạy những gì? Chính là dạy những thứ này. Thiên kinh vạn luận không rời nguyên tắc này. Kinh điển Phật Giáo cũng không rời nguyên tắc này. Nhân nghĩa lễ trí tín trong Phật Pháp là gì? Là năm giới. Không sát sanh là nhân, không trộm cắp là nghĩa, không tà dâm là lễ, không uống rượu là trí, không vọng ngữ là tín. Không phải chính là nhân lễ nghĩa trí tín sao? Năm giới. Năm giới trong Phật Pháp là gốc của nó. Văn hóa truyền thống có năm chữ này, là gốc của gốc trong văn hóa truyền thống.

Quí vị xem Đệ Tử Quy là gì? Không phải là học năm chữ này sao? Cảm ứng Thiên cũng không ngoại lệ, cũng là học năm chữ này. Quí vị xem những thứ này quan trọng biết bao. Những thứ này là giáo dục phổ thế. Nói “đạo đức thế gian vậy”. Đặc biệt là giáo dục đạo đức của truyền thống Trung Hoa, chính là năm chữ này.

Lễ nghĩa, hai chữ này không những đại biểu cho đạo đức xã hội Ấn độ thời cổ đại, thật ra rộng chỉ cho qui luật và đạo đức xã hội các thời đại các loại xã hội sau này, và các tôn giáo trên toàn thế giới cùng có chung bốn loại giới này. Chúng ta thấy rất nhiều kinh điển các tôn giáo, trong đó đều dạy người không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ. Bốn điều này không có tôn giáo nào không nói. Chỉ là nhà Phật nói cấm rượu, không uống rượu. Những tôn giáo khác không cấm điều này. Sát đạo dâm vọng tất cả đều cho rằng đây là việc xấu, đây không phải là việc tốt.

Ở đây nói “lễ nghĩa đều hợp”. Thánh hiền của những dân tộc khác nhau, người sáng lập tôn giáo khác nhau, họ chưa từng gặp mặt nhau, cũng không chưa từng cùng nhau hội thảo, giao lưu với nhau, chưa từng có. Nhưng kiến giải đều giống nhau. Đây là điều Trung Quốc thường nói: “cái thấy của anh hùng đại khái tương đồng”. Cổ thánh tiên hiền đều có cách nhìn như nhau, cách nghĩ giống nhau, điều này không thể trái nghịch. Điều này không phải một người sáng tạo phát minh, là mọi người cùng nhau, tri kiến như nhau không phải chính là tánh đức sao? Chúng ta ngày nay nghe được cũng không phản đối. Trên thế giới này, chúng tôi đi qua rất nhiều địa phương quốc gia, những dân tộc khác nhau, tín ngưỡng khác nhau, văn hóa khác nhau. Chúng tôi nêu ra để nói chuyện với họ, không có ai phản đối, không gặp phải sự phản đối. Chúng tôi vốn ban đầu cho rằng còn phải biện luận với người ta. Mười mấy năm nay tìm không ra cơ hội nào để biện luận, mọi người đều chấp nhận, đều gật đầu, đều cho rằng điều đó đúng. Mọi người đều cho rằng đúng, nếu chúng ta không tiếp tục làm nó, thì xuất hiện vấn đề rồi. Mọi người đã cho rằng đúng, chúng ta phải nhanh chóng thực hiện. Bắt đầu từ đâu? Bắt đầu từ bản thân. Không nên hi vọng người khác, hi vọng người khác quí vị sẽ thất vọng. Hy vọng bản thân, bắt đầu từ bản thân, bắt đầu từ gia đình mình. Bắt đầu từ đoàn thể nhỏ của mình, bắt đầu từ nhóm nhỏ của mình. Dần dần ảnh hưởng rộng lớn. Liền có thể cứu địa phương này, cứu được nơi này. Mở rộng thêm nữa, liền có thể cứu quốc gia dân tộc, liền có thể cứu thế giới.

Nguyện đã phát, nhất định tương ưng với điều đó. “Điều đó” chính là ở đoạn này chúng ta nói “lễ nghĩa đều hợp”. Nguyện của quí vị không thể trái ngược với lễ nghĩa, nguyện của quí vị gọi là thiện nguyện. Nói chi tiết hơn là không thể trái ngược với nhân lễ nghĩa trí tín, không thể trái ngược với năm giới. Nguyện này là thiện nguyện.

“Thỉ năng vi đương thời xã hội chi sở dung”. Trong vòng mười năm nay chúng ta, đề xướng tôn giáo thế giới là một nhà. Đích thực đạt được rất nhiều hồi ứng. Mỗi năm trên quốc tế, có một số hoạt động tôn giáo quan trọng. Mục đích đều tại nơi đây. Hi vọng tôn giáo có thể đoàn kết. Hi vọng tôn giáo có thể học tập lẫn nhau. Nhiều năm như vậy cật lực đề xướng, bắt đầu từ bản thân tôi mà làm. Tôi học tập tôn giáo, đây chính là “tôn giáo thế giới là một nhà”, trong đây tôi sao chép kinh điển mười tôn giáo lớn trên thế giới, đáng được xã hội hiện tại chúng ta cần thiết bức bách học tập. Tôi sao chép toàn bộ vào trong đây. “Tung gạch nhử ngọc”, tặng cho những tôn giáo khác nhau, cung kính xin mọi người chỉ giáo. Đầu tiên tôi học tập, tôi tôn trọng tôn giáo người khác, kính thần mà tôn giáo của họ thờ phụng. Chúng tôi tôn kính, đọc kinh điển tôn giáo của họ, không phân trên dưới với kinh điển Phật Giáo, không phải kinh điển của tôi hay, của anh không bằng chúng tôi. Không phải, tất cả đều bình đẳng. Tôi qua lại với các tôn giáo, tôi khẳng định, dùng lời của họ để nói: Trong vũ trụ chỉ có một chân thần, tạo vật chủ. Trong Phật giáo, Phật giáo không có chân thần. Phật giáo không nói đến điều này. Nhưng Phật giáo nói đến tạo vật chủ. Tạo vật chủ là gì? A lại ya là tạo vật chủ. Sự việc này nhà khoa học hiện nay đã phát hiện ra. Hiện tại trong khoa học nói, trong vũ trụ chỉ có ba thứ, ngoài ra toàn là giả, chỉ có ba loại này. Thứ nhất là vật chất, thứ hai là tin tức, thứ ba là năng lượng. Ba thứ này là gì? Ba thứ này là tạo vật chủ. Toàn thể vũ trụ là do ba thứ này biến hiện ra. Phật giáo nói ba thứ này gọi là A lại ya. Đây là danh từ Phật giáo. Năng lượng là nghiệp tướng của A lại ya. Tin tức là chuyển tướng của A lại ya. Vật chất là cảnh giới tướng của A lại ya. Đây là ba tế tướng của A lại ya, được khoa học phát hiện rồi. Chúng ta khâm phục vô cùng. Vì sao vậy? Trong kinh Phật nói với chúng ta, ai có thể thấy được A lại ya? Bát địa Bồ Tát có thể thấy được A lại ya. Vậy phải chăng khoa học ngày nay là bát địa Bồ Tát? Không phải, nhưng họ thấy được rồi. Thứ họ nhìn thấy được và thứ bát địa Bồ Tát thấy được không giống nhau. Bát địa Bồ Tát là từ trong định tự thân nhìn thấy được. Còn khoa học dùng toán học, dùng thiết bị khoa học quan sát mà phát hiện được. Phát hiện, hiện nay vật chất được làm rõ ràng rồi, hai thứ kia chưa hiểu được. Tin tức, biết vật chất là tin tức biến hiện ra, tức là ý niệm biến hiện ra. Nhưng ý niệm từ đâu mà có thì không hiểu được. Không tìm hiểu rõ được, Bát địa Bồ Tát rõ ràng rồi. Họ vẫn còn kém một chút. Nhưng có thể tìm được bên lề của nó, không phải là một việc dễ dàng gì. Báo cáo của khoa học đem lại cho ta niềm tin, bởi vì chúng ta không phải là bát địa Bồ Tát, chúng ta cũng không nhìn thấy. Chúng ta chỉ nhìn thấy ở trong kinh Phật. Hiện nay nhìn thấy báo cáo khoa học, đem đối chiếu với Phật giáo, chúng ta khâm phục, chúng ta khâm phục nhà khoa học, cũng khâm phục Phật Thích Ca Mâu Ni, chúng ta đều khâm phục. Vậy là Phật nói rồi. Nhà khoa học, nhà triết học, hình như cực hạn của họ chỉ đến đây mà thôi. Tin tức từ đâu mà có? năng lượng từ đâu mà có? Họ tìm không ra. Sự việc này nhất định phải chứng mới biết được. Chứng như thế nào? Phải buông ý niệm xuống. Hiện nay họ dùng suy nghĩ, dùng nghiên cứu. Nghiên cứu là dùng ý thức thứ sáu. Phật nói, năng lượng của thức thứ sáu vô cùng to lớn. Bên ngoài nó có thể duyên đến pháp giới hư không. Bên trong nó có thể duyên đến A lại ya. Nhưng duyên không đến tự tánh. Nhà Phật nói chân như bản tánh, nó không duyên đến được. Cho nên “nhân chi sơ tánh bổn thiện” nó không duyên đến được.

Vậy thì phải cần điều gì? Vậy chỉ có chứng mới biết được. Dùng chân tâm. Tất cả vọng tưởng phân biệt chấp trước đều buông xuống hết, quí vị liền nhìn thấy, đây gọi là chứng. Người nào buông xuống, người đó thấy được, còn rõ ràng hơn báo cáo của khoa học, khẳng định hơn, không còn có chút hoài nghi nào. Trong thiền định, thời gian, không gian đều không thấy nữa. Quí vị mới nhìn thấy chân tướng sự thật. Cho nên trong kinh Phật nói với chúng ta chắc chắn tương ưng với tự tánh, cũng có thể tương ưng với chúng sanh hiện đại, xã hội hiện đại, đạo này hành mới thông được. Mới có thể hoằng dương giáo nghĩa, phổ lợi chúng sanh. Nếu như không khế cơ, không tương ưng với những điều chúng sanh trong xã hội hiện đại cần đến, thì những điều tốt của quí vị họ cũng không chấp nhận, không chịu học. Thì sự dạy học này liền không thể phát huy tác dụng. Nhất định phải làm đến khế lý khế cơ, phổ lợi chúng sanh.

“Bao la biểu lý”, điều này nói đơn giản tôn giáo thế giới là một nhà. Biểu là bên ngoài, chính là xã hội đại chúng hiện tiền. Lý là tự tánh, là chân tâm, đó là lý. Năng sanh năng hiện. Huệ Năng đại sư nói là năng sanh vạn pháp, đó là lý, phải bao la trong ngoài. Giống như trong Kinh Hoa Nghiêm nói, thể tướng dụng đều bao la. Thể là trong, tướng dụng là ngoài. “Bao, đồng với bao”, cùng nghĩa với chữ bao gồm, là ý nghĩa này. La trong Gia Tường Sớ nói: La là nhiếp, chính là hàm nhiếp, những chữ này đều dễ hiểu. Nên biết bao la nghĩa là bao dung hàm nhiếp. “Biểu chỉ sự tướng, lý chỉ lý thể”, lý thể là tự tánh, là pháp tánh.

Nên biết bao la là trong ngoài vậy, tức lý sự đều tròn đầy, chân tục đều chiếu, đầy đủ các diệu, phổ nhiếp vạn loại. Ý nghĩa này hay. Như vậy quí vị mới có thể học được những thứ chân thật. Quí vị không có yêu ghét thiên lệch, không có tâm thiên vị, không có tà niệm. Quí vị mới có thể bao dung. Nếu như quí vị có thiên chấp, quí vị không thể bao dung. Quí vị chấp trước một quan niệm chủ quan, không thể dung nạp người khác, vậy là sai. Phật Pháp không có bản thân, tức là vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng. Thậm chí vô ngã kiến, vô nhân kiến, vô chúng sanh kiến, vô thọ giả kiến. Cho nên nó có thể bao la. Không có gì là không bao hàm, giống như hư không vậy. Cho nên lý viên rồi, sự cũng viên. Lý là năng sanh năng hiện, sự là sở sanh sở hiện.

“Lý sự đều viên, chân tục đều chiếu”. Đều chiếu này là nói trí tuệ khởi tác dụng. Đối với chân chính là lý, hoàn toàn hiểu được. Đối với tục, tục chính là sự, chính là sự tướng. Cũng là thông đạt hiểu rõ, không có chướng ngại. Thế là “đầy đủ các diệu”, diệu này là thiện. Trong Hoàn Nguyên Quán Hiền Thủ quốc sư nói với chúng ta về tứ đức. Điều đầu tiên là “tùy duyên diệu dụng”, đó chính là bốn câu nói này. Tùy duyên diệu dụng, Phật Thích Ca Mâu Ni nói ở trong Kinh Lăng Nghiêm rất hay: “tùy tâm chúng sanh, ứng sở tri lượng”, đây là tùy duyên diệu dụng. Tâm chúng sanh là gì? Là ý niệm. Tùy theo chúng sanh khởi tâm động niệm mà hiện tướng tương ưng với nó. Tuy tương ưng, những người năng hiện này, không có phân biệt, không chấp trước, không có khởi tâm động niệm, đây gọi là diệu! Nếu như lúc đang khởi tác dụng, hiện tướng tác dụng, có phân biệt, có chấp trước liền không diệu nữa. Vì sao vậy? Vì có phân biệt nhất định có tôi, có anh, và người khác.

Phần trước chúng ta nói nhân nghĩa lễ trí tín, nhân bị phá hoại rồi. Phật Pháp giải thích chữ nhân này rất hay! Ta người là một không phải hai, đây là nhân. Bên trong không có phân biệt, không có chấp trước. Nhưng phàm phu vẫn có phân biệt, có chấp trước. Có phân biệt có chấp trước họ liền có yêu ghét, có yêu thích, có ghét bỏ. Yêu thích, ghét bỏ, sinh phiền não! Ý niệm yêu thích này tương ưng với thiên đường. Ý niệm chán ghét tương ưng với địa ngục. Hai điều này, hai điều này họ đều có. Trong một ý niệm cả hai điều đều có. Hai điều đều có thì quả báo ở đâu? Còn phải xem đầu nào nặng thì thọ báo trước, nhẹ thì thọ quả báo sau. Không phải nói thọ báo này thì không thọ báo khác. Không phải vậy. Tất cả đều phải thọ. Chỉ có thọ trước sau không đồng. Những sự việc này, quí vị thực sự hiểu rõ rồi, hiểu thấu đáo rồi, lục căn trong cảnh giới lục trần không dám khởi ý niệm. Biết được điều gì? Khởi ý niệm là sai lầm. Nhưng không khởi ý niệm lại không làm được. Không có cách gì để khống chế. Pháp môn Tịnh Tông tuyệt diệu! Pháp môn Tịnh Tông là gì? Quí vị đổi. Ý niệm của quí vị đổi thành A Di Đà Phật. Biện pháp này rất hay, không khởi không được, đổi thì được. Ý niệm vừa khởi liền đổi thành A Di Đà Phật. Thật kỳ diệu, kỳ diệu hơn cả kỳ diệu, bảo chúng ta đổi ý niệm. Bất luận là thiện niệm hay ác niệm, tất cả đều có quả báo, chỉ là trước sau không đồng, không có không quả báo. Lục đạo luân hồi chính là nơi chúng ta chịu quả báo. Thiện niệm thì vào ba đường thiện, ác niệm thì vào ba đường ác. Chúng ta đổi tất cả thành A Di Đà Phật, quả báo liền ở nơi thế giới Cực Lạc. Trong ba đường thiện không có A Di Đà Phật, trong ba đường ác cũng không có A Di Đà Phật, A Di Đà Phật ở thế giới Cực Lạc. Lý phải hiểu cho rõ, thì sự chúng ta sẽ không trái ngược, chúng ta sẽ làm rất như pháp. Vậy mới có thể phổ nhiếp vạn pháp, cũng chính là phổ độ vạn pháp. Tất cả quí vị đều giúp đỡ được.

“Thượng trí hạ ngu, tất đắc độ thoát”. Thượng trí thiện căn sâu dày, ngộ tánh rất cao, giúp đỡ họ cao đăng phẩm vị. Người hạ ngu thiện căn ít ỏi trí tuệ không cao, cũng có thể giúp họ vãng sanh đồng cư tịnh độ. Thế giới Cực Lạc có tứ độ tam bối cửu phẩm. Chỉ cần vãng sanh, bất luận là độ nào, đồng cư độ hạ hạ phẩm vãng sanh, sanh đến Thế giới Cực Lạc cũng làm A Duy Việt Trí Bồ Tát, như vậy không tốt lắm rồi sao?

A Duy Việt Trí là pháp thân Bồ Tát, đây không phải là quí vị tu thành, quí vị đến thế giới Cực Lạc, hưởng phước báo Phật A Di Đà, trí tuệ thần thông của Phật A Di Đà, đạo lực phước báo tất cả đều gia trì quí vị. Quí vị đến đâu mà hưởng được như vậy.

Hưởng thọ quả báo này khởi tác dụng gì? Tác dụng này không thể nghĩ bàn, quí vị sanh đến thế giới Cực Lạc, quí vị liền có năng lực giống như pháp thân Bồ Tát vậy, cảm ứng đạo giao với chúng sanh hữu duyên trong thập pháp giới. Chúng sanh hữu duyên xin quí vị giúp đỡ, quí vị liền có thể hiện thân, liền có thể thuyết pháp cho họ, có được năng lực này. Năng lực này trong báo độ của mười phương thế giới chư Phật, trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư không thể được, quí vị làm không được. Đó là gì? Đó là phàm phu trong lục đạo. Lục đạo làm gì có năng lực này. Mà là gì? Mà là Bồ Tát ở cõi thật báo trang nghiêm mới có năng lực này. Nói cách khác, niệm Phật vãng sanh thế giới cực lạc, đến thế giới tây phương cực lạc tức đồng với có được năng lực, năng lực trí tuệ của cõi thật báo trang nghiêm. Điều này thật không thể nghĩ bàn. Đây là sự thù thắng không gì so sánh ở tịnh độ. Cho nên được sự tán dương của tất cả chư Phật Bồ Tát trong mười phương, mọi người tán thán Phật A Di Đà là “quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”. Đệ tử Di Đà được mười phương Như Lai tôn trọng. Mười phương Như Lai vừa thấy đệ tử của Phật A Di Đà, người này sẽ đặc biệt quan tâm, cho nên muốn làm đệ tử tốt của Phật A Di Đà, không thể là người làm mất mặt Phật A Di Đà.

“Thế xuất thế gian, dung thông vô ngại dã”. Thế gian là nói lục đạo, xuất thế gian là nói pháp giới tứ thánh. Lục đạo là uế độ của thế gian ô nhiễm nghiêm trọng. Pháp giới tứ thánh là Tịnh Độ của thế gian. Ở trong đó là Thanh văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật. Ở nơi đó tu hành, nó là Tịnh Độ.

“Quá độ”, hai chữ này nói như thế nào? Ngô dịch đề kinh là Quá Độ Nhân Đạo Kinh, chính là Kinh Vô Lượng Thọ có đề kinh này, gọi là Quá Độ Nhân Đạo Kinh. Quá độ biểu thị nghĩa tự ra khỏi sanh tử, cũng giúp người ra khỏi sanh tử. Giải thích này chúng ta hiểu được rồi. Bản thân có thể thoát ly lục đạo luân hồi, liễu sanh tử xuất tam giới, cũng có thể giúp đỡ người khác, liễu sanh tử xuất tam giới, đây gọi là quá độ. Ai có được bản lĩnh này? A la hán có được, những vị trong pháp giới tứ thánh, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát họ có năng lực này. Đây là năng lực thấp, năng lực cao thì khỏi phải nói rồi.

“Giải thoát”, “giải hoặc nghiệp chi phược, thoát tam nghiệp chi khổ”. Giải chúng ta đọc là tạ, đọc khứ thanh, dùng nó như động từ, tức là cởi mở, không phải là danh từ, là động từ, cởi mở nó. Cởi mở cái gì? Mê hoặc. Tức là phá mê khai ngộ, giải hoặc là phá mê khai ngộ. Mê giống như sợi dây, nó buộc chặt mình lại, quí vị không thể cử động, không thể tự do. Bây giờ cởi mở sợi dây này cho quí vị, ý là như vậy.

Hai chữ hoặc nghiệp bao hàm phạm vi rất lớn. Hoặc là mê, mê rồi quí vị mới tạo nghiệp, tạo nghiệp thì thọ báo, vậy sự trói buộc là thọ báo. Cởi mở mê hoặc ác nghiệp cho quí vị, quí vị mới có thể thoát khỏi khổ của ba nghiệp. Ba nghiệp là gì? Thân, khẩu, ý. Khổ của ba nghiệp liền có thể xa rời được.

Duy Thức Thuật Ký viết: giải nghĩa là lìa trói, thoát là tự tại, đều tương đồng với nghĩa ở trước. Giải là xa lìa trói buộc. Thoát là thoát ly ba khổ, quí vị được tự tại.

Lại nói giải thoát, thể tức viên tịch, do phiền não chướng buộc các hữu tình, hằng trong sanh tử. Chứng viên tịch rồi, có thể xa lìa trói buộc đó, được tên giải thoát. Đây là ý nghĩa của hai chữ giải thoát, có sâu cạn khác nhau. Cạn là nói quí vị đoạn phiền não, khai trí tuệ. Sâu là nói hết sanh tử, ra khỏi ba cõi. Ý nghĩa sâu hơn nữa là phá vô minh chứng bồ đề, đó là cứu cánh giải thoát. Trong giáo lý Đại thừa nói A la hán, Bích Chi Phật, với tam đức bí tạng, họ chỉ có một giải thoát, giải thoát gọi là bán giải thoát, tức là một nữa giải thoát, một nữa họ vẫn chưa. Những pháp thân khác, họ chưa chứng đắc, bát nhã chưa chứng đắc. Chỉ có giải thoát đắc được một tí. Đây là gì? Là A la hán, Bích Chi Phật. Vì sao vậy? Vì họ chưa có năng lực để vượt qua thập pháp giới. Chỉ có người vượt qua được thập pháp giới, thì tam đức bí tạng họ đều đắc được. Chứng đắc Pháp thân, chứng đắc bát nhã, chứng đắc giải thoát. Ba thứ này đều chứng đắc, ba thứ này thuộc về tánh đức của tự tánh. Tất cả chúng sanh vốn đã có, chỉ cần quí vị gạt bỏ chướng ngại, chướng ngại chính là ba loại phiền não: kiến tư phiền não, trần sa phiền não, vô minh phiền não. Trong Kinh Hoa Nghiêm , ba danh từ này không phải nói như vậy. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói là: vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Chấp trước chính là kiến tư phiền não, phân biệt chính là trần sa phiền não, vọng tưởng chính là vô minh phiền não. Là một ý nghĩa, nhưng danh từ khác nhau. Hai danh từ hợp lại thì thấy ý nghĩa rõ ràng hơn. Chúng ta có thể lãnh hội được. Cho nên đây cũng là điều trong Duy Thức Thuật Ký nói. Nói tương đối sâu sắc.

Giải thoát, thể chính là viên tịch. Viên tịch là tự tánh. Viên là viên mãn, Tịch là tịch diệt. Thứ gì viên mãn? Tất cả đều viên mãn, không có thứ gì không viên mãn. Nêu ví dụ để nói, Phật thường dùng ba loại, một là trí tuệ, hai là đức năng, ba là tướng hảo. Ba thứ này bao gồm tất cả. Trí tuệ viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn. Tịch là gì? Tịch là tịch diệt. Phiền não đều diệt rồi, kiến tư phân biệt tịch diệt rồi, trần sa phiền não tịch diệt rồi, vô minh phiền não tịch diệt rồi, cho nên tịch là từ diệt mà nói, tịch diệt, nên gọi là viên tịch. Tập khí phiền não đều không còn nữa gọi là tịch. Đức năng trí tuệ trong tự tánh tất cả đều xuất hiện gọi là viên.

Chúng ta xem đoạn dưới nói, phiền não chướng trói buộc các hữu tình. Phiền não chướng ngại rồi. Phiền não này, cả ba loại phiền não đều trong đó. Kiến tư, trần sa, vô minh đều là phiền não. Trói các hữu tình, hữu tình là lục đạo chúng sanh. Lục đạo chúng sanh đều có ba loại phiền não này, hơn nữa vô cùng nghiêm trọng. Cho nên “hằng trong sanh tử”. Hằng là nói vĩnh hằng, họ ở trong lục đạo làm chuyện sanh tử, họ không có cách gì ra khỏi. Vô lượng kiếp đến nay đời đời kiếp kiếp không thoát ly lục đạo, khổ không thể kể xiết. Trong Lục đạo làm chuyện gì? Đều làm việc oan oan tương báo không ngừng không nghỉ. Báo ân báo oán, ân lại trở thành oán, oán lại trở thành ái, lộn xộn đến nỗi bản thân quí vị cũng không rõ ràng nữa. Không phải nói quí vị một đời, một ngày của quí vị, quí vị cẩn thận nghĩ xem, những ý niệm của quí vị hỷ nộ ái lạc cứ lăn lộn mãi. Phật nhìn thấy hiện tượng này gọi là kẻ đáng thương thay. Quí vị bị dày vò trong đó. Đây là nói lục đạo chúng sanh.

Chứng viên tịch rồi, đây là nói tu hành chứng quả. Thực sự chứng đến viên tịch. Chứng đến viên tịch là Pháp thân Bồ Tát. “Năng ly bỉ phược”, đây chính là ba loại phiền não quí vị đều xa lìa được, gọi là giải thoát. Đây là giải thoát rốt ráo.

“Cái vị thánh chúng đại nguyện”, đây là nói thánh chúng thế giới tây phương cực lạc, những người vãng sanh đến thế giới tây phương cực lạc đều xưng là thánh chúng. Họ phát đại nguyện, phát nguyện như thế nào? Mỗi mỗi đều học Phật A Di Đà, ở trước chúng tôi đã nói qua rồi. Phật A Di Đà phát bốn mươi tám nguyện, tất cả họ đều phát bốn mươi tám nguyện. Phật A Di Đà bốn mươi tám nguyện gia trì cho họ. Di Đà 48 nguyện dùng thời gian năm kiếp tu hành. Phật A Di Đà 48 nguyện này nguyện nguyện đều viên mãn. Công đức này gia trì mọi người. Mọi người vừa phát 48 nguyện, hiệu quả đó tương ưng với bản nguyện của Phật A Di Đà, nương nhờ oai đức của Phật A Di Đà. Phật A Di Đà dùng thời gian năm kiếp tu hành. Quí vị không cần dùng năm kiếp, quí vị chỉ niệm A Di Đà Phật là nương nhờ ân đức rồi. Khởi tác dụng và bổn nguyện của Phật A Di Đà là tác dụng giống nhau. Thực sự không thể nghĩ bàn!

“Năng linh tự xuất sanh tử”, bản thân vĩnh viễn xa lìa sanh tử, chứng đắc bất sanh bất diệt. “Tịnh nhiếp nhất thiết hữu tình xuất ly sanh tử”, quí vị có thể giáo hóa tất cả chúng sanh hữu tình, tất cả chúng sanh hữu tình này nhất định có duyên với quí vị. Cho nên nói Phật không độ chúng sanh vô duyên. Những ai là hữu duyên? Vô lượng kiếp đến nay trong sanh tử luân hồi có ân có oán với quí vị. Hoặc là có mối quan hệ nợ nần, đây đều là chúng sanh hữu duyên. Từng gật đầu với quí vị, từng trừng mắt với quí vị, đều là người hữu duyên. Họ vẫn còn trong lục đạo, vẫn còn lăn lộn nơi đó, những tin tức này của họ, trong tâm nghĩ có người đến cứu tôi, giống như Phật Bồ Tát đến cứu tôi, quí vị nhận được tin tức này, quí vị lập tức liền có ứng thân, liền có hồi ứng. Hồi ứng này chính là hiện thân thuyết pháp. Nếu như địa phương này người hữu duyên nhiều, quí vị liền ứng thân.

Quí vị xem Phật Thích Ca Mâu Ni ứng thân, cũng đến đây thị hiện đầu thai. Ở mấy mươi năm dần dần đi giáo hóa họ, nếu như chỉ có một hai người thì dùng hóa thân, chứ không dùng ứng thân. Lúc quí vị cầu họ Phật Bồ Tát thực sự đến rồi. Đến rồi nói với quí vị phương pháp tu hành như thế nào, quí vị y giáo phụng hành, họ liền đi mất, gọi là hóa thân. Thực sự là cảm ứng đạo giao không thể nghĩ bàn. Chúng ta vừa động tâm, họ liền biết được. Không những biết được, lập tức liền hiện thân đến giúp quí vị. Chắc chắn sẽ không đến suông. Nhưng Phật Bồ Tát hiện thân cho chúng ta, thuyết pháp cho chúng ta, có ẩn có hiển. Hiển là gì? Quí vị nhìn thấy được, quí vị cảm giác được, đó là hiển. Minh ứng là quí vị cảm giác không được. Họ thật sự có giúp đỡ quí vị, bản thân quí vị không cảm giác được. Cho nên ứng hóa có bốn loại duyên, ẩn hiển có bốn loại. Hiển cảm hiển ứng, minh hiển minh ứng, hiển cảm minh ứng, quí vị không nhận ra được, họ ứng rồi. Có minh cảm, tin tức của bản thân phát đi, bản thân không biết, nhưng Phật Bồ Tát đến ứng. Minh cảm hiển ứng, minh cảm minh ứng. Bốn loại cảm ứng này lúc nào ở nơi đâu cũng có. Nếu như chúng ta sơ suất vô ý, thì không dễ dàng gặp được. Có một số người có duyên sâu với Phật, họ nhìn thấy được. Thấy được như thế nào? Không tin, cho rằng mắt tôi hoa rồi; nghe rồi họ cho rằng tai nghe lộn. Làm sao lại nghe được âm thanh này? Hình như là giả không phải là thật. Đã có ứng, ứng đối với quí vị không khởi tác dụng. Đây là gì? Nghiệp chướng của quí vị sâu dày, nghiệp của quí vị chướng ngại quí vị. Vậy thì đợi lần thứ hai, đợi lần thứ ba, không phải không có cảm ứng, thật có cảm ứng. Mỗi người thấu rõ được đạo lý này, cảm ứng họ thường thường có. Quí vị mới phát hiện những điều nói trong kinh, không giả dối tí nào.

Cho nên có thể giúp đỡ chúng sanh hữu tình ra khỏi sanh tử. Vĩnh đắc giải thoát, nên nói quá độ giải thoát. Ý nghĩa của hai chữ quá độ này, bản thân có thể được giải thoát, cũng có thể giúp đỡ người khác giải thoát. Đoạn này chúng ta chỉ học đến chỗ này.

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới.

“Tự nhiên bảo thủ, chân chân khiết bạch, chí nguyện vô thượng, tịnh định an lạc. Nhất đản khai đạt minh triệt, tự nhiên trung tự nhiên tướng, tự nhiên chi hữu căn bổn, tự nhiên quang sắc tham hồi, chuyển biến tối thắng. Uất đơn thành thất bảo, hoành lãm thành vạn vật, quang tinh minh cu xuất, thiện hảo thắng vô tỷ, trước ư vô thượng hạ, động đạt vô biên tế.” Đọc đến đoạn này.

Đoạn này hiển diệu dụng của tự tánh. Trong kinh văn nói với chúng ta. “Tự nhiên bảo thủ, chân chân khiết bạch”, tự nhiên bảo thủ nghĩa là gì? Trong chú giải của Niệm Lão nói cho chúng ta, chính là tông môn, tông môn là Thiền tông. Trong Thiền tông nói “bảo nhậm”. Bảo là bảo thủ, nhậm nghĩa là gì? Nhậm là nhậm vận, cũng chính là ý nghĩa tự nhiên. Dưới đây nêu một ví dụ “muốn đi thì đi, muốn ngồi thì ngồi”, đây là tự nhiên, quí vị không cần suy nghĩ về nó. Muốn ngồi thì ngồi, muốn đi thì đi. Ở đây nói cho quí vị biết về hình thức tự nhiên bảo thủ. Chữ ‘bảo’ này là niệm niệm không khác. Lời này rất khó. Phiền phức hiện nay của chúng ta chính là niệm niệm khác nhau. Niệm trước và niệm sau không tương đồng. Niệm trước và niệm sau giống nhau, thì vấn đề được giải quyết rồi. Cho nên chúng ta tỉ mỉ bình tĩnh để quan sát, quan sát ý nghĩ của bản thân, nghĩ đông nghĩ tây, nghĩ trước nghĩ sau, tạp niệm đầy dẫy. Từ sáng đến tối vọng niệm dẫy đầy. Sự việc này phiền phức lớn rồi. Hiện tượng này chính là hiện tượng lục đạo luân hồi. Hiện tượng luân hồi trong mỗi sát na biến hóa vô cùng. Một niệm thiện vào ba đường thiện, một niệm ác vào ba đường ác. Như thế nào mới giữ được niệm niệm không khác? Dùng pháp môn niệm Phật là tốt nhất. Niệm niệm đều là A Di Đà Phật. Chúng ta nếu như có thể tự nhiên bảo thủ, khởi tâm động niệm đều là A Di Đà Phật, chính là tự nhiên bảo thủ. Điều này cần công phu. Loại công phu này nói một cách nông cạn, trong Tịnh Tông gọi nó là “công phu thành phiến”, niệm Phật đích thực niệm đến “nhất phiến”, chính là tự nhiên bảo thủ. Ở đây nói tự nhiên, chính là ý nghĩa nhậm vận. “Nên nhậm vận bảo thủ tức là bảo nhậm”. Trong Thiền tông nói là bảo nhậm.

Chúng ta nhất tâm chuyên niệm. Nhất tâm tức là việc cầu sanh, cầu vãng sanh. Ngoài niệm này ra không có niệm thứ hai nào khác. Ý niệm gì cũng đều buông hết. Những việc thiện, ác chúng ta đã làm đều không nghĩ đến nó nữa. Người khác làm thiện làm ác càng không nên để trong lòng, không liên quan đến tôi. Tôi từ sáng đến tối chỉ một câu niệm Phật. Dành một ít thời gian mà đọc kinh nghe pháp. Vì sao vậy? Vì nó giúp chúng ta giác ngộ. Rất dễ dàng giác ngộ. Vì sao vậy? Vì tâm quí vị định rồi. Người thường nghe kinh học giáo, vì sao không khai ngộ? Vì tâm của họ loạn động. Nếu như tâm định vào một chỗ. Trong kinh Đại Thừa, Tiểu thừa đều nói: “chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện”, đáng quí nhất chính là làm cho tâm định vào một nơi. Chính là ở đây nói “tự nhiên bảo thủ, chân chân khiết bạch”, điều này vô cùng quí giá. Đây là chân công phu! Nếu như quí vị nói công phu này, chúng ta phải dùng bao nhiêu thời gian để tu thành? Điều này không nhất định. Nếu như quí vị thật làm, thực sự có thể buông xuống được, thông thường ba năm chắc chắn đạt được. Đạt được công phu này, quí vị có thể vãng sanh. Thọ mạng của quí vị có thể không cần, bây giờ tôi đi ngay, Phật A Di Đà thực sự đến đón quí vị. Vì sao vậy? Vì công phu thành phiến rồi. Quí vị muốn ở thế gian này thêm vài năm nữa cũng không vấn đề gì. Nói cách khác, quí vị sanh tử tự tại, muốn ở có thể ở, muốn đi có thể đi. Quí vị nói xem tự tại biết bao. Đây không phải là nhất tâm bất loạn, nhất tâm bất loạn cao hơn điều này. Đây là công phu thành phiến, là tầng thứ thấp nhất của nhất tâm bất loạn. Từ đây nâng cao lên gọi là sự nhất tâm bất loạn, nâng cao hơn nữa là lí nhất tâm bất loạn. Lý nhất tâm bất loạn và minh tâm kiến tánh của tông môn cùng một cấp bậc, cùng một đẳng cấp. Sự nhất tâm bất loạn và A la hán cùng đẳng cấp. Cho nên sự nhất tâm bất loạn vãng sanh, sanh cõi Phương tiện. Công phu thành phiến sanh cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Chắc chắn là Trung phẩm trở lên. Mỗi cõi đều có tam bối cửu phẩm. Lý nhất tâm bất loạn sanh cõi Thật báo trang nghiêm.

Dưới đây, chân giả, tức nhất chân pháp giới, chân như bản tánh, diệu minh chân tâm. Những danh từ này trong kinh Đại Thừa nói, nhất chân pháp giới trong Kinh Hoa Nghiêm nói, “chân như bản tánh” tất cả các kinh Đại Thừa đều nói, “diệu minh chân tâm” được nói trong kinh Lăng Nghiêm, cùng với “chân thật chi tế” của bản kinh này, trong đó chữ chân này hoàn toàn tương đồng. Chữ chân này không phải là chữ chân trong chân giả của thế gian. Chân giả hai bên đều xa lìa rồi.

“Chân chân” là hiện tiền, cho nên họ dùng hai chữ chân chân, nói rõ điều này thực sự không phải là chân trong chữ chân giả.

Chân thật chi tế, ngày nay nói chân chân vậy, biểu thị đối với vọng mà nói chân. Là tuyệt đãi, tức là chân tuyệt đối, là chân trong chân. Tự tánh! Chân như bản tánh, đây là chân chân.

Khiết là vô cấu, bạch là vô nhiễm. Tức Lục Tổ nói: đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh”. Sự việc này Huệ Năng đại sư thấy được rồi. Cũng là nói ngài chứng đắc rồi. Ngài thấy được tự tánh vốn tự thanh tịnh. Chúng ta nghe rồi, có thể hội như thế nào? Nhất định phải giác ngộ, tự tánh của mỗi người chúng ta đều là vốn tự thanh tịnh, chỉ là chưa nhìn thấy. Thứ nhìn thấy là gì? Toàn là nhiễm ô. Thứ nhiễm ô đó là gì? Ý nhiễm ô. Ý thức trong A lại ya. Đó không phải là chân tâm của chúng ta, là vọng tâm. Chân tâm vốn tự thanh tịnh, không nhiễm ô. Nhiễm ô là vọng tâm, vọng tâm có sanh diệt. Chân tâm không có sanh diệt. Cho nên Huệ Năng đại sư nói câu thứ hai là: “đâu ngờ tự tánh vốn không sanh diệt”, không sanh không diệt. Đây là thật, đây không phải là giả.

Vậy chúng ta nói tự ái, cho nên ngày nay chúng ta nói con người không tự ái. Tự ái này là gì? Quí vị nên yêu sự thanh tịnh của quí vị, vốn tự thanh tịnh. Quí vị bị cảnh giới bên ngoài làm ô nhiễm thì không tự ái rồi. Chúng ta khởi phiền não, chúng ta làm trái với ngũ luân, làm trái với nhân nghĩa lễ trí tín, làm trái với tứ duy bát đức, chính là không tự ái. Vì sao vậy? Những thứ đó là tự tánh chúng ta vốn có. Đó gọi là bổn thiện, đó là tánh đức. Trong những tánh đức này thanh tịnh vô nhiễm.

Trong Bách Trượng Thiền Ngữ, là lời của Bách Trượng đại sư: “tâm tánh vô nhiễm, vốn tự viên thành”, viên mãn thành tựu, vốn dĩ đã như vậy rồi. Cùng một ý nghĩa với “vốn tự thanh tịnh” của Huệ Năng đại sư.

Sở bảo nhậm chính là tuyệt đãi chân tâm vô nhiễm vốn tịnh này. Chúng ta ngày nay dùng phương pháp gì để bảo nhậm? Thiền tông dùng tham cứu, dùng tham thoại đầu, dùng quán tâm, họ cũng có rất nhiều phương pháp. Thật sự khó, thật không dễ dàng gì. Hiện nay những phương pháp này, dường như không có ai có thể thành công, lời này không phải là tôi nói, Hoàng Niệm Lão nói với tôi như vậy. Ông nói với tôi về Thiền về Mật, ông nói người hiện đại không có loại căn tánh này nữa. Quí vị đi học những thứ này hữu danh vô thực.

Vậy Tịnh Tông bảo nhậm chính là dùng một câu A Di Đà Phật, một câu A Di Đà Phật làm sao bảo nhậm? Niệm Phật hiệu, trong mỗi tiếng Phật hiệu không có tạp niệm xen vào là quí vị bảo nhậm rồi. Niệm Phật vẫn còn khởi vọng niệm là phá hỏng rồi. Quí vị bảo không được nữa. Cho nên Ấn Quang Đại sư dạy chúng ta một phương pháp nhớ số, đề xướng ba điều rõ ràng. Thứ nhất là Phật hiệu của quí vị từ trong tâm mà ra, trong miệng niệm ra, trong tâm thật có Phật. Tâm là gốc, tâm là thanh tịnh. Từ trong tâm mà niệm ra, niệm một cách rõ ràng, không nên niệm nhanh quá, niệm phải cho rõ ràng. Niệm ra rồi, tai nghe một cách rõ ràng, lỗ tai không nên nghe điều khác, mà nghe âm thanh bản thân niệm Phật, nghe được một cách rõ ràng. Hơn nữa mỗi câu Phật hiệu là câu thứ mấy trong mười câu niệm Phật, ghi nhớ một cách rõ ràng. Phương pháp này Ấn Quang Đại sư dùng một đời rồi. Ngài thị hiện cho chúng ta xem, cũng chính là nói cho người niệm Phật trong thời đại này, dùng phương pháp này có hiệu quả. Mười câu Phật hiệu này, rõ ràng minh bạch là câu thứ mấy. Nhưng trong tâm quí vị không nên làm ám hiệu, A Di Đà Phật một, A Di Đà Phật hai, vậy là không được, vậy là sai rồi. A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, không cần phải nhớ, nhưng rất rõ ràng. Vì sao vậy? Vì quí vị nhiếp tâm tại nơi đó, tạp niệm bên ngoài không dễ dàng vào được. Chỉ niệm mười tiếng, đến mười rồi, sau đó lại từ một hai ba bốn năm đến mười. Mỗi lần đến mười liền trở lại, không nên dùng hai mươi, ba mươi, bốn mươi, không nên dùng cách niệm như vậy, chỉ là một đến mười. Mục đích là gì? Mục đích là không dễ dàng bị tạp niệm bên ngoài xen vào, là ý nghĩa này. Phương pháp này hữu hiệu. Hồ Tiểu Lâm làm thí nghiệm, làm ba tháng rồi, một trăm hai mươi ngày, nói với tôi rất hữu hiệu. Trước đây niệm Phật có tạp niệm, bây giờ niệm Phật tạp niệm ít hơn. Ông làm báo cáo, rất nhiều người học tập. Học tập ba bốn ngày liền được hiệu quả. Ấn Quang Đại sư là chúng sanh chúng ta cảm ứng Ngài đến vậy, chúng sanh chúng ta có cảm, hơn nữa không phải một người cảm, rất nhiều rất nhiều người đều có vấn đề. Ngài đến rồi, làm thị hiện cho chúng ta. Dạy chúng ta những phương pháp này, giúp đỡ người niệm Phật trong thời đại này, làm thế nào để bảo nhậm. Bảo nhậm quí vị công phu thành phiến, công phu niệm Phật liền thành tựu.

“Vô thượng”, Vãng Sanh Luận Chú viết: Vô thượng là đạo này cùng lý tận tánh, càng không có gì vượt qua nữa. Đạo này là Phật pháp đại thừa. Phật pháp đại thừa đối với lý vũ trụ vạn vật nói được thấu triệt gọi là cùng lý. Tận tánh cũng là cùng lý. Lý là lý gì? Lý tánh. Bởi vì Bồ Tát nương theo phương pháp Đại thừa để tu hành, mục tiêu cuối cùng là minh tâm kiến tánh. Minh tâm kiến tánh chính là cùng lý tận tánh ở đây nói, cùng một ý nghĩa này. Cùng là cùng tận, tận là tận đến cùng. Thực sự tìm được gốc rồi, cho nên không còn vượt qua nữa. Phật pháp đến minh tâm kiến tánh chính là cùng lý tận tánh. Còn có cao hơn nữa không? Không có nữa, chỉ là đến đây mà thôi. Đây gọi là đại viên mãn, rốt ráo viên mãn. Cho nên chúng ta từ chỗ này, hiểu rõ được chân tướng sự thật: chúng sanh bình đẳng, vạn pháp bình đẳng, không có cao thấp. Chúng ta đối với tất cả vạn vật không dám coi nhẹ. Chúng ta đối với con muỗi con kiến không dám coi thường. Tánh của nó và tánh chúng ta là giống nhau,- Phật tánh. Tất cả chúng sanh vốn là Phật bao gồm cả nó. Không những bao gồm những động vật nhỏ này, còn bao gồm cả thực vật, cỏ cây hoa lá, còn bao gồm cả sơn hà đại địa. Chúng tôi mỗi sáng sớm lạy Phật, lễ cuối cùng nhất định phải lạy “thập phương sát độ vi trần pháp giới. Vì sao vậy? Vì cùng một tự tánh biến hiện ra, cùng một tự tánh sanh. Tự tánh chính là Phật tánh, cho nên vốn là Phật. Đối với hàng trên chúng ta, như thiên nhân, quỷ thần, chư Phật Bồ Tát, chúng ta tự nhiên sanh khởi tâm cung kính. Nhưng bản thân không cảm thấy tự ti, không cần phải tự ti. Vì sao vậy? Vì bình đẳng. Cung kính là tánh đức của chúng ta. Tốt nhất tâm cung kính này phải bình đẳng, đối với kẻ dưới cũng bình đẳng, đối với muỗi kiến cũng bình đẳng, đối với cỏ cây hoa lá cũng bình đẳng, đối với sơn hà đại địa bình đẳng. Đây chính là hạnh Phổ Hiền. Hạnh Phổ Hiền điều đầu tiên là “lễ kính chư Phật”, vì sao là chư Phật? Chúng ta vừa nói đến toàn là chư Phật. Hiện nay cách nói này trong giáo lý Đại thừa đều có nói, nhưng không nói nhiều. Vì sao vậy? Vì không phải là cảnh giới của người thường. Chỉ có trong kinh điển nhất thừa viên giáo mới nhìn thấy. Phật nói lời chân thật, cảnh giới này được khoa học hiện đại phát hiện ra rồi. Phát hiện được gì? Trong vi trần, chúng ta gọi vi trần, họ gọi là lạp tử, là lượng tử, là điện tử, là trung vi tử, họ dùng những danh từ này, đều là vật chất rất nhỏ rất nhỏ, thông thường kính hiển vi không nhìn thấy, phải dùng những thứ chuyên dùng của nhà khoa học, đó là kính hiển vi đặc thù mới có thể phát hiện được. Phát hiện đến vật chất nhỏ nhất này, trong đó có thọ, tưởng, hành, thức, tức là nói nó biết nhìn biết nghe, biết hiểu ý nghĩ của con người, vật chất nhỏ nhất. Vậy chúng ta muốn hỏi, quyển sách chúng ta bây giờ, một đống giấy này, nó biết nhìn hay không? Nó biết. Nó biết nghe hay không? Nó biết. Nó hiểu ý nghĩ của chúng ta hay không? Hiểu. Chúng ta cung cấp tin tức cho nó, nó có phản ứng, phản ứng của nó chúng ta hiện tại nhìn không thấy, nghe không được, nhưng dùng thiết bị khoa học có thể dò xét đến được. Cho nên toàn thể vũ trụ, dùng cách nói hiện đại mà nói toàn là thể hữu cơ. Nói cách khác, nó đều là sống. Nó không phải là chết. Chúng ta khởi tâm động niệm, khởi thiện niệm, khởi ác niệm đều biết được. Không những quỷ thần biết được, Phật Bồ Tát biết được. Cỏ cây hoa lá biết được, sơn hà đại địa biết được. Nhà cửa tường vách chúng ta ở biết được, nền nhà biết được, bàn ghế ghế đẩu toàn biết được. Quí vị có thể giấu ai được? Quí vị cho rằng không ai biết được, sai rồi, quí vị toàn sai rồi, nó biết hết. Chỉ là bản thân quí vị không biết. Điều này hiện tại nói nó thuộc về khoa học bậc cao. Trước đây chúng ta đọc tâm kinh, giảng tâm kinh, Quán Tự Tại Bồ Tát, chiếu kiến năm uẩn đều không, chúng ta đều đem con người coi như vậy, nhục thể con người là sắc. Cảm thọ của chúng ta là thọ, có cảm thọ khổ lạc ưu hỷ xả, chúng ta có tư tưởng, có thể nghĩ về quá khứ, nghĩ đến vị lai, đây là tưởng. Hành là tương tục không gián đoạn, niệm này không dứt. Thức là A lại ya, hàm chứa những chủng tử này. Bây giờ chúng ta hiểu được, tất cả hiện tượng vật chất đều có A lại ya. Cho nên một hạt cát bụi, một sợi lông nhỏ, đừng nói là một sợi, một tí nhỏ trong sợi lông đó, một đầu của nó, tất cả đều đầy đủ thọ, tưởng, hành, thức.

Tiến Sĩ Giang Bổn dùng một giọt nước để làm thí nghiệm, một giọt nước, chỉ một giọt, trong đó có thọ, tưởng, hành, thức. Nước biết nhìn, biết nghe, biết hiểu được ý nghĩ của chúng ta. Ông dùng thí nghiệm khoa học, làm cho nó kết thành băng, kết thành hoa tuyết, xem phản ứng của nó, trong niệm thiện phản ứng của nó vô cùng đẹp, trong niệm bất thiện thì rất khó coi, rất xấu xí. Làm thí nghiệm mấy vạn lần mà không sai tí nào, trong đó đồ án đẹp nhất chính là ái. Cảm tạ, cảm ơn, đồ án như vậy là đẹp nhất. Ông ấy nói với tôi: ái có phải là hạt nhân của vũ trụ? Tôi nói đúng vậy, không sai.

Văn hóa truyền thống xưa là dùng cái này làm trung tâm. Giáo dục của người xưa, văn hóa xưa thực sự là giáo dục. Giáo dục này là phụ tử hữu thân, kiểu thân ái này làm điểm xuất phát. Đó là hạt nhân của tánh đức. Nhân là nhân ái, là trung tâm của tánh đức, chính là những thứ này, cho nên giáo dục xưa là giáo dục thương yêu, mục đích giáo dục xưa làm thế nào để đem tình thân ái phụ tử mãi mãi duy trì mà không biến chất, đây là mục tiêu đầu tiên. Mục tiêu thứ hai là đem chữ ái này, đây là chân ái, là từ trong tự tánh sanh ra, làm cho nó phát huy rộng rãi. Thương yêu người nhà quí vị, thương yêu anh chị em quí vị, thương yêu dân tộc quí vị, thương yêu bà con xóm làng quí vị, thương yêu xã hội, thương yêu quốc gia, thương yêu dân tộc, đến cuối cùng phàm là người đều phải thương yêu. Cho nên Phật pháp nói những thứ của Trung Quốc là pháp thế gian. Bởi vì chỉ nói đến con người. “Phàm là người đều phải yêu thương”, yêu thương trong Phật Pháp càng lớn lao hơn, nó yêu thương cả pháp giới hư không. Cây cối hoa cỏ, núi sông đất đai, pháp giới hư không nó đều yêu thương. Tâm lượng này rất lớn rất lớn! Chữ ái của Trung Quốc chỉ nói đến con người. Con người không ra khỏi trái đất, chữ ái của họ không ra khỏi trái đất, Phật Pháp siêu việt rồi. Khắp pháp giới hư không giới một chữ ái.

Vãng Sanh Luận Chú nói: vô thượng, chữ vô thượng này tánh đạo cùng lý tận, không có gì hơn nữa. Như tông môn Bảo Kính Tam Muội viết: “Tiềm hành mật dụng, như ngu như lỗ, đản năng tương tục, danh chủ trung chủ”. Ý nghĩa này sâu sắc, Trong Thiền tông Bảo Kính Tam Muội nói “tiềm hạnh mật dụng”, tiềm và mật đều có nghĩa là sâu. Quí vị hoàn toàn dùng trong cuộc sống hằng ngày. Dùng điều gì? Chân tâm, bản tánh mà quí vị bảo nhậm. Đây chính là bí quyết tham cứu của thiền tông. Bí quyết này nói rõ ra chính là “chế tâm nhất xứ” mà Thế Tôn thường nói. Mọi người đều hiểu rồi, đem tâm hoàn toàn tập trung nơi chân tâm vô nhiễm bổn tịnh, quí vị bảo thủ tại nơi này. Đem tâm định tại nơi này, đây gọi là “tiềm hành mật dụng”. Biểu hiện ở bên ngoài như ngu như đần, là một kẻ ngu, đần độn, không phải là người thông minh trí tuệ, thông thường người ta nhìn thấy ngu ngu đần đần, người ngốc nghếch, không có suy nghĩ, không thông minh trí tuệ. Biểu hiện là như vậy, trên thực tế thì thông minh trí tuệ tuyệt đỉnh, siêu việt thông minh trí tuệ thông thường. Gọi là gì? Là đại trí như ngu. Là kiểu người này, đại trí như ngu. Thông thường không phải thực sự đại trí tuệ không làm được. Cũng tức là nói giả hồ đồ, họ không hồ đồ. Cổ nhân nói rằng “quí thay hồ đồ”, tức là chỉ những người này. Tông môn khó, các pháp môn khác cũng khó. Chúng ta hiểu rõ tông môn tu hành bí quyết này. Chúng ta đổi một phương pháp khác, đổi thành A Di Đà Phật. Từ sáng đến tối trong tâm đều là A Di Đà Phật. Trong tâm A Di Đà Phật không thể gián đoạn. Ở miệng gián đoạn thì không sao. Miệng niệm mệt rồi có thể không niệm, nhưng tâm không gián đoạn. Người niệm Phật niệm đến nỗi ngơ ngơ, nói với họ cái gì họ cũng đều A Di Đà Phật. Dường như không nghe thấy vậy. Cho nên thời gian lâu rồi cũng tốt, người này không nên nói chuyện với họ. Họ ngoài A Di Đà Phật ra, họ cái gì cũng không biết. Qua một năm hai năm, người ta tự tại vãng sanh, người khác không biết là chuyện gì nữa. Đây chính là tiềm hành mật dụng. Ai có thể phát hiện tiềm và mật của quí vị? Nhất định phải là người có trí tuệ thực sự. Người tâm địa thanh tịnh, họ có thể nhìn thấy, họ hiểu được. Thông thường người khác không biết được, nên gọi là mật dụng, cũng không cần giải thích với người khác. Giải thích là sai rồi. Có một sô đồng tu thể hội được một tí ý nghĩa này, thật có công phu, cho nên họ đầy đủ điều kiện, đây là xưa nay trong ngoài, thực sự dùng công phu tiềm hành mật dụng. Họ nhất định luôn chân thật, nghe lời, thật làm. Không đầy đủ ba điều kiện này, kiểu công phu này họ không dùng được. Nhưng đầy đủ ba điều kiện này có được mấy người? Trong một vạn người tìm không ra một người. Trong một trăm ngàn người, một triệu người, mười triệu người có lẽ tìm không ra một người. Thật hiếm có! Vì sao vậy? Họ phải thật sự buông bỏ. Chúng ta thường nói, buông bỏ tự tự tự lợi, buông bỏ danh văn lợi dưỡng, buông bỏ những hưởng thụ đối với ngũ dục lục trần, buông bỏ thất tình lục dục, một lòng chuyên niệm, liên tục không ngừng, họ mới được. Họ mới có thể dùng công phu này. Dùng công phu này thật tuyệt, gọi là chủ ở trong chủ. Chủ là gì? Là chân như tự tánh. Một câu A Di Đà Phật này chính là chân như tự tánh, hoàn toàn tương ưng với chân như tự tánh của bản thân. Sự thù thắng của Tịnh Tông đấy, nên A Di Đà Phật trong Đại Tập Kinh nói với chúng ta “trì danh niệm Phật”, chính là phương pháp ngày nay chúng ta đang dùng. Phật nói đây là vô thượng thâm diệu thiền, lúc so sánh với thiền tông, đây là vô thượng thâm diệu thiền, không phải giả.

Niệm Phật có thể đại triệt đại ngộ không? Có thể minh tâm kiến tánh không? Có thể! Sao lại không thể? Đây mới thực sự là “chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện”, chế tâm nhất xứ có thể minh tâm kiến tánh. Vậy thì những điều khác không cần nói rồi. Thực sự là không có việc gì không làm được.

“Thử chánh bất đọa pháp thân số trung, tỳ lô đảnh thượng hành tẩu”. Những lời này đều là thuật ngữ của thiền tông. “Bất đọa pháp thân số trung”, pháp thân có số sao? Có. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói pháp thân, bốn mươi mốt vị pháp thân đại sĩ, không phải là có số sao? Bất đọa pháp thân số trung, chính là siêu việt rồi. Họ không cần thông qua 41 thứ bậc này, từng cấp từng cấp từ từ đi lên, trong chốc lát họ thông qua hết. Thông đến phía trên là gì? Diệu Giác Như Lai. Vậy là quá nhanh rồi. Đây chính là nhất môn trực siêu. Trong pháp môn này trực tiếp đến được.

“Tỳ lô đảnh thượng, Diệu Giác Như Lai. Thiền tông cực tắc sự, Tịnh Tông chi tịch quang thượng thượng phẩm dã. Dĩ thử vi chí nguyện, cố vân vô thượng.” Nguyện này thực sự là đến cực điểm rồi, ai dám phát nguyện này? Trong số người học Phật chưa từng nghe nói qua. Chúng ta nhìn thấy ở trong điển tịch, chỉ nhìn thấy một mình Lục Tổ Huệ Năng. Ngài đến Hoàng Mai gặp Ngũ Tổ, Ngũ Tổ hỏi Ngài: ngươi đến đây muốn làm gì? Muốn cầu cái gì? Quí vị xem hiện tại những tín đồ này, muốn đến chùa chiền gặp Lão hòa thượng, Lão hòa thượng hỏi muốn cầu cái gì? Muốn cầu thăng quan phát tài. Cầu được bình an, không phải đều cầu những điều này sao? Ngũ Tổ hỏi Huệ Năng, ngài Huệ Năng nói: Con muốn thành Phật. Điều này không dễ dàng. Ngài muốn thành Phật. Ngài không phải làm việc khác. Hòa thượng Hoằng Nhẫn không cô phụ Ngài, tám tháng thực sự giúp đỡ Ngài thành Phật rồi. Bảo Ngài xuống nhà bếp giã gạo chẻ củi, để làm gì? Gọi là tu hành. Đó chính là tiềm hành mật dụng mà chỗ này nói. Ngài được, cho nên Ngũ Tổ dùng phương pháp này, người khác không biết, tám tháng Ngài ở đó luyện công. Cho nên nghe Ngũ tổ thuyết pháp vài câu liền khai ngộ. Tiềm hành mật dụng của Ngài chính là chế tâm nhất xứ, đây là dùng phương pháp Thiền Tông. Mỗi ngày làm gì? Chỉ giã gạo chẻ củi. Sư phụ bảo tôi làm, tôi liền làm việc đó, ngoài điều này ra một niệm không sanh. Vọng tưởng phân biệt đều không có. Không khởi tâm không động niệm, Ngài đang làm việc này. Chúng ta nếu như không phải trong kinh giáo Đại Thừa huân tập nhiều năm như vậy, chúng ta xem Pháp Bảo Đàn Kinh xem không hiểu. Không biết được người ta tám tháng là thực sự đang dụng công. Thực sự ở đó rèn luyện, tôi luyện. Tập khí phiền não hoàn toàn mài dũa hết rồi, tự tánh sẽ hiện tiền.

 Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

**HẾT TẬP 499**

# Tập 500

Chuyển ngữ: Liên Hải

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 18.07.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội – HongKong

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 622, hàng thứ bảy, bắt đầu xem từ nửa câu sau, từ “tịnh định”.

“Tịnh định giả kỳ tâm thanh tịnh, tịch nhiên bất động dã. An lạc giả, an nhiên tự tại, nhậm vận thường lạc dã”.

Tiếp theo đoạn trước, chúng ta học đến đoạn “tự nhiên bảo thủ”. Chân chân khiết bạch, chí nguyện vô thượng, tịnh định an lạc. Bây giờ chúng ta xem “tịnh định an lạc”. Trong kinh văn bốn câu này vô cùng quan trọng. Chúng ta cũng dùng thời gian tương đối dài để học rồi. Đặc biệt là “tự nhiên bảo thủ”, bảo thủ gì? “Chân chân khiết bạch”, chân tâm này làm sao mới có thể duy trì? Chí nguyện vô thượng, đây là bản thân giác ngộ rồi, niệm niệm muốn giúp đỡ người khác giác ngộ.

“Tịnh định an lạc” là mục tiêu của chúng ta. Bản thân chúng ta hi vọng đạt được, cũng hi vọng tất cả chúng sanh mỗi mỗi đều đạt được. “Tịnh định” nghĩa là tâm thanh tịnh, tịch nhiên bất động, đây là chân tâm. Chúng ta nên biết, động là vọng tâm; bất động là chân tâm. Thế nào là bất động? Trong tâm không có phân biệt chấp trước, không có khởi tâm động niệm, là bất động. Bất động này chia làm ba tầng thứ: không chấp trước đây là bất động nhỏ nhỏ; không phân biệt là đẳng cấp của bất động được nâng cao rồi; đến không khởi tâm không động niệm mới gọi là chân bất động. Từ đó có thể biết, A la hán và Bồ Tát so với phàm phu, với thiên nhân mà nói, tâm họ bất động. Tâm chúng ta rối bời bời, nếu như muốn so sánh với Phật, tâm của họ vẫn còn động. Chỉ là động rất vi tế. Giống như nước vậy, nó có những gợn sóng rất nhỏ, nhưng vẫn có. Phàm phu, sóng to gió lớn, gọi là sóng lớn, sóng thần. Hiện nay trở thành mức độ đáng sợ như vậy. Chân tâm vĩnh viễn bất động. Huệ Năng đại sư nói rất hay: “vốn không dao động”, điều này trong Phật Pháp gọi nó là tạo tác.

“Tự tánh bổn định”, định này không phải tu mà có, tự tánh vốn là như vậy. Cho nên nó là tự nhiên, nó không phải tu mà được. Chỉ cần quí vị buông bỏ những vọng động này, nó liền bất động, bất động liền hiện tiền. Động là giả, nó là pháp sanh diệt, cho nên có thể tiêu diệt nó. Chân tâm không phải pháp sanh diệt, cho nên sự tướng thanh tịnh bất động của nó sẽ hiện tiền. Đây là công phu. Người thực sự tu hành chỉ muốn tu những thứ này. Tác dụng tịnh định chính là “an lạc”, “an nhiên tự tại, nhậm vận thường lạc”. Ý nghĩa chữ an này rất sâu, nó không có khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước, không có phiền não, không có tập khí, không có âu lo, không có vướng mắc. Cái gì cũng không có, nhưng không thiếu thứ gì. Vì sao mà thứ gì cũng không thiếu? Trong tự tánh vốn tự đầy đủ. Đầy đủ điều gì? Mọi thứ đều đầy đủ. Đầy đủ vạn sự vạn pháp, mười pháp giới y chánh trang nghiêm, nó không thiếu thứ gì, đều ngay trước mắt chúng ta. Quí vị xem trước mắt chúng ta, có chỗ nào thiếu một miếng nào không? Hiện nay chúng ta nhìn thấy rất nhiều đất đai, vô duyên vô cớ liền chìm xuống, gọi là hố tử thần. Đây có phải là thiếu một miếng? Không phải. Quí vị xem xem đáy của hố tử thần vẫn còn, không thiếu. Bất luận là Thế giới Cực Lạc, bất luận là A tỳ địa ngục, toàn đều là tự tánh vốn tự đầy đủ, không thiếu thứ nào.

Những cảnh giới này không đồng, vì sao không đồng? Vì ý niệm không đồng. Quí vị nhớ kỹ một câu, câu nói này vô cùng vô cùng quan trọng, là hạt nhân của kinh giáo Đại Thừa. Đó chính là Phật nói: “tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”, quí vị nghĩ gì liền hiện ra thứ đó. Quí vị nghĩ an lạc, an lạc liền ngay trước mặt. Quí vị nghĩ thế giới cực lạc, thế giới cực lạc ngay trước mặt. Quí vị nghĩ núi lở đất sụt, núi lở đất sụt liền ngay trước mặt. Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh.

Thế giới cực lạc là ý niệm gì? Nhân lễ nghĩa trí tín là thế giới cực lạc, là tự nhiên. Ngược lại, bất nhân, bất nghĩa, vô lễ, vô trí, vô tín, đó là thế giới gì? Là thế giới hiện tại của chúng ta. Cảnh quan này thực sự tồn tại sao? Phật nói với chúng ta không tồn tại, là giả thôi, là huyễn tướng. Cũng giống như chúng ta xem phim, cũng giống như chúng ta xem ti vi, không có gì khác. Quí vị muốn hiểu rõ chân tướng sự thật, thì thứ gì cũng đừng để trong tâm. Thứ gì cũng không để trong tâm nữa làm không được. Vì sao vậy? Vì tập khí nặng quá. Trong bất giác, đó chính là tướng tự nhiên trong tự nhiên, bất giác ý niệm liền sanh khởi lên, ý niệm được sanh ra quí vị cẩn thận quan sát, ý nghĩ của phàm phu là tự tư tự lợi. Ý nghĩ của Thánh hiền toàn bộ là lợi tha. Lợi tha là thiện, tự tư là ác, bất thiện. Lợi tha là giả, tự lợi cũng là giả, không có thứ gì là thật cả. Nhưng cảnh giới bên ngoài biến hóa, đích thực chuyển theo ý niệm của quí vị. Bệnh khổ hiện tiền, tai họa hiện tiền, là ý niệm bất thiện biến hiện ra. Thiên đường hiện tiền, thế giới cực lạc hiện tiền là thiện niệm, tịnh niệm của quí vị biến hiện ra, không ly kỳ tí nào cả. Không có pháp nào không phải là tướng tự nhiên trong tự nhiên, đều là như vậy. Chỉ là chúng ta mê thất tự tánh, gọi là khinh suất vô ý, đều ngay trước mắt chưa từng rời xa chúng ta. Nhưng chúng ta không nhìn thấy, chúng ta chưa phát hiện ra, chưa thể hội được, vấn đề là ở đây. Sự việc này chúng ta không thể không biết.

“Tịnh định” thì an lạc liền hiện tiền. Nói cách khác, tâm chúng ta không tịnh được, không định được, tức là phiền não hiện tiền, an lạc liền không còn nữa. An lạc là từ tịnh định mà có, không liên quan gì đến hoàn cảnh. Nhưng người sơ học hoàn cảnh sẽ quấy nhiễu quí vị. Tập khí quí vị nặng, ở trong hoàn cảnh quí vị không làm chủ được mình, tâm quí vị chuyển theo cảnh, quí vị phải luyện tập. Người thực sự biết luyện họ không rời hoàn cảnh. Vì sao vậy? Họ muốn rèn luyện trong hoàn cảnh đó. Đó gọi là chân công phu. Hoàn cảnh tốt hơn nữa, cũng không khởi tham luyến; hoàn cảnh có xấu nữa, cũng không sanh phiền não. Trong hoàn cảnh bất luận là thuận cảnh hay nghịch cảnh, là thiện duyên hay ác duyên, họ ở trong đó làm gì? Họ luyện tịnh định, ở trong đó luyện công phu này. Đây gọi là chân tu hành. Hạng người này gọi là hàng thượng thượng căn.

Tịnh Độ và Mật Tông thật tình mà nói họ cùng một con đường, cùng một mục tiêu, phương pháp khác nhau mà thôi. Vô lượng pháp môn quy nạp đến cuối cùng là tam môn. Nói chung là tam môn. Tam môn này chính là giác chánh tịnh. Thiền tông đi giác môn, Tánh tông đi giác môn, Giáo môn từ giải môn, giác chánh tịnh, giải môn chính là chánh tri chánh kiến. Thiên thai, Hoa nghiêm, Pháp tướng, những tông này đều là đi theo giải môn. Thứ ba chính là tu Tịnh môn. Tịnh môn là hai thứ, một là Mật tông, hai là Tịnh độ. Mật tông càng rõ ràng hơn Tịnh độ. Bởi vì Tịnh độ né tránh, nếu ô nhiễm tôi né tránh. Mật tông không né tránh. Nó là tịnh ở trong tịnh, điều đó khó. Cho nên học Mật tông, ngày xưa thầy giáo nói với tôi, học mật thành tựu liền thành Phật, không thành tựu liền vào địa ngục, không có khoảng giữa. Không giống Hiển tông, Hiển tông không thành tựu cũng không đến nỗi đọa vào địa ngục. Thành tựu cũng không đến mức thành Phật. Quí vị xem quí vị vãng sanh thế giới tây phương cực lạc, phổ biến nhất, nhân số nhiều nhất là cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Không giống Mật tông, thành tựu của mật tông chắc chắn ở cõi Thật Báo. Họ không thể ở cõi Đồng cư hay cõi Phương tiện, không thể có. Cho nên Mật tông khó, khó quá! Tài sắc danh thực thùy đều ở ngay trước mặt họ, họ không cự tuyệt chút nào, cảnh giới hiện tiền thực sự không nhiễm, không khởi tâm, không động niệm, mật thành tựu rồi. Tịnh định của họ thành tựu rồi, thật tịnh định. Tịnh định của Tịnh độ tông đó là so sánh, so sánh phàm phu thông thường là tịnh định, so với trên thì còn thua xa. Quí vị hiểu rõ đạo lý này rồi, quí vị liền biết học mật tông này khó khăn biết bao. Vì sao họ không thành công sẽ đọa lạc? Trong tài sắc danh thực thùy, họ có tham tâm hay không? Họ có sinh tâm sân nhuế hay không? Họ có tâm tham là đường ngạ quỷ. Họ có tâm sân nhuế là đường địa ngục. Cảnh giới ngay trước mặt, không dễ dàng! Đó là chân công phu, điều đó không phải là giả. Cho nên người học mật thành tựu ít. Hoàng Niệm Tổ lão cư sĩ là kim cang thượng sư của Mật tông, đến lúc lâm chung ông niệm Phật, ông không dùng mật, ông cũng niệm A Di Đà Phật. Nói với tôi một ngày niệm bốn trăm ngàn câu danh hiệu Phật. Từng câu từng câu truy đỉnh mà niệm. A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, không gián đoạn. Một ngày 400.000 tiếng. Đây đều là làm gương cho chúng ta thấy. Ông từng học thiền, từng học mật, từng học giáo, cuối cùng trở về Tịnh độ. Thầy giáo của tôi, cư sĩ Lý Bính Nam cũng như vậy, từng học Mật, từng học thiền, từng học giáo. Cuối cùng học Tịnh độ với Ấn Quang Đại sư, sau khi đã học qua tất cả, đối với Tịnh độ thực hành kiên định. Ngoài ra đều buông bỏ hết. Tâm của họ tịnh định rồi, an lạc liền hiện tiền! An lạc không ở bên ngoài. Đạo lý này nhất định phải hiểu. Bản thân chúng ta tập khí phiền não nặng, thật tình không có cách gì định tâm lại được. Môi trường có thể giúp đỡ, tìm một môi trường an tĩnh, không phải là nhập thất cũng là ở núi. Ngày xưa cất một mái nhà tranh ở trên núi, ở núi không phải là nhập thất.

Người sơ học có thích hợp hay không? Không được. Lúc tôi mới xuất gia đã học Phật được bảy năm rồi. Có thể giảng 13 bộ kinh nhỏ, giảng thính chúng đều hoan hỉ, pháp duyên cũng rất thịnh. Có được duyên phận như vậy, ở Đài Bắc có một cư sĩ, tên tôi đã quên mất rồi, 53 năm trước, ông có một ngôi biệt thự ở trên núi, kiến trúc kiểu Nhật Bản, phía sau có một hầm trú ẩn rất lớn, được xây vào thời kỳ thế chiến thứ hai, người Mỹ oanh tạc Đài Loan, họ xây ở đó một hầm trú ẩn. Bên ngoài hầm trú ẩn xây một ngôi nhà nhỏ trên núi, hoàn cảnh rất u tĩnh. Sau khi thắng lợi, chiến tranh kết thúc, họ không ở nữa, họ làm nghề buôn bán, đến nói với tôi rằng: nơi đó muốn cúng dường cho tôi, để tôi ở nơi đó tiến tu. Tôi đem sự việc này báo cáo với thầy Lý. Thầy Lý cười cười, nói: cổ nhân nhập thất ở núi là có điều kiện. Tôi hỏi thầy giáo là điều kiện gì? Bản thân đã đắc định, đã khai ngộ rồi. Đắc định vẫn chưa được, nhất định phải khai ngộ. Ngộ như thế nào? Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Vì thế làm tôi giật cả mình. Phải minh tâm kiến tánh, minh tâm kiến tánh vì sao còn phải đi nhập thất, đi ở núi. Phật Pháp là sư đạo, không dám nói tôi đã minh tâm kiến tánh rồi, tôi có thể làm thầy quí vị, quí vị đến học với tôi. Lời như thế không nói ra được, vậy là ngạo mạn quá. Vậy phải làm sao? Tôi tuyên bố nhập thất. Tôi tuyên bố ở núi, ở chòi tranh. Đây nghĩa là gì? Nói với mọi người, tôi học tập đã tốt nghiệp rồi. Tôi ở trong thất, tôi ở trên núi đợi. Đợi điều gì? Đợi quí vị đến mời tôi xuống núi, hoằng pháp lợi sanh dạy học, mời tôi xuống núi, là điều kiện như vậy. Thầy giáo lại nói: ông có nghe nói Phật môn “Triệu Châu bát thập do hành cước”, Hòa thượng Triệu Châu 80 tuổi vẫn còn tham học bên ngoài. Vì sao Ngài không đóng cửa nhập thất? Ngài vì sao không đi ở núi? Vì chưa khai ngộ, chưa đại triệt đại ngộ, chính là còn thân phận học trò. Quí vị phải đi khắp nơi tham học. Vì thế tôi mới hiểu, nhưng bạn cùng khóa với tôi vừa mới thọ giới xong có cơ hội này, tức có nhân duyên giống tôi vậy, họ đều đi đóng cửa nhập thất, vào núi ở. Thầy giáo không đồng ý. Phải tiếp tục học tập. Cho nên tôi xuất gia thọ giới xong, tôi xuất gia hai năm mới thọ giới, sau khi thọ giới lại đến Đài Trung theo thầy giáo đủ mười năm rồi mới rời đi. Chưa khai ngộ phải theo Thầy, không thể tách rời thầy giáo. Tách rời thầy giáo chúng ta sẽ đi sai đường. Trong hoàn cảnh ngày nay quí vị thật không dễ dàng đứng vững, nên nói “sai một bước hận muôn đời”, hối hận không kịp nữa. Thầy Lý muốn tôi phải theo thầy năm năm. Tôi theo thầy một năm ba tháng liền xuất gia, không đủ năm năm, cho nên sau khi trở về Đài Trung đã bổ túc lại thời gian này. Năm năm tôi cảm thấy rất có ích, theo học với Thầy đó là cơ hội giáo dục, có rất nhiều thứ là không có cách gì để nói, tức trong cuộc sống hằng ngày, bản thân quí vị phải biết nhìn, quí vị phải biết thể hội, quí vị mới có thể được lợi ích. Năm năm đủ rồi, bản thân tôi cảm thấy chưa đủ, liền nói với thầy giáo ở thêm năm năm nữa. Tôi theo thầy giáo mười năm mới rời đi. Thầy giáo gật gật đầu cười. Vì sao vậy? Không phải thầy yêu cầu, tôi tự động đề xuất. Gốc phải sâu, gốc phải cắm chắc. Quí vị mới có thể thành tựu. Cho nên tôi đến 85 tuổi tôi vẫn chưa từng ở núi, vẫn chưa từng đóng cửa nhập thất. Tôi hiểu rõ tôi không có điều kiện, chưa có đủ tư cách. Đi khắp nơi giảng kinh dạy học cũng là thuộc về tham học. Vì sao vậy? Vì dạy và học cùng nhau trưởng thành. Nói cho người khác nghe, bản thân cũng có tiến bộ. Mỗi người dạy học, đều có kinh nghiệm này. Chúng ta từ trong việc dạy học để cầu học.

Lúc nào mới có thể thực sự chuyên tu Tịnh Độ an lạc? Đó là nhân duyên, nhân duyên này tôi tin tưởng, Phật Bồ Tát sẽ sắp đặt cho chúng ta. Bản thân chúng ta muốn làm như vậy không thỏa đáng lắm. Nhất định phải Phật Bồ Tát đến sắp đặt.

Chúng ta xem đoạn kinh văn dưới đây.

“Nhất đản” chỉ một sát na nào đó. “nhân thử vô thượng thị hành bất đáo xứ”. Vô thượng biểu trưng cho ý nghĩa này. “Cố vô hành trình khả kế”, quí vị không có cách gì dự tính được. Vô thượng là nơi không thể đi đến. Đó là minh tâm kiến tánh.

“Đã không có kỳ hạn để nói chỉ là trong vô tâm tam muội”. Điều này thật có ý vị. Vô thượng kia có cách nào để đạt được nó không? Có, chỉ trong vô tâm tam muội. Đây là ý gì? Chính là không khởi tâm, không động niệm. Không khởi tâm, không động niệm gọi là vô tâm tam muội, khởi tâm động niệm là không được, không khởi tâm, không động niệm chúng ta có thể làm được không? Làm không được. Vì sao vậy? Thực sự không khởi tâm, không động niệm thì vũ trụ pháp giới này không còn nữa. Lúc nào cảnh giới này hiện tiền thì toàn bộ vũ trụ không còn nữa, thân thể chúng ta cũng không còn nữa. Nhưng bản thân rõ ràng sáng tỏ. Tất cả mọi hiện tượng đều không có nữa. Chúng ta chưa nhập vào cảnh giới này, nhưng có thể tưởng tưởng ra được. Vì sao vậy? Vì đó là cảnh giới Thường tịch quang, tự tánh có hay không? Có. Tự tánh là bản thể của tất cả vạn pháp. Bản thể của tất cả vạn pháp là không tịch, chỉ cần chúng ta nhìn thấy hiện tượng tồn tại, thì khởi tâm động niệm của chúng ta chưa đoạn. Trước đây chúng ta nói tướng tương tợ tương tục. Một ý niệm tiếp theo một ý niệm, giống như xem phim vậy. Quí vị chỉ cần thấy hình ảnh trên màn hình vẫn còn, nó đang động, nó chưa định trở lại. Nếu như nó định trở lại hình ảnh sẽ không còn nữa. Hình ảnh không còn nữa, tức là trên màn hình trống không. Đó chính là tự tánh hiện tiền. Đó gọi là kiến tánh. Sau khi kiến tánh, bất động là kiến tánh, động vẫn là kiến tánh. Vì sao vậy? Quí vị thấu triệt rồi, hiểu rõ rồi! Động và bất động đều không để trong lòng. Không trú nhị biên, trung đạo không tồn tại. Tác dụng đó gọi là diệu dụng. Diệu dụng là thanh tịnh an lạc. Bốn chữ thanh tịnh an lạc này quí vị chưa đạt được, diệu dụng không có nữa. Dụng của quí vị sẽ sanh phiền não. Tác dụng của phàm phu sanh thất tình ngũ dục. Bồ Tát khởi tác dụng sanh trí tuệ, chắc chắn không có thất tình ngũ dục. Đạo lý chính ở đây. Cho nên kiến tánh không có hành trình để tính toán, cũng không có kỳ hạn để nói, chỉ có ở trong vô tâm tam muội. Thiền sư Cao Phong nói: đột nhiên đụng đến chạm đến rờ đến hướng thượng đóng xoay chuyển. Thứ này là ví dụ, giống như mã số trên két sắt vậy, vừa điều chỉnh cho đúng, vừa chỉnh đúng liền mở được, rất dễ dàng, không có chút chướng ngại nào.

“Sát na tương ưng, cứu cực tâm nguyên, khế nhập lý nhất tâm”. Tịnh Độ tông nói lý nhất tâm bất loạn, chính là minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ, có khả năng hay không? Có khả năng. Quí vị có nên hi vọng không, có hi vọng chính là chướng ngại. Đó là khởi tâm động niệm. Không khởi tâm không động niệm, mặc kệ nó, tự nhiên sẽ gặp thôi. Điều đó rất có thể. Bản thân chúng ta phải đầy đủ điều kiện gì? Đầy đủ nhất tâm. Chúng ta thường nói trong tâm chỉ có A Di Đà Phật. Ngoài Phật A Di Đà ra không có thứ gì nữa. Đó gọi là nhất tâm, liền có được cơ hội này. Vậy khi chúng ta lo liệu mọi việc phải làm sao? Có một phương pháp tốt, phương pháp hay, cũng là cổ nhân dạy cho chúng ta, quí vị nhìn thấy người nào cũng đều là Phật A Di Đà. Quí vị nhìn thấy sự việc gì cũng đều là Phật A Di Đà. Vậy là không chướng ngại rồi. Nhìn thấy người ta thích, A Di Đà Phật; nhìn thấy oan gia đối đầu, A Di Đà Phật. Buông bỏ hết tất cả phân biệt chấp trước, những thứ lục căn tiếp xúc được đều là A Di Đà Phật. Niệm Phật như vậy cho dù không thể minh tâm kiến tánh, không thể đại triệt đại ngộ, nói cho chư vị biết, hai ba năm công phu thành phiến là chắc chắn thành tựu. Có công phu thành phiến vãng sanh liền tự tại. Lúc nào muốn đi liền đi được. Công phu tu hành không đắc lực, nguyên nhân là gì? Chưa buông bỏ được. Trong những thứ chưa buông bỏ được quan trọng nhất là tình chấp, điều này nghiêm trọng nhất. Danh văn lợi dưỡng vẫn dễ dàng buông bỏ. Tình chấp thì khó lắm. Phương pháp phá trừ chướng ngại này đích thực là sửa đổi quan niệm. Những người này phải chăng thật là A Di Đà Phật? Quí vị nói là thật thì họ là thật. Quí vị nói là giả thì họ là giả. Vì sao vậy? Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh. Là quí vị làm chủ tể, không phải người khác làm chủ tể. Người khác làm chủ tể thì khó khăn rồi, phải bản thân làm chủ tể, cho nên sự việc này không nên hỏi người khác, quí vị có hỏi Phật Bồ Tát cũng vô ích. Lão tổ tông nói với chúng ta: “hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỉ”, không bảo quí vị đi tìm người khác. Phản cầu chư kỷ là đúng rồi.

“Sát na tương ưng”, đây là việc bản thân quí vị không thể nghĩ tưởng đến, không biết tại sát na nào, trong chốc lát quí vị gặp được rồi. Cơ duyên của mỗi người đều không giống nhau. Chúng ta xem trong Ngũ Đăng Hội Nguyên, một ngàn bảy trăm điển hình khai ngộ, không có hai người giống nhau. Ở đây chứng tỏ điều gì? Chứng tỏ niệm niệm đều không tương đồng. Không có ý niệm tương đồng, duyên của ý niệm nào tương ưng với quí vị, bỗng chốc đã thông khai rồi, cửa mê đã được khai mở. Cho nên bình thường tâm càng thanh tịnh thì cơ hội này càng nhiều. Tâm không thanh tịnh, vọng niệm nhiều, thì cơ hội này sẽ không có. Khai ngộ tâm nhất định phải thanh tịnh. Niệm Phật đích thực có thể giúp chúng ta đạt được tâm địa tiếp cận thanh tịnh này. Phương pháp này vô cùng kỳ diệu.

Nên nói, một khi khai ngộ minh triệt, khai là tâm khai, chân tâm xuất hiện rồi, tâm khai mở rồi. Tâm hiện tại của chúng ta là bế tắc. Bị thứ gì làm bế tắc rồi? Bị khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, chỉ cần có những thứ này, thì tâm không khai mở được. Tâm vừa khai sẽ giống như Huệ Năng đại sư. Quí vị nhìn thấy thanh tịnh, thực sự thanh tịnh, trước nay chưa từng nhiễm ô. Quá khứ cho rằng nhiễm ô là giả, không phải là thật. Nhiễm ô là vọng tâm, không phải chân tâm. Chân tâm không sanh không diệt, vọng tâm sanh diệt. A lại ya có nhiễm ô, có sanh diệt. Bản tánh là vốn tự đầy đủ. Trong A lại ya không có đầy đủ công đức, mà đầy đủ tập khí phiền não, đầy đủ tất cả chủng tử rơi vào đó. Nó đầy đủ những thứ này.

Tự tánh vốn không lay động, nó đích thực là tịnh định. Cho nên tịnh định là chân tâm. A lại ya là động, niệm niệm sanh diệt. Chân tâm năng sanh vạn pháp, năng hiện vạn pháp, A lại ya không có năng lực này. Nhưng A lại ya có thể biến vạn pháp. Làm cho những pháp này sanh ra thay đổi. Nó không thể sanh, nó cũng không thể diệt, nhưng nó có thể biến. Làm nhất chân pháp giới biến thành lục đạo luân hồi. Nó có bản lĩnh này. Cho nên lục đạo luân hồi từ trên thể mà nói, nó không sai không khác so với nhất chân pháp giới.

Chúng ta thực sự công phu, hạt nhân của công phu chúng ta nói là tu hành. Hạt nhân công phu tu hành là gì? Chính là hai chữ “tịnh định”. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, điều này Phật nói, mỗi một pháp môn đều là tu thiền định, là dùng tám vạn bốn ngàn loại phương pháp khác nhau; đường lối khác nhau, toàn là tu thiền định. Thiền định là gì? Chính là tịnh định. Tịnh là chân tâm, chính là vốn tự thanh tịnh. Định chính là tự tánh vốn định, vốn không dao động. Chúng ta tu những thứ này chính là tìm chân tâm, tìm ra chân tâm. Vọng tâm tạm thời buông xuống, chân tâm tạm thời hiện tiền. Quí vị buông xuống một phút, nó liền hiện một phút, liền có một phút tịnh định an lạc. Quí vị buông xuống mười phút, quí vị liền được mười phút tịnh định an lạc. Điều đó có lợi ích to lớn đối với sức khỏe thân thể. Một người hai mươi bốn giờ bận rộn, có thể có được mười phút tịnh định an lạc, thì sự mệt mỏi của họ có thể khôi phục, sau đó quí vị liền hiểu được, Phật Thích Ca Mâu Ni và những vị Bồ Tát La hán, chư vị Tổ sư, vì sao họ có thể không mệt mỏi? Không có gì khác là tâm họ tịnh định. Họ hưởng thụ chính là an lạc. Ngày nay tâm chúng ta bất an, tâm bất an, thân liền bất an. Tâm bất an là vọng niệm nhiều, thân bất an là đau bệnh nhiều. Đạo lý này chúng ta thật sự hiểu rõ rồi, chúng ta thực sự tin tưởng, không hoài nghi nữa, chúng ta y theo phương pháp này để tu, vậy là chúng ta có lợi ích lớn. Điều này chúng ta không thể không biết.

Đoạn này nói, nói thật hay, sau khi sát na tương ưng, “cứu cánh tâm nguyên, khế nhập lý nhất tâm”, đây là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, mục đích ở tại nơi đây. Tâm khai rồi. “Đạt” là liễu đạt, liễu là hiểu rõ, đạt là thông đạt. Dưới đây “minh” là hiểu rõ. Như Tín Tâm Minh nói: “động nhiên minh bạch”. “Triệt” là thấu triệt, cũng chỉ cho triệt ngộ. Sở ngộ là gì? Chỉ là “tướng tự nhiên trong tự nhiên”, ý nghĩa này sâu sắc. Tướng tự nhiên trong tự nhiên ở đâu? Ở ngay đây. A la hán thấy được, Bồ Tát thấy được, Phật thấy được. Phàm phu chúng ta không thấy. Vì sao phàm phu không nhìn thấy? Phàm phu nếu có thể buông bỏ khởi tâm động niệm, vọng tưởng chấp trước liền thấy được. Thấy được điều gì? Thấy được vẫn là như vậy. Quí vị thấy được là cảnh giới sáu trần mà sáu căn tiếp xúc đến. Toàn là tướng tự nhiên trong tự nhiên. Vì sao vậy? Vì không có chút tạo tác nào.

 Chúng ta quan sát một cái trứng gà. Điều này mọi người đều rõ ràng. Vì sao nó có thể ấp trở thành gà con? Gõ vỡ trứng gà bên trong là lòng trắng và lòng đỏ. Tìm không ra thứ gì khác.Vì sao ấp ra lại là gà con, có mắt tai mũi lưỡi thân, trong đó có lục phủ ngũ tạng? Làm sao để biến hiện ra được? Khoa học cũng làm không được, tướng tự nhiên trong tự nhiên, quí vị không phân biệt, không chấp trước, không khởi tâm, không động niệm. Hiện tượng trong đó, thể- tướng- dụng, quí vị hoàn toàn thông đạt hiểu rõ. Còn có cái vi tế không thể nghĩ bàn hơn, một hạt bụi trần, đoạn trước trong kinh chúng ta đã đọc qua. Trần mao, trần là hiện tượng vật chất. Vật chất nhỏ nhất là vi trần. Mao là gì? Là đầu lỗ chân lông của chúng ta, đầu nhọn của sợi lông. Đây là nói sự nhỏ nhất của chánh báo, dùng đầu chân lông để làm ví dụ, trong y báo dùng vi trần để ví dụ, đoạn trước chúng ta đều đã đọc qua. Cổ đức nói điểm nhỏ của mao trần. Lông rất nhỏ, bụi cũng rất nhỏ, nó là rất nhiều rất nhiều điểm nhỏ tụ tập thành. Điểm nhỏ đương nhiên nhỏ hơn cả vi trần.

Hoàng Niệm Lão nói trong chú giải, khoa học cận đại, nhà vật lý phát hiện ra trung vi tử, đại khái chính là vi trong cực vi mà trong Phật pháp nói, không có cách gì tìm được thứ nhỏ hơn, phát hiện trung vi tử. Lớn bao nhiêu? Họ dùng một điện tử làm ví dụ. Điện tử rất nhỏ, nhục nhãn nhìn không thấy. Điện tử xoay quanh hạt nguyên tử, thể tích trung vi tử chỉ nhỏ bằng một phần trăm ức điện tử. Một thứ nhỏ như vậy, trong đó đầy đủ năm uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Chúng ta nghe lời này rồi mới nhớ lại trong Tâm Kinh thường đọc: “Quán Tự Tại Bồ Tát quán chiếu ngũ uẩn đều không”, có lẽ là chỉ điều này, chúng ta đều không nghĩ đến. “Độ tất cả khổ ách”, nếu như quí vị nhìn thấy chân tướng sự thật này, tất cả vọng niệm đều buông xuống, khổ ách chẳng phải sẽ không còn nữa sao? Khổ ách từ đâu mà có? Vọng niệm bất thiện sanh ra, không phải người khác cho quí vị. Bất cứ người nào cũng không có cách gì cho quí vị, đều là bản thân quí vị sinh ra. Đạo lý này nên hiểu, chúng ta sẽ không oán trời trách đất, tức không tạo tội nghiệp này, sẽ không oán trách người khác. Chỉ cần bản thân học ở trong cảnh giới, không khởi tâm, không động niệm, thật tu hành, thật công phu!

Tướng tự nhiên trong tự nhiên, ở đây Niệm Lão còn nêu một công án trong Kinh Lăng Nghiêm. “Như kinh Thủ Lăng Nghiêm người điên quên mất đầu của mình, lang thang tìm kiếm, là không tự nhiên. Một khi người điên nghỉ, nghỉ tức bồ đề, đầu mình vẫn đó, tự nhiên biết bao”. Đây chính là tướng tự nhiên trong tự nhiên. Ví dụ này rất hay. Mẫu chuyện này trong kinh Lăng Nghiêm. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói, đây là nói cho Tôn giả Phú Lâu Na, trả lời câu hỏi của Tôn giả Phú Lâu Na, nêu câu hỏi. Trong câu trả lời dẫn chứng ví dụ này. Phú Lâu Na hỏi rất hay: vô thỉ vô minh khởi lên từ lúc nào? Vì sao chúng ta vẫn còn vô thỉ vô minh? Tự tánh vốn là thanh tịnh, vì sao lại khởi vô thỉ vô minh? Cho nên trong kinh Phật vô minh lại thêm hai chữ vô thỉ, vô thỉ là thứ gì? Không có bắt đầu. Không có bắt đầu nghĩa là gì? Là giả, không phải thật. Thật có bắt đầu, có kết thúc liền trở thành thật, có đầu có cuối. Không có bắt đầu. Cho nên nêu công án Diễn Nhã Đạt Đa mê rồi nhận ảnh để chứng minh. Diễn Nhã Đạt Đa ông ta mê rồi, không thấy đầu nữa, đi khắp nơi hỏi người khác: đầu tôi đâu rồi? Ví dụ này chúng ta đổi một ví dụ khác, chư vị sẽ dễ hiểu hơn. Lúc chúng tôi còn nhỏ, chính là thời kỳ kháng chiến với người Nhật bản, lúc đó chúng tôi học tiểu học, thời kỳ kháng chiến, tiểu học lớp năm lớp sáu, lớp cao hơn là có môn học quân sự, điều này bình thường chắc chắn không có. Lớp năm lớp sáu tiếp nhận môn quân sự, trong trường học mặc đồng phục phải đội mũ, lúc lên lớp đến sân thể dục trước, có thầy hướng dẫn, thầy hướng dẫn lúc đó đều là quân nhân cấp thấp đảm nhiệm. Phần nhiều là trung đội trưởng đến làm người huấn luyện chúng tôi. Bảo chúng tôi khẩn cấp tập hợp thời gian trong ba phút, còi vừa thổi, ba phút trang phục chỉnh tề, tập hợp ở đại thao trường, đội ngũ xếp xong, liền xuất hiện hiện tượng quên đầu nhận bóng, có bạn học trên người mặc rất chỉnh tề, mũ cũng đội trên đầu rồi, chạy khắp nơi hỏi bạn học: bạn có thấy mũ của tôi ở đâu không? Hốt hoảng chạy tìm mũ. Người khác chỉ trên đầu anh ta, mũ của bạn không phải đang đội trên đầu sao? Vừa rờ lên đầu quả nhiên như vậy, đây gọi là tướng tự nhiên trong tự nhiên. Quí vị nói xem sự mê này có bắt đầu không? Là có nguyên nhân sao? Không có. Nếu như chúng ta nói có thể do anh ta lo lắng quá nên xuất hiện hiện tượng này. Trong tình trạng tập trung khẩn cấp thường có hiện tượng này, thường thấy vậy. Phật nêu ví dụ này, người mê quên mất đầu của mình, điên cuồng chạy tìm, là không tự nhiên, đội mũ còn tìm mũ, khắp nơi hỏi người khác có nhìn thấy mũ tôi không? Người ta chỉ trên đầu quí vị, đang đội trên đầu, cho nên “một khi hết cuồng”, bỗng chốc biết rõ mũ đang đội trên đầu.

Tỉnh tức bồ đề, đầu vẫn ở đó, tự nhiên biết bao. Tỉnh tức bồ đề cũng giống như Thế Tôn nói trong kinh Pháp Hoa: “dừng, dừng không cần nói”, buông xuống là nó, không cần nói. Những điều quí vị muốn nói, điều muốn nói buông xuống là được rồi, quí vị còn nói gì. Trong Thiền Tông có hai câu nói: “mở miệng liền sai, động niệm liền trái”, chính là ý nghĩa này. Quí vị mở miệng động niệm là điên cuồng tìm kiếm, liền không tự nhiên, Vì sao vậy? Vì niệm niệm quí vị mong cầu nó liền ngay hiện tại, ngay trước mắt. Chỉ cần quí vị buông bỏ khởi tâm động niệm, chính là nó rồi, tự nhiên biết bao. Thói xấu hiện tại của chúng ta là ở đâu? Chính nơi khởi tâm động niệm muốn đi tìm kiếm, muốn để có được. Mũ đội trên đầu nhưng không biết, muốn đi tìm, muốn nhanh chóng đội lên, không hiểu rằng nó vốn đã ở trên đầu rồi. Quí vị muốn cầu trí tuệ, quí vị buông bỏ, trí tuệ liền hiện tiền. Quí vị muốn cầu phước báo, quí vị buông bỏ phước báo liền hiện tiền. Quí vị muốn tu đức năng, buông bỏ đức năng vốn đã có, không cần tìm cầu.

Lục Tổ Huệ Năng đại sư đã thị hiện cho chúng ta một cách đặc sắc, ai ai cũng cầu, nhưng cầu không được, Ngài thứ gì cũng không cầu, tất cả đều thành tựu. Ngũ Tổ liền chọn Ngài. Vì sao vậy? Vì Ngài đã tỉnh ngộ. Người khác thì sao, người khác chưa tỉnh ngộ, còn chạy kiếm lung tung khắp nơi, đào kiếm lung tung, mà không biết vốn dĩ đã có. Điều này thật kỳ diệu! Cho nên nói “tự nhiên biết bao”. Câu này nói rất hay, năng sở không hai. Tất cả đều đã hiện tiền rồi.

“Hựu như cổ đức ngộ thời viết”, lúc đã khai ngộ, khai ngộ họ nói điều gì? Sư cô vốn là người nữ làm, sư cô là Tỳ kheo ni, quí vị tự nhiên như vậy.

Lại như đã biết đèn là lửa, cơm chín đã lâu rồi. Đây đều là những lời nói của Thiền tông khi khai ngộ. Đèn và lửa là một không phải hai. Cơm chín là gì? Chính là giác ngộ. Quí vị vốn đã giác ngộ rồi, không phải hiện tại mới giác ngộ. Vì sao vậy? Vì căn bản là không có mê ngộ. Mê chính là quên đầu nhận bóng. Diễn Nhã Đạt Đa quên đầu nhận bóng. Cho nên thực sự vốn là như vậy. Tất cả pháp vốn là như vậy. Tỳ Kheo Ni là người nữ, đèn tức là lửa, đều là tướng tự nhiên trong tự nhiên. Tự nhiên là tánh, là tự nhiên số một trong tự nhiên là tánh. Tự nhiên thứ hai là tướng, tánh tướng là một không phải hai. Chân như tự tánh ở đâu? Chính nơi sự tướng. Trên sự tướng nào? Trên tất cả sự tướng đều là như vậy. Không có một sự tướng nào là không phải. Huệ Năng đại sư nói: “đâu ngờ tự tánh năng sanh vạn pháp”, mỗi một pháp trong vạn pháp đều như vậy. Quí vị còn tìm gì! Tự tánh ở đâu? Tự tánh trong thân ta. Tự tánh ngay ở trên bàn, tự tánh ngay trong căn phòng này, không có pháp nào không phải. Đem người này cắt thành từng mảnh, tự tánh ở đâu? Trong mỗi thớ thịt, mỗi mỗi đều là, mỗi tế bào đều là, mỗi nguyên tử đều là, mỗi tiểu vi tử đều là. Tiểu vi tử này thật là không thể nghĩ bàn. Thể tích của nó là một phần trăm ức của điện tử, không phải là một phần trăm vạn, một trăm ức trung vi tử tổ thành một điện tử. Trung vi tử này đầy đủ sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Sắc đó chính là hiện tượng vật chất. Hiện tượng vật chất từ đâu mà có? Thọ, tưởng, hành, thức biến hiện mà ra. Không có thọ, tưởng, hành, thức thì không có hiện tượng vật chất. Như Lai hỏi Di Lặc Bồ Tát hỏi rất hay: “tâm hữu sở niệm”, trong niệm này, có mấy niệm, mấy tướng, mấy thức? Trả lời của Di Lặc Bồ Tát, một khảy móng có tay ba mươi ức trăm ngàn niệm, “niệm niệm thành hình”, hình chính là sắc, chính là hiện tượng vật chất. “Hình đều có thức”, thức chính là hiện tượng của ý niệm, chính là thọ, tưởng, hành, thức. Cho nên chúng ta nhất định phải biết. Khắp pháp giới hư không giới, muôn sự muôn vật đều là mỗi mỗi có cơ thể, tức là sống, nó không phải là đã chết.

 Tất cả hiện tượng vật chất đều biết nhìn đều biết nghe, đều hiểu được ý nghĩ của con người, đều theo ý niệm con người mà sinh ra biến hóa. Điều này trong Hoàn Nguyên Quán nói rất rõ ràng. Hoàn Nguyên Quán nói bản thể, trong triết học nói bản thể, không nói rõ như nó vậy. Một tự tánh thanh tịnh viên minh thể, đây là bản thể, nó khởi nhị dụng. Nhị dụng là gì? Một cái biến hiện ra vũ trụ, thứ hai biến ra bản thân. Bản thân và vũ trụ đồng thời xuất hiện, giống như nằm mơ vậy, quí vị có nhớ hay không, lần nào nằm mơ không có bản thân quí vị? Quí vị nghĩ xem, có khi nào nằm mơ không có bản thân mình? chắc chắn có bản thân. Bản thân là chánh báo, môi trường trong mộng là y báo. Phật nói với chúng ta chánh báo có trước, y báo có sau. Tức là khi nằm mơ có bản thân trước, sau đó mới có cảnh mộng. Nhưng nó nhanh quá, dường như đồng thời xuất hiện. Kỳ thực vẫn có trước sau. Trong mộng đích thực quí vị nên biết lúc nằm mộng, cảnh giới ngoài mộng thì tùy theo ý nghĩ của quí vị mà chuyển, chuyển rất nhanh. Hiện tượng này lúc đang thôi miên, quí vị sẽ dễ dàng nhận ra. Lúc thôi miên quí vị tỉnh táo. Anh nhìn thấy có núi không? Trong chốc lát: tôi nhìn thấy rồi, tôi nhìn thấy rồi. nó liền chuyển rồi, ý niệm đang chuyển! Anh có nhìn thấy Bồ Tát không? Tôi nhìn thấy rồi. Quí vị không nhắc nhở họ, họ nói họ không biết. Vừa nhắc đến họ liền có ý niệm, ý niệm này lập tức liền hiện tướng. Chứng tỏ cảnh tùy tâm chuyển. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, bản thân chúng ta có thể khống chế bản thân. Đầu tiên khống chế thân tâm bản thân lành mạnh, thanh tịnh an lạc, điều này có thể làm được. Đây là sự hưởng thụ cao nhất của đời người. Khống chế bản thân rồi, trong lúc vô ý, bản thân của quí vị tự nhiên như vậy, đây chính là tướng tự nhiên trong tự nhiên. Môi trường chúng ta cư trú này khống chế được rồi, khống chế điều gì? Nơi này không có thiên tai. Cho dù có thiên tai, nơi của chúng ta thiên tai không nghiêm trọng lắm. Ví dụ như động đất, tâm của quí vị là định, nhà người khác lúc động đất, tường vách đều đổ xuống, ly thủy tinh trên bàn đều rớt xuống đất, quí vị cũng cảm nhận được động đất như vậy, nhưng đồ nhà quí vị không động đậy. Đồ đạc để trên bàn không xê dịch, quí vị cảm giác có động đất, nhưng trong nhà quí vị hình như rất bình an, không xảy ra vấn đề gì. Đó là gì? Khu vực quí vị ở bất động. Nếu như công phu của quí vị lớn, nếu công phu tu tập của quí vị đắc lực, nơi cư trú của quí vị phạm vi một dặm hai dặm không có đại nạn. Công phu cao hơn nữa, nơi mình ở phạm vi mười dặm, một trăm dặm không bị thiên tai, hoàn toàn nhờ vào định lực của quí vị, nhờ vào công phu của quí vị. Người thực sự có công phu, có đại phước đức, nơi họ cư trú sẽ không có thiên tai. Đạo lý chính là cảnh tùy tâm chuyển, tâm quí vị là thanh tịnh, tâm quí vị là định. Cho nên quả báo quí vị đạt được là an, là lạc. An lạc là quả, tịnh định là nhân. Sau đó quí vị sẽ thực sự hiểu rõ muôn sự muôn vật, không có gì không phải là tướng tự nhiên trong tự nhiên vậy.

Dưới đây vẫn là lời của thiền tông, “lại như người chưa ngộ”, là phàm phu, “thấy núi là núi, thấy sông là sông”, đây là phàm phu. Người giác ngộ thì sao? Người giác ngộ thấy núi không phải núi, thấy sông không phải sông, núi cũng là huyễn tướng, sông cũng là huyễn tướng, đúng như nhà khoa học nhìn núi là gì? Không có gì không phải là những nguyên tử, điện tử. Họ thấy những thứ này. Thấy sông là gì? Thấy sông cũng là những thứ này. Tùy theo tâm niệm của họ, họ nhìn cảnh giới bên ngoài liền khác.

Người triệt để giác ngộ, núi vẫn là núi, sông vẫn là sông. Vì sao vậy? Vì hằng thuận chúng sanh. Quí vị nói là núi, được, thì coi như là núi vậy; quí vị nói là sông, được, thì là sông vậy. Không cần phải đi tranh cãi, tranh cãi không có ý nghĩa gì. Mỗi người nói đều không sai. Quí vị đứng trên gốc độ nào để nhìn, quí vị đứng trên cấp độ nào để nhìn, đương nhiên là khác nhau rồi. Người triệt để giác ngộ hiểu được, điều quí vị thấy là một mặt, không phải là mọi mặt đều thấy. Giống như người mù sờ voi vậy, rờ đến chân nói voi giống thứ gì? Giống cây cột. Rờ đến lỗ tai nói voi giống cái gì? Voi giống cái gàu. Rờ đến đuôi thì nói voi giống cái gì? Voi giống cây chổi. Nói đều không sai. Không nhìn thấy toàn con voi, họ chỉ rờ tới một bộ phận, quí vị không thể nói họ sai, cũng không thể nói họ đúng. Đây là người triệt ngộ. Thiền sư Cao Phong nói:

“Nguyên lai chỉ thị cựu thời nhân

Bất cải cựu thời hành lí xứ”.

Ý nghĩa này Niệm Lão nói: “chỉ là như cũ, tự nhiên biết bao”. Lời này không phải người thực sự triệt ngộ sẽ không nói ra được. “Cựu thời nhân” là ai? Là chân như tự tánh, năng hiện năng biến xưa nay chưa từng thay đổi. Muôn sự muôn vật là do nó sanh ra hiện ra. Sanh ra hiện ra chỉ là huyễn tướng, sát na không dừng, không nên cho rằng nó thật có, không phải! Thật có là tự tánh, vĩnh hằng bất biến, vĩnh hằng bất nhiễm, là chân tâm của chúng ta, là tự tánh của chúng ta. Thân tâm chúng ta là nó biến hiện ra. Núi sông đất đai là nó biến hiện ra. Tất cả chúng sanh là nó biến hiện ra. Chúng ta cho rằng đây là bản thân. Nếu như quí vị cho rằng năng biến là bản thân mình, thì tất cả hiện tượng đều là cựu thời nhân của bản thân.

“Cựu thời hành lí xứ” là gì? chính là tự tánh hiện tướng tác dụng, không mảy may thay đổi. Ngày nay chúng ta thấy được có trước sau, có quá khứ, có vị lai, có mười phương, có xa gần. Sau khi thực sự giác ngộ, thời gian không gian đều không còn nữa. Thời gian không còn, quá khứ hiện tại vị lai đều không tồn tại. Đó chính là “bất cải cựu thời hành lí xứ”, cùng một thời gian không gian.

“Chỉ là như cũ”, câu này nói rất hay. Chỉ cần như cũ quí vị sẽ không khởi tâm động niệm, như cũ là gì? Chắc chắn là chân tánh. Chân tánh đang khởi dụng, trong khởi dụng có giác có mê. Giác là pháp giới Phật, mê là mười pháp giới khác. Người thực sự thông đạt hiểu rõ nói với chúng ta, mê ngộ không hai, mê ngộ nhất thể. Đây là viên mãn trở về tự tánh, chính là Thường Tịch Quang tịnh độ ở thế giới tây phương cực lạc.

Thêm nữa, tướng tự nhiên tức thật tướng bản nhiên của tự tánh. Dưới đây nêu ra ví dụ, núi sông, nam nữ, ngày nay, ngày xưa, ngày xưa là quá khứ... mỗi mỗi đều là sở ấn của thật tướng chánh ấn. Đó là gì? Toàn là thật tướng. Không có phân biệt, không có chấp trước. “Đương tướng tức đạo”, chữ đạo này đổi thành một chữ khác mọi người sẽ rất dễ hiểu, “đương tướng tức tánh”. Tánh tướng nhất như, tánh tướng bất nhị. Chữ đạo này là tánh.

“Tức sự nhi chân”, chữ chân này cũng là nói về tánh, cùng một ý nghĩa. Tức sự chính là tánh. Đây là thực sự minh tâm kiến tánh rồi. Mỗi mỗi đều là thanh tịnh bản nhiên, mỗi mỗi đều là tướng tự nhiên trong tự nhiên vậy. Đây là quí vị dùng tâm thanh tịnh bình đẳng, nhìn thấy vũ trụ thanh tịnh bình đẳng, nhìn thấy pháp giới thanh tịnh bình đẳng. Trong pháp giới này không có Phật, không có chúng sanh. Vì sao vậy? Phật, chúng sanh đều là giả danh, đều là chúng ta đạt cho nó một danh từ thôi, nó vốn không có tên. Thật giống như Lão Tử nói: “danh khả danh phi thường danh, đạo khả đạo phi thường đạo”, đây là thật, không phải là giả. Đây là cảnh giới thực sự không thể nghĩ bàn, y mới gọi là nhất chân pháp giới. Nhất chân pháp giới ở đâu? Khắp pháp giới hư không giới chính là nhất chân pháp giới. Sau khi chúng ta mê, khởi lên phân biệt chấp trước, phân biệt nó thành nhiều như vậy. Ví dụ như trái đất, trái đất chỉ là một trái đất, rồi phân thành nước này, châu nọ, không phải đều là những việc con người làm ra sao! Chia thì chia đi, chia rồi còn đánh nhau. Không có đường biên giới nữa, không phải là không còn đánh nhau nữa sao? Chỉ có có biên giới mới đánh nhau. Toàn đều là con người tự làm tự chịu. Không chia chính là tướng tự nhiên trong tự nhiên. Vừa chia liền không tự nhiên nữa, bệnh hoạn liền xuất hiện. Người và người nếu như không phân chia, vậy là đều tương thân tương ái. Cũng giống như cha mẹ anh em chị em vậy, viên mãn biết bao. Vừa phân chia thì phiền phức lớn. Vừa chia đã có đối lập, liền nảy sanh xung đột, xảy ra mâu thuẫn, xảy ra đấu tranh. Vậy là hoàn toàn không tự nhiên. Cho nên tự nhiên là tốt đẹp nhất, tự nhiên là lành mạnh nhất. Chỉ cần quí vị chịu thuận theo tự nhiên, thuận theo tự nhiên chính là thuận theo đại đạo mà đi. Ai chịu thuận tự nhiên? Nói với quí vị rằng: người giác ngộ thuận tự nhiên. Càng giác ngộ càng thuận theo tự nhiên. Chư Phật Bồ Tát tùy thuận tự nhiên, cho nên chư Phật Bồ Tát có thể hằng thuận chúng sanh, tùy hỉ công đức. Chư Phật Bồ Tát tuyệt đối không đối lập với một người nào. Không có. Sẽ không đối lập với người nào, sẽ không đối lập với việc nào, cũng không đối lập với vật nào. Họ hoàn toàn là viên dung. Tâm họ vĩnh viễn là tịnh định. Cho nên họ vĩnh viễn an lạc. Phật như vậy, tất cả chúng sanh chẳng ai không như vậy. Phật nói với chúng ta lời chân thật! Cho nên bản thân phải tự ái, không nên ngược đãi bản thân. Không tự nhiên tức là không tự ái. Không tự nhiên tức là ngược đãi bản thân. Vì vậy chữ tự nhiên này quan trọng biết bao. Phật Pháp đại thừa không có gì khác, không phải là học tự nhiên sao? Trong đoạn kinh văn này xuất hiện tám chữ “tự nhiên”.

Dưới đây giải thích cho chúng ta “căn bản”. Căn bản là bản thể, là căn bản tự thể của tất cả các pháp. Chính là bản thể luận mà triết học hiện đại nói đến. Nhà triết học đang tìm bản thể của vạn pháp trong vũ trụ. Tìm nhiều năm như vậy, tìm nhiều thời đại như vậy, đến ngày nay vẫn chưa có kết luận. Có rất nhiều cách nói nhưng không có cách nói nào có thể khiến đại chúng tâm phục khẩu phục. Không có, không có cách nào cả. Nói ra hình như có một chút lí lẽ, nhưng nghe rồi đều không phục. Thật tình mà nói đem bản thể nói cho rõ ràng cho minh bạch, thực sự chỉ có giáo lý đại thừa. Ngay cả khoa học và triết học ngày nay cũng nói không rõ, nhưng chúng ta rất khâm phục họ, đã dần dần có thể tiếp cận được, càng ngày càng tiếp cận hơn, ngày nay nhà khoa học có thể phát hiện A lại ya mà Phật nói. Thức A lại ya từ chân mà khởi vọng, cũng tức là chúng ta nói chân tâm, vọng tâm. Khoa học tìm ra vọng tâm rồi, nhưng vọng tâm từ đâu mà có, tức là bản thể của vọng tâm chưa tìm ra được. Họ chỉ nói vọng tâm này là từ không sanh có. Chính là ý niệm, họ nói là ý niệm. Phật pháp nói càng rõ ràng hơn, thọ, tưởng, hành, thức. Phật Pháp nói bốn chữ. Họ chỉ nói hành và thức, nói ý niệm. Thứ này đích thực từ trong tự tánh mà ra. Tự tánh là không. Nhưng tự tánh không phải là không có. Bởi vì nó năng sanh, nó năng hiện, nó không phải là không có. Nhưng tự tánh không tịch, tự tánh đích thực không có tất cả hiện tượng, cho nên nói nó không có, nói nó có cũng không sai, đều có thể nói thông được, nó đích thực có hiện tượng như vậy. Nó cái gì cũng không có, nói nó là không, không thể nói nó không có. Quí vị nói nó không có lại không thể nói nó là không. Kỳ diệu! Vì thế phải cẩn thận mà thể hội nó. Nó là bản thể của tất cả các pháp. Nói cách khác tất cả pháp là từ nó mà sanh ra.

Đại Nhật Kinh viết: “một thân và hai thân, cho đến vô lượng thân, đồng nhập bản thể”. Lời này nói rất hay. Bản thể là chân thân của chúng ta, là chân ngã của chúng ta. Thân này là giả ngã, không phải là chân ngã. Đây là chân ngã. Một thân hai thân, một thân là ta, hai thân là người, có ta có người, cho đến vô lượng thân, thân tức là hình thể. Người có hình thể gọi là thân người. Súc sanh, chó có thân chó, gọi nó là thân chó. Chim chóc, chúng ta nhìn thấy thân chim. Kiến muỗi chúng cũng có thân. Cây cối hoa cỏ nó cũng có thân, núi sông đất đai nó cũng có thân, chỉ cần nó có hình thể tức là thân. Chúng ta có thể nhìn thấy, có thể rờ được, đây là thân. Đồng nhập bản thể, đều là bản thể sanh ra. Đây chính là nghĩa của căn bản.

Lại bổn là bổn tâm, tức tự tâm của bản nguyên. Lại bổn tánh, nên có tánh đức. Lại có chữ căn bản, chí quan thiết yếu. Đây là gì? Vốn có. Như người điên vốn có đầu của mình, chắc chắn là có, không phải từ bên ngoài mà có. Đây chính là nói bản thể vốn có, vạn sự vạn pháp nó có căn bản, căn bản này chính là tự tánh. Cũng gọi là pháp tánh, cũng gọi là chân tâm, cũng gọi là bản tánh. Đối với sự việc này Phật dùng mười mấy danh từ, đều là sự việc này. Một sự việc vì sao nói nhiều danh tướng như vậy? Đây là phương tiện thiện xảo trong dạy học của Thế Tôn. Nói với quí vị không nên chấp trước tướng danh tự, tướng danh tự là giả. Quí vị từ trong danh tự ngộ nhập chân thật, vậy là đúng rồi. Không cho quí vị chấp trước tướng danh tự, không cho quí vị chấp trước tướng ngôn thuyết, ngôn thuyết là giả vậy. Tất cả hiện tượng đều là giả. Quí vị phải từ trong giả để ngộ nhập chân thật. Trong tất cả giả tướng có chân thật. Trong tất cả sự giả cũng có chân thật, kỳ diệu. Quí vị nhìn thấy chân thật rồi liền thấy tánh không chấp tướng. Không chấp tướng quí vị liền thấy tánh. Chấp tướng thì không thấy được tánh. Chấp tướng sanh phiền não, thấy tánh sanh trí tuệ. Chấp tướng quí vị liền chịu khổ. Kiến tánh quí vị liền an vui, tịnh định an lạc! Cho nên đáng quí nhất là quí vị ở trong tướng thấy được tánh. Cổ nhân có ví dụ, cho rằng dùng vàng làm vật, vật vật đều là vàng. Dùng vàng ví dụ cho bản thể, ví dụ cho tánh; vật là tướng, vật làm nhiều kiểu nhiều dáng khác nhau.

Ngày xưa chúng tôi ở Mỹ, trong nhóm đồng tu có một vị là cư sĩ Trần, cư sĩ Trần Đại Xuyên, ông ta buôn bán đá quý, không phải là thật, châu báu giả, mạ vàng, nó là vàng thật, mạ vàng. Có một lần ông dẫn chúng tôi đi tham quan công xưởng của ông, hình như hiện nay công xưởng ở Hàng Châu Tiêu Sơn, quy mô rất lớn, tiêu thụ trên toàn thế giới. Tôi thấy dường như cũng đã hai mươi năm trước, tham quan những đồ trang sức trong phòng trưng bày, mỗi thứ là một kiểu, không có tương đồng, có khoảng mười đến hai mươi ngàn kiểu. Vừa nhìn thấy thật là đầy phòng phóng quang. Ánh vàng lấp lánh, rực rỡ muôn màu, vô cùng đẹp đẽ, tôi cảm giác còn đẹp hơn là hàng thật. Những thứ này lượng tiêu thụ rất lớn. Vì sao vậy? Mất thì thôi, nó không đáng bao nhiêu tiền. Một đôi khuyên tai, vòng tay, dây chuyền, mười mấy đồng thôi, cho nên mất thì thôi không đau lòng. Đeo lên thì đẹp thật, quí vị không biết đó là giả. Cho nên lượng hàng hóa đó tiêu thụ đối với toàn thế giới lợi ích rất lớn. Hôm đó những người theo tôi, cũng có đến hơn mười người đi theo tôi, tôi nói mọi người đến xem, chúng ta ngày ngày nói ví dụ, “dùng vàng làm vật, vật vật đều vàng”, hôm nay mọi người đều thấy rồi. Quí vị từ trên vật nhìn thấy vàng tức là thấy tánh. Cái phòng này nhiều đồ như vậy, có những gì? Chỉ có một thứ là vàng. Ngoài vàng ra không có gì nữa cả. Quí vị nhìn thấy tánh rồi. Nếu như quí vị nhìn đây là một đôi khuyên tai, đây là vòng tay, đây là dây chuyền, vàng ở đâu không biết, ở đây không có vàng. Thấy tướng thì không thấy tánh. Chúng ta ngày nay mê rồi, cho nên gọi là mê thất tự tánh. Không biết tánh ở đâu, tánh ngay ở trong tướng. Cho nên người minh tâm kiến tánh, Lão hòa thượng hỏi anh ta: ở đâu? Dáng vẻ như thế nào? Tùy tiện nhặt một cái vẽ một cái, tất cả đều là nó, có cái gì là không phải! Lão hòa thượng gật đầu liền ấn chứng cho họ. Người này minh tâm kiến tánh rồi. Họ thật kiến tánh rồi. Người sau khi thật sự kiến tánh đã khác rồi, Vì sao vậy? Trong tất cả các pháp sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần, không khởi tâm không động niệm, nếu như vẫn còn khởi tâm động niệm, thì chưa thấy được. Vì sao vậy? Vì họ chấp tướng. Chấp tướng mới sanh phiền não. Chấp tướng mới có phân biệt chấp trước. Người kiến tánh không thể có phiền não chấp trước. Không những không có phân biệt chấp trước, vừa rồi nói, căn bản là không khởi tâm, không động niệm, tâm của họ là định, thực sự là tịnh định. Hình thái của họ là an lạc. Quí vị có thể nhìn thấy tịnh định an lạc của họ, kiến tánh mới có. Mê thất tự tánh, chắc chắn không có. Mê thất tự tánh, mê thất nhiều quá, người hiện đại, gọi là tâm tình nóng nảy. Một mình ngồi đó cũng sanh phiền não. Vậy thì có cách gì? Một người ngồi đó họ phiền não chuyện gì? Họ ngồi vọng tưởng, càng nghĩ càng giận, càng nghĩ càng không cho qua được. Họ tự sanh phiền não, đây gọi là mê quá nặng. Dùng phương pháp nào để giúp họ phá mê? Phật Bồ Tát từ bi, giảng kinh thuyết pháp, cho nên người mê quá nặng, phương pháp tốt nhất là ngày ngày nghe kinh, nghe được ba năm năm năm, tự nhiên phiền não họ nhẹ bớt, trí tuệ tăng trưởng. Nghe tám năm mười năm, họ đắc tam muội rồi. Không cần nghe các loại kinh khác nhau, vì hiệu quả không lớn. Vì sao vậy? Ý nghĩa trong mỗi bộ kinh giảng không giống nhau. Muốn nghe thì nghe một bộ. Giống như cư sĩ Lưu Tố Vân vậy, mười năm chỉ nghe một bộ Kinh Vô Lượng Thọ, bà đắc định rồi, bà khai ngộ rồi.

Bất cứ người nào, mười năm dùng hết công phu trên một bộ kinh, không có ai không khai ngộ, khai ngộ tốt, khai ngộ vãng sanh sanh vào cõi Thật báo. Đắc định vãng sanh sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư. Chưa khai ngộ, chưa đắc định, vãng sanh sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Tuy đến thế giới Cực Lạc đều được oai thần bổn nguyện của Phật A Di Đà gia trì, những đãi ngộ mà quí vị được hưởng, trí tuệ thần thông đạo lực, đều không khác Pháp thân Bồ Tát. Đó là Phật A Di Đà từ bi gia trì cho quí vị. Không phải là tự nhiên trong bản thân của quí vị mà sanh ra, không phải vậy. Phật A Di Đà cho quí vị, cũng có thọ dụng, không tự nhiên lắm. Nếu như chúng ta có thời gian mười năm, mười năm công phu, chúng ta đều có thể khế nhập tướng tự nhiên trong tự nhiên, chúng ta vãng sanh Thế giới Cực Lạc, là thượng phẩm thượng sanh, sanh vào cõi Thật báo trang nghiêm, vậy làm sao mà giống nhau! Thượng phẩm không đạt được “đắc pháp bậc thượng”, thượng không đạt được thì “chỉ đạt bậc trung” vẫn đạt được bậc trung. Trung chính là đắc định, được tâm thanh tịnh, cõi Phương Tiện Hữu Dư. Cõi Phương Tiện Hữu Dư là người đắc định. Cho nên căn bản này có căn bản, phải chắc chắn vậy. Đối với sự việc này không hoài nghi. Chúng ta có hay không? Có. Căn bản chính là bản nguyên tự tâm, chính là bản tánh, chính là tánh đức, cũng chính là pháp tánh.

Phật Thích Ca Mâu Ni nói với chúng ta: tất cả chúng sanh vốn là Phật. Phật đó chính là căn bản. Nên nhớ vốn là Phật, nên nhớ buông bỏ là đúng. Vì sao không chịu buông bỏ?

Tôi cảm ơn thầy giáo, giảng đường chúng ta, bức tường đối diện chỗ tôi ngồi trên đó treo ảnh thầy giáo tôi, mỗi ngày học tập đều nhìn thấy thầy, đều hướng về thầy hành lễ. Niệm niệm không quên lời giáo huấn của thầy- Đại sự Chương Gia. Chúng tôi gặp nhau ngày đầu tiên đã dạy tôi buông bỏ, đã dạy tôi nhìn thấu. Hóa ra buông bỏ là nhìn thấu. Vì sao quí vị không thể nhìn thấu? Nhìn thấu là trí tuệ. Vì sao không có trí tuệ? Quí vị chưa buông bỏ. Buông bỏ liền sanh trí tuệ. Nhìn thấu quí vị càng có thể buông bỏ. Tôi mới hiểu rằng chúng ta từ sơ phát tâm đến Như Lai địa, tu cái gì? Chỉ bốn chữ này, nhìn thấu giúp quí vị buông bỏ. Bây giờ chúng ta đang học tập kinh điển, giúp chúng ta nhìn thấu. Nhìn thấu rồi chúng ta liền buông bỏ. Buông bỏ lại giúp quí vị nhìn thấu, nhìn thấu lại giúp quí vị buông bỏ. Hai thứ này hỗ trợ lẫn nhau, từ sơ phát tâm đến Như Lai địa. Đại sư Chương Gia không có dấu diếm, lúc đó đã đem phương pháp này truyền lại cho tôi. Lúc đó tôi 26 tuổi, “nhìn thấu buông bỏ” này tôi đã thực hành 60 năm rồi. Cho nên những kinh này tôi đọc đều có thể đọc hiểu được, đọc được ý vị ở trong đó. Càng xem càng có ý vị, càng xem càng hoan hỉ. Một ngày không ăn cơm, không ngủ cũng không sao, một ngày không đọc kinh, ngày đó sống không ra sao cả. Vì thế những kinh văn này lúc quí vị đọc đọc không biết chán. Càng đọc càng hoan hỉ, pháp hỉ sung mãn. Tịnh định an lạc đều từ trong đây mà được. Đây là Phật Bồ Tát để lại cho chúng ta. Ân đức vô thượng không gì sánh, chúng ta phải biết cảm ơn. Cảm ơn thì phải học tự ái, thì phải học tự trọng. Bản thân phải tôn trọng bản thân, bản thân phải thương yêu bản thân. Bản thân phải tin tưởng bản thân có căn bản, có Phật tánh, có chân như, có bát nhã. Tôi thật có. Tôi chỉ cần buông những chướng ngại này xuống, nó đều xuất hiện hết. Làm sao tôi không vui được! Những thứ này hiện tiền rồi, bèn có cách giúp đỡ người khác. Phương pháp tốt nhất để giúp đỡ người khác chính là giảng kinh dạy học. Phật Thích Ca Mâu Ni năm xưa còn tại thế, giảng kinh 49 năm, không nghỉ ngơi ngày nào. Quí vị hỏi một ngày Ngài giảng bao nhiêu tiếng đồng hồ? Có thể nói từ sáng đến tối. Trừ mỗi ngày sáng sớm đi khất thực, ngoài thời gian đó ra đều giảng kinh. Khất thực là một tiết học. Tiết học gì? Biểu diễn. Làm cho đại chúng trong xã hội nhìn thấy, khiến đại chúng nhìn thấy những người này, những người này, thật có trí tuệ, thực sự hạnh phúc. Cái gì họ cũng không có, cuộc sống đơn giản như vậy, ba y một bát, ngày một bữa cơm, ngủ dưới gốc cây, an vui vô cùng! Vì vậy Thế Tôn thị hiện cho chúng ta điều gì? Thị hiện nhìn thấu buông bỏ. Biểu diễn điều này cho chúng ta thấy. Thực sự buông bỏ, thực sự nhìn thấu. Thực sự đạt được đại tự tại, vô lượng trí tuệ. Quí vị có chứng nghi nan đến thỉnh giáo Ngài. Xưa nay Ngài chưa từng gặp vấn đề gì mà không giải quyết được. Đây là trí tuệ. Bất luận là người nào, bất luận có khổ nạn gì, quí vị đi tìm Ngài, Ngài sẽ không từ chối. Đây là từ bi. Trí tuệ vô lượng, từ bi vô tận. Sau khi Phật diệt độ, kinh điển lưu chuyển cho hậu thế. Hậu thế thực sự y giáo phụng hành, thì như lúc Phật còn tại thế không có gì khác. Phật Bồ Tát cách chúng ta không xa, chúng ta có tâm thân cận, họ liền ngay trước mặt.

Hai câu ở đây “chắc chắn là có, không phải từ ngoài”, hai câu này vô cùng quan trọng.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

**HẾT TẬP 500**